

# CÔNG VỤ CÁC SỨ ĐỒ

**Warren W. Wiersbe**



## **1. ĐỨC TIN CỦA CÁC CƠ ĐỐC NHÂN ĐẦU TIÊN (Cong 1:1-26)**

Một nhà sản xuất nổi tiếng ở Hollywood có lần đã nói rằng: để một bộ phim được thành công, nó phải bắt đầu bằng một cơn chấn động và phát triển đến cao điểm. Lu-ca chắc chắn đã không theo công thức ấy khi ông viết sách Công vụ. Ngoài sự thăng thiên của Chúa Giê-xu, các sự kiện chép trong Cong 1:1-26 tuyệt nhiên không mang kịch tính. Xét cho cùng, điều gì gây lý thú quanh một buổi họp bàn công việc?

Vậy tại sao ghi lại những sự kiện này? Tại sao Lu-ca không bắt đầu ngay bằng câu chuyện lễ Ngũ Tuần? Vì nhiều lý do.

Trước hết, Lu-ca đang viết quyển hai của một công tác bắt đầu từ quyển chúng ta gọi là Phúc Âm Lu-ca (Lu 1:1-4) và ông đã mở đầu với lời chào và lời giới thiệu đặc biệt. Chúng ta không biết Thê-ô-phi-lơ là ai hoặc thậm chí ông có phải là một Cơ Đốc nhân hay không nhưng lời chào của Lu-ca cho thấy ông có thể là một quan chức La Mã quan trọng (Cong 23:26 24:3 26:25). Có thể Thê-ô-phi-lơ là một Cơ Đốc nhân hoặc ít ra cũng là một người tìm kiếm nghiên cứu cẩn thận niềm tin Cơ Đốc. Tên ông nghĩa là “bạn của Đức Chúa Trời” và chúng ta hy vọng ông sống đúng với tên của mình.

Nhưng quan trọng hơn, Lu-ca phải tạo một nhịp cầu giữa sách Phúc Âm của ông và sách Công vụ (Lu 24:50-43). Ở cuối sách phúc âm của mình, ông đã để các Cơ Đốc nhân trong đền thờ, ngợi khen Đức Chúa Trời. Giờ đây ông tiếp tục câu chuyện và giải thích điều xảy ra tiếp đó. Hãy tưởng tượng bạn sẽ bối rối ra sao trong việc đọc Kinh Thánh Tân Ước nếu bạn lật trang cuối cùng của Phúc Âm Giảng và khám phá ra thơ Rô-ma! Bạn sẽ tự hỏi “Hội Thánh đã đến Rô-ma ra sao?” Và câu trả lời được tìm thấy trong sách Công vụ.

Sách công vụ cũng là sự tường thuật về công việc của Thánh Linh trong và qua Hội Thánh. Phúc Âm Lu-ca ghi lại những điều Chúa Giê-xu “khởi sự thực hiện và dạy dỗ” trong thân thể con người của Ngài, còn sách Công vụ cho chúng ta biết những điều Chúa Giê-xu tiếp tục thực hiện và dạy dỗ qua thân thể thuộc linh của Ngài, là Hội Thánh. Ngay cả ngày nay, các hội chúng có thể học nhiều về đời sống và chức vụ của Hội Thánh từ sách này, và sách này còn bao gồm những buổi họp bàn công việc!

Trong chương này, chúng ta thấy các tín đồ đang giải quyết các ‘công việc dở dang’ và sẵn sàng cho lễ Ngũ Tuần. Điều họ đã nói và làm bày tỏ cho chúng ta đức tin của Hội Thánh. Họ thật sự tin nơi điều gì?

### **1. Họ tin nơi Đấng Christ sống lại (Cong 1:1-11)**

Sau khi phục sinh, Chúa Giê-xu vẫn ở trên đất 40 ngày và dạy dỗ các môn đệ Ngài. Ngài đã mở trí họ để hiểu sứ điệp Cựu Ước về chính Ngài (Lu 24:44-48), nhưng có những bài học khác họ cần phải học trước khi họ có thể dẫn thân vào chức vụ mới của mình. Chúa Giê-xu đã xuất hiện và biến mất suốt 40 ngày đó, và các tín đồ không hề biết khi nào Ngài có thể hiện ra. Đây là sự chuẩn bị tốt nhất cho Hội Thánh vì những ngày này sẽ đến khi Ngài không còn ở trên đất để chỉ dẫn họ cách riêng tư. Cơ Đốc nhân chúng ta hôm nay không bao giờ biết khi nào Chúa mình có thể tái lâm, vì vậy hoàn cảnh chúng ta phần nào cũng tương tự với hoàn cảnh của họ.

Chúa đã dạy họ nhiều bài học quan trọng suốt thời kỳ chức vụ đặc biệt đó.

- **Tính xác thực về sự phục sinh của Ngài** (Cong 1:3a). Một số tín đồ có lẽ đã có những nghi ngờ 40 ngày trước đó (Mac 16:9-14), nhưng giờ đây không thể có vấn đề nào được đặt ra về việc Chúa thực sự đã sống lại từ cõi chết. Để củng cố đức tin họ, Ngài đã cho họ “nhiều chứng cứ không thể sai lầm được” mà Lu-ca đã không giải thích. Chúng ta biết rằng khi Chúa Giê-xu gặp các môn đệ, Ngài mời họ sờ thân thể Ngài, và Ngài còn ăn trước mặt họ (Lu 24:38-43). Bất kỳ chứng cứ nào Ngài đưa ra chúng đều có sức thuyết phục.

Niềm tin nơi sự phục sinh của Ngài quan trọng đối với Hội Thánh vì quyền năng thuộc linh của họ tùy thuộc vào niềm tin ấy. Cũng vậy, sứ điệp của Phúc Âm có liên quan đến chân lý về sự phục sinh (ICo 15:1-8 Ro 10:9-10). Và nếu Chúa Giê-xu chết, Hội Thánh sẽ nín lặng. Lập trường chính thức của dân Do Thái là các môn đệ đã đánh cắp xác Chúa Giê-xu khỏi phần mộ (Mat 28:11-15), và các môn đệ phải có thể bẻ bác lập trường này khi họ làm chứng cho dân tộc.

Các tín đồ này đã được chọn làm những nhân chứng đặc biệt về sự phục sinh của Đấng Christ, và đó là điểm nhấn mạnh trong chức vụ của họ (Cong 1:22 2:32 3:15 5:30-32). Hầu hết người dân ở Giê-ru-sa-lem đều biết rằng Giê-xu ở Na-xa-rét đã bị đóng đinh, nhưng họ không biết rằng Ngài đã sống lại từ cõi chết. Bằng lời nói, cách ăn ở, và những công việc to lớn, các tín đồ đã cho thế giới biết rằng Chúa Giê-xu sống. Đây là “dấu hiệu của Giô-na” mà Chúa Giê-xu đã hứa cho dân tộc này (Mat 12:38-41). Sự chết, chôn và sự sống lại của Ngài.

- **Sự đến của Nước Ngài** (Cong 1:3b) Điều này chỉ về sự cai trị của Đức Chúa Trời trên những tấm lòng và đời sống của những người tin nhận Ngài (Mat 6:33 IGI 3:1-9 Ro 14:17). Khi bạn đọc 4 sách Phúc Âm, bạn khám phá rằng các sứ đồ đã có một chính kiến mạnh mẽ về Nước này và đặc biệt quan tâm về địa vị cùng những đặc quyền của riêng mình. Là những người Do Thái trung thành, họ mong mỏi sự thất bại của kẻ thù và việc thành lập cuối cùng Nước vinh hiển dưới sự cai trị của Vua Mê-si-a. Họ không nhận biết rằng trước hết phải có một sự đổi thay về thuộc linh trong lòng dân chúng (Lu 1:67-79).

Chúa Giê-xu đã không quở trách họ khi họ “luôn hỏi” về vương quốc Do Thái trong tương lai (1:7). Xét cho cùng, Ngài đã mở trí họ để hiểu Lời Kinh Thánh (Lu 24:44), vì vậy họ biết điều họ đang hỏi. Nhưng Đức Chúa Trời đã không bày tỏ thời gian biểu của Ngài cho chúng ta và thật vô ích để chúng ta suy đoán. Điều quan trọng không phải là hiểu kỳ về tương lai, nhưng bạn rộn trong hiện tại, chia xé sứ điệp về vương quốc thuộc linh của Đức Chúa Trời. Đây là sự nhấn mạnh khác trong sách Công vụ (Cong 8:12 14:22 20:25 28:23,31).

- **Quyền năng của Thánh Linh** (1:4-8). Giảng Báp-tít đã rao ra một phép báp-tem trong tương lai của Thánh Linh (Mat 3:11 Mac 1:8 Lu 3:16 Gi 1:33 Cong 11:16), và giờ đây lời tiên tri ấy phải ứng nghiệm. Chúa Giê-xu đã hứa về sự đến của Thánh Linh (Gi 14:16-18,26 15:26-27 16:7-15). Đó là một sự mặc lấy quyền năng dành cho các môn đệ hầu cho họ có thể hầu việc Chúa và hoàn thành ý muốn Ngài (Lu 24:49). Giảng đã nói về “Thánh Linh và lửa”, nhưng Chúa Giê-xu đã không nói gì về lửa. Tại sao? “phép báp-tem bằng lửa” có liên quan đến sự đoán phạt trong tương lai, khi dân tộc Y-sơ-ra-ên sẽ trải qua hoạn nạn (Mat 3:11-12). Sự xuất hiện của “những lưỡi lửa” tại lễ Ngũ Tuần (Cong 2:3) không thể được gọi là một “phép báp-tem”.

Cong 1:8 là câu gốc. Trước hết, nó giải thích rằng quyền năng Hội Thánh đến từ Đức Thánh Linh chứ không từ con người (Xa 4:6). Dân Đức Chúa Trời kinh nghiệm những sự đổ đầy của Thánh Linh được lập đi lập lại khi họ đối diện những cơ hội và những trở ngại mới (Cong 2:4 4:8,31 9:17 13:9). Những người bình thường đã có thể làm những việc khác thường vì Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động trong đời sống họ. Chức vụ của Thánh Linh không phải là một sự xa xỉ đó là một sự cần thiết tuyệt đối.

“Làm chứng” là một từ chính trong sách Công vụ và được sử dụng 29 lần như một động từ hoặc một danh từ. Chứng nhân là người kể lại những điều mình đã thấy và nghe (4:19-20). Khi bạn ở vị trí nhân chứng trong toà án, quan toà không quan tâm đến những ý niệm hay ý kiến của bạn ông ta chỉ muốn nghe những gì bạn biết. Từ tiếng Anh “martyr” (người tử đạo) đến từ Hy Lạp được dịch là “chứng nhân” và nhiều người của Đức Chúa Trời đã chứng thực sự làm chứng của họ bằng cách hy sinh mạng sống mình.

Ngày nay chúng ta nghe nhiều về việc “chinh phục linh hồn” và sự nhấn mạnh này là một sự nhấn mạnh ích lợi. Tuy nhiên, trong khi một số người của Đức Chúa Trời có một sự kêu gọi về việc rao giảng Phúc Âm (Eph 4:11) tất cả con dân Đức Chúa Trời đều được mong đợi làm chứng nhân và cho những người hư mất biết về Đấng Christ. Không phải mọi Cơ Đốc nhân đều có thể đem một tội nhân đến với đức tin và sự quyết định (mặc dù hầu hết chúng ta có thể làm tốt hơn), nhưng mọi Cơ Đốc nhân có thể làm chứng trung tín cho Đấng Christ. “kẻ làm chứng chân thật giải cứu linh hồn người ta” (Ch 14:25).

Cong 1:8 cũng cho chúng ta một đại cương chung về sách Công vụ, vì nó mô tả việc truyền bá Phúc Âm về mặt địa lý: Từ Giê-ru-sa-lem (Cong 1:1-7:60) đến xứ Giu-đê và xứ Sa-ma-ri (8:1-9:43) và rồi từ dân ngoại cho đến cùng trái đất (10:1-28:31). Như Tiến sĩ Oswald J. Smith đã thường nói: “Ánh sáng chiếu xa nhất sẽ chiếu sáng nhất ở nhà”.

- *Sự biết chắc về kỳ Chúa trở lại* (Cong 1:9-11). Sự thăng thiên của Chúa chúng ta là một phần quan trọng của chức vụ Ngài, vì nếu Ngài không trở về với cha, Ngài không thể ban món quà về Đức Thánh Linh như đã hứa (Gi 16:5-15). Cũng vậy, trên thiên đàng hôm nay, Đấng Christ là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm cầu thay của chúng ta, ban cho chúng ta ân điển chúng ta cần cho đời sống và sự hầu việc (He 4:14-16). Ngài cũng là Đấng Cầu Thay của chúng ta trước mặt Đức Chúa Cha, tha thứ chúng ta khi chúng ta xưng nhận tội lỗi mình (IGi 1:9-2:2). Đấng làm đầu Hội Thánh đáng tôn và vinh hiển hiện đang đồng công với dân sự Ngài trên đất và giúp họ hoàn thành mục đích Ngài (Mac 16:19-20).

Khi các tín đồ nhìn xem Chúa Giê-xu được cất lên trong sự vinh hiển, hai thiên sứ xuất hiện và nhẹ nhàng quở trách họ. Các thiên sứ đóng vai trò quan trọng trong chức vụ được mô tả ở sách công vụ, cũng như họ đóng vai trò quan trọng hôm nay, dù chúng ta không thể thấy họ (Cong 5:19-20 8:26 10:3-7 12:7-10,23 27:23). Các thiên sứ là những tôi tớ của các thánh đồ (He 1:14).

Hai vị sứ giả đã đoán chắc với các tín đồ rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại, giống như Ngài đã được cất khỏi họ. Điều này dường như chỉ về việc Ngài “đến giữa những đám mây” cách công khai (Mat 24:30 26:64 Kh 1:7) hơn là chỉ về việc Ngài đến tiếp Hội Thánh Ngài “trong giây phút, trong nháy mắt” (ICo 15:51-52 ITe 4:13-18). Không kể những quan điểm mà những người khác nhau có thể có về chương trình tiên tri của

Đức Chúa Trời, các Cơ Đốc nhân đồng ý rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại và Ngài có thể đến bất cứ lúc nào. Chính điều này là một động cơ lớn cho sự hầu việc Cơ Đốc trung tín (Lu 12:34-48).

## **2. Họ tin nhau (Cong 1:12-14)**

Họ vâng theo mệnh lệnh Chúa và trở lại thành Giê-ru-sa-lem “với sự vui mừng lớn” (Lu 24:52). Có thể nhóm người này đã nhóm trong Phòng Cao nơi lễ Vượt Qua cuối cùng được tổ chức, nhưng họ cũng được người ta tìm thấy đang thờ phượng trong đền thờ (Lu 24:53).

Nhóm tín hữu tạo nên hội chúng đầu tiên thật đa dạng! Có nam giới và phụ nữ, các sứ đồ và người “bình thường”, và cả những thành viên thuộc gia đình trên đất của Chúa (Mat 13:55 Mac 6:3). “Anh em” Ngài đã không tin Ngài suốt chức vụ của Ngài (Gi 7:5) nhưng họ thật đã tin Ngài sau sự phục sinh của Ngài (Cong 1:14). Ma-ri có mặt ở đó như một thành viên của hội chúng, tham dự sự thờ phượng và cầu nguyện cùng với những người khác. Trung tâm của sự thờ phượng này là Đấng Christ đã sống lại, và tất cả họ đều tôn kính và ngợi khen Ngài.

Thật dễ dàng biết bao để ai đó đem sự chia rẽ vào hội những người khiêm nhường tốt đẹp này! Các thành viên thuộc gia đình của Chúa lẽ ra đã có thể đòi sự công nhận đặc biệt, hoặc Phi-e-rơ có thể đã bị chỉ trích về sự chối bỏ Đấng Christ cách hèn nhát của ông. Hay có lẽ Phi-e-rơ đã có thể trách cứ Giăng, vì chính Giăng đã đưa ông vào nhà của thầy tế lễ cả (Gi 18:15-16). Giăng đã có thể nhắc nhở những người khác rằng ông đã trung tín đứng tại thập tự giá, và thậm chí được Đấng Christ chọn để chăm sóc mẹ Ngài. Nhưng không có điều nào như vậy xảy ra. Thực ra, không ai tranh cãi về việc người nào giữa vòng họ cao trọng nhất!

Nhóm từ chính là “đồng một ý”, một nhóm từ được tìm thấy 6 lần trong Công vụ (Cong 1:14 2:1,46 4:24 5:12 15:25 và cũng hãy chú ý 2:44). Giữa vòng những tín hữu này có một sự hiệp nhất kỳ diệu đã kết họ lại trong Đấng Christ (Ga 3:28 Thi 133:1-3), loại hiệp nhất mà các Cơ Đốc nhân cần có hôm nay. Rowland Hill mục sư tin kính người Anh đã nói “Tôi không muốn những bức tường phân cách giữa những thứ bậc Cơ Đốc nhân khác nhau bị phá hủy, nhưng chỉ được hạ thấp hơn, để qua chúng ta có thể bắt tay nhau dễ hơn một chút”.

Cơ Đốc nhân có đức tin nơi Chúa thì chưa đủ họ còn phải có niềm tin lẫn nhau. Chúa đã giao cho 120 người (Cong 1:15) trách nhiệm quan trọng làm chứng cho một thế giới hư mất, và không ai trong số họ có thể làm công việc này một mình. Họ sẽ trải qua sự bắt bớ gay gắt trong những ngày sắp đến, và một người trong số họ, Gia-cơ, sẽ từ bỏ mạng sống mình vì Đấng Christ. Đó không phải là lúc để hỏi: “Ai cao trọng nhất?” hoặc “Ai phạm tội trọng nhất?”. Đó là lúc để cùng nhau cầu nguyện và đứng chung nhau trong Chúa. Khi họ chờ đợi và thờ phượng với nhau, họ sẽ được chuẩn bị tốt hơn cho công tác đặt để trước mặt họ.

## **3. Họ tin nơi sự cầu nguyện (Cong 1:15,24-25)**

Sự cầu nguyện đóng một vai trò quan trọng trong câu chuyện về Hội Thánh như được chép trong sách Công vụ. Các tín hữu cầu nguyện để được sự hướng dẫn trong việc thực hiện những quyết định (Cong 1:15-26) và được sự can đảm để làm chứng cho Đấng Christ (4:23-31). Thực ra, sự cầu nguyện là một phần bình thường thuộc chức vụ thường nhật của họ (2:42-47 3:1 6:4). Ê-tiên cầu nguyện khi ông bị ném đá (7:55-



60). Phi-e-rơ và Giăng cầu nguyện cho những người Sa-ma-ri (8:14-17) và Sau-lơ là người Tạt-sơ cầu nguyện sau khi trở lại đạo (9:11). Phi-e-rơ cầu nguyện trước khi ông khiến Đô-ca sống lại từ cõi chết (9:36-43). Cọt-nây cầu nguyện để Đức Chúa Trời bày tỏ cho ông cách được cứu (10:1-4) và Phi-e-rơ ở trên mái nhà đang cầu nguyện khi Đức Chúa Trời bảo ông cách trở nên sự trả lời cho những lời cầu nguyện của Cọt-nây (10:9).

Các tín hữu trong nhà của Giăng Mác cầu nguyện cho Phi-e-rơ khi ông ở trong tù, và Chúa đã giải thoát cho ông khỏi ngục tù và sự chết (12:1-11). Hội Thánh tại An-ti-ốt kiêng ăn và cầu nguyện trước khi cử Ba-na-ba và Phao-lô ra đi (13:1-3 và chú ý 14:23). Chính tại một buổi nhóm cầu nguyện trong thành Phi-líp mà Đức Chúa Trời mở lòng của Ly-đi (16:13), và buổi nhóm cầu nguyện khác trong thành Phi-líp đã mở các cửa ngục (16:25). Phao-lô đã cầu nguyện cho các bạn ông trước khi lìa khỏi họ (20:36 21:5). Giữa một cơn bão tố, ông cầu nguyện để Đức Chúa Trời ban phước (27:35), và sau cơn bão tố, ông cầu xin Đức Chúa Trời chữa lành một người bệnh (28:8). Ở mọi chương trong sách Công vụ bạn đều tìm thấy một chi tiết đề cập đến sự cầu nguyện, và sách này cho biết rõ rằng điều gì đó xảy ra khi dân sự Đức Chúa Trời cầu nguyện.

Đây chắc chắn là một bài học bổ ích cho Hội Thánh hôm nay. Sự cầu nguyện vừa là nhiệt kế vừa là máy điều nhiệt của Hội Thánh địa phương. Vì “nhiệt độ thuộc linh” lên hoặc xuống tùy thuộc vào cách dân sự Đức Chúa Trời cầu nguyện. John Bunyan tác giả cuốn sách “Pilgrim’s Progress” (Thiên lộ lịch trình) đã nói: “Sự cầu nguyện là một cái thuẫn cho linh hồn, một cửa lễ cho Đức Chúa Trời và là một tai họa cho Satan”. Trong sách Công vụ, bạn thấy sự cầu nguyện hoàn thành mọi điều này.

#### **4. Họ tin nơi sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời (Cong 1:16-23)**

Chúa Giê-xu đã không còn ở với họ để ban cho họ những hướng dẫn cá nhân, nhưng họ không thiếu sự dẫn dắt của Chúa, vì họ đã có Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện. Thực ra, Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện đã tạo nên nền móng cho chức vụ của Hội Thánh như được chép trong sách Công vụ (Cong 6:4).

Phi-e-rơ đã bị chỉ trích vì đứng ra điều hành, nhưng tôi tin ông đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã cho biết rõ rằng Phi-e-rơ phải làm lãnh đạo của họ (Mat 16:19 Lu 22:31-32 Gi 21:15-17). Phi-e-rơ “đứng đầu giữa những người ngang hàng”, nhưng ông là lãnh đạo được thừa nhận của họ. Tên ông được kể đầu tiên trong mọi sanh sách sứ đồ, kể cả Cong 1:13.

Nhưng Phi-e-rơ và những người khác phải chờ đợi đến khi Thánh Linh được ban xuống chăng? Chúng ta đừng quên rằng Chúa đã “hà hơi” trên họ trước đây và ban Thánh Linh cho họ (Gi 20:22). Khi Thánh Linh giáng lâm vào lễ Ngũ Tuần, đó chính vì mục đích đổ đầy trên họ quyền năng và làm báp-tem cho họ trở nên một thân trong Đấng Christ.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng Chúa đã mở tâm trí họ để hiểu Lời Kinh Thánh (Lu 24:45). Khi Phi-e-rơ đề cập đến Thi 69:25 109:8, ông không làm điều này bằng chính sức mình, nhưng được dẫn dắt bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời. Những người này hoàn toàn tin nơi sự hà hơi thiêng liêng của Lời Kinh Thánh cụu ước (Cong 1:16 3:18 4:25), và họ cũng tin rằng những Lời Kinh Thánh này có một ứng dụng thực tiễn cho hoàn cảnh của họ.

Một thính giả radio có lần đã viết cho tôi, “Tại sao ông dạy từ Cựu Ước? Xét cho cùng, nó là lịch sử xa xưa và nó đã được làm trọn bởi Chúa Giê-xu!” Tôi đã giải thích rằng “Kinh Thánh” duy nhất mà Hội Thánh đầu tiên có là Cựu Ước, nhưng họ đã có thể sử dụng nó để khám phá ý muốn Đức Chúa Trời. Chúng ta cần cả Cựu và Tân Ước. Thật ra, các tác giả Tân Ước thường trích dẫn từ Cựu Ước để chứng minh quan điểm của họ. Thánh Augustine đã nói: “Tân Ước được che đậy trong Cựu Ước Cựu Ước được bày tỏ bởi Tân Ước”.

Chắc chắn chúng ta phải giải nghĩa Cựu Ước bằng Tân Ước, nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng Đức Chúa Trời không còn phán với dân sự Ngài qua Lời Kinh Thánh Cựu Ước. “Cả Kinh Thánh đều được ban bởi sự hà hơi của Đức Chúa Trời, và có ích lợi” (IITi 3:16). “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:4) Chúng ta phải sử dụng toàn bộ Kinh Thánh và quân bình Lời Kinh Thánh này với Lời Kinh Thánh khác khi chúng ta tìm cách khám phá tư tưởng Đức Chúa Trời.

Một số người tuyên bố “Nhưng, thật sai lầm để họ chọn một sứ đồ mới, vì Phao-lô là người đã được Đức Chúa Trời chọn để bổ khuyết hàng ngũ. Họ chọn Ma-thia và ông ta không bao giờ được nghe đến lần nữa!”

Ngoài Phi-e-rơ và Giăng, không ai trong số 12 sứ đồ đầu tiên được đề cập bằng tên trong sách Cong 2:13. Phao-lô có lẽ đã không thể “bổ khuyết hàng ngũ” vì ông chưa bao giờ có thể đáp ứng những phẩm chất thiêng liêng được đặt ra trong c.21-22. Phao-lô đã không được Giăng Báp-tít làm báp-tem ông đã không ra đi với các sứ đồ khi Chúa Giê-xu ở với họ trên đất và mặc dù ông nhìn thấy Đấng Christ vinh hiển, Phao-lô không phải là một nhân chứng về sự phục sinh như các sứ đồ đầu tiên.

Phao-lô cho biết rõ rằng ông không được xếp loại cùng với 12 sứ đồ (Ga 1:15-24 ICo 15:8), và 12 sứ đồ đã biết điều đó. Nếu 12 sứ đồ nghĩ rằng Phao-lô được xem là một trong số họ, chắc chắn họ đã không bày tỏ điều đó! Thực ra, họ đã từ chối thừa nhận Phao-lô trong sự thông công ở Giê-ru-sa-lem cho đến khi Ba-na-ba đến giải cứu ông! (Cong 9:26-27). 12 sứ đồ thi hành chức vụ chủ yếu cho 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên, trong khi Phao-lô được cử đến với dân ngoại (Ga 2:1-10).

Không, Phao-lô không được xem là sứ đồ thứ 12. Phi-e-rơ và các tín hữu khác theo ý muốn Đức Chúa Trời khi họ chọn Ma-thia và Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự chấp thuận Ma-thia bằng cách ban quyền năng cho ông với cùng một Thánh Linh đã được ban cho những người khác là những người Chúa Giê-xu đã đích thân chọn lựa (Cong 2:1-4,14).

Thật cần thiết để 12 người làm chứng tại lễ Ngũ Tuần cho 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên, và cũng để 12 người được chuẩn bị để ngồi trên 12 ngai xét đoán 12 chi phái (Lu 22:28-30). Từ Cong 2:1-7:60 sự làm chứng chủ yếu dành cho Y-sơ-ra-ên, “cho người Do Thái trước” (Ro 1:16 Cong 3:26 13:46). Một khi sứ điệp đã đến dân ngoại (Cong 10:1-11:30). Sự nhấn mạnh về người Do Thái này bắt đầu mờ dần. Khi sứ đồ Gia-cơ bị tử đạo, ông đã không được thay thế (Cong 12:1-25). Tại sao? Vì sự làm chứng chính thức cho Y-sơ-ra-ên giờ đây đã được làm trọn và sứ điệp đã đến với dân Do Thái và dân ngoại như vậy. Không còn cần thiết để 12 sứ đồ làm chứng cho 12 chi phái của Y-sơ-ra-ên.

Câu chuyện của Phi-e-rơ về việc mua đất và cái chết của Giu-đa có vẻ mâu thuẫn với sự ghi chép trong Mat 27:3-10, nhưng thật ra câu chuyện này bổ sung cho sự ghi



chép ấy. Giu-đa đã không mua đám ruộng này cách cá nhân, nhưng chính tiền của ông ta đã được dùng để trả cho đám ruộng nên theo ý nghĩa đó, ông là người mua. Và vì 30 miếng bạc được xem là “tiền máu”, đám ruộng được gọi là “ruộng huyết” (Mat 27:8). Không phải huyết của Giu-đa đã cho đám ruộng có tên của nó, vì dân Do Thái sẽ không sử dụng một nơi nào đó như một nghĩa địa thiêng liêng nơi đã bị ô uế bởi một vụ tự sát. Giu-đa đã treo chính mình, và rõ ràng dây thừng bị đứt và thân thể ông (có lẽ đã căng phồng) bị vỡ khi chạm mặt đất.

Các tín hữu đã cầu nguyện để được sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trước khi họ “bỏ phiếu” vì họ muốn chọn lựa người mà Đức Chúa Trời đã chọn (Ch 16:33). Từ trời, Chúa cao quý của họ đang hành động trong họ và qua họ. Đây là trường hợp cuối cùng trong Kinh Thánh về việc rút thăm, và không có lý do vì sao các tín đồ hôm nay phải sử dụng phương cách này trong việc xác định ý muốn Đức Chúa Trời. Mặc dù không phải lúc nào cũng dễ khám phá điều Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm, nhưng nếu chúng ta sẵn sàng vâng lời Ngài, Ngài sẽ bày tỏ ý muốn Ngài cho chúng ta (Gi 7:17). Điều quan trọng là chúng ta noi gương Hội Thánh đầu tiên bằng cách nhấn mạnh Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện.

Không phải mọi môn đệ của Chúa chúng ta đều đã ở trong Phòng Cao vì chỉ có 120 người hiện diện và ICo 15:6 cho biết rằng ít nhất 500 người đã cùng một lúc thấy Đấng Christ sống lại. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về dân số Palestine thời bấy giờ, và theo ước tính của họ con số có thể từ 600.000 đến 4 triệu. Nhưng bất kể con số nào bạn chọn, 120 tín đồ vẫn là một thiếu số thế nhưng họ đã đảo ngược thế giới cho Đấng Christ!

Bí quyết của họ là gì? Quyền năng của Đức Thánh Linh!

Bác sĩ Lu-ca giải thích điều này trong chương Cong 2:1-47.

## **2. QUYỀN NĂNG TỪ TRỜI (Cong 2:1-47)**

“Chúng ta sẽ không lay chuyển được thế giới này bằng sự chỉ trích nó hay sự tuân thủ theo nó, nhưng bằng sự nóng cháy bên trong nó về những đời sống được đốt cháy bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời”.

Vance Havner đã thực hiện lời tuyên bố đó và ông đã đúng. Hội Thánh đầu tiên đã không có những điều mà chúng ta nghĩ rất cần thiết cho sự thành công hôm nay – nhà cửa, tiền bạc, ảnh hưởng chính trị, địa vị xã hội – và tuy vậy Hội Thánh đã thu phục rất nhiều người cho Đấng Christ và chứng kiến nhiều Hội Thánh được thành lập khắp thế giới La Mã. Tại sao? Vì Hội Thánh đã có quyền năng của Thánh Linh ban năng lực cho chức vụ của họ. Họ là một dân “được Thánh Linh Đức Chúa Trời đốt cháy”.

Hôm nay, cùng một quyền năng Thánh Linh đó sẵn có cho chúng ta để khiến chúng ta trở nên những chứng nhân hiệu quả hơn cho Đấng Christ. Càng hiểu rõ hơn hành động của Ngài tại lễ Ngũ Tuần, chúng ta sẽ có thể liên hệ với Ngài và kinh nghiệm quyền năng Ngài cách tốt hơn. Chức vụ của Thánh Linh là để làm vinh hiển Đấng Christ trong đời sống và sự làm chứng của Cơ Đốc nhân (Gi 13:14) và đó là điều quan trọng. Cong 2:1-47 giúp chúng ta hiểu Đức Thánh Linh bằng cách ghi lại 4 kinh nghiệm trong đời sống của Hội Thánh.

### **1. Hội Thánh chờ đợi Đức Thánh Linh (Cong 2:1)**

Ngũ Tuần nghĩa là “thứ 50” vì lễ này được tổ chức 50 ngày sau lễ hoa quả đầu mùa (Le 23:15-22). Lịch về những kỳ lễ của Do Thái trong Le 23:1-44 là nét phác thảo về công việc của Chúa Giê-xu. Lễ Vượt Qua phác họa sự chết của Ngài như Chiên Con của Đức Chúa Trời (ICo 5:7 Gi 1:29). Và lễ hoa quả đầu mùa phác họa sự sống lại của Ngài từ cõi chết (ICo 15:20-23). 50 ngày sau lễ trái đầu mùa là lễ Ngũ Tuần, phác họa sự thành lập Hội Thánh. Vào lễ Ngũ Tuần, dân Do Thái kỷ niệm sự ban luật pháp, nhưng Cơ Đốc nhân kỷ niệm lễ ấy vì sự ban Thánh Linh cho Hội Thánh.

Lễ hoa quả đầu mùa xảy ra vào ngày sau lễ Sa-bát tiếp theo lễ Vượt Qua, nghĩa là lễ luôn vào ngày đầu tuần. (Ngày Sa-bát là ngày thứ bảy). Chúa Giê-xu đã sống lại từ cõi chết vào ngày đầu tuần và “trở thành trái đầu mùa của những kẻ ngủ” (ICo 15:20). Giờ đây, nếu lễ Ngũ Tuần cũng xảy ra vào ngày đầu tuần, vì vào ngày ấy Chúa chúng ta đã sống lại từ cõi chết, nhưng đó cũng là ngày Thánh Linh được ban cho Hội Thánh.

Vào lễ hoa quả đầu mùa, thầy tế lễ đưa một bó lúa qua lại trước mặt Chúa nhưng vào lễ Ngũ Tuần, thầy tế lễ dâng 2 ổ bánh. Vì sao? Vì vào lễ Ngũ Tuần, Đức Thánh Linh làm báp-tem cho các tín đồ và hiệp họ thành một thân. Các tín đồ Do Thái đã nhận phép báp-tem này vào lễ Ngũ Tuần, và các tín đồ người ngoại nhận báp-tem trong nhà Cọt-nây (Cong 10:1-48. Điều này giải thích sự hiện diện của 2 ổ bánh (ICo 10:17). Sự kiện có men trong lúc ổ bánh chỉ về sự hiện diện của tội lỗi trong Hội Thánh trên đất. Hội Thánh sẽ không hoàn hảo cho đến khi họ đến thiên đàng.

Chúng ta đừng kết luận rằng buổi nhóm cầu nguyện 10 ngày này đã mang lại những phép lạ của lễ Ngũ Tuần, hay chúng ta hôm nay có thể cầu nguyện như họ đã cầu nguyện và kinh nghiệm “lễ Ngũ Tuần khác”. Giống như sự chết của Chúa chúng ta tại đồi Gô-gô-tha, lễ Ngũ Tuần đã là một sự kiện một lần đủ cả mà sẽ không được lập lại. Hội Thánh có thể kinh nghiệm những sự đổ đầy mới mẻ của Thánh Linh, và chắc chắn sự cầu nguyện kiên nhẫn là một yếu tố cần thiết cho sức mạnh thuộc linh, nhưng chúng ta sẽ không cầu xin lễ Ngũ Tuần nào khác giống như chúng ta sẽ không cầu xin đồi Gô-gô-tha khác.

## 2. Hội Thánh thờ phượng Chúa (Cong 2:2-13)

Khi chúng ta nghiên cứu những sự kiện của lễ Ngũ Tuần, thật quan trọng để chúng ta tách những sự việc xảy ra khỏi những yếu tố cần thiết. Thánh Linh đến và những người này nghe tiếng gió thổi ào ào và thấy những lưỡi lửa. Đức Thánh Linh đã làm báp-tem và đổ đầy các tín hữu, rồi nói khi họ ngợi khen Đức Chúa Trời bằng những ngôn ngữ khác nhau. Thánh Linh đã ban quyền năng cho Phi-e-rơ để giảng đạo, và rồi Ngài kết án những người nghe đến nỗi 3.000 người trong số họ đã tin Đấng Christ và được cứu. Chúng ta hãy xem xét những chức vụ này từng việc một.

\* *Thánh Linh đến:* Trước lễ Ngũ Tuần Thánh Linh đã hành động và làm việc trong sự sáng tạo (Sa 1:1-2), trong lịch sử Cựu Ước (Cac 6:34 ISa 16:13), và trong đời sống cùng chức vụ của Chúa Giê-xu (Lu 1:30-37 4:1,14 Cong 10:36). Tuy nhiên, giờ đây có hai sự thay đổi: Thánh Linh sẽ ngự trong con người chứ không chỉ đến trên họ, và sự hiện diện của Ngài sẽ thường trực, không phải tạm thời (Gi 14:16-17). Thánh Linh có lẽ đã không thể đến sớm hơn, vì thật cần thiết để Chúa Giê-xu chịu chết, được khiến sống lại từ cõi chết, và trở về trời trước khi Thánh Linh có thể được ban cho (Gi 7:37-39 16:7). Hãy nhớ lịch Do Thái trong (Le 23:1-44) lễ Vượt Qua, lễ hoa quả đầu mùa và sau đó lễ Ngũ Tuần.

Có những dấu hiệu gây sững sốt kèm theo sự đến của Đức Thánh Linh: tiếng của một cơn gió thổi ào ào, những lưỡi lửa, và các tín đồ ngợi khen Đức Chúa Trời bằng những ngôn ngữ khác nhau. Từ “Thánh Linh” giống như từ “gió” trong tiếng Hê-bơ-rơ và cả tiếng Hy Lạp (Gi 3:8). Những người này không sờ đụng được gió, họ nghe tiếng một cơn gió mạnh. Có lẽ các tín đồ đã ở trong đền thờ khi điều này xảy ra (Lu 24:53). Từ “nhà” trong Cong 2:2 có thể chỉ về đền thờ (Lu 7:47). Những lưỡi lửa tượng trưng cho sự làm chứng đầy quyền năng của Hội Thánh cho dân chúng. Campbell Morgan nhắc chúng ta rằng lưỡi của chúng ta có thể được đốt bởi lửa hoặc thiên đàng hoặc địa ngục! (Gia 3:5-6). Hãy kết hợp gió với lửa và bạn có một ngọn lửa!

\* *Thánh Linh làm báp-tem* (Cong 1:5). Từ Hy Lạp “baptizo” có 2 nghĩa, một nghĩa đen và một nghĩa bóng. Từ này theo nghĩa đen là “dìm xuống nước”, nhưng nghĩa bóng là “được đồng nhất hoá (với)”. Phép báp-tem của Thánh Linh là hành động của Đức Chúa Trời bởi đó Ngài đồng nhất hoá các tín đồ với Đấng làm đầu tôn quý của Hội Thánh là Chúa Giê-xu Christ và tạo nên thân thể thuộc linh của Đấng Christ trên đất (ICo 12:12-14). Về mặt lịch sử, phép báp-tem này xảy ra vào lễ Ngũ Tuần. Hôm nay, phép báp-tem ấy xảy ra bất cứ khi nào một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu và được tái sinh.

Khi bạn đọc về “phép báp-tem” trong Kinh Thánh Tân Ước, bạn phải thực hành sự phân biệt để xác định từ này phải được giải thích theo nghĩa đen hay theo nghĩa tượng trưng. Chẳng hạn, trong Ro 6:3-4 Ga 3:27-28, sự ám chỉ mang tính tượng trưng vì phép báp-tem bằng nước không thể đặt một tội nhân trong Chúa Giê-xu Christ. Chỉ có Thánh Linh mới có thể làm được điều đó (Ro 8:9 ICo 12:13 Cong 10:44-48). Phép báp-tem bằng nước là một bằng chứng công khai về sự đồng nhất hoá với Chúa Giê-xu Christ của con người trong khi phép báp-tem bằng Thánh Linh là kinh nghiệm cá nhân và riêng tư mà nó đồng nhất hoá con người với Đấng Christ.

Điều quan trọng cần chú ý là về mặt lịch sử, phép báp-tem của Thánh Linh đã xảy ra ở 2 giai đoạn các tín đồ Do Thái đã được báp-tem vào lễ Ngũ Tuần, và những người ngoại được báp-tem và bổ sung cho thân thể này tại nhà của Cọt-nây (Cong 10:44-48 11:15-17 Eph 2:11-22).

\* *Thánh Linh đổ đầy* (Cong 2:4). Sự đầy đầy Thánh Linh có liên quan với quyền năng để làm chứng và hầu việc (1:8). Chúng ta không được khuyến khích để chịu phép báp-tem bằng Thánh Linh, vì đây là điều Đức Chúa Trời thực hiện một lần đủ cả khi chúng ta tin nhận Con Ngài. Chúng ta được bảo phải đầy đầy Thánh Linh (Eph 5:18), vì chúng ta cần quyền năng Ngài luôn luôn nếu chúng ta muốn hầu việc Đức Chúa Trời cách hữu hiệu. Vào lễ Ngũ Tuần, các Cơ Đốc nhân đã được đầy đầy Thánh Linh và kinh nghiệm phép báp-tem của Thánh Linh. Nhưng sau đó, họ đã kinh nghiệm nhiều sự đổ đầy (Cong 4:8,31 9:17 13:9) nhưng không phải là những phép báp-tem nữa.

Đôi khi ai đó nói rằng “Chúng ta có dùng từ nào đi nữa thì cũng chẳng tạo khác biệt gì. Điều quan trọng là chúng ta có kinh nghiệm!” Tôi nghi ngờ rằng họ sẽ áp dụng cùng một phương cách đó vào mọi lãnh vực khác của đời sống chẳng hạn như y học, sự nấu ăn, hoặc cơ học. Có gì khác biệt nếu được sử dụng chất Asenic hoặc thuốc aspirin trong đơn thuốc, miễn là chúng ta khoẻ mạnh? Hoặc nếu người thợ máy lắp đặt một máy phát điện hay một bộ chế hoà khí, miễn là chiếc xe hơi hoạt động?

Thánh Linh đã bày tỏ chân lý của Đức Chúa Trời cho chúng ta bằng những từ ngữ (ICo 2:12-13) và những từ ngữ này có những ý nghĩa rõ ràng không nên bị nhầm lẫn. Sự tái sinh không nên bị nhầm lẫn với sự xưng công bình, sự chuộc tội cũng không nên bị nhầm lẫn với sự làm con nuôi. Mỗi từ trong số này quan trọng trong kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời và phải được định nghĩa chính xác và được sử dụng cẩn thận.

Phép báp-tem của Thánh Linh nghĩa là tôi thuộc về thân Ngài sự đầy dẫy Thánh Linh nghĩa là thân thể tôi thuộc về Ngài. Phép báp-tem là một lần đủ cả sự đầy dẫy được lập lại khi chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời để được quyền năng mới cho sự làm chúng. Phép báp-tem có liên quan đến mọi tín đồ khác, vì nó khiến chúng ta thành một trong thân Đấng Christ (Eph 4:1-6). Trong khi sự đầy dẫy mang tính chất riêng tư và cá nhân. Đây là 2 kinh nghiệm khác biệt và chúng không nên bị nhầm lẫn.

\* *Thánh Linh nói* (Cong 2:4,11). Hãy để ý rằng các tín đồ đang ngợi khen Đức Chúa Trời, không phải rao giảng Phúc Âm, và họ đã sử dụng những ngôn ngữ được người ta biết, không phải một “tiếng lạ” (2:6,8). Lu-ca đã kể tên 15 vị trí địa lý khác nhau và tuyên bố rõ ràng rằng những công dân của các nơi đó đã nghe Phi-e-rơ cùng những người khác rao ra các công việc kỳ diệu của Đức Chúa Trời bằng những ngôn ngữ họ có thể hiểu được. Từ Hy Lạp được dịch là “ngôn ngữ” trong 2:6 và “tiếng” ở 2:8 là “dialektos” và chỉ về một ngôn ngữ hoặc tiếng địa phương của quốc gia hay khu vực nào đó (21:40 22:2 26:14). Nếu chúng ta không được chỉ dẫn trong Kinh Thánh theo một cách khác, chúng ta phải thừa nhận rằng khi “việc nói bằng những tiếng riêng” được đề cập đầu đó trong công vụ hay trong ICô-rinh-tô, nó chỉ về một kinh nghiệm giống nhau: các tín đồ ngợi khen Đức Chúa Trời trong Thánh Linh bằng những ngôn ngữ được người ta biết.

Tại sao Đức Chúa Trời đã làm điều này? Trước hết, lễ Ngũ Tuần là một sự đảo ngược về sự đoán phạt tại tháp Ba-bên khi Đức Chúa Trời làm lộn xộn tiếng nói của loài người (Sa 11:1-9). Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời tại tháp Ba-bên đã làm tán lạc dân chúng nhưng sự chúc phước của Đức Chúa Trời tại lễ Ngũ Tuần đã hiệp các tín đồ trong Thánh Linh. Tại tháp Ba-bên, dân chúng đã không thể hiểu nhau nhưng tại lễ Ngũ Tuần, người ta đã nghe những lời ngợi khen Đức Chúa Trời và hiểu điều được nói ra. Tháp Ba-bên là một kế hoạch được lập ra để ngợi khen loài người và tạo một danh tiếng cho loài người, nhưng lễ Ngũ Tuần đã đem đến sự ngợi khen cho Đức Chúa Trời. Công trình tháp Ba-bên là một hành động của sự chống nghịch, nhưng lễ Ngũ Tuần là một chức vụ về sự đầu phục khiêm nhường trước Đức Chúa Trời. Quả là một sự tương phản!

Lý do khác về sự ban cho nói các thứ tiếng là để dân chúng biết rằng Phúc Âm dành cho cả thế giới. Đức Chúa Trời muốn nói với mỗi người bằng chính ngôn ngữ của họ và ban sự điệp cứu rỗi trong Chúa Giê-xu. Sự nhấn mạnh trong sách Công vụ là về sự rao giảng Phúc Âm khắp thế giới “cho đến cùng trái đất” (Cong 1:8). Henry Martyn đã nói: “Thánh Linh của Đấng Christ là tinh thần của việc truyền giáo, và chúng ta càng gần Ngài, chúng ta phải trở nên những nhà truyền giáo nhiệt tâm hơn”.

Rõ ràng tiếng gió thổi đã thu hút dân chúng đến đền thờ nơi các tín đồ nhóm lại, nhưng chính sự ngợi khen của các tín đồ đã thật sự thu hút sự chú ý của họ. Những người lắng nghe bất cẩn đã chế nhạo và tố cáo các tín đồ về tội say sưa, nhưng những



người khác thật lòng quan tâm tìm biết điều gì đang xảy ra. Dân chúng bối rối (2:6), kinh ngạc (2:7,12) và lấy làm lạ (c.7).

Thú vị là những kẻ chế nhạo đã phải cáo các tín đồ tội say rượu, vì rượu được liên hệ với Thánh Linh (Eph 5:18). Phao-lô liên hệ hai điều này trong sự tương phản, vì khi một người đầy dẫy rượu mạnh người ấy mất tự chủ và cuối cùng bị xấu hổ nhưng khi một người được đầy dẫy Thánh Linh, người ấy có sự tự chủ và làm sáng danh Đức Chúa Trời. Rượu mạnh có thể đem lại một sự hồ hởi tạm thời, nhưng Thánh Linh ban cho một sự thoải lòng sâu xa và một niềm vui bất tận.

### **3. Hội Thánh làm chứng cho những người hư mất (Cong 2:14-41)**

Phi-e-rơ đã không rao giảng bằng những tiếng lạ, ông nói với thính giả của mình bằng ngôn ngữ A-ram thường nhật họ đã hiểu. Sứ điệp được rao ra bởi một người Do Thái, cho dân Do Thái (Cong 2:14,22,29,36), vào một thánh nhật của dân Do Thái, nói về sự phục sinh của Đấng Mê-si-a Do Thái người mà dân tộc họ đã đóng đinh vào thập tự giá. Dân ngoại có mặt ở đó là những người mới theo đạo Do Thái (2:10). Phi-e-rơ đã không mở cánh cửa đức tin cho dân ngoại cho đến khi ông thăm viếng Cột-nây (Cong 10:1-48).

Có 3 sự giải thích trong bài giảng của Phi-e-rơ.

- Ông giải thích điều đã xảy ra: Đức Thánh Linh đã đến (Cong 2:14-21).

Sự thờ phượng đầy vui mừng của các tín đồ không phải là kết quả của quá nhiều rượu đó là chứng cứ về sự đến của Đức Thánh Linh để ngự trong dân sự Ngài. Dân Do Thái chính thống đã không ăn hoặc uống trước 9 giờ sáng vào ngày lễ Sa-bát hay vào một thánh nhật họ cũng không hay uống rượu trừ những bữa ăn.

Phi-e-rơ đã không nói rằng lễ Ngũ Tuần là sự ứng nghiệm lời tiên tri của Gio 2:28-32 vì những dấu hiệu và sự lạ được tiên đoán đã không xảy ra. Khi bạn đọc lời tiên tri của Giô-ên theo ngữ cảnh, bạn thấy rằng nó đề cập đến dân tộc Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ sau rốt liên hệ đến “Ngày của Chúa”. Tuy nhiên, Phi-e-rơ đã được Thánh Linh dẫn dắt để thấy trong lời tiên tri này một ứng dụng cho Hội Thánh. Ông đã nói: “Đây là cùng một Đức Thánh Linh ấy mà Giô-ên đã viết về Ngài. Ngài hiện diện ở đây!”. Một lời tuyên bố như vậy dường như không thể tin được đối với dân Do Thái, vì họ nghĩ Thánh Linh Đức Chúa Trời chỉ được ban cho một số ít người được chọn (Dan 11:28-29). Nhưng đây là 120 người trong số dân Do Thái đồng hương của họ, đàn ông và đàn bà, vui mừng hưởng sự chúc phước của cùng một Thánh Linh Đấng đã ban quyền năng cho Mô-i-se, Đa-vít và các tiên tri.

Đó thực sự là buổi bình minh của một thời kỳ mới, “những ngày sau rốt” mà Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành kế hoạch cứu rỗi của Ngài cho nhân loại. Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác cứu chuộc vĩ đại và không còn gì phải được thực hiện ngoại trừ chia xẻ Phúc Âm cho thế giới, bắt đầu với dân tộc Y-sơ-ra-ên. Lời mời là “Ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu” (Cong 2:21).

- Ông giải thích cách nó đã xảy ra: Chúa Giê-xu sống (Cong 2:22-35).

Tin tức lan nhanh ở phía Đông và có lẽ hầu hết những người trưởng thành ở Giê-ru-sa-lem, cư dân và khách kiều ngụ đều đã biết về việc Chúa Giê-xu Na-xa-rét bị bắt, xử án và đóng đinh. Họ cũng đã nghe những tin đồn về một “lời tuyên bố chính thức”

rằng các môn đệ đã đánh cắp xác Chúa Giê-xu chỉ để khiến người ta nghĩ rằng Ngài đã giữ lời và đã được khiến sống lại từ cõi chết.

Nhưng Phi-e-rơ đã cho họ biết sự thật: Chúa Giê-xu Na-xa-rét thực sự đã được khiến sống lại từ cõi chết, và sự phục sinh này chứng minh rằng Ngài là Đấng Mê-si-a! Phi-e-rơ đã trình bày cho họ bốn bằng chứng về sự phục sinh của Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét, và rồi ông kêu gọi họ tin nơi Đấng Christ và được cứu.

- Bằng chứng thứ nhất của ông là Con người của Chúa Giê-xu (Cong 2:22-24).

Các thính giả của Phi-e-rơ biết rằng Chúa Giê-xu là một con người có thật xuất thân từ thị trấn Na-xa-rét và biết rằng Ngài đã thực hiện nhiều dấu và phép lạ. (Về “Chúa Giê-xu Na-xa-rét” hãy (Cong 2:22 3:6 4:10 6:14 10:38 22:8 26:9 24:5). Rõ ràng bàn tay Đức Chúa Trời ở trên Ngài. Họ đã nghe Ngài nói và nhìn xem đời sống Ngài. Họ còn nhìn thấy Ngài khiến kẻ chết sống lại, và lại họ đã không thể tìm thấy lỗi lầm nào nơi Ngài – và những điều này đã không “được thực hiện trong một nơi kín đáo”! (26:26).

Không thể tin rằng một Con người như thế lại bị sự chết đánh bại. Theo một quan điểm, sự đóng đinh Chúa Giê-xu là một tội ác gớm ghiếc (Cong 2:23), nhưng theo quan điểm khác đó là một chiến thắng kỳ diệu (2:24). Từ được dịch là “những sự đau đớn” nghĩa là “con đau đẻ” ý nói rằng phần mộ là một “tử cung” mà Chúa Giê-xu được “sinh ra” trong vinh hiển của sự phục sinh (Cong 13:33).

- Bằng chứng thứ hai của Phi-e-rơ là lời tiên tri của Đa-vít (Cong 2:25-31).

Ông trích dẫn Thi 16:8-11 những câu rõ ràng không thể ứng dụng cho Đa-vít là người đã chết và được chôn. Là một tiên tri của Đức Chúa Trời, Đa-vít đã viết về Đấng Mê-si-a, rằng linh hồn Ngài sẽ không ở trong âm phủ (cõi của người chết) hay thân thể Ngài trong phần mộ nơi sẽ hư nát.

- Bằng chứng thứ 3 là sự làm chứng của các tín đồ (Cong 2:33). Sau khi phục sinh, Chúa Giê-xu đã không hiện ra cho đông đảo thiên hạ, nhưng cho các môn đệ Ngài những người Ngài giao nhiệm vụ làm chứng cho người khác rằng Ngài sống (1:3,22). Nhưng những người này có phải là những chứng nhân đáng tin cậy không? Chúng ta có thể tin họ không? Chúng ta chắc chắn có thể! Trước sự phục sinh của Đấng Christ, các môn đệ thậm chí đã không tin rằng Ngài sẽ được khiến sống lại từ cõi chết và chính họ đã phải tin (Mac 16:9-14 Cong 1:3). Họ không được lợi gì bằng cách rao giảng một sự dối trá, vì sứ điệp của họ đã khuấy động sự chống đối công khai và thậm chí dẫn đến sự giam cầm và sự chết của vài tín đồ. Một số ít kẻ cuồng tín có thể sẵn sàng tin và dâng bocc một sự dối trá một thời gian, nhưng khi hàng ngàn người tin một sứ điệp, và khi sứ điệp đó được hỗ trợ bởi những phép lạ, bạn không thể dễ dàng bỏ qua sứ điệp ấy. Những chứng nhận này đáng tin cậy.

Bằng chứng thứ tư của Phi-e-rơ về sự phục sinh của Đấng Christ là sự hiện diện của Đức Thánh Linh (2:33-36). Hãy theo logic của ông. Nếu Thánh Linh ở trong thế gian, vậy Đức Chúa Trời chắc đã sai Ngài đến, Giô-ên đã tiên tri rằng một ngày nào đó Đức Thánh Linh sẽ đến, và chính Chúa Giê-xu đã hứa gởi sự ban cho Thánh Linh cho dân Ngài (Lu 24:49 Gi 14:26 15:26 Cong 1:4). Nhưng nếu Chúa Giê-xu chết, Ngài không thể ban Thánh Linh vì vậy, Ngài phải sống. Hơn nữa, Ngài không thể ban Thánh Linh trừ khi Ngài đã trở về Trời với Cha (Gi 16:7). Vậy Chúa Giê-xu đã thắng



thiên! Để hỗ trợ cho nhận định này, Phi-e-rơ đã trích dẫn Thi 110:1 một câu Kinh Thánh chắc chắn không thể được ứng dụng cho Đa-vít (chú ý Mat 22:41-46).

Kết luận của Phi-e-rơ vừa là một lời tuyên bố vừa là một lời tố cáo Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a của các ngươi, nhưng các ngươi đã đóng đinh Ngài! (Cong 2:23). Phi-e-rơ đã không bày tỏ thập tự giá như nơi mà Đấng thay thế vô tội đã chết vì thế gian, nhưng như nơi dân Y-sơ-ra-ên đã giết chính Đấng Mê-si-a của mình! Họ đã phạm tội trọng nhất trong lịch sử! Có hy vọng gì không? Có, vì Phi-e-rơ đã đưa ra một lời giải thích thứ ba đó là tin tức tốt lành cho lòng họ.

- Ông giải thích lý do điều đó đã xảy ra để cứu tội nhân (Cong 2:36-41). Đức Thánh Linh đã dùng sứ điệp của Phi-e-rơ và sử dụng nó để thuyết phục lòng người nghe. (Trong Cong 5:33 và 7:54, từ Hy Lạp khác được sử dụng nói về sự giận dữ hơn là sự thuyết phục đối với tội lỗi). Xét cho cùng, nếu họ phạm tội đóng đinh Đấng Mê-si-a của mình, Đức Chúa Trời có thể làm điều đó cho họ! Hãy chú ý rằng họ đã đặt câu hỏi cho các sứ đồ khác cũng như cho Phi-e-rơ, vì tất cả 12 sứ đồ đều có liên quan trong sự làm chứng ngày ấy, và Phi-e-rơ chỉ là người đầu tiên giữa các đồng bạn.

Phi-e-rơ đã cho họ biết cách để được cứu: họ phải ăn năn tội lỗi mình và tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Họ phải bày tỏ bằng chứng về sự ăn năn thành thật và đức tin mình bằng cách chịu báp-tem trong danh Chúa Giê-xu, như vậy đồng nhất hoá chính họ cách công khai với Đấng Mê-si-a và Đấng Christ của họ. Chỉ bằng cách ăn năn và tin nơi Đấng Christ, họ đã có thể nhận được sự ban cho của Thánh Linh (Ga 3:2,14) và lời hứa này dành cho dân Do Thái và cả dân ngoại “ở xa” (Eph 2:13-19).

Tiếc rằng lời dịch trong Cong 2:38 bản dịch King James ý nói rằng người ta phải chịu báp-tem để được cứu, vì đây không phải là điều Kinh Thánh dạy. Từ Hy Lạp “eis” (được dịch là “để” trong nhóm từ “để được sự tha tội”) có thể có nghĩa “vì lý do” hoặc “trên cơ sở của”. Trong Mat 3:11 Giăng Báp-tít đã làm báp-tem trên cơ sở người ta đã ăn năn. Cong 2:38 không nên được sử dụng để dạy sự cứu rỗi bằng phép báp-tem. Nếu phép báp-tem cần thiết cho sự cứu rỗi thì dường như thật lạ khi Phi-e-rơ đã không nói gì về phép báp-tem trong những bài giảng khác của ông (3:12-26 5:29-32 10:34-43). Thật ra, những người trong nhà Cọt-nây đã nhận lãnh Thánh Linh trước khi họ chịu báp tem! (10:44-48). Vì các tín đồ được truyền dạy phải chịu báp-tem, nên điều quan trọng là chúng ta có một lương tâm thanh sạch bằng cách vâng lời (IPhi 3:21), nhưng chúng ta không nên nghĩ rằng phép báp-tem là một phần của sự cứu rỗi. Nếu vậy không người nào trong He 11:1-41 được cứu vì không ai trong số họ từng chịu báp-tem cả.

Cong 2:40 cho thấy rằng các sứ đồ đã tiếp tục chia sẻ Lời Chúa và thúc giục dân chúng tin nhận Chúa Giê-xu. Họ nhìn dân tộc Y-sơ-ra-ên như một “dòng dõi gian ác” đã bị định tội (Mat 16:4 17:17 Phi 2:15). Trong thực tế, dân tộc này có được khoảng 40 năm trước khi Đế quốc La Mã đến và phá huỷ thành cùng đền thờ và làm tản lạc dân sự. Lịch sử đang lặp lại chính nó. Suốt 40 năm trong đồng vắng, dòng dõi mới “đã tự cứu chính nó” khỏi dòng dõi đi trước là dòng dõi đã chống nghịch Đức Chúa Trời. Giờ đây, Đức Chúa Trời sẽ ban cho dân Ngài 40 năm ân điển nữa và vào ngày đó 3.000 người đã ăn năn, tin và được cứu.

#### **4. Hội Thánh bước đi trong Thánh Linh (Cong 2:42-47)**

Các tín đồ đã tiếp tục dùng đền thờ làm nơi nhóm họp và phục vụ của họ, nhưng họ cũng nhóm nhau trong những gia đình khác. 3.000 người theo đạo cần có sự hướng dẫn trong Lời Chúa và mối thông công với dân sự Đức Chúa Trời nếu họ muốn tăng trưởng và trở nên những chứng nhân có hiệu quả. Hội Thánh đầu tiên không những đã tạo ra những người qui đạo họ còn tạo ra những môn đệ (Mat 28:19-20).

Hai nhóm từ trong Cong 2:42 có thể cần sự giải thích “Bẻ bánh” có thể chỉ về những bữa ăn thông thường của họ, nhưng vào cuối mỗi bữa ăn, họ có thể đã tạm dừng để nhớ đến Chúa bằng cách tiến hành điều mà chúng ta gọi là “Bữa ăn tối của Chúa”. Bánh và rượu là thức ăn bình thường tại một bàn ăn của người Do Thái. Từ “sự thông công” có nghĩa nhiều hơn “cùng nhau” Nó có nghĩa là “có chung” và có lẽ chỉ về sự chia sẻ của cải vật chất được thực hiện trong Hội Thánh đầu tiên. Đây chắc chắn không phải là một hình thức của Chủ nghĩa Cộng sản hiện đại, vì chương trình này hoàn toàn mang tính tự nguyện tạm thời (11:27-30) và được thúc đẩy bởi tình yêu thương.

Hội Thánh được hiệp một (Cong 2:33), ngợi khen Đức Chúa Trời (2:47a) và được gia tăng (2:47b). Hội Thánh đã có một lời chứng kỳ diệu giữa vòng những người Do Thái không được cứu, không chỉ vì những phép lạ được các sứ đồ thực hiện (2:43), mà còn vì cách các thành viên thuộc nhóm thông công yêu thương nhau và hầu việc Chúa. Chúa phục sinh đã tiếp tục đồng công với họ (Mac 16:20) và người ta tiếp tục được cứu. Quả là một Hội Thánh!

Các Cơ Đốc nhân bạn gặp trong sách Công vụ đã không hài lòng nhóm một lần một tuần trong “những lễ thờ phượng thông thường”. Họ nhóm lại hằng ngày (Cong 2:46), quan tâm hằng ngày (6:1), thu phục linh hồn hằng ngày (2:47) tra cứu Kinh Thánh hằng ngày (17:11) và thêm lên số lượng hằng ngày (16:5). Niềm tin Cơ Đốc của họ là một thực tế từng ngày, không phải một thông lệ một lần trong một tuần. Tại sao? Vì Đấng Christ phục sinh là một sự thực sống động đối với họ, và quyền năng phục sinh của Ngài hành động trong đời sống họ qua Thánh Linh.

Lời hứa vẫn còn hiệu lực: “Ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu” (2:21 Ro 10:13) Bạn đã cầu khẩn chưa? Bạn đã tin nhận Chúa Giê-xu để được cứu chưa?

### **3. QUYỀN NĂNG CỦA DANH NGÀI (Cong 3:1-4:4)**

Sự nhấn mạnh trong Cong 3:1-4:37 nói về danh Chúa Giê-xu (3:6,16 4:7,10,12,17,18,30). Dĩ nhiên một tên gọi ngụ ý nhiều hơn sự nhân dạng nó mang với nó thẩm quyền, danh tiếng và thế lực. Khi ai đó nói “bạn có thể sử dụng tên tôi!”, bạn thật lòng hy vọng tên này đáng sử dụng. Nếu một mệnh lệnh được ban ra nhân danh Tổng thống Hoa-kỳ hoặc Thủ tướng Anh quốc, những ai nhận lệnh đều biết rằng họ buộc phải vâng lời. Nếu tôi phải công bố những mệnh lệnh tại Nhà Trắng hay tại số 10 đường Downing (ngay cả nếu tôi có thể bước vào), không ai sẽ chú ý nhiều, vì tên tôi không có thẩm quyền chính thức nào đằng sau nó.

Nhưng danh Chúa Giê-xu có mọi thẩm quyền đằng sau nó, vì Ngài là Con Đức Chúa Trời (Mat 28:18). Vì danh Ngài “trên hết mọi danh” (Phi 2:9-11), Ngài xứng đáng nhận sự thờ phượng và vâng lời của chúng ta. Mỗi quan tâm lớn của các Cơ Đốc nhân đầu tiên là danh của Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời. phải được vinh hiển, và các tín đồ hôm nay phải có cùng một sự quan tâm đó.

Khi chúng ta nghiên cứu phân đoạn này, chúng ta phải chú ý rằng sự nhấn mạnh của người Do Thái rất rõ rệt. Phi-e-rơ đã nói với những người Do Thái (Cong 3:12) và gọi họ là “con cái của đấng tiên tri và của giao ước” (3:25). Ông nói đến các tổ phụ người Do Thái (3:13) cũng như các tiên tri (3:18,21-25). Nhóm từ “kỳ phục hồi” (3:21) rõ ràng thuộc về người Do Thái và chỉ về vương quốc của Đấng Mê-si-a đã được tiên đoán qua các tiên tri. Sứ điệp vẫn đang rao ra “cho người Do Thái trước” (Cong 3:26) và được trình bày bằng những thuật ngữ Do Thái.

Có ba giai đoạn trong sự kiện này, và mỗi giai đoạn đều bày tỏ điều gì đó kỳ diệu về Chúa Giê-xu.

## **1. Sự kinh ngạc: Chúa Giê-xu Đấng Chữa Lành (Cong 3:1-10)**

Các tín đồ vẫn gắn bó với đền thờ và với những giờ cầu nguyện theo truyền thống (Thi 55:17 Da 6:10 Cong 10:30). Hãy nhớ rằng Cong 1:1-10:48 mô tả một sự chuyển tiếp tiệm tiến từ Y-sơ-ra-ên đến dân ngoại, và từ “Cơ Đốc giáo Do Thái” (chú ý 21:10) đến “một thân được” tạo thành từ dân Do Thái và dân ngoại. Phải mất một số năm trước khi nhiều tín đồ Do Thái thật sự hiểu vị trí của dân ngoại trong chương trình của Đức Chúa Trời, và sự hiểu biết này đã không hình thành nếu không có những mâu thuẫn của nó.

Sự tương phản giữa đoạn 2 và 3 thật thú vị: Phi-e-rơ người giảng đạo – Phi-e-rơ người làm việc trực tiếp, đấm đông – một người nghèo sự phục vụ đem đến phước hạnh – sự phục vụ đem đến sự giam cầm và bắt bớ. Những biến cố trong đoạn 3 là một minh họa của phần cuối trong 2:47 cho chúng ta biết thế nào Chúa đã thêm vào Hội Thánh Ngài hằng ngày. Mặc dù Đức Thánh Linh không được nhắc đến trong chương này, Ngài chắc chắn đã hành động trong và qua các sứ đồ, thực hiện chức vụ về việc cứu cá (Lu 5:10). Họ đã chuẩn bị lễ Vượt Qua cuối cùng cho Chúa Giê-xu (Lu 22:8) họ đã chạy đến phần mộ vào sáng Chủ nhật Phục sinh đầu tiên (Gi 20:3-4), và họ đã phục vụ cho dân Sa-ma-ri là những người đã tin Chúa Giê-xu (Cong 8:14). Giờ đây họ đã được đầy dẫy Thánh Linh, các sứ đồ không còn cạnh tranh về sự cao trọng, nhưng sau cùng đã đồng công cách trung tín để gây dựng Hội Thánh (Thi 133:1-3).

Việc Phi-e-rơ chú ý người ăn xin què là một bằng chứng nữa về chức vụ của Thánh Linh. Có thể hàng ngàn người đã ở gần đền thờ (Cong 4:4) và có lẽ có rất nhiều người ăn xin, nhưng Chúa đã bảo Phi-e-rơ chữa lành một người nằm tại Cửa Đẹp. Có 9 cửa dẫn từ sân của dân ngoại vào chính đền thờ. Các học giả không đồng ý nhau, nhưng Cửa đẹp có thể là “cửa Đông” dẫn vào sân của Phụ nữ. Được làm bằng đồng của người Cô-rinh-tô nữa. Cửa này trông giống như vàng và chắc chắn đó là một nơi thích hợp cho một người què ăn xin.

Sự ban cho của bố thí đã là một phần quan trọng niềm tin của người Do Thái, vì vậy những người ăn xin thấy có lợi để ở gần đền thờ. Vì các tín đồ đã góp chung những nguồn của cải của họ (2:44-45) nên hai vị sứ đồ này không có tiền bạc để ban cho nhưng tiền bạc không phải là điều người đàn ông này cần nhất. Ông cần sự cứu rỗi cho linh hồn mình và sự chữa lành cho thân thể mình, và tiền bạc không thể cung cấp được điều nào trong hai điều trên. Bởi quyền năng của danh Chúa Giê-xu, người ăn xin được chữa lành hoàn toàn và ông ấy quá vui mừng và phấn khởi đến nỗi ông hành động như một đứa trẻ, nhảy nhót và ngợi khen Đức Chúa Trời.

Thật dễ nhìn thấy nơi người đàn ông này một minh họa về sự cứu rỗi như thế nào. Ông bị què bẩm sinh, và tất cả chúng ta bẩm sinh không thể bước đi cách đẹp lòng Đức Chúa Trời. Tổ phụ A-đam của chúng ta đã vấp ngã và truyền sự què quặt của người cho tất cả con cháu người (Ro 5:12-21). Người đàn ông này cũng nghèo nàn, và chúng ta như những tội nhân bị phá sản trước mặt Đức Chúa Trời, không có khả năng trả món nợ to lớn mà chúng ta nợ Ngài (Lu 7:36-50). Ông ta “ở ngoài đền thờ”, và mọi tội nhân bị phân cách với Đức Chúa Trời, cho dù họ có thể ở gần cửa. Người này được chữa lành hoàn toàn bởi ân điển Đức Chúa Trời, và sự chữa lành mang tính tức thì (Eph 2:8-9). Ông ta đã bày tỏ chứng cứ về điều Đức Chúa Trời đã làm bằng cách “vừa đi vừa nhảy và ngợi khen Đức Chúa Trời” (Cong 3:8) và bằng cách công khai gắn bó với các sứ đồ, cả trong đền thờ 3:11) và trong tình trạng giam cầm của họ (34:14). Giờ đây ông có thể đứng được, và việc ông này đứng ở đâu chắc không ai thắc mắc!

## **2. Sự buộc tội: Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời (Cong 3:11-16)**

Việc chữa lành người ăn xin què đã thu hút một đám đông bao quanh ba người. Hiên cửa Sa-lô-môn, ở phía đông đền thờ, là một hành lang nơi Chúa chúng ta đã giảng đạo (Gi 10:23) và là nơi Hội Thánh thờ phượng (Cong 5:12).

Trong bài giảng của mình vào lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ đã bác bỏ lời tố cáo rằng các tín đồ say rượu. Trong bài giảng này ông đã phải bác bỏ ý niệm cho rằng ông và Giảng đã chữa lành cho người đàn ông bằng chính quyền năng của họ. Phao-lô và Ba-na-ba đã đối diện với một hoàn cảnh tương tự sau khi chữa lành cho một người què (Cong 14:8-18). Phi-e-rơ lập tức xác nhận nguồn phép lạ – Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời. Một cách khôn ngoan, Phi-e-rơ đã nói rằng đây là Đức Chúa Trời của tổ phụ họ, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham Y-sác và Gia-cốp.

Đức Thánh Linh chắc chắn đã ban cho Phi-e-rơ sự dạn dĩ khi ông nhắc cho dân Do Thái cách họ đã đối xử với Chúa Giê-xu. Họ đã chối bỏ Ngài và nộp Ngài để bị đóng đinh. Thậm chí tội tệ hơn họ đã xin cho một người có tội, Ba-na-ba, được thả tự do để một tù nhân vô tội có thể bị đóng đinh! Để thuyết phục họ tin những tội ác của họ, Phi-e-rơ đã sử dụng nhiều tên gọi và danh hiệu khác nhau dành cho Chúa chúng ta! Con Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu, Đấng Thánh, Đấng Công bình, Chúa (người dẫn đầu) của sự sống. Đây không phải là con người bình thường mà họ đã nộp cho người La Mã để đóng đinh!

Gô-gô-tha có thể là từ cuối cùng của con người, nhưng ngôi mộ trống là từ cuối cùng của Đức Chúa Trời. Ngài đã làm vinh hiển Con Ngài bằng cách khiến Con Ngài sống lại từ cõi chết và đưa Con Ngài trở về trời. Đấng Christ ngự trên ngôi đã ban Thánh Linh Ngài và hành động qua Hội Thánh Ngài. Người ăn xin được chữa lành là chứng cứ rằng Chúa Giê-xu sống. Nếu có một dân nào từng phạm tội lỗi, đó chính là dân mà Phi-e-rơ nói chuyện trong đền thờ. Họ phạm tội giết Đấng Mê-si-a của mình!

Đây có thể không phải là loại sứ điệp chúng ta sẽ rao ra tại một buổi nhóm truyền giảng ngày nay, vì sứ điệp đó được dự trù đặc biệt cho thính giả Do Thái của Phi-e-rơ. Như tại lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ nói với những người đã biết Kinh Thánh và quen thuộc với những sự kiện mới xảy ra trong thành Giê-ru-sa-lem (Lu 24:18). Đó không phải là một nhóm người ngoại đạo dốt nát không có kiến thức tôn giáo. Hơn nữa, các lãnh đạo Do Thái đã gây ra một bất công lớn khi họ bắt giữ và kết tội Chúa Giê-xu và yêu cầu Phi-lát để Ngài bị đóng đinh. Có bao nhiêu công dân đồng ý với quyết định



của họ, chúng ta không biết nhưng bạn có thể hình dung sự hối hận của dân chúng khi họ biết rằng họ đã phản bội và giết Đấng Mê-si-a của chính mình.

Phải có sự kết tội trước khi một tội nhân có thể kinh nghiệm sự qui đạo. Nếu một bệnh nhân không tin rằng mình bị bệnh, người ấy sẽ không bao giờ chấp nhận sự chẩn đoán hoặc nhận sự chữa bệnh. Phi-e-rơ đã biến đền thờ trở thành một phòng xử án và đưa ra mọi chứng cứ cho mọi người thấy. Làm sao hai người đánh cá bình thường lại có thể thực hiện một phép lạ lớn dường ấy nếu Đức Chúa Trời không ở cùng họ? Không ai dám chối phép lạ này vì người ăn xin đứng đó trước mặt họ hết thấy trong “sự mạnh khoẻ trọn vẹn” (Cong 3:16 4:14). Chấp nhận phép lạ này là thừa nhận rằng Chúa Giê-xu thật sự là Con Đức Chúa Trời hằng sống và nhận rằng danh Ngài có quyền năng.

### **3. Sự khích lệ: Chúa Giê-xu, Đấng Christ (Cong 3:17-26 4:1-4)**

(Cong 3:17-26). Nhưng Phi-e-rơ đã không để cho dân chúng vô vọng. Thật ra, ông hầu như ông biện hộ cho họ bằng cách chỉ ra rằng họ đã hành động trong sự ngu dốt (Cong 3:17) trong khi đồng thời họ đã làm ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời (3:18).

Trong luật pháp Cựu Ước, có một sự khác nhau giữa các tội cố ý và các tội về sự ngu dốt (Le 4:1-5:19 Dan 15:22-31). Người phạm tội cách cố tình là một người chống nghịch Đức Chúa Trời và phạm tội trọng. Người ấy phải bị “truất khỏi” dân sự mình (Dan 15:30-31), có thể nghĩa là sự rút phép thông công và thậm chí là sự chết. Tội nhân “ngạo mạn” bướng bỉnh bị kết án, nhưng người phạm tội vô ý và không có chủ tâm được ban cho cơ hội ăn năn và tìm kiếm sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Sự ngu dốt không xoá bỏ được lỗi lầm của tội nhân, nhưng nó làm giảm nhẹ những tình huống.

Chúa Giê-xu đã cầu nguyện: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:34) và Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện ấy. Thay vì giáng sự đoán phạt, Ngài đã sai Thánh Linh đến để ban quyền năng cho Hội Thánh Ngài và để kết án tội nhân hư mất. Hoàn cảnh của Y-sơ-ra-ên giống như hoàn cảnh của “kẻ sát nhân” đã giết chết người láng giềng của mình mà không có ác ý trước, và đã chạy trốn đến Thành Ẩn Náu gần nhất (Dan 35:9-34). Bao lâu người ấy ở trong thành này, người ấy được an toàn, vì khi đó những kẻ báo thù không thể đến gần và giết người ấy. Người ấy được tự do về nhà chỉ sau sự chết của thầy tế lễ thượng phẩm. Phi-e-rơ đã mời gọi “những kẻ giết người” này ẩn trốn bằng đức tin nơi Chúa Giê-xu và tìm thấy nơi ẩn náu trong Ngài (He 6:18).

Trong bài giảng trước, Phi-e-rơ đã giải thích rằng thập tự giá là nơi hội tụ quyền tể trị thiêng liêng và trách nhiệm của con người (Cong 2:23), và ông đã lập lại chân lý này trong bài giảng thứ hai (3:17,18). Có những điều màu nhiệm ở đây mà trí óc con người không thể hiểu đầy đủ, vì vậy chúng ta phải chấp nhận chúng bằng đức tin. Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch từ ngàn xưa, nhưng kế hoạch của Ngài đã không buộc con người hành động ngược với ý chí của riêng họ. Các tiên tri đã tiên báo sự thương khó và sự chết của Đấng Mê-si-a, và dân tộc này đã làm ứng nghiệm những lời tiên tri này mà không nhận biết điều mình đang làm. Khi Đức Chúa Trời không thể chế ngự, Ngài tể trị và luôn hoàn thành những mục đích và sắc lệnh thiêng liêng của Ngài.

Tuyên bố tội ác, đưa ra chứng cứ và giải thích bản chất tội lỗi của họ, khi ấy Phi-e-rơ trình bày cho họ sự tha thứ! (c.19-26). Thật là điều kỳ lạ để vị luật sư công tố trở

thành luật sư biện hộ và là quan án tha thứ! Gánh nặng của Phi-e-rơ là khích lệ dân sự ông tin nhận Đấng Christ và kinh nghiệm sự cứu rỗi nhân từ của Ngài.

Ông bảo họ làm gì? Trước hết, họ phải ăn năn tội lỗi mình (Cong 2:38 5:31 17:30), có nghĩa là có một sự thay đổi suy nghĩ về chính mình, tội lỗi mình và Chúa Giê-xu. Sự ăn năn vượt hơn nhiều so với “cảm giác hối tiếc về tội lỗi bạn”. Như cô bé trường Chúa Nhật đã nói: “Nó có nghĩa là cảm xúc hối tiếc đủ để ngừng lại!”. Những sự buồn rầu giả tạo về tội lỗi có thể chỉ là sự hối hận (“Tôi tiếc là tôi đã bị bắt!”) hay sự ân hận (“Tôi cảm thấy khủng khiếp!”) và những cảm giác như vậy có xu hướng mất đi. Sự ăn năn không giống như “hành xác” như thể chúng ta phải thực hiện một của lễ đặc biệt cho Đức Chúa Trời để chứng minh rằng chúng ta thành thật. Sự ăn năn thật là thừa nhận rằng điều Đức Chúa Trời phán là đúng và vì nó đúng, chúng ta thay đổi suy nghĩ về tội lỗi mình và về Đấng Christ.

Sứ điệp về sự ăn năn không mới mẻ đối với dân Do Thái, vì Giăng Báp-tít đã rao giảng điều đó và Chúa Giê-xu cũng vậy (Mat 3:2 4:17). Theo một ý nghĩa nào đó, sự ăn năn là một sự ban cho từ Đức Chúa Trời (Cong 11:18). Theo ý nghĩa khác, đó là sự đáp ứng của tấm lòng đối với chức vụ cáo trách của Thánh Linh Đức Chúa Trời (26:20). Người thành tâm ăn năn sẽ có ít khó khăn khi đặt niềm tin trong Đấng Christ.

Thứ hai, họ phải được thay đổi, “quay lại” và thực hành đức tin cứu rỗi trong Chúa Giê-xu. Sứ điệp Kinh Thánh là “sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin đối với Chúa Giê-xu chúng ta” (Cong 20:21), và cả hai điều đi đôi với nhau. Nếu chúng ta không từ bỏ tội lỗi mình, chúng ta không thể đặt đức tin cứu rỗi trong Chúa Giê-xu. Đáng tiếc là một số mục sư truyền đạo đã quá lờ đi giáo lý về sự ăn năn đến nỗi những “người qui đạo” của họ thiếu mất một ý thức đúng đắn về sự nhận biết tội lỗi. Sự truyền giảng Phúc Âm quân bình trình bày cho tội nhân cả sự ăn năn và đức tin.

Phi-e-rơ đã công bố điều sẽ xảy ra nếu họ ăn năn và trở lại với Chúa Giê-xu: “hầu cho tội lỗi mình có thể được xoá đi, hầu cho kỳ thơ thái có thể đến từ sự hiện diện của Chúa, hầu cho Ngài có thể sai Chúa Giê-xu đến” (lời dịch theo nghĩa đen). Có một lời hứa cho cá nhân (tội lỗi được tha) và một lời hứa cho dân tộc (kỳ thơ thái thuộc linh). Phi-e-rơ thật sự kêu gọi sự ăn năn của dân tộc vì dân tộc này qua các lãnh tụ của họ đã chối bỏ Đấng Mê-si-a của mình và kết án Ngài phải chết. Sự công bố là nếu dân tộc ăn năn và tin nhận, Đấng Mê-si-a sẽ tái lâm và thiết lập vương quốc đã hứa. Dân tộc này đã không ăn năn – và chắc chắn Đức Chúa Trời đã biết điều này sẽ xảy ra – vì vậy sứ điệp cuối cùng đã chuyển từ dân Do Thái đi đến dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40) và đến với dân ngoại (10:1-48).

Sự nhấn mạnh trong 3:22-25 nói về các tiên tri những người đã rao sự đến của Đấng Mê-si-a. Phi-e-rơ đã trích dẫn từ Môi-se (Phu 18:15,18-19) và nhắc các thánh giả của ông rằng Môi-se đã tiên đoán sự đến của một Đấng tiên tri, và Đấng tiên tri này là Đấng Mê-si-a (Lu 24:19 Gi 1:19-28 6:14). Không vâng lời (“nghe”) Đấng Tiên Tri này đồng nghĩa với sự kết án. Nhưng Môi-se không phải là người duy nhất nói trước sự đến của Chúa Giê-xu, vì mọi tiên tri đã hiệp lại trong sự làm chứng cho Ngài (Lu 24:25-27,44-48).

Khi Phi-e-rơ nói về “những ngày này” ông đang ám chỉ “những ngày” nào? Những ngày thuộc đời sống và chức vụ của Chúa Giê-xu, những ngày khi Đấng Tiên Tri của Đức Chúa Trời sẽ nói với dân Ngài và ban cho họ sự cứu rỗi. Sự chối bỏ Ngài của dân



tộc này đã khiến họ trở nên đặc biệt tội lỗi vì dân Do Thái được đặc quyền là “con của các tiên tri và của giao ước”. Họ đã phạm tội nghịch với một nguồn sự sáng!

Khi Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham, Ngài đã lập một giao ước vô điều kiện với ông và con cháu ông rằng nhờ họ các dân tộc trên thế giới sẽ được phước (Sa 12:1-3). Lời hứa này đã được ứng nghiệm khi Chúa Giê-xu đến trong thế gian qua dân tộc Do Thái (Ga 3:6-14). Sứ điệp Phúc Âm đã đến “với người Do Thái trước” vì dân Do Thái là công cụ được chọn của Đức Chúa Trời nhờ đó dân ngoại sẽ được phước (Cong 3:26 13:46 Ro 1:16). Những Cơ Đốc nhân đầu tiên là người Do Thái và những nhà truyền giáo đầu tiên là người Do Thái.

Nhưng hãy để ý rằng Phi-e-rơ đã không cho phép “những phước hạnh của dân tộc” làm lu mờ trách nhiệm riêng của những cá nhân nghe sứ điệp của ông Cong 3:26). Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-xu sống lại và sai Ngài đến với mỗi người nào từ bỏ tội lỗi mình (chú ý 3:20). Sự ăn năn của dân tộc tùy thuộc nơi sự ăn năn cá nhân, sự đáp ứng của cá nhân tội nhân đối với sứ điệp cứu rỗi. Phi-e-rơ nói với một đám đông, nhưng ông vẫn thực hiện sự ứng dụng mang tính cá nhân.

Sứ điệp của ông sinh ra hai kết quả trái ngược (1) khoảng 2.000 người Do Thái tin Đạo và được biến đổi, và (2) các chức sắc tôn giáo của dân tộc này đã chối từ sứ điệp và tìm cách làm cho các sứ đồ nín lặng. Chúng ta có ở đây khởi đầu của sự bắt bớ mà Chúa Giê-xu đã báo trước về nó cho các môn đệ Ngài (Mat 10:17-18 Lu 21:12-15 Gi 15:18-16:4).

Chúng ta cho rằng người Sa-đu-sê sẽ chống đối sứ điệp vì họ không tin nơi sự sống lại của thân thể con người (Cong 23:6-8). Lời tuyên bố bạo dạn của Phi-e-rơ rằng Chúa Giê-xu đã được khiến sống lại từ cõi chết đã đi ngược lại với niềm tin tôn giáo của họ. Nếu những thường dân nghi vấn về thần học của những lãnh đạo thuộc linh của họ, nó có thể làm suy yếu thẩm quyền của cả hội đồng Do Thái. Thay vì trung thực xem xét chứng cứ, các chức sắc này đã bắt giữ các sứ đồ và tạm giam họ qua đêm, định xét xử họ ngày hôm sau. Tuy nhiên, sự đến của các lính canh đền thờ đã không thể ngăn cản 2.000 người tin nhận Chúa Giê-xu và gắn bó với các tín đồ tại Giê-ru-sa-lem.

Khi bạn xem lại phân đoạn này trong Công vụ, bạn không thể không có ấn tượng về những chân lý thực tiễn đã khích lệ tất cả chúng ta trong việc làm chứng có Đấng Christ.

1. Đức Chúa Trời đã nhین nhục tội nhân hư mất. Các lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đã chối từ chức vụ của Giăng Báp-tít (Mat 21:23-27) và chức vụ của Chúa Giê-xu, nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho họ cơ hội khác để ăn năn và được cứu. Họ đã chối bỏ và giết Đấng Mê-si-a của mình, nhưng Đức Chúa Trời kiên nhẫn giữ lại sự đoán phạt của Ngài và sai Thánh Linh Ngài đối phó với họ. Dân sự Đức Chúa Trời hôm nay cần sự kiên nhẫn khi chúng ta làm chứng cho một thế giới hư mất.

2. Lời chứng thật bao gồm “tin xấu” về tội lỗi và sự vi phạm cũng như “tin tốt lành” về sự cứu rỗi nhờ đức tin trong Chúa Giê-xu. Không thể có đức tin thật trong Đấng Christ trừ khi trước tiên có sự ăn năn xây bỏ tội lỗi. Đó là chức vụ của Đức Thánh Linh để kết án tội nhân hư mất (Gi 16:7-11) và Ngài sẽ làm điều này nếu chúng ta trung tín làm chứng và sử dụng Lời Đức Chúa Trời.

3. Cách để đến với quần chúng là giúp đỡ cá nhân tội nhân. Phi-e-rơ và Giăng đã thu phục người ăn xin què và đời sống ông ta đã dẫn đến sự qui đạo của 2.000 người!

Tôi tớ của Đức Chúa Trời mà không có thời gian cho công việc riêng với cá nhân tội nhân sẽ không được ban cho nhiều cơ hội giảng dạy cho quần chúng lớn. Giống như Chúa Giê-xu, các sứ đồ đã dành thời gian cho các cá nhân.

4. Sự bảo vệ tốt nhất cho chân lý của niềm tin Cơ Đốc là một đời sống được thay đổi. Người ăn xin được chữa lành là “sự phô bày tốt nhất” trong sự bảo vệ của Phi-e-rơ cho sự phục sinh của Chúa Giê-xu. Trong những chức vụ truyền giảng Phúc Âm của mình, Mục sư hội giám lý Samuel Chadwid thường cầu nguyện cho “một La-xa-rơ” trong mọi chiến dịch, “vài tội nhân ghê gớm” nào đó mà sự qui đạo của họ có thể làm sống sót cộng đồng Ông lấy ý niệm từ Gi 12:9-11. Đức Chúa Trời đã nhậm những lời cầu nguyện của ông trong từng buổi nhóm khi những người làm ác có tiếng đã tin nhận Đấng Christ và trở nên những chứng nhân qua đời sống được thay đổi của họ. Chúng ta hãy tìm kiếm những “trường hợp khó” và xem điều Đức Chúa Trời có thể làm!

5. Mỗi khi Đức Chúa Trời chúc phước, Sa-tan xuất hiện để chống lại công việc này và làm nín lặng sự làm chứng và nó thường sử dụng giáo dân để thực hiện công việc của nó. Chính đám đông đã chống đối chức vụ của Chúa Giê-xu cũng đã chống đối công việc của các sứ đồ, và họ sẽ chống đối chức vụ của chúng ta hôm nay. Hãy chờ đợi điều đó, nhưng đừng để nó ngăn trở bạn! Điều quan trọng không phải là chúng ta được dễ chịu, nhưng là danh của Chúa được vinh hiển qua việc rao giảng Phúc Âm.

6. Đức Chúa Trời đã hứa ban phước và sử dụng Lời Ngài, vậy chúng ta hãy trung tín làm chứng. Chúa Giê-xu cũng đã cầu nguyện để sự làm chứng của chúng ta sẽ thành công (Gi 17:20), vậy chúng ta có mọi lý do để được khích lệ. Có quyền năng trong danh Chúa Giê-xu, nên chúng ta không phải sợ hãi khi làm chứng và kêu gọi tội nhân ăn năn.

7. Danh Chúa Giê-xu vẫn có quyền năng! Dù hôm nay chúng ta không thể thực hiện những phép lạ giống các sứ đồ đã được người ta chứng kiến trong Hội Thánh đầu tiên, nhưng chúng ta vẫn có thể nắm giữ thẩm quyền của Chúa Giê-xu khi Ngài hướng dẫn chúng ta trong Lời Ngài.

Chúng ta có thể rao giảng “sự tha tội” trong danh Ngài (Lu 24:17) hầu cho người ta có thể tin và có “sự sống nhờ danh Ngài” (Gi 20:31). Chúng ta có thể cho ai đó một cốc nước lạnh nhân danh Ngài (Mac 9:41), và chúng ta có thể tiếp một đứa trẻ nhân danh Ngài (Mat 18:5). Những chức vụ này có thể dường như không ngoạn mục như việc chữa lành một người què, nhưng chúng vẫn quan trọng đối với công việc của Đức Chúa Trời.

Chúng ta có thể cầu xin nhân danh Ngài khi chúng ta cầu nguyện (Gi 14:13-14 15:16 16:23-26). Khi chúng ta cầu xin Cha điều gì “nhân danh Chúa Giê-xu”, điều đó như thể chính chúa Giê-xu đã cầu xin. Nếu chúng ta ghi nhớ điều này, nó sẽ giúp giữ chúng ta không cầu xin những điều bất xứng với danh Ngài.

Vâng, danh Chúa Giê-xu vẫn còn có thẩm quyền và quyền năng. Chúng ta hãy tiến tới trong danh Ngài và chiến thắng!

Cong 4:1-4, Xem phần giải nghĩa chung với Cong 3:17-26

## 4. SỰ BẮT BỚ, CẦU NGUYỆN VÀ QUYỀN NĂNG (Cong 4:5-31)

Hội Thánh ban đầu đã không có gì thuộc “những thuận lợi” mà một số giáo đoàn lấy làm hãnh diện và phụ thuộc vào chúng hôm nay. Họ đã không có ngân quỹ to lớn do những người quyên góp giàu có cung cấp. Các mục sư của họ đã không có sự chứng nhận của các bậc cầm quyền có uy thế thời bấy giờ. Đa số những người thi hành chức vụ của họ đã có kỷ lục bị bắt giam và có lẽ sẽ rất khó khăn khi gia nhập những Hội Thánh của chúng ta ngày nay, không nói đến việc lãnh đạo Hội Thánh. Bí quyết thành công của họ thật sự là gì? Chương này cung cấp lời giải đáp: các Cơ Đốc nhân của Hội Thánh đầu tiên đã biết cách cầu nguyện để bàn tay Đức Chúa Trời có thể hành động bằng quyền năng mạnh mẽ.

Khi được yêu cầu giải thích bí quyết về chức vụ xuất sắc của mình, mục sư Anh quốc nổi tiếng Charles Haddon Spurgeon đã đáp: “Dân sự tôi cầu nguyện cho tôi”. Thánh Augustine đã nói: “Hãy cầu nguyện như thể mọi sự tùy thuộc nơi Đức Chúa Trời, và hãy làm việc như thể mọi sự tùy thuộc nơi bạn”. Sự cầu nguyện không phải là một sự trốn tránh trách nhiệm đó là đáp ứng của chúng ta đối với khả năng của Đức Chúa Trời. Sự cầu nguyện thật tiếp nghị lực cho chúng ta để sự hầu việc và chiến trận.

Một lần nữa, trung tâm của sự chú ý là danh của Chúa Giê-xu (Cong 4:7,10,12,17,18). Trong chương này, chúng ta thấy điều mà ba nhóm người thực hiện bằng danh Ngài.

### 1. Các sứ đồ: bảo vệ danh chúa (Cong 4:5-14)

Toà án nhóm họp lại (Cong 4:5-7) thực chất bao gồm gia đình của thầy tế lễ cả. Hệ thống Do Thái giáo đã trở nên đồi bại đến nỗi các chức vụ đã được truyền từ người bà con này đến người bà con khác mà không có sự quan tâm đến Lời Đức Chúa Trời. Khi An-ne đã bị truất phế khỏi chức tế lễ, con rể ông là Cai-phe được bổ nhiệm. Thật ra, 5 con trai của An-ne đã giữ chức vụ lúc này hay lúc khác. Có người đã định nghĩa “một người quen thói bao che dung túng người nhà” là “một người xấu xa, biết cách cho con cái mình những món quà tốt”. An-ne chắc chắn là đủ khả năng.

Đây là một buổi họp chính thức của toà Công Luận (4:15), cũng chính hội đồng này vài tháng trước đó đã xử tội chết cho Chúa Giê-xu. Thật ra, các nghị viên này đã nhận ra Phi-e-rơ và Giăng là cộng sự của Chúa Giê-xu (4:13). Toà Công Luận được giao trách nhiệm bảo vệ niềm tin của người Do Thái, và điều này nghĩa là họ phải xem xét mọi giáo sư và sự dạy dỗ mới xuất hiện trong xứ (Phu 13:1-18). Họ chắc chắn có quyền điều tra việc Hội Thánh đang làm, nhưng họ không có quyền bắt giữ những người vô tội từ chối xem xét chứng cứ cách trung thực.

Câu hỏi của họ hợp pháp, nhưng họ đã làm mọi điều có thể để tránh thừa nhận rằng một phép lạ đã xảy ra (Cong 4:14). Họ lẩn tránh và chỉ đề cập đến phép lạ như là “điều này”. Có lẽ họ cũng tỏ ra khinh thường, nên câu hỏi của họ có thể được diễn ý: “Người tầm thường như các ngươi đã lấy thẩm quyền và quyền hạn ở đâu để làm một việc như việc này?” Đó lại là câu hỏi về “bởi danh của ai?” Xét cho cùng, các sứ đồ cũng có thể liên minh với ma quỷ! Cả Sa-tan cũng có thể làm phép lạ!

Phi-e-rơ đã trình bày trường hợp này (Cong 4:8-14) trong quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Hãy để ý rằng Phi-e-rơ một lần nữa đã được đầy dẫy Thánh Linh (2:4) và kinh nghiệm sự đầy dẫy khác trước khi ngày này chấm dứt (4:31). Báp-tem

của Đức Thánh Linh chỉ xảy ra một lần vào lúc qui đạo (ICo 12:13), nhưng phải có nhiều lần đầy đầy Thánh Linh nếu tín đồ muốn làm một chứng nhân hiệu quả cho Chúa Giê-xu (Eph 5:18).

Phi-e-rơ trình trọng khởi sự bằng một sự giải thích về cách phép lạ đã xảy ra. Chắc hẳn những thành viên của toà Công Luận đã nhìn thấy người ăn xin què nhiều lần, và có lẽ họ còn bố thí cho ông ta và thành tâm cầu nguyện cho ông. Người mà ai cũng biết này đã được chữa lành ra sao? “Bởi danh Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét”. Những lời này chắc đã đâm thấu lòng của những thành viên trong hội đồng! Họ nghĩ họ đã giải quyết xong Đấng Tiên tri từ Na-xa-rét, và giờ đây các môn đệ Ngài đang cho mọi người biết rằng Chúa Giê-xu sống! Vì người Sa-đu-sê không tin sự sống lại của kẻ chết, lời tuyên bố của Phi-e-rơ gần như một lời tuyên chiến!

Nhưng Thánh Linh đang cho Phi-e-rơ biết điều gì để nói (Lu 21:12-15) và vị sứ đồ này đã trích dẫn Thi 118:22 rõ ràng là một ám chỉ về Đấng Mê-si-a (Mat 21:12 IPhi 2:4-8). Ông nói rõ ràng những thành viên của hội đồng là “các thợ xây” và họ đã loại bỏ Hòn Đá của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời.

Hình ảnh “hòn đá” không phải mới mẻ đối với những người này là những nhà chuyên môn về Kinh Thánh Cựu Ước. Họ biết rằng “đá” là một biểu tượng về Đức Chúa Trời (Phu 32:4,15,18,31 IISa 22:2 Thi 18:2 Es 28:16), và biết rằng Tiên tri Đa-ni-ên đã dùng tảng đá để phác hoạ Đấng mê-si và sự đến của vương quốc Ngài trên đất (Da 2:31-45). Dân Do Thái đã vấp ngã trên Đá này (Ro 9:32 ICo 1:23) và loại bỏ Ngài, đúng như Thi 118:22 đã tiên đoán. Tuy nhiên, đối với những ai đã tin nhận Ngài, Chúa Giê-xu là đá góc nhà quý báu (IPhi 2:4-8) và là đá góc nhà chính (Eph 2:20).

Phi-e-rơ tiếp tục giải thích rằng Chúa Giê-xu không chỉ là Tảng Đá, Ngài còn là Đấng Christ (Cong 4:12). Phi-e-rơ nhìn thấy trong sự chữa lành người ăn xin là một bức tranh về sự chữa lành thuộc linh đến trong sự cứu rỗi. “Được lành” trong 4:9 là một cách dịch của cùng một từ Hy Lạp được dịch là “được cứu” trong 4:12 vì sự cứu rỗi nghĩa là sự lành lặn và sức khoẻ thuộc linh. Chúa Giê-xu là Vị Thầy thuốc vĩ đại Đấng duy nhất có thể chữa lành bệnh tật trầm trọng nhất của loài người, bệnh của tội lỗi (Mac 2:14-17). Dĩ nhiên, Phi-e-rơ cũng nghĩ đến “cả dân Y-sơ-ra-ên” khi ông nói (Cong 4:10) vì sứ điệp vẫn đang loan ra đặc biệt cho người Do Thái. Ngay cả Thi 118:1-29 mà Phi-e-rơ đã trích dẫn từ đó, cũng nói về một sự cứu rỗi dân tộc trong tương lai dành cho Y-sơ-ra-ên.

## **2. Hội đồng: chống đối danh Chúa (Cong 4:15-22)**

Vấn đề của họ (Cong 4:13-14) là họ ở trong một tình trạng tiến thoái lưỡng nan cho dù họ xoay đường nào, họ đã “bị mắc bẫy”. Họ không thể phủ nhận phép lạ, vì người đàn ông này đang đứng trước mặt họ và lại họ cũng không thể giải thích làm thế nào “những người dốt nát và không được học hỏi” có thể thực hiện một việc lớn như vậy. Phi-e-rơ và Giăng là những người đánh cá bình thường, không phải là những thầy thông giáo chuyên nghiệp hay các mục sư có thẩm quyền của Do Thái giáo. Họ là những môn đệ của Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét, nhưng Ngài đã chết! Hội đồng để ý về sự dạn dĩ và tin quyết của Phi-e-rơ cùng Giăng, cũng như quyền năng những lời nói của Phi-e-rơ, và điều đó càng gây thêm bối rối.

Điều quan trọng cần chú ý là phép lạ tự nó không phải là chứng cứ về sự phục sinh của Đấng Christ hay thậm chí về chân lý của sứ điệp của Phi-e-rơ. Sa-tan có thể làm

phép lạ (ITe 2:9-10) và các tiên tri giả có thể làm những sự lạ (Phu 13:1-5). Phép lạ và sứ điệp, trong khung cảnh của tất cả mọi sự đang diễn tiến từ lễ Ngũ Tuần, là một bằng chứng nữa rằng Chúa Giê-xu đang sống và hành động trong Hội Thánh bởi Thánh Linh Ngài. Trong cả hai bài giảng, Phi-e-rơ đã sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước để hỗ trợ và giải thích những lời tuyên bố của ông, và đây là một bằng chứng về một tiên tri thật của Đức Chúa Trời (Phu 13:1-5 Es 8:20). Phép lạ không phải là một sự thay thế cho Lời Đức Chúa Trời (Lu 16:27-31).

Trong sự bàn luận của mình (Cong 4:15-18), hội đồng đã không tìm kiếm chân lý, nhưng kiếm cách để lẩn tránh chân lý! Nếu họ thật lòng xem xét chứng cứ và nhu mì lắng nghe sứ điệp, họ có thể đã được cứu, nhưng sự kiêu ngạo và cứng lòng của họ đã cản lối. Một số thầy tế lễ cả và các trưởng lão đã kinh nghiệm một tình thế tiến thoái lưỡng nan tương tự suốt kỳ lễ Vượt Qua khi họ tìm cách gài bẫy Chúa Giê-xu trong đền thờ (Mat 21:23-27). Một số người chưa bao giờ biết! Nhưng đáp ứng của họ là chứng cứ cho thấy chỉ phép lạ không thôi thì không bao giờ có thể kết án hay thay đổi tội nhân hư mất. Chỉ có Lời Đức Chúa Trời mới có thể làm được điều đó (Gi 11:45-53 Cong 14:1-20).

Kết luận của họ là “để cho sự việc chết một cái chết tự nhiên”. Điều này nghĩa là đe dọa các sứ đồ và cấm họ dạy dỗ và rao giảng nhân danh Chúa Giê-xu. Sự tuyên án chính thức này cho thấy mức độ kẻ thù sợ lời chứng của Hội Thánh, vì Sa-tan đã tìm cách làm cho dân sự Đức Chúa Trời nín lặng ngay từ ban đầu. Thật buồn mà nói, nó đã thành công với quá nhiều Cơ Đốc nhân, những “chứng nhân im lặng” của Hội Thánh. Ngay cả triết gia hiện sinh Albert Camus đã nói: “Điều mà thế giới trông đợi ở các Cơ Đốc nhân là các Cơ Đốc nhân phải nói ra, lớn tiếng và rõ ràng... bằng một phương cách không bao giờ khơi dậy trong lòng một con người đơn sơ nhất một sự nghi ngờ nào, ngay cả một sự nghi ngờ thoáng qua.

Hội đồng đã không muốn sứ điệp Phúc Âm loan ra, nhưng đó chính xác là điều đã xảy ra! Từ 120 đàn ông và đàn bà cầu nguyện trong Cong 1:1-26 Hội Thánh đã gia tăng hơn 3.000 người vào ngày lễ Ngũ Tuần và giờ đây có hơn 5.000 môn đệ trong sự thông công. Trong những ngày kế tiếp, người tin theo đã được thêm nhiều cho Chúa, nam nữ đều đông lắm” (5:14 6:1,7).

Sự thất bại của hội đồng (Cong 4:19-22) đã rõ rệt khi Phi-e-rơ từ chối để bị hăm dọa bởi những lời đe dọa của họ. Tất cả chúng ta cần noi gương Phi-e-rơ và thực hiện những quyết định của mình trên cơ sở “điều đó đúng không?” chứ không phải “điều đó được người ta ưa chuộng không?” hay “điều đó có an toàn không?”. Tuy nhiên, chúng ta phải biết chắc rằng mình có sự dạy dỗ rõ ràng về Lời Đức Chúa Trời cho phần mình trước khi chúng ta tuyên bố quan điểm ngược lại thẩm quyền của nhà cầm quyền. Phi-e-rơ biết điều Chúa đã ra lệnh các tín đồ phải thực hiện (Cong 1:8) và ông vâng lời Ngài bằng bất cứ giá nào.

Ngày nay việc đề xướng những mục đích khác nhau bằng cách coi thường nhà cầm quyền, bất phục luật pháp, và bảo vệ những hành động này trên cơ sở của lương tâm là điều phổ biến. Vì ngay cả một số Cơ Đốc nhân cũng có liên quan trong sự tiếp cận này với hoạt động xã hội, thật quan trọng để hiểu loại “chống đối pháp luật” do những người trong Kinh Thánh đã hành động. Phi-e-rơ và Giăng là những người duy nhất bất phục chính quyền để hầu việc Đức Chúa Trời. Một danh sách “những người phản đối có lương tâm tận tụy” sẽ thêm vào giữa những người khác: Các bà mẹ Do Thái

(Xu 1:1-22), cha mẹ của Môi-se (He 11:23), Đa-ni-ên (Da 1:1-21 6:1-28), ba bạn Hê-bơ-rơ (Da 3:1-30). Khi bạn nghiên cứu những ghi chép này, bạn khám phá những nguyên tắc Thánh Kinh mà bởi đó họ đã hành động, những nguyên tắc mà không phải lúc nào cũng được làm theo ngày nay.

Trước hết, mỗi người trong số những người phản đối” này đã có một sứ điệp từ Đức Chúa Trời mà không thể bị thách mắc. Các bà mẹ và cha mẹ của Môi-se biết rằng giết các trẻ sơ sinh là sai trái. Đa-ni-ên và các bạn ông, và ba bạn Hê-bơ-rơ biết rằng ăn thức ăn cúng cho thần tượng hoặc quỳ trước thần tượng để thờ phượng là sai trái. Phi-e-rơ và Giăng biết rằng họ ở dưới những mệnh lệnh của Chúa họ để rao giảng Phúc Âm đến cùng trái đất, và biết rằng sẽ sai trái nếu vâng lời Toà Công luận. Tất cả những người này đã trung tín vâng theo một lời rõ ràng của Đức Chúa Trời chớ không chỉ làm theo ý muốn riêng bất chợt đầy ích kỷ của bản thân họ.

Thứ hai, những lời kết tội của họ đã đụng đến mọi lãnh vực của đời sống họ. Nói cách khác, họ đã làm mọi điều “bằng lương tâm đối với Đức Chúa Trời” (IPhi 2:19) vì họ thuộc về Đức Chúa Trời. Ngày nay, sinh viên đại học nào có lương tâm cho phép mình gian lận những kỳ thi hoặc lái xe trong khi say sưa, nhưng không đăng ký phục vụ quân đội, không làm tội tin rằng người ấy thực sự đang trau dồi một lương tâm lành mạnh. Khi toàn bộ đời sống của một người ở dưới sự hướng dẫn của một lương tâm tin kính. Khi ấy tôi thấy dễ hơn để có sự tin tưởng, nơi những quyết định không được lòng người của anh ta.

Cũng hãy để ý rằng những gương mẫu của chúng ta trong Kinh Thánh đã hành động với sự tôn trọng và nhã nhặn, ngay cả khi họ bất chấp luật pháp. Cơ Đốc nhân có thể tôn trọng thẩm quyền và đồng thời không vâng theo nhà cầm quyền (Ro 13:1-14 IPhi 2:13-25 Tit 3:1-2). Đa-ni-ên đã tìm cách tránh đưa người lính canh của ông vào rắc rối, và các sứ đồ đã sử dụng những sự bắt giữ họ như những cơ hội để làm chứng. Đây hoàn toàn là điều trái ngược với một số “Cơ Đốc nhân phản đối” ngày nay những người dường như chuyên về sự phản đối và tố cáo hơn là sự làm chứng yêu thương.

Dĩ nhiên, tám gương tuyệt vời nhất về sự chịu khổ bất công là gương của Chúa Giê-xu, và chúng ta phải bắt chước Ngài (IPhi 2:13-25). Chúa Giê-xu dạy chúng ta rằng sự phản kháng công bình chống lại sự bất công luôn đòi hỏi sự hy sinh và sự chịu khổ, và phải được thúc đẩy bởi tình yêu thương. Dân sự Đức Chúa Trời phải cẩn thận để không mặc cho thành kiến của mình những lớp vỏ của “sự phẫn nộ công bình” và mạo nhận chúng như những người lính can đảm của lương tâm. Chúng ta phải thành thật xét lòng mình để chắc chắn chúng ta sẽ không tiến hành một “cuộc thánh chiến” chỉ để thoả mãn những bực mình bên trong.

Do không thể đưa ra một vụ kiện thật nào hội đồng chỉ có thể dọa những người này và cho họ đi. Xét cho cùng, khi bạn có một phép lạ sống động trước mặt mình, cũng như một sự tán thành của quần chúng quanh mình, bạn phải cẩn thận điều mình làm!

### **3. Hội Thánh: kêu cầu danh Chúa (Cong 4:23-31)**

Sự tập trung về quyền năng lớn nhất trong thành Giê-ru-sa-lem hôm ấy là trong buổi nhóm cầu nguyện sau cuộc xét xử. Đây là một trong những sự cầu nguyện thật



sự tuyệt vời được chép trong Kinh Thánh, và đó là một gương bổ ích cho chúng ta noi theo.

Trước hết, đó là một sự cầu nguyện xuất phát từ sự làm chứng và hầu việc cho Chúa. Phi-e-rơ vừa mới bước vào “từ những đường hào”, và Hội Thánh đã nhóm lại cầu nguyện để đánh bại kẻ thù. Rất thường ngày nay, các tín đồ nhóm lại để cầu nguyện như thể tham dự một buổi hoà nhạc hay một bữa tiệc. Có ít ý thức về sự cấp bách và nguy hiểm vì đa số chúng ta đều thoả mái trong lối sống Cơ-đốc. Nếu có thêm dân sự Đức Chúa Trời làm chứng cho Đấng Christ trong đời sống hằng ngày, sẽ có thêm sự cấp bách và phước hạnh khi Hội Thánh nhóm lại để cầu nguyện.

Đó là buổi nhóm cầu nguyện hiệp nhất vì họ đã “một lòng cất tiếng lên cầu Đức Chúa Trời” (Cong 4:24 1:14). Những người này đồng một lòng và trí, và Đức Chúa Trời hài lòng nhậm những lời thỉnh cầu của họ. Sự chia rẽ trong Hội Thánh luôn ngăn trở sự cầu nguyện và cướp đi của Hội Thánh quyền năng thuộc linh.

Sự cầu nguyện của họ được dựa vững chắc trên Lời Đức Chúa Trời, trong trường hợp này là Thi 2:1-12. Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện phải luôn đi đôi với nhau (Gi 15:7). Trong Lời Ngài, Đức Chúa Trời phán với chúng ta và cho chúng ta biết điều Ngài muốn làm. Trong sự cầu nguyện, chúng ta nói với Ngài và khiến bản thân sẵn sàng thực hiện ý muốn Ngài. Sự cầu nguyện thật không phải là cho Đức Chúa Trời biết điều phải làm, nhưng cầu xin Ngài thực hiện ý muốn Ngài trong chúng ta và qua chúng ta (IGi 5:14-15). Điều đó có nghĩa là để ý muốn của Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất, không phải ý muốn của con người được thực hiện trên trời.

Họ đã không cầu xin để những hoàn cảnh của họ được thay đổi hay kẻ thù họ mất chức. Đúng hơn, họ cầu xin Đức Chúa Trời ban quyền năng cho họ để tận dụng mọi hoàn cảnh của mình và hoàn thành điều Ngài đã định (Cong 4:28). Đây không phải là “thuyết định mệnh” nhưng là đức tin nơi Chúa của lịch sử Đấng có một kế hoạch hoàn hảo và luôn đắc thắng. Họ cầu xin sự giúp đỡ thiêng liêng, không phải sự trốn chạy, và Đức Chúa Trời đã ban cho họ quyền năng họ cần.

Philip Brooks đã viết: “Đừng cầu xin đời sống dễ chịu. Hãy cầu xin được làm những người nam người nữ mạnh mẽ hơn. Đừng cầu xin những nhiệm vụ ngang với năng lực của bạn. Hãy cầu xin được năng lực ngang với nhiệm vụ của bạn”. Đó là cách các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã cầu nguyện, và đó là cách dân sự Đức Chúa Trời phải cầu nguyện hôm nay.

Họ đã xưng Đức Chúa Trời là “Chúa tối cao”, Đức Chúa Trời Đấng điều khiển mọi sự. Từ Hy Lạp cho chúng ta từ tiếng Anh là “despot” người cai trị thực hiện uy quyền tuyệt đối, hoặc nhân từ hoặc chuyên quyền. Si-mê-ôn đã sử dụng cùng một danh này khi ông cầu nguyện trong đền thờ (Lu 2:29). Thật hữu ích để biết Chúa Tối Cao khi bạn kinh nghiệm sự bất bớ.

Họ cũng đã đến gần Ngài như Đấng Sáng tạo, vì xét cho cùng, nếu Cha bạn là “Chúa của Trời và Đất”, và bạn phải sợ gì chớ? (Mat 11:25-30). Nê-hê-mi đã đến gần Đức Chúa Trời trên chính cơ sở này (Ne 9:6), và tác giả Thi thiên (Thi 145:1-21) cùng tiên tri Ê-sai Es 42:1-25 cũng đã làm vậy. Những năm về sau, khi viết thư đầu tiên, Phi-e-rơ đã khích lệ các thánh đồ chịu khổ dằng mình cho Đấng sáng tạo thành tín (IPhi 4:19).

Thi 2:1-12 mô tả sự nổi loạn của các nước chống lại Chúa và Đấng Christ của Ngài. Thi thiên này vốn ra đời từ sự lên ngôi của một vua mới trong Y-sơ-ra-ên, có lẽ là Đa-vít hoặc Sa-lô-môn. Nhưng sứ điệp chủ yếu chỉ về Vua của muôn vua, Chúa Giê-xu. Mỗi khi một vua mới được lên ngôi, các vua chư hầu xung quanh được yêu cầu đến và quy phục Ngài, nhưng một số vua chối từ làm việc này. Đức Chúa Trời chỉ cười vào sự nổi loạn của họ, vì Ngài biết họ không bao giờ có thể đứng lên chống lại Vua của Ngài.

Các tín đồ đầu tiên đã áp dụng sứ điệp của Thi thiên này vào hoàn cảnh riêng của họ và nhận ra những kẻ đối địch họ là Hê-rốt, Phi-lát, người La Mã và người Do Thái. Những kẻ thù này đã “câu kết nhau” chống lại Chúa Giê-xu Christ và thậm chí đóng đinh Ngài, nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết và đưa Ngài lên ngôi trên trời. Mọi điều này là một phần của kế hoạch hoàn hảo của Đức Chúa Trời (Cong 2:23 3:18), vì vậy không cần thiết để sợ hãi.

Hội Thánh đầu tiên đã tin mạnh mẽ nơi sự tể trị của Đức Chúa Trời và công tác trọn vẹn của Ngài cho dân sự Ngài. Nhưng hãy chú ý rằng họ đã không để cho đức tin của mình nơi sự tể trị thiêng liêng huỷ hoại trách nhiệm con người, vì họ đã trung tín làm chứng và cầu nguyện. Chính khi dân sự Đức Chúa Trời ra khỏi sự quân bình và quá nhấn mạnh sự tể trị hoặc trách nhiệm là lúc Hội Thánh đánh mất quyền năng. Một lần nữa, chúng ta được nhắc nhở về những lời khôn ngoan của Augustine “Hãy cầu nguyện như thể mọi sự tùy thuộc nơi Đức Chúa Trời, và hãy làm việc như thể mọi sự tùy thuộc nơi bạn”. Đức tin nơi Chúa tối cao là một sự khích lệ to lớn cho dân sự Đức Chúa Trời để cứ hầu việc Chúa khi hoàn cảnh khó khăn.

Họ đã không cầu xin sự bảo vệ, họ cầu xin quyền năng. Họ đã không cầu xin lửa từ trời huỷ diệt kẻ thù (Lu 9:51-56), nhưng cầu xin quyền năng từ trời để rao giảng Lời Chúa và chữa lành kẻ bệnh tật (Mat 5:10-12,43-48). Ước muốn lớn lao của họ là sự dạn dĩ trong việc đương đầu với sự chống đối (Cong 4:17). Sự nhấn mạnh là về bàn tay Đức Chúa Trời đang hành động trong đời sống của Hội Thánh (c.28,30), không phải bàn tay con người làm việc cho Đức Chúa Trời. Sự cầu nguyện có niềm tin làm lay động quyền năng của Đức Chúa Trời và giúp cho bàn tay của Đức Chúa Trời chuyển động (Es 50:2 64:1-8).

Sau cùng, hãy chú ý rằng họ muốn làm sáng danh Con Đức Chúa Trời (tôi tớ) Chúa Giê-xu Christ (Cong 4:27,30). Chính danh Ngài đã ban cho họ quyền năng để giảng dạy Lời Chúa và làm phép lạ, và chỉ danh Ngài xứng đáng được vinh hiển. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, không phải những việc làm của con người, là mục đích cao nhất của lời cầu nguyện được nhậm.

Sự nhậm lời của Đức Chúa Trời là làm rung động nơi họ đang nhóm lại và làm đầy dẫy dân sự một lần nữa bằng Thánh Linh Đức Chúa Trời (Cong 4:31). Điều này cho họ sự dạn dĩ họ cần để tiếp tục hầu việc Đức Chúa Trời bất chấp sự chống đối công khai. Đây không phải “lễ Ngũ Tuần thứ hai”, vì không thể có lễ Ngũ Tuần nào khác cũng như không thể có đời Gô-gô-tha khác. Đó là một sự đầy dẫy Thánh Linh để trang bị cho các tín đồ hầu việc Đức Chúa Trời và giảng dạy cho dân chúng.

Chúng ta sẽ xem xét Cong 4:32-37 trong bài học kế tiếp, nhưng đáng chú ý là sự đầy dẫy mới của Thánh Linh đã tạo nên một sự đoàn kết sâu sắc hơn giữa vòng dân sự (Cong 4:34) và một ước muốn lớn hơn để hy sinh và chia sẻ với nhau. Họ vui hưởng

“quyền năng lớn” và “ân điển lớn” đó phải là những đặc điểm của một Hội Thánh “lớn”. Điều này dẫn đến một sự gạt hái lớn những linh hồn cho Chúa.

“Lạy Chúa, Ngài là Đức Chúa Trời!”. Quả là một lời tuyên ngôn đức tin và thật là một ứng dụng thực tiễn của thần học tốt! Tuy nhiên nếu đời sống của họ không chịu thuận phục sự điều khiển của Ngài, họ không thể cầu nguyện cách ấy. Sự dạn dĩ trong cầu nguyện là kết quả của sự trung tín trong đời sống và sự hầu việc. Quyền tối cao của Đức Chúa Trời không phải là một giáo lý trừu tượng mà chúng ta chấp nhận và bảo vệ. Đó là một chân lý sống mà chúng ta hành động theo và nhờ cậy cho mọi nhu cầu. Khi bạn trung thành với Chúa và đặt Ngài lên hàng đầu (Cong 4:19), vậy bạn có thể tin Ngài thành tín với bạn và hiểu thấu bạn.

Danh Chúa Giê-xu đã không mất đi quyền năng của nó, nhưng nhiều dân sự của Đức Chúa Trời đã đánh mất quyền năng của mình vì họ đã thôi cầu nguyện với Đức Chúa Trời tối cao. “Không có gì nằm ngoài tầm của sự cầu nguyện trừ phi nó nằm ngoài ý muốn Đức Chúa Trời”. Tôi không biết ai đã nói vậy trước tiên, nhưng nhận định này tuyệt đối đúng. Tấn sĩ R.A.Torrey, nhà truyền đạo và là nhà giáo dục nổi tiếng đã nói: “Hãy cầu nguyện cho những việc lớn, hãy trông chờ những việc lớn, hãy làm việc vì những việc lớn, nhưng trên hết – hãy cầu nguyện”.

Hội Thánh đầu tiên đã cầu nguyện, và Đức Chúa Trời đã nhậm lời trong quyền năng lớn lao.

Đức Chúa Trời vẫn sẵn sàng đáp lời

Chúng ta sẽ cầu nguyện chớ?

## **5. HÃY COI CHỪNG CON RẮN! (Cong 4:32-5:16)**

Sa-tan đã thất bại hoàn toàn trong nỗ lực của nó để dập tắt sự làm chứng của Hội Thánh. Tuy nhiên, kẻ thù này không bao giờ đầu hàng, nó chỉ thay đổi chiến lược của mình. Cách tiếp cận trước tiên của nó là tấn công Hội Thánh từ bên ngoài, hy vọng rằng sự bắt bớ và đe dọa sẽ làm các lãnh đạo sợ hãi. Khi cách ấy thất bại, Sa-tan quyết định tấn công Hội Thánh từ bên trong sử dụng những người thuộc nhóm thông công.

Chúng ta phải đối diện vấn đề Sa-tan là một kẻ thù khôn khéo. Nếu nó không thành công như “sự tử rống” (IPhi 5:8), vậy nó lại tấn công như “con rắn lừa dối” hay một “thiên sứ sáng láng” (II Co 11:3,13-14). Sa-tan vừa là một kẻ giết người vừa là một kẻ nói dối (Gi 8:44), và Hội Thánh phải được chuẩn bị cho cả 2 sự tấn công.

### **1. Sự rời rộng của các tín đồ (Cong 4:32-37)**

Các tín đồ đã cầu nguyện và Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã đổ đầy trên họ và ban cho họ sức mới. Hội Thánh cậy nơi sự cầu nguyện có đức tin sẽ biết sự chúc phước của Thánh Linh trong chức vụ mình. Chúng ta có thể nói sao khi một Hội Thánh địa phương thật sự đầy dẫy Thánh Linh? Khi bạn quay lại sự kiện về sự đổ đầy đầu tiên tại lễ Ngũ Tuần (Cong 2:44-47), bạn khám phá ba đặc điểm nổi bật của một Hội Thánh được đầy dẫy Thánh Linh.

Trước hết, một Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh được hiệp nhất (2:44,46). Đây là một sự hiệp nhất thuộc linh do Đức Chúa Trời ban cho, không phải một sự đồng nhất về tổ chức do con người tạo ra. Hội Thánh là một cơ thể được hiệp lại bởi sự sống, và sự sống đó đến qua Thánh Linh. Dĩ nhiên, Hội Thánh phải có tổ chức vì nếu một cơ thể không có tổ chức, nó sẽ chết. Tuy nhiên, khi sự tổ chức bắt đầu ngăn trở sự sống

và chức vụ thuộc linh, khi đó Hội Thánh trở nên như một tổ chức tôn giáo khác tồn tại để giữ cho chính nó hoạt động. Khi Thánh Linh hành động, dân Đức Chúa Trời sẽ được hiệp lại trong niềm tin giáo lý của họ, cũng như trong mối thông công sự ban cho và sự thờ phượng (Cong 2:32).

Thứ hai, một Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh được ngợi khen và sẽ dành được “sự ủng hộ của cả dân chúng” (Cong 2:47). Bất chấp sự chống đối của các quan chức, những thường dân được muốn hút đến với các tín đồ vì có điều gì đó mới mẻ và thích thú đang xảy ra. Khi các chức sắc tôn giáo tìm cách làm cho Hội Thánh nín lặng, chính sự sợ dân chúng của họ đã ngăn trở họ (4:21 5:26). Vâng một Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh sẽ lôi cuốn sự chú ý và sự khâm phục của dân chúng. Những người đói khát được biết Đức Chúa Trời.

Thứ ba, một Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh được thêm lên, vì mỗi ngày Chúa sẽ thêm những tín đồ mới cho Hội Thánh (2:41). Sự truyền giảng Phúc Âm sẽ không phải là công tác của một số ít người được chọn, nhưng là sự vui thích và chức vụ thường ngày của cả hội chúng. Trong Hội Thánh đầu tiên, mỗi thành viên đã tìm cách làm một chứng nhân hữu hiệu cho Chúa Giê-xu, bất kể nơi nào người ấy tình cờ có mặt. Không có gì ngạc nhiên khi Hội Thánh phát triển từ 120 người đến hơn 5.000 người chỉ trong một thời gian ngắn!

Sự tấn công của Sa-tan đã ảnh hưởng ra sao đến hoàn cảnh thuộc linh của Hội Thánh? Chẳng có gì cả! Sự kiện Phi-e-rơ và Giăng bị bắt, bị xét xử và bị đe dọa tuyệt đối không ảnh hưởng gì trên đời sống thuộc linh của Hội Thánh, vì Hội Thánh vẫn được hiệp nhất (4:32), được ngợi khen (4:33) và được thêm lên! (4:32).

Một chứng cứ về sự hiệp nhất của Hội Thánh là cách họ hy sinh và san sẻ với nhau. Khi Đức Thánh Linh hành động, sự ban cho là một phước hạnh chứ không phải một gánh nặng. Chúng ta phải nhớ rằng “chủ nghĩa cộng sản Cơ-đốc” này thật không giống với chủ nghĩa cộng sản về chính trị của thời đại chúng ta. Điều mà các tín đồ đã làm hoàn toàn mang tính tự nguyện (5:4) và được thúc đẩy bởi tình yêu thương. Có lẽ nhiều người trong số các tân tín hữu là những khách viếng thăm tại Giê-ru-sa-lem, đã đến vì những kỳ lễ, và họ đã phải nhờ vào những người bạn Cơ Đốc giúp đáp ứng những nhu cầu hằng ngày của họ.

Chúng ta cũng không nên nghĩ rằng mỗi tín đồ đã bán hết của cải mình và đem tiền đến các sứ đồ. Câu (Cong 4:34 chỉ ra rằng một số thuộc viên “thỉnh thoảng” bán một số tài sản và góp vào quỹ chung. Khi hội chúng có nhu cầu, Thánh Linh hướng dẫn ai đó bán món đồ nào đó và đáp ứng nhu cầu.

Mặc dù tinh thần hy sinh và lòng rộng rãi yêu thương của Hội thánh đầu tiên xứng đáng cho sự thi đua của chúng ta, nhưng các tín đồ ngày nay không buộc phải bắt chước những hành động này. Những nguyên tắc về sự ban cho Cơ Đốc được phác thảo trong các thư tín, đặc biệt trong IICo 8:1-9:15 và không chỗ nào chúng ta được hướng dẫn đem tiền bạc mình và đặt nó nơi chân mục sư (Cong 4:35) như thể người ấy là một sứ đồ. Chính tinh thần về sự ban cho của họ là quan trọng, đối với chúng ta ngày nay chứ không phải “chủ nghĩa” của hệ thống của họ.

Giô-sép, được đặt tên là “Ba-na-ba” (con trai của sự yên ủi) được giới thiệu tại thời điểm này vì nhiều lý do. Trước hết ông là một người ban cho rộng rãi và minh họa chính điều mà bác sĩ Lu-ca đã mô tả. Thứ hai, hành động cao quý của ông rõ ràng đã khiến A-na-nia và Sa-phi-ra đầy ghen tị nên họ đã cố gắng gây ấn tượng cho Hội

Thánh bằng sự ban cho của mình và đi đến kết thúc bị giết. Thứ ba, Ba-na-ba sẽ có một chức vụ quan trọng trong Hội Thánh và được nhắc đến 25 lần trong sách Công vụ và 5 lần trong các thư tín. Thật ra, chính Ba-na-ba là người đã khích lệ Phao-lô trong sự hầu việc Chúa đầu tiên của ông (Cong 9:26-27 11:19-30 13:1-5) và là người đã cho người bà con mình Giăng Mác sự khích lệ ông cần sau sự thất bại (13:13 15:36-41 Co 4:10).

Người Lê-vi không được phép làm chủ đất, vì vậy thật khó hiểu cách nào Ba-na-ba đã có được tài sản mà ông đã bán. Có lẽ luật đặc biệt đó (Dan 18:20 Phu 10:9) đã áp dụng chỉ trong xứ Palestine và tài sản này ở trong xứ Chíp-rơ, hoặc có lẽ các chức sắc tôn giáo đời bại đã trở nên buông lỏng trong việc củng cố luật pháp. Có nhiều điều chúng ta không biết về Giô-sép Ba-na-ba, nhưng chúng ta thật biết điều này: ông là người đầy dẫy Thánh Linh, là sự khích lệ đối với Hội Thánh vì ông đã dâng tất cả cho Chúa không phải mọi tín đồ đều có thể giống Phi-e-rơ và Giăng, nhưng chúng ta đều có thể giống như Ba-na-ba và có một chức vụ về sự khích lệ.

## **2. Sự giải hình của A-na-nia và Sa-phi-ra (Cong 5:1-11)**

George Mac Donald đã viết: “Phân nửa sự khốn khổ trên thế giới đến từ việc cố gắng tỏ ra, thay vì cố gắng trở nên điều mà một người không đạt được”. Tên mà Chúa Giê-xu đã dành cho hành động này là “sự giả hình”, đơn giản nghĩa là “mang một mặt nạ, đóng vai diễn viên”. Chúng ta không nên nghĩ rằng sự thất bại không đạt được những lý tưởng của mình là sự giả hình, vì không có tín đồ nào sống đúng với mọi điều người ấy biết hoặc có trong Chúa. Sự giả hình là sự dối trá có chủ tâm, cố gắng làm cho người ta nghĩ chúng ta thuộc linh nhiều hơn thực trạng của mình.

Khi làm mục sư trong Hội Thánh đầu tiên của mình, Chúa đã hướng dẫn chúng tôi xây dựng một nhà thờ mới. Chúng tôi không phải là một hội chúng giàu có, vì vậy những kế hoạch của chúng tôi đã phải khiêm tốn. Vào một thời điểm trong việc lập kế hoạch, tôi đã đề nghị với kiến trúc sư rằng có lẽ chúng tôi có thể xây dựng một công trình đơn giản với một mặt tiền công phu hơn để làm cho nó có vẻ càng giống một nhà thờ sang trọng.

Ông ta đáp: “tuyệt đối không! Một nhà thờ đại diện cho lẽ thật và sự trung thực, và bất cứ nhà thờ nào mà tôi thiết kế sẽ không có một mặt tiền! Một toà nhà phải cho biết sự thật chứ không giả vờ là cái mà nó không phải vậy”.

Những năm sau đó, tôi tình cờ thấy bài thơ này, mà tựa nó là một bài giảng:

Họ đã xây mặt tiền giống như thánh đường Mark

Hoặc giống như Tu viện Westminster

Và rồi, như thể lừa dối Chúa

Họ làm những phần phía sau tồi tàn.

Đó là tội lỗi của A-na-nia và Sa-phi-ra: mang một “vẻ ngoài” đáng yêu để che giấu tội lỗi tồi tệ trong đời sống họ, tội lỗi mà phải trả bằng mạng sống của họ.

A-na-nia nghĩa là “Đức Chúa Trời nhân từ”, nhưng ông biết rằng Đức Chúa Trời cũng thánh khiết và Sa-phi-ra nghĩa là “đẹp” nhưng lòng bà xấu xa với tội lỗi. Có thể một số người đã sửng sốt khi họ đọc biết rằng Đức Chúa Trời đã giết hai người chỉ vì họ nói dối về một việc mua bán và về việc dâng hiến cho Hội Thánh của mình. Nhưng

khi bạn xem xét những đặc điểm có liên quan đến tội lỗi này bạn phải đồng ý rằng Đức Chúa Trời đã làm việc đúng bằng cách đoán phạt họ.

Đáng chú ý là Đức Chúa Trời đoán phạt tội lỗi nghiêm khắc ngay từ đầu một giai đoạn mới trong lịch sử cứu rỗi. Ngay sau khi đền tạm được dựng lên, Đức Chúa Trời đã giết Na-đáp và A-bi-hu vì tìm cách dâng cho Chúa “lửa lạ” (Le 10:1-20). Ngài cũng đã để A-can bị giết vì bất tuân mệnh lệnh sau khi Y-sơ-ra-ên đã vào Đất Hứa (Gios 7:1-26). Mặc dù Đức Chúa Trời chắc chắn không chịu trách nhiệm về tội lỗi họ, nhưng Ngài đã sử dụng những sự đoán phạt này như những lời cảnh cáo cho dân sự và ngay cả cho chúng ta (ICo 10:11-12).

Trước hết, tội lỗi của A-na-nia và Sa-phi-ra đã do Sa-tan tiếp sức (Cong 5:3) và đó là một vấn đề nghiêm trọng. Nếu Sa-tan không thể đánh bại Hội Thánh bằng những sự tấn công từ bên ngoài, nó sẽ tiến vào bên trong và làm việc (Cong 20:28-31). Nó biết cách lừa dối lòng và trí của các thuộc viên Hội Thánh, cả những Cơ Đốc nhân thật, và khiến họ làm theo những mệnh lệnh của nó. Chúng ta đừng quên rằng lời khuyên về giáp thuộc linh (Eph 6:10-18) đã được viết cho dân sự Đức Chúa Trời, không phải cho những người vô tín, vì chính Cơ Đốc nhân là những người ở trong nguy cơ bị Sa-tan lợi dụng để thực hiện những mục đích xấu xa của nó.

Oliver Wendell Holmes đã viết: “Tội lỗi có nhiều công cụ, nhưng sự nói dối là một cái cán vừa vặn cho tất cả”. Sa-tan là một kẻ nói dối và kẻ giết người (Gi 8:44). Nó đã nói dối với A-na-nia và Sa-phi-ra và qua đôi vợ chồng này, và sự nói dối dẫn đến sự chết của họ. Khi Đức Chúa Trời đoán phạt A-na-nia và Sa-phi-ra, Ngài cũng đoán phạt Sa-tan. Ngài để mọi người biết rằng Ngài sẽ không dung thứ sự lừa dối trong Hội Thánh Ngài.

Tội lỗi của họ bị thúc đẩy bởi sự kiêu ngạo, và kiêu ngạo là một tội lỗi mà Đức Chúa Trời đặc biệt ghét và đoán phạt (Ch 8:13). Chắc hẳn Hội Thánh đang ngợi khen Đức Chúa Trời về sự dâng hiến rộng rãi mà Ba-na-ba đã đem đến thì Sa-tan thì thầm với đôi vợ chồng: “Các ngươi cũng có thể sưởi ấm trong thứ vinh hiển này! Các ngươi có thể khiến người khác nghĩ rằng các ngươi thuộc linh như Ba-na-ba!”. Thay vì chống lại những cách tiếp cận của Sa-tan, họ đã đầu phục nó và vạch chiến lược của mình.

Chúa Giê-xu đã cho biết rõ rằng chúng ta phải cẩn thận cách chúng ta ban cho, kẻo vinh hiển thuộc về Đức Chúa Trời sẽ được dành cho chúng ta (Mat 6:1-4,19-34). Người Pha-ri-si rất giỏi gọi sự chú ý vào những sự ban cho của họ, và họ đã nhận những lời khen ngợi của con người, nhưng đó là tất cả những gì họ đã nhận. Bất cứ điều gì chúng ta có, Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta, chúng ta là những quản gia, không phải những chủ nhân. Chúng ta phải sử dụng điều Ngài ban cho chúng ta vì vinh hiển của Ngài mà thôi (Gi 5:44).

Daniel Defoe đã gọi sự kiêu ngạo là “nhà quý tộc và tổng thống đầu tiên của địa ngục”. Thật vậy, chính sự kiêu ngạo đã biến Luciphe thành Sa-tan (Es 14:12-15) và chính sự kiêu ngạo (“ngươi sẽ bằng Đức Chúa Trời!”) đã khiến tổ phụ đầu tiên của chúng ta phạm tội (Sa 3:1-24). Sự kiêu ngạo mở cửa cho mọi tội lỗi khác, vì một khi chúng ta quan tâm nhiều về danh tiếng của mình hơn bản tính thì không có mục đích nào cho việc chúng ta sẽ làm ngoài ra chỉ làm cho chính mình “có vẻ tốt đẹp” trước những người khác.

Đặc điểm thứ ba của tội lỗi của họ là đặc biệt gian ác, tội lỗi của họ đã được điều hướng chống lại Hội Thánh Đức Chúa Trời. Chúng ta có lý do để tin rằng A-na-nia và



Sa-phi-ra là những tín đồ. Mức thuộc linh của Hội Thánh thời ấy cao đến nỗi thật đáng ngờ khi “một người chỉ tự xưng là tín đồ” có thể gia nhập vào nhóm thông công mà không bị phát hiện ra. Việc họ có thể nói dối Thánh Linh (Cong 5:3) và thữ Thánh Linh (c.9) cho thấy rằng họ đã có Thánh Linh Đức Chúa Trời sống ở trong.

Đức Chúa Trời yêu Hội Thánh Ngài và ghen với Hội Thánh vì Hội Thánh đã được mua bằng huyết Con Đức Chúa Trời (Cong 20:28 Eph 5:25) và đã đặt trên đất để làm sáng danh Ngài và thực hiện công việc Ngài. Sa-tan muốn tiêu diệt Hội Thánh, và cách dễ dàng nhất để làm điều đó là sử dụng những người trong nhóm thông công. Nếu Phi-e-rơ không sáng suốt, A-na-nia và Sa-phi-ra đã trở nên những người có ảnh hưởng trong Hội Thánh! Sa-tan sẽ hành động qua họ để hoàn thành những mục đích của nó!

Hội Thánh là “trụ và nền của chân lý” (ITi 3:15) và Sa-tan tấn công Hội Thánh bằng những sự dối trá của nó. Hội Thánh là đền thờ của Đức Chúa Trời nơi Ngài ngự (ICo 3:16), và Sa-tan cũng vào và ở đó nữa. Hội Thánh là quân đội của Đức Chúa Trời (ITi 2:1-4) và Sa-tan tìm cách đưa vào trong hàng ngũ nhiều kẻ phản bội như nó có thể. Hội Thánh được an toàn bao lâu Sa-tan tấn công từ bên ngoài, nhưng khi nó tiến vào bên trong, Hội Thánh ở trong nguy hiểm.

Thật dễ cho chúng ta lên án A-na-nia và Sa-phia-ra về sự không trung thực của họ, nhưng chúng ta cần xét đời sống mình để xem sự tuyên bố của chúng ta có được hỗ trợ bằng hành động thực tiễn không. Chúng ta có thật tâm với những điều chúng ta cầu nguyện giữa công chúng không? Chúng ta có hát những Thánh Ca và Phúc Âm ca một cách thành tâm hay theo thông lệ? “Dân này lấy môi miếng tôn kính ta nhưng lòng chúng nó xa ta lắm” (Mat 15:8). Nếu Đức Chúa Trời giết “những kẻ lừa dối trong tôn giáo” ngày nay, bao nhiêu thuộc viên Hội Thánh sẽ bị bỏ?

Điều được mô tả trong chương này không phải là một trường hợp về kỷ luật Hội Thánh. Đúng hơn đó là một gương về sự đoán xét cá nhân của Đức Chúa Trời. “Chúa sẽ xét đoán dân mình. Sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (He 10:30-31). Nếu A-na-nia và Sa-phi-ra xét đoán tội lỗi của chính họ, Đức Chúa Trời sẽ không xét đoán họ (ICo 11:31), nhưng họ đã đồng ý nói dối, và Đức Chúa Trời đã phải đối phó với họ.

A-na-nia đã chết và bị chôn, và Sa-phi-ra thậm chí đã không biết điều đó! Sa-tan luôn giữ lấy tội đó trong sự tối tăm, trong khi Đức Chúa Trời hướng dẫn tội đó Ngài trong sự sáng (Gi 15:15). Phi-e-rơ đã tố cáo bà về tội thữ Thánh Linh Đức Chúa Trời, đó là cố tình bất tuân Đức Chúa Trời và xem Đức Chúa Trời sẽ đi bao xa (Xu 17:2 Phu 6:16). Họ thật sự coi thường Đức Chúa Trời và thách thức Ngài hành động. Và Ngài đã hành động, bằng sự nhanh chóng và dứt khoát. “Người đừng thữ Chúa là Đức Chúa Trời người” (Mat 4:7)

Chúng ta phải nhớ rằng tội lỗi của họ không phải trong việc cướp đi của Đức Chúa Trời tiền bạc nhưng trong việc nói dối với Ngài và cướp đi của Ngài sự vinh hiển. Họ không bị buộc phải bán tài sản và sau khi đã bán đi, họ không bị buộc phải dâng bất cứ khoản tiền nào cho Hội Thánh (Cong 5:4). Sự ham muốn danh tiếng của họ đã cứu mang tội lỗi trong lòng họ (Cong 5:4,9), và tội lỗi đó cuối cùng đã sinh ra sự chết (Gia 1:15).

### **3. Chức vụ của các sứ đồ (Cong 5:12-16)**

Chúng ta đã biết rằng Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh được hiệp nhất, được ngợi khen và được thêm lên. Sa-tan muốn chia rẽ Hội Thánh, sỉ nhục Hội Thánh và làm Hội Thánh sa sút, và nó sẽ làm vậy, nếu chúng ta cho phép nó.

Nhưng Hội Thánh được mô tả ở đây hoàn toàn thắng hơn những sự tấn công của Sa-tan! Dân sự vẫn được hiệp nhất (Cong 5:12), được ngợi khen (5:13) và được thêm lên (5:14). Nhiều người đã được thêm vào cho Chúa, và lần đầu tiên, Lu-ca đề cập sự cứu rỗi phụ nữ. Cả trong sách Phúc Âm và sách Công vụ của mình, Lu-ca có nhiều điều để nói về phụ nữ và mối liên hệ của họ với Đấng Christ và Hội Thánh. Có ít nhất 12 chi tiết trong Công vụ nói về phụ nữ, khi Lu-ca trình bày vai trò chính mà phụ nữ đóng góp trong Hội Thánh của sứ đồ. Đây là điều đáng chú ý khi bạn xem xét quan điểm chung về phụ nữ trong nền văn hoá thời bấy giờ (Ga 3:26-28).

Đức Chúa Trời đã ban cho các sứ đồ quyền năng làm các phép lạ lớn. Mặc dù đúng là một số thuộc viên bình thường đã thực hiện những quyền năng lạ lùng (6:8), nhưng chủ yếu là các sứ đồ đã làm phép lạ. Những “dấu và sự lạ” này là cách Đức Chúa Trời chứng thực cho chức vụ của họ (He 2:4 IICo 12:12 Ro 15:18-19).

Giống như có những sự đoán phạt đặc biệt ngay từ đầu một kỷ nguyên mới, thì cũng có những phép lạ đặc biệt. Trong sách Sáng thế ký, chúng ta không tìm thấy dân sự Đức Chúa Trời làm phép lạ. Nhưng vào đầu thời kỳ luật pháp, Môi-se đã thực hiện những dấu và việc lạ lớn. Ê-li và Ê-li-sê là những người làm phép lạ vào đầu kỷ nguyên lớn của các tiên tri, Chúa Giê-xu và các sứ đồ đã làm dấu và sự lạ khi thời kỳ Phúc Âm mở đầu. Mỗi thời kỳ Đức Chúa Trời mở một cánh cửa mới. Ngài đã kéo sự chú ý của con người vào đó. Đó là cách Ngài phán “Hãy làm theo những lãnh đạo này, vì ta đã sai họ”.

Những sự lạ lớn lao được các sứ đồ thực hiện là sự ứng nghiệm lời hứa của Đức Chúa Trời rằng họ sẽ làm “những việc lớn hơn” trong sự nhậm lời cầu nguyện có đức tin (Gi 14:13-14). Khi Chúa Giê-xu làm phép lạ suốt chức vụ Ngài trên đất, Ngài có trong trí ba mục đích: 1. Bày tỏ sự thương xót và đáp ứng nhu cầu của con người 2. Trình ra uỷ nhiệm thư của Ngài với tư cách Con Đức Chúa Trời và 3. Truyền đạt chân lý thuộc linh. Chẳng hạn, khi Ngài nuôi 5.000 người, phép lạ đã đáp ứng nhu cầu thuộc thể của họ, bày tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời, và cho Ngài cơ hội giảng một bài giảng về Bánh Sự Sống (Gi 6:1-71).

Các phép lạ của sứ đồ đã theo một kiểu mẫu giống nhau. Phi-e-rơ và Giăng đã chữa lành người ăn xin què và đáp ứng nhu cầu của ông ta, nhưng Phi-e-rơ đã sử dụng phép lạ ấy để rao ra một bài giảng về sự cứu rỗi và chứng minh với dân chúng cùng hội đồng rằng ông và Giăng thật sự là tôi tớ của Đấng Christ hằng sống. Một trong những tiêu chuẩn đối với một sứ đồ là người ấy đã nhìn thấy Đấng Christ sống lại (Cong 1:22 ICo 9:1), và vì không ai có thể tuyên bố kinh nghiệm ấy hôm nay, nên không có sứ đồ trong Hội Thánh. Các sứ đồ và tiên tri đã đặt nền cho Hội Thánh (Eph 2:20), và các mục sư, giáo viên, cùng những người rao giảng Phúc Âm đang xây trên nền ấy. Nếu không có sứ đồ, không thể có “dấu hiệu của một sứ đồ” như đã tìm thấy trong sách Công vụ (IICo 12:12).

Điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời bị giới hạn và không còn làm phép lạ cho dân Ngài! Nhưng điều này nghĩa là nhu cầu về việc làm phép lạ đã qua đi. Giờ đây chúng ta đã có Lời Đức Chúa Trời được trọn và chúng ta kiểm chứng những người giảng dạy bằng sứ điệp của họ chớ không phải bằng phép lạ (IGi 2:18-29 4:16). Và

chúng ta phải nhớ rằng Sa-tan là một kẻ lừa dối và đủ khả năng dụ dỗ những người không thận trọng. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, bất cứ tiên tri nào đã làm phép lạ nhưng đồng thời đã dẫn dân sự đi xa Lời Đức Chúa Trời đều bị xem là tiên tri giả và đều bị giết (Phu 13:1-18). Điều quan trọng không phải là những phép lạ, nhưng sứ điệp người ấy có đúng với Lời Đức Chúa Trời hay không.

Một thính giả đài phát thanh đã viết thư cho tôi và muốn tranh luận vấn đề này với tôi, một mục cho rằng ngày nay có những trường hợp con người được sống lại từ cõi chết. Tôi đã viết cho anh ta một bức thư dài hoằng và yêu cầu anh gọi tôi những lời chứng về những điều làm chứng này, thứ chứng có mà có thể được trình bày trong toà án. Anh ta đã hồi âm và thành thực thừa nhận rằng thứ chứng có đó không thể có, nhưng anh ta vẫn tin điều đó vì anh đã nghe một mục sư đài truyền hình nói vậy. Đa số các phép lạ được chép trong Kinh Thánh thể hiện công khai cho mọi người xem thấy, và sẽ không khó khăn gì để chứng minh chúng trong một toà án luật pháp.

Phi-e-rơ và các sứ đồ khác thấy mình thi hành chức vụ như Chúa họ đã làm, với dân chúng đến từ mọi nơi, đem đến những người bệnh hoạn và tàn tật (Mac 1:45 2:8-12 Mat 4:23-25). Mười hai sứ đồ cảm thấy rất khó đi ra đường, vì dân chúng tụ họp quanh họ và đặt trước mặt họ những người bệnh trên giường nhỏ. Một số người thậm chí đã có niềm tin mê tín khi cho rằng bóng của Phi-e-rơ cũng có thể chữa lành.

Điều thật ý nghĩa là tất cả những người này đã được chữa lành. Không có sự thất bại hoặc không ai bị đuổi đi vì người đó “không có đức tin để được chữa lành”. Đây là những ngày của quyền năng lớn khi Đức Chúa Trời phán với dân Y-sơ-ra-ên và cho họ biết rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét thật sự là Đấng Mê-si-a và Cứu Chúa của họ. “Người Do Thái đòi một dấu lạ” (ICo 1:22) và Đức Chúa Trời đã ban những dấu lạ cho họ. Điều quan trọng không phải là sự chữa lành những kẻ tàn tật, nhưng là sự chinh phục những linh hồn hư mất, khi nhiều người được thêm vào nhóm thông công. Thánh Linh đã ban cho họ quyền năng để làm những sự lạ và quyền năng để làm chứng (Cong 1:8), vì phép lạ xa rời Lời Đức Chúa Trời thì không thể cứu được những kẻ hư mất.

Phép lạ vĩ đại hơn hết là sự biến đổi một tội nhân hư mất thành con cái Đức Chúa Trời bởi ân điển Đức Chúa Trời. Đó là phép lạ đáp ứng nhu cầu lớn nhất, tồn tại lâu dài nhất, và trả một giá cao nhất - huyết của Con Đức Chúa Trời.

Và đó là một phép lạ chúng ta đều có thể góp phần khi chúng ta chia sẻ sứ điệp của Phúc Âm, “quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Ro 1:16).

#### **4. Chân lý và những kết quả (Cong 5:17-42)**

Sau lễ Ngũ Tuần, sứ điệp về sự phục sinh của Chúa Giê-xu đã lan nhanh trong Giê-ru-sa-lem khi các chứng nhân được Thánh Linh ban quyền năng đã chia sẻ Phúc Âm với những người hư mất. Những dấu và sự lạ kèm theo việc rao giảng Đạo, và không ai có thể phủ nhận rằng Đức Chúa Trời đã hành động trong một cách mới giữa vòng dân sự xưa của Ngài.

Nhưng không phải mọi người đều vui sướng với thành công của Hội Thánh. “Thế chế uy tôn giáo” đã chống đối chức vụ của Chúa Giê-xu, và sau đó đã đóng đinh Ngài, sử dụng cùng một phương cách thù địch đối với các sứ đồ. Chúa Giê-xu đã phán: “Nếu họ đã bắt bớ ta, họ cũng sẽ bắt bớ các ngươi. Họ sẽ đuổi các ngươi ra khỏi nhà hội.

Vâng, giờ đến, khi ai giết các người sẽ tưởng rằng mình hầu việc Đức Chúa Trời” (Gi 15:20 16:2). Những lời này đã bắt đầu được ứng nghiệm.

Đó là cuộc xung đột lâu đời giữa chân lý sống và truyền thống chết. Rượu mới không thể được giữ trong bầu da cũ, cũng như miếng vải mới không thể được vá vào áo sòn cũ (Mat 9:14-17). Thánh tử đạo người Anh – Hugh Latimer đã nói: “Bất cứ khi nào bạn thấy sự bắt bớ, có hơn một khả năng chân lý ở phía người bị bắt bớ”.

Chúng ta thấy trong bản tường thuật này bốn đáp ứng khác nhau đối với lẽ thật của Đức Chúa Trời, những đáp ứng chúng ta vẫn thấy ngày nay.

**Hội đồng: công kích chân lý** (Cong 5:17-28). Thầy tế lễ cả cùng các cộng sự của ông ta đã có ba lý do để bắt giam các sứ đồ (lúc này đó là tất cả các sứ đồ) và đem họ đến xét xử. Trước tiên, Phi-e-rơ và Giăng đã không làm theo những lệnh chính thức ngừng việc rao giảng nhân danh Chúa Giê-xu. Họ phạm tội coi thường luật pháp quốc gia. Thứ hai, sự làm chứng của Hội Thánh đã bẻ bác các giáo lý được người Sa-đu-sê tán thành, đưa ra mọi chứng cứ rằng Chúa Giê-xu vẫn sống. Thứ ba, các chức sắc tôn giáo đầy sự đố kỵ (“sự phẫn nộ”) về thành công lớn của những người không có kinh nghiệm và không được uỷ quyền (Mat 27:18 Cong 13:45). Những truyền thống của các tổ phụ đã không lôi cuốn nhiều sự chú ý đó hay đạt được nhiều môn đệ đó trong một thời gian ngắn như vậy. Thật đáng kinh ngạc mức độ đố kỵ có thể được che giấu dưới sự trá hình của việc “bảo vệ niềm tin”.

Các sứ đồ đã không chống cự sự bắt giữ hay tổ chức một sự kháng nghị công khai. Họ lặng lẽ đi theo người lính canh đền thờ và thật sự trải qua vài giờ trong khám công. Nhưng đang đêm, một thiên sứ đã giải thoát cho họ và bảo họ trở lại với việc làm chứng của mình trong đền thờ. (Dĩ nhiên người Sa-đu-sê không tin nơi các thiên sứ. (23:8). Trong sách Công vụ, bạn sẽ tìm thấy nhiều trường hợp về chức vụ của thiên sứ khi Đức Chúa Trời chăm sóc dân sự Ngài (8:26 10:3 12:7-11,23 27:23). Các thiên sứ là tôi tớ giúp đỡ chúng ta, khi chúng ta hầu việc Chúa (He 1:14).

Như trong sự giải cứu Phi-e-rơ (Cong 12:7-11), các lính canh và các chức sắc đều không biết rằng những tù nhân đã được giải cứu. Bạn tức cười khi hình dung những vẻ ngạc nhiên trên gương mặt các lính canh lúc họ khám phá rằng hầu hết các tù nhân quan trọng của họ đã đi mất. Và chỉ hãy hình dung sự kinh ngạc của các nghị viên đố kỵ của toà Công Luận khi họ nghe sự tường thuật! Ở đây họ tìm cách ngăn chặn phép lạ, nhưng những hành động của họ chỉ làm nhân lên những phép lạ!

Quả là một sự tương phản giữa các sứ đồ và các thành viên hội đồng. Hội đồng là những người có học thức, được phong chức và được chấp nhận, nhưng họ đã không có chức vụ của quyền năng. Các sứ đồ là những thường dân, nhưng quyền năng Đức Chúa Trời đã hành động trong đời sống họ. Hội đồng ra sức tìm cách bảo vệ chính họ và những truyền thống chết của họ, trong khi các sứ đồ liều mạng sống mình để chia sẻ Lời Đức Chúa Trời hằng sống. Hội Thánh năng động đang vui hưởng những điều mới mẻ. Hội đồng chết đang bảo vệ những điều cũ kỹ.

Bạn tìm thấy một sự khác nhau về những cảm xúc trong phân đoạn này: sự đố kỵ (Cong 5:17), sự bối rối (5:24), và sự sợ hãi (5:26 4:21 Mat 21:26). Tuy nhiên, khi các sứ đồ bước vào, thầy tế lễ cả dạn dĩ tố cáo họ tội coi thường luật pháp và gây rối. Ông thậm chí không sử dụng danh Chúa Giê-xu, nhưng thay vào đó đã nói “danh này” và “máu người này” e rằng bằng cách nói danh Ngài, ông sẽ làm ô uế môi miệng mình hoặc khiến cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống (Gi 15:21).



Nhưng ngay cả lời buộc tội đầy căm ghét này đã là một sự thừa nhận rằng Hội Thánh đang gia tăng và công việc đã được thực hiện tốt! Con thanh nộ của con người đã đem đến cho Chúa sự ngợi khen (Thi 76:10). Thầy tế lễ thượng phẩm nhận ra rằng nếu các sứ đồ đúng, vậy các chức sắc Do Thái đã sai lầm trong việc kết án Chúa Giê-xu. Thật vậy, nếu các sứ đồ đúng, vậy hội đồng đã phạm tội về huyết Ngài (Mat 27:25 ITe 2:14-16). Khi “việc xét xử” này diễn tiến, các sứ đồ trở nên những quan án và hội đồng trở nên các bị cáo.

**Các sứ đồ: xác nhận chân lý** (Cong 5:29-32) Các sứ đồ đã không thay đổi sự tin chắc của họ (Cong 4:19-20). Họ vâng lời Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài giải quyết hậu quả. Họ không thể hầu việc hai chủ, và họ sẵn sàng tuyên bố họ đứng về phía ai. Nếu là những nhà ngoại giao thay vì những đại sứ (IICo 5:20), họ đã có thể làm hài lòng mọi người và thoát khỏi trận đòn. Nhưng họ đã đứng vững vì Chúa, và Ngài ưu ái sự can đảm cùng đức tin của họ.

Họ cũng đã không thay đổi sứ điệp mình (Cong 5:30-32). Phi-e-rơ đã buộc tội các chức sắc về sự chết của Chúa Giê-xu (3:13-14 4:10), và dạn dĩ xác nhận một lần nữa rằng Chúa Giê-xu đã được khiến sống lại từ cõi chết. Chúa Giê-xu không chỉ được khiến sống lại từ cõi chết, nhưng Ngài cũng được Đức Chúa Trời tôn cao lên trời. Công việc của Đức Thánh Linh trong những ngày đương thời là chứng có Chúa Giê-xu đã trở về trời và sai Thánh Linh Ngài như Ngài đã hứa. Người Sa-đu-sê chắc chắn đã không vui mừng nghe các sứ đồ nói về sự sống lại từ cõi chết.

Chúa Giê-xu ở bên hữu Đức Chúa Trời là một chủ đề chính trong Kinh Thánh. Dĩ nhiên bên hữu là nơi tôn trọng, quyền năng, quyền thế. Thi 110:1 là lời tiên tri cơ bản, nhưng có nhiều chỗ đề cập: Cong 2:33-34 5:31 Mat 22:44 Mac 14:62 16:19 Ro 8:34 Eph 1:20 Co 3:1 He 1:3 8:1 10:12 12:2 IPhi 3:22. Chẳng bao lâu, Ê-tiên sẽ thấy Chúa Giê-xu đứng bên hữu Đức Chúa Trời (Cong 7:55).

Trong bài giảng thứ hai của mình, Phi-e-rơ đã gọi Chúa Giê-xu là “Chúa của sự sống” (3:15) và ở đây ông gọi Ngài là “Vua và Cứu Chúa”. Từ Vua có nghĩa là “một người tiên phong, người dẫn đường, người khởi đầu”. Tòa Công Luận không quan tâm đến việc mở đầu điều gì mọi điều họ muốn làm là bảo vệ những quyền lợi được trao cho và giữ mọi sự chính xác như cũ (Gi 11:47-52). Là “Chúa của sự sống”, Chúa Giê-xu cứu chúng ta và dẫn chúng ta vào những từng trải thú vị khi chúng ta bước đi “trong đời mới” (Ro 6:4). Luôn luôn có những lối mới để đi tiên phong.

He 2:10 gọi Chúa là “Đấng Tiên Phong (người đứng đầu) của sự cứu rỗi, vì kinh nghiệm về sự cứu rỗi của chúng ta phải không bao giờ trở nên tĩnh tại. Đời sống Cơ Đốc không phải là một bãi đậu xe đó là một bộ phận! Chỉ được tái sinh thì chưa đủ chúng ta cũng phải tăng trưởng thuộc linh (IPhi 3:18) và tấn tới trong cách ăn ở mình. Trong He 12:2 Chúa Giê-xu được gọi là “Đấng Tiên Phong” (tác giả), y nói rằng Ngài dẫn chúng ta vào những từng trải mới thử nghiệm đức tin chúng ta và giúp nó tăng trưởng. Một trong những chủ đề chính của Hê-bơ-rơ là “chúng ta hãy tấn tới sự trưởng thành” (6:1) và chúng ta không thể trưởng thành nếu chúng ta không đi theo Đấng Christ, Đấng Tiên Phong, vào trong những lãnh vực mới của đức tin và chức vụ.

Danh hiệu “Cứu Chúa” đã không mới mẻ đối với những thành viên của hội đồng, vì từ này được sử dụng cho các thầy thuốc (người cứu mạng sống con người), các triết gia (những người giải quyết vấn đề của con người) và các chính khách (những người cứu con người khỏi nguy hiểm và chiến tranh). Từ đó còn được áp dụng cả cho Hoàng



Đế. Nhưng chỉ có Chúa Giê-xu là Cứu Chúa thật và hằng sống, Đấng cứu khỏi tội, sự chết và sự đoán phạt tất cả những ai sẽ tin nhận Ngài.

Phi-e-rơ một lần nữa kêu gọi dân tộc ăn năn (Cong 2:36 3:19-26 4:10-12) và hứa rằng sự ban cho của Thánh Linh sẽ dành cho mọi kẻ “vâng lời Ngài”. Điều này không ngụ ý rằng sự ban cho của Thánh Linh là một phần thưởng cho sự vâng lời, vì một sự ban cho có thể được nhận chỉ bởi đức tin. Nhóm từ “vâng lời Ngài” giống như “vâng theo đạo” ở 6:7 và nghĩa là “vâng theo sự kêu gọi của Đức Chúa Trời và tin nhận Con Đức Chúa Trời”. Đức Chúa Trời không đề nghị rằng những tội nhân ăn năn và tin Ngài ra lệnh điều đó (Cong 17:30).

Đó là một lời chứng dạn dĩ mà các sứ đồ đã trình bày trước toà án tôn giáo Do Thái tối cao. Thánh Linh Đức Chúa Trời đã giúp họ và họ không sợ sệt. Xét cho cùng, Chúa Giê-xu đã hứa ở cùng họ, qua Thánh Linh Ngài ban quyền năng cho họ để làm chứng và hầu việc. Họ là những chứng nhân về sự phục sinh của Ngài (1:22 2:24,32 3:15,26 4:10) và Ngài sẽ giúp họ thành công.

**Ga-ma-li-ên: lẩn tránh chân lý** (Cong 5:33-39) Ga-ma-li-ên là một người Pha-ri-si có lẽ đã không muốn chứng kiến người Sa-đu-sê dành bất cứ thắng lợi nào. Ông là một học giả rất được dân chúng kính trọng, có phần phóng khoáng trong những áp dụng của mình về luật pháp, và rõ ràng có tính ôn hoà trong cách tiếp cận những vấn đề. Người Do Thái đã nói: “khi trưởng lão Rabba Gamalien chết, thì vinh quang của luật pháp đã chấm dứt và sự thánh khiết cùng sự kiêng ăn đã chết”. Phao-lô đã được Ga-ma-li-ên đào tạo (Cong 22:3). “Lời khuyên” của Ga-ma-li-ên thiếu khôn ngoan và nguy hiểm, nhưng Đức Chúa Trời đã dùng nó để cứu các sứ đồ khỏi sự chết. Việc người Sa-đu-sê đã để ý những lời của một người Pha-ri-si cho thấy Ga-na-li-ên và một người đặc biệt dường nào.

Mặc cho sự kiện Ga-ma-li-ên cố gắng sử dụng những cảm xúc lô-gic ôn hoà hơn là nóng cháy, cách tiếp cận của ông vẫn sai lầm. Trước hết, ông đã tự động phân loại Chúa Giê-xu với hai kẻ nổi loạn, có nghĩa là ông đã chối bỏ chứng cứ. Đối với ông, “Giê-xu ở Na-xa-rét” này chỉ là người Do Thái nhiệt huyết khác, tìm cách giải phóng dân tộc khỏi La Mã. Nhưng Thê-đơ hay Giu-đơ có bao giờ làm những việc Chúa Giê-xu đã làm chẳng? Họ có được khiến sống lại từ cõi chết không? Với một sự bóp méo khôn khéo về lô-gic dỏm, Ga-ma-li-ên đã thuyết phục hội đồng tin rằng thật sự chẳng có gì lo lắng! Những kẻ gây rối đến và đi, vậy hãy kiên nhẫn.

Hơn nữa, Ga-ma-li-ên đã cho rằng “lịch sử lặp lại chính nó”. Thê-đơ và Giu-đơ đã nổi loạn, bị đánh bại và những kẻ theo họ đã tản lạc, hãy cho những người Ga-li-lê này đủ thời gian và họ cũng sẽ giải tán, và các bạn sẽ không bao giờ nghe về Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét lần nữa. Trong khi có một số người nghiên cứu Kinh Thánh nói rằng họ thấy “những chu kỳ” trong lịch sử, những “chu kỳ” này có thể chỉ có trong mắt của những người nhìn xem. Bằng cách lựa chọn cẩn thận chứng cứ của mình, bạn có thể chứng minh hầu hết bất cứ điều gì từ lịch sử. Sự giáng sinh, đời sống, sự chết, và sự phục sinh của Chúa Giê-xu chưa bao giờ xảy ra trước đó và sẽ không bao giờ xảy ra lần nữa. Đức Chúa Trời đã thâm nhập vào lịch sử và viếng thăm trái đất này!

Ga-ma-li-ên cũng có quan niệm sai lầm rằng, nếu điều gì đó không thuộc Đức Chúa Trời, nó phải thất bại. Nhưng quan niệm này không xét đến bản chất tội lỗi của con người và sự hiện diện của Sa-tan trong thế gian. Mark Twain đã nói rằng một sự dối trá chạy quanh thế giới trong khi sự thật vẫn còn đang xỏ chân vào giày. Cuối

cùng, chân lý của Đức Chúa Trời sẽ chiến thắng nhưng khi ấy, Sa-tan có thể rất mạnh và ảnh hưởng đến vô số người.

Thành công không phải là sự kiểm nghiệm nào của chân lý, mặc cho những kẻ theo chủ nghĩa thực dụng nói gì. Các giáo phái giả thường phát triển nhanh hơn Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Thế gian này là một chiến trường mà trên đó chân lý và sự sai lầm ở trong cuộc chiến một mất một còn, và thường có vẻ như thể chân lý đang ở “trên đoạn đầu dài” trong khi điều sai trái ngạo mạn ngồi trên ngai. Hội đồng phải chờ đợi bao lâu để thấy phong trào mới sẽ tồn tại hay không? Họ sẽ sử dụng những thử nghiệm nào để xác định nó thành công hay không? Cho dù bạn nhìn xem nó thế nào, “sự khôn ngoan” của Ga-ma-li-ên là đại dột.

Nhưng khuyết điểm lớn nhất về lời khuyên của ông là động cơ của ông: ông khuyến khích tính trung lập khi hội đồng đang đối diện với một vấn đề sống, chết đòi hỏi sự quyết định. “Hãy chờ và xem!” thật sự không phải là tính trung lập đó là một quyết định rõ ràng. Ga-ma-li-ên đang bỏ phiếu “không”, nhưng lại giảng rằng “có thể ngày nào đó”.

Có nhiều vấn đề trong cuộc sống không đòi hỏi một quyết định dững cảm của lương tâm. Tôi có một người bạn trong Đại chủng viện là người đã trở nên bối rối về mặt cảm xúc vì anh ta tìm cách thực hiện quyết định một vấn đề về lương tâm, bao gồm ngũ cốc anh ăn vào bữa điểm tâm và tuyến đường anh chọn khi anh đi bộ đến cửa hàng. Nhưng khi chúng ta đối diện một vấn đề nghiêm túc về lương tâm chúng ta tốt hơn hết là nên xem xét chúng có cẩn thận. Điều này, Ga-ma-li-ên đã từ chối làm. Ông đã đánh mất một cơ hội cho sự cứu rỗi vì ông đã biến buổi họp thành một cuộc thảo luận tầm thường về những người Do Thái nổi dậy.

Chúa Giê-xu đã cho biết rằng không thể trung lập về Ngài và sứ điệp của Ngài “Ai không ở với ta, thì nghịch cùng ta ai không thấu hiệp với ta thì tan ra” (Mat 12:30). Những thành viên của hội đồng đã biết những lời của Ê-li: “Các ngươi sẽ dao động giữa hai quan điểm cho đến chừng nào?” (IVua 18:21). Có những lúc trung lập nghĩa là thực hiện một quyết định lạng lẽ (có lẽ hèn nhất) khước từ đề nghị của Đức Chúa Trời. Thật ý nghĩa là nhóm người đầu tiên được kể tên giữa vòng những kẻ đi đến địa ngục là “những kẻ sợ hãi” (Kh 21:8) những người biết chân lý nhưng sợ tuyên bố quan điểm của mình.

Nếu Ga-ma-li-ên thật sự sợ đánh giặc với Đức Chúa Trời, tại sao ông không thành thật kiểm tra chứng cứ, siêng năng nghiên cứu Kinh Thánh, lắng nghe các chứng nhân, và cầu xin Đức Chúa Trời sự khôn ngoan? Đây là cơ hội của một đời người! Daniel Defoe, tác giả của cuốn sách “Robinson Crusoe” đã tuyên bố rằng không ai sinh ra là một kẻ hèn nhất. Ông viết: “Chân lý tạo nên một con người can đảm, và tội lỗi làm cho người can đảm ấy thành một kẻ hèn nhất”. Điều mà một số người gọi là sự thận trọng, Đức Chúa Trời sẽ gọi là sự hèn nhất. Các sứ đồ là những đại sứ thật, Ga-ma-li-ên thật sự chỉ là một “chính khách tôn giáo”.

**Hội Thánh: rao chân lý** (Cong 5:40-42) Phía hội đồng muốn giết các sứ đồ (Cong 5:33), nhưng lời nói của Ga-ma-li-ên đã làm dịu cơn bạo lực của họ. Trong một bước thoả hiệp, hội đồng quyết định sai đánh đòn các sứ đồ vì vậy những người này đã bị dành cho 39 roi (Phu 25:1-3 IICo 11:24). Sau đó các sứ đồ bị buộc chấm dứt nói nhân danh Chúa Giê-xu nếu không điều gì đó tồi tệ sẽ xảy đến cho họ (Cong 2:22 3:6,16 4:10,12,17-18,30).

Khi người ta chối từ giải quyết những bất đồng trên cơ sở của nguyên tắc và chân lý, họ thường viện đến sự hung bạo bằng lời nói hoặc bạo lực, và đôi khi là cả hai. Điều đáng buồn là sự hung bạo này thường giả trang như lòng yêu nước hay như nhiệt thành tôn giáo. Khi sự hiểu biết thiếu kém, bạo lực bắt đầu thao túng và người ta bắt đầu tiêu diệt lẫn nhau nhân danh dân tộc họ hoặc Đức Chúa Trời của họ. Bị thảm là ngay cả lịch sử của tôn giáo cũng không thiếu những sự kiện về những sự bắt bớ và các cuộc “thánh chiến”. William Temple đã nói rằng Cơ Đốc nhân được gọi vào nhiệm vụ khó nhất trong tất cả các nhiệm vụ: chiến đấu mà không có lòng căm thù, kháng cự mà không cay đắng, và cuối cùng nếu Đức Chúa Trời ban cho điều đó chiến thắng mà không báo thù.

Các sứ đồ đã phản ứng ra sao với sự đối xử bất hợp pháp này từ các chức sắc tôn giáo của dân tộc họ? Họ vui mừng! Chúa Giê-xu đã bảo họ chờ đợi sự bắt bớ và dạy họ vui mừng trong điều đó (Mat 5:10-12). Sự chống đối của con người nghĩa là sự tán thành của Đức Chúa Trời, và đó thật sự là một đặc quyền được chịu khổ vì danh Ngài (Phi 1:29).

Diễn đạt ý của Philip Brooks, mục đích đời sống là làm vinh hiển Đức Chúa Trời bằng cách gây dựng bản tính qua chân lý. Tòa Công Luận nghĩ rằng họ đã dành được một chiến thắng lớn trong khi thật sự hội đồng đã trải qua một thất bại liếng xiếng. Rất có thể họ đã chúc mừng nhau vì làm được một việc tốt bảo vệ niềm tin như vậy! Nhưng chính các sứ đồ là những người chiến thắng, vì họ đã tăng trưởng trong sự tin kính khi họ đầu phục ý chỉ của Đức Chúa Trời và chịu khổ vì Chủ mình. Trong những năm sau đó, Phi-e-rơ đã có nhiều điều để nói trong thư tín đầu tiên của ông về ý nghĩa của việc chịu khổ trong đời sống tín đồ nhưng giờ đây ông đang học những bài học này.

Những lời đe dọa hay những trận đòn cũng không ngăn họ làm chứng cho Chúa Giê-xu. Có thể nói ngược lại, sự bắt bớ này chỉ khiến họ tin cậy Đức Chúa Trời hơn và tìm kiếm quyền năng lớn hơn trong chức vụ mình. Tín đồ thật không phải là “người bỏ cuộc”. Các sứ đồ đã có một nhiệm vụ để thực hiện, và họ đã có ý định tiếp tục trong chùng mực Chúa họ ban khả năng cho họ. Cong 5:42 tóm tắt gương mẫu cho sự truyền giảng Phúc Âm, một gương mẫu xuất sắc cho chúng ta noi theo.

Trước hết, họ đã làm chứng “hằng ngày”. Điều này có nghĩa là họ đã lợi dụng những cơ hội để làm chứng bất kể họ hiện diện ở đâu (Eph 5:15-16). Mỗi Cơ Đốc nhân là một chứng nhân, một chứng nhân giỏi hoặc một chứng nhân dở và sự làm chứng của chúng ta hoặc kéo người khác đến với Đấng Christ hoặc đánh dạt họ đi. Thật là một thói quen tốt khi bắt đầu một ngày cầu xin Chúa cho sự khôn ngoan và ơn cần thiết để làm một chứng nhân yêu thương cho Đấng Christ ngày hôm ấy. Nếu chúng ta thành thật tìm kiếm những cơ hội và mong mỏi Đức Chúa Trời ban cho chúng ta những cơ hội ấy, chúng ta sẽ không bao giờ thiếu những cánh cửa rộng mở.

D.L.Moody đã không sợ hãi trong sự làm chứng của ông cho Đấng Christ và tìm cách nói về những vấn đề thuộc linh ít nhất với một linh hồn mỗi ngày. Ông sẽ hỏi: “Hôm nay linh hồn bạn thịnh vượng ra sao?” hoặc “Bạn có yêu Chúa không? Bạn có thuộc về Đấng Christ không?”. Một số người đã bực mình bởi thái độ mạnh mẽ của ông, nhưng không ít người đã được dẫn dắt đến Đấng Christ ngay lúc ấy. Ông nói: “Chúng ta càng sử dụng những phương tiện và cơ hội mình có, khả năng và những cơ hội của chúng ta sẽ càng gia tăng”. Ông cũng nói: “Tôi sống vì những linh hồn và sự

vĩnh cửu. Tôi muốn chinh phục linh hồn nào đó cho Đấng Christ”. Ông đã không hài lòng chỉ nói với những đám đông lớn, ông cũng cảm thấy bị thúc ép để nói với người ta cách riêng tư và giục họ tin nhận Chúa Giê-xu.

Các tín hữu đã làm chứng “trong đền thờ”. Xét cho cùng, đó là những người “sùng đạo” nhóm lại, và đến với họ ở đó thật dễ dàng hơn. Đã nhiều năm, Hội Thánh được xem như “giáo phái” khác của Do Thái giáo, và cả đền thờ cùng nhiều nhà hội đã mở cửa tiếp các tín đồ. Trong những hành trình truyền giáo của mình, Phao-lô luôn đến nhà hội địa phương hoặc nơi cầu nguyện của người Do Thái trước tiên, và ông đã làm chứng ở đó cho đến khi ông bị đuổi ra.

Lời khuyên của tôi đối với các Cơ Đốc nhân mới thường là: “hãy trở về nhà và Hội Thánh của bạn, hãy làm một chứng nhân yêu thương cho Đấng Christ, và hãy ở lại cho đến khi họ yêu cầu bạn ra đi” (ICo 7:17-24). Các sứ đồ đã không từ bỏ đền thờ Do Thái dù họ biết rằng hệ thống tôn giáo cũ đã chấm dứt và ngày nào đó, đền thờ sẽ bị phá huỷ. Họ không thoả hiệp họ đang “mua hết cơ hội” để giành thêm người cho Đấng Christ.

Trong lúc tôi thi hành chức vụ tại Hội Thánh Moody ở Chicago, niềm vui mừng của tôi là hướng dẫn một mục sư đến Đấng Christ, một người có khả năng phục vụ một hội chúng giàu có. Anh trở lại Hội Thánh của mình và bắt đầu chia sẻ về Đấng Christ, và nhiều người dân của anh đã được cứu. Lúc ấy những lãnh đạo giáo phái bước vào và bắt đầu đe dọa sa thải anh.

Anh đã hỏi: “Tôi phải làm gì?” Tôi đã nói: “Hãy ở đó cho đến khi họ đuổi anh ra. Hãy yêu thương và tử tế, nhưng đừng nhượng bộ!”. Cuối cùng anh bị buộc ra khỏi nhà thờ, nhưng không phải trước khi sự làm chứng của anh đã ảnh hưởng đến nhiều người cả trong Hội Thánh và trong cộng đồng của anh. Hôm nay, Đức Chúa Trời đang sử dụng anh trong một cách đặc biệt để làm chứng cho Đấng Christ và huấn luyện người khác làm chứng. Anh có thể vào những Hội Thánh và những nhóm mà có thể chưa bao giờ mời tôi!

Các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã làm chứng “trong từng nhà”. Không như những hội chúng ngày nay, những người này đã không có những toà nhà được dành riêng cho sự thờ phượng và thông công. Các tín hữu sẽ nhóm trong những gia đình khác nhau, thờ phượng Chúa, nghe sự dạy dỗ, và tìm cách chinh phục những người hư mất (Cong 2:46). Phao-lô đã đề cập đến một số “nhóm thông công tại gia” khi ông chào hỏi các thánh đồ ở Rô-ma (Ro 16:5,10,11,14). Hội Thánh đầu tiên đã đem Đạo trực tiếp vào các gia đình, và chúng ta phải noi gương họ. Điều này không có nghĩa là có những toà nhà được dành riêng cho sự phục vụ Hội Thánh là sai trái, nhưng chỉ có nghĩa rằng chúng ta không nên giới hạn sự phục vụ trong bốn bức tường của một ngôi nhà thờ.

Sự phục vụ của họ đã tiếp tục không dứt. Nhà chức trách đã bảo họ ngưng làm chứng, nhưng họ chỉ càng làm chứng nhiều hơn! Động cơ của họ không phải là sự coi thường luật pháp nhưng đúng hơn là sự vâng Lời Chúa. Nó không phải là cái gì đó họ tắt mở, tùy thuộc nơi hoàn cảnh. Họ “luôn hiện diện tại đó” và họ đã kiên trì làm việc ấy ở chừng mực mà Đức Chúa Trời ban cho họ những cơ hội.

Sự làm chứng của Hội Thánh bao gồm cả sự dạy dỗ và giảng đạo, và đó là một sự quân bình hữu ích. Từ được dịch là “rao giảng” cho chúng ta từ tiếng Anh “avangelize” và đây là lần đầu tiên trong 15 lần từ này được sử dụng trong Công vụ. Nó đơn giản

có nghĩa là “Giảng Phúc Âm, chia xẻ Phúc Âm của Chúa Giê-xu” (ICo 15:1-8) để có sự tuyên bố chính thức về sứ điệp Phúc Âm.

Tuy nhiên, sự tuyên bố phải được quân bình với sự chỉ dẫn (Cong 2:42) hầu cho tội nhân biết tin điều gì và những người qui đạo mới hiểu lý do họ tin. Sứ điệp không thể sinh ra trái trù phi con người hiểu nó và có thể thực hiện một quyết định thông minh (Mat 13:18-23). Các tín đồ không thể tăng trưởng nếu họ không được dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời (IPhi 2:1-3).

Sau cùng, chính Chúa Giê-xu là trung tâm của sự làm chứng của họ. Chính là danh ấy mà toà Công Luận đã kết án! Hội Thánh đã không lo việc tranh cãi tôn giáo hay lên án giới quyền uy họ chỉ nói cho người ta biết về Chúa Giê-xu và giục họ tin nơi Ngài. “Vì chúng tôi chẳng rao giảng chính mình chúng tôi, nhưng rao giảng Đức Chúa Giê-xu” (IICo 4:5). “Các người sẽ làm chứng về ta” (Cong 1:8).

Thật là một đặc quyền của tôi để được nói chuyện tại một buổi lễ kỷ niệm thứ 40 của một người bạn mục sư mà chức vụ của ông đã đem phước cho nhiều người. Một số bạn của ông đã dự trong buổi lễ và bày tỏ tình yêu của họ đối với ông cùng sự cảm kích của họ đối với chức vụ ông. Bạn tôi trở nên càng bối rối hơn khi buổi nhóm tiến hành và lúc tới giờ tôi đem đến sứ điệp, ông ghé vào tai tôi thì thầm: “Warren, xin hãy nói cho họ biết về Chúa Giê-xu!”

Trong cuốn sách “The Gospel Blimp” khôn ngoan và có sức thuyết phục, cố tác giả Joe Bayly đã viết: “Chúa Giê-xu đã không uỷ nhiệm Phúc Âm cho một môi giới quảng cáo Ngài đã uỷ nhiệm cho các môn đệ”.

Sự uỷ nhiệm ấy vẫn còn giá trị.

Trong đời sống bạn, đó là nhiệm vụ hay sự chệnh mảng?

## **6. Ê-TIÊN, NGƯỜI ĐỨC CHÚA TRỜI BAN MÃO MIỆN (Cong 6:1-7:70)**

Có 2 từ “mão miện” trong Tân Ước: diadema, nghĩa là “vương miện” và cho chúng ta từ tiếng Anh “diadem” và stephanos “mão miện của người chiến thắng”, cho chúng ta tên phổ biến Ê-tiên. Bạn có thể thừa kế một “diadema”, cách duy nhất để được một “stephanos” là tìm kiếm nó.

Cong 6:1-7:60 tập trung vào chức vụ và sự tử đạo của Ê-tiên, một tín đồ đầy dẫy Thánh Linh đã được Chúa ban mão miện. “Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mão triều thiên của sự sống” (Kh 2:10). Ông đã trung tín cả trong đời sống lẫn trong sự chết và vì vậy là một tấm gương tốt cho chúng ta noi theo.

Hai chương này giới thiệu Ê-tiên như một tín đồ trung tín trong bốn lãnh vực khác nhau của chức vụ.

### **1. Ê-Tiên người đầy tớ (Cong 6:1-7)**

Hội Thánh đang trải qua “những đau bệnh lúc tăng trưởng” và điều này khiến các sứ đồ khó khăn để chăm sóc cho mọi người. “Những người Hy Lạp” là những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp từ các quốc gia đã đến Palestine, và vì vậy có lẽ họ đã không thể nói tiếng A-ram, trong khi “người Hê-bơ-rơ” là cư dân Do Thái thuộc xứ này, nói cả tiếng A-ram và tiếng Hy Lạp. Sự kiện những “người ngoại cuộc” bị bỏ bê đã tạo ra



một hoàn cảnh có thể đã chia rẽ Hội Thánh. Tuy nhiên, các sứ đồ đã giải quyết vấn đề bằng sự khôn ngoan tuyệt vời và không cho Sa-tan chỗ đứng nào trong sự thông công.

Khi một Hội Thánh đối diện với một vấn đề nghiêm trọng, điều này cố gắng hiến cho các lãnh đạo và thuộc viên một số cơ hội. Trước hết, các vấn đề cho ta cơ hội xem xét chức vụ mình và khám phá những đổi thay nào phải được thực hiện. Trong những lúc thành công, chúng ta dễ dàng duy trì hiện trạng công việc, nhưng điều này nguy hiểm, Henry Ward Beecher đã gọi sự thành công là “một cái tổ năm trước mà từ đó những con chim đã bay ra”. Bất cứ chức vụ hay tổ chức nào nghĩ rằng sự thành công của mình sẽ tự động tiếp diễn thì đang tiến đến sự thất bại. Chúng ta phải thường xuyên xem xét đời sống và chức vụ mình kéo chúng ta bắt đầu xem nhẹ mọi sự.

Các sứ đồ đã nghiên cứu hoàn cảnh và kết luận rằng họ đáng trách: họ đã quá bận rộn giúp việc bàn tiệc đến nỗi xao lãng sự cầu nguyện và chức vụ về Lời Đức Chúa Trời. Họ đã tạo ra vấn đề của chính mình vì họ cố gắng làm quá nhiều điều. Thậm chí hôm nay, một số mục sự quá bận rộn với những công tác phụ đến nỗi họ không dành đủ thời gian trong việc học và trong sự cầu nguyện. Điều này tạo ra một “sự thiếu kém về thuộc linh” trong Hội thánh, khiến các vấn đề dễ dàng tiến triển.

Điều này không có ý cho rằng việc giúp bàn tiệc là một công tác của đầy tớ, vì mọi chức vụ trong Hội Thánh đều quan trọng. Nhưng đó là một vấn đề về những ưu tiên, các sứ đồ đang làm những công việc mà người khác có thể làm tốt hơn. D.L.Moody thường nói rằng để 10 người làm việc tốt hơn là cố gắng làm công việc của 10 người. Điều đó chắc hẳn tốt hơn cho bạn cho những người làm việc bạn tranh thủ được, và cho Hội Thánh nói chung.

Những vấn đề Hội Thánh cũng cho chúng ta một cơ hội để rèn luyện đức tin mình, không chỉ là đức tin trong Chúa, mà còn là niềm tin lẫn nhau. Các lãnh đạo đề nghị một giải pháp, và mọi thuộc viên đồng ý. Hội chúng đã chọn 7 người có đủ tư cách, và các sứ đồ biệt riêng họ cho chức vụ. Hội Thánh đã không ngại điều chỉnh cơ cấu của họ để tạo chỗ cho một chức vụ phát triển. Khi cơ cấu và chức vụ mâu thuẫn nhau, điều này cho ta một cơ hội tin cậy Đức Chúa Trời để có giải pháp. Thật bi thảm khi các Hội Thánh huỷ hoại chức vụ vì họ chối từ sửa đổi cơ cấu của mình. Các sứ đồ đã không ngại chia sẻ quyền hạn và chức vụ họ với người khác.

Những vấn đề cũng cho chúng ta cơ hội bày tỏ tình yêu của mình. Các lãnh đạo Hê-bơ-rơ và những thuộc viên đa số là người Hê-bơ-rơ đã chọn 6 người Hê-lê-nít và một người vừa là người ngoại vừa là người mới theo đạo Do Thái! Thật là một minh họa về Ro 12:10 và Phi 2:1-4 Khi chúng ta giải quyết những vấn đề của Hội Thánh, chúng ta phải nghĩ đến người khác chứ không phải chỉ bản thân mình.

Chúng ta thường gọi 7 người trong Cong 6:1-15 là “những chấp sự” vì danh từ Hy Lạp “diakonos” được sử dụng trong 6:1 (“sự phục vụ”) và động từ “diakoneo” (“phục vụ”) được sử dụng trong 6:2. Tuy nhiên, danh hiệu này không được ban cho họ trong chương này, mặc dù bạn tìm thấy những chấp sự được đề cập trong Phi 1:1 và những phẩm chất của họ được trình bày trong ITi 3:8-13. Từ này đơn giản nghĩa là “một tôi tớ”. Bảy người này là những tôi tớ khiêm nhường của Hội Thánh, những người mà công việc của họ giúp các sứ đồ có thể tiến hành chức vụ quan trọng của mình giữa vòng dân sự.

Ê-tiên là một trong số những người này. Sự nhấn mạnh trong đời sống Ê-tiên là sự đầy dẫy: ông đầy dẫy Thánh Linh và sự khôn ngoan (Cong 6:3,10), đầy đức tin (6:5),

và đầy quyền năng (6:8) Trong Kinh Thánh, “đầy dẫy” nghĩa là “được điều khiển bởi”. Người này được điều khiển bởi Thánh Linh, đức tin, sự khôn ngoan và quyền năng. Ông là một người được Đức Chúa Trời điều khiển đã đầu phục Thánh Linh một người tìm cách dẫn dắt người đến với Đấng Christ.

Kết quả ra sao? Sự chúc phước của Đức Chúa Trời tiếp tục và gia tăng! Hội Thánh vẫn được hiệp nhất (Cong 6:5) được thêm lên (6:7) và được ngợi khen (6:8). Câu 6:7 là một trong nhiều “tóm tắt” được tìm thấy trong sách này, những lời tuyên bố cho chúng ta biết rằng câu chuyện đã đi đến một tình hình quan trọng (Cong 2:41 4:4 5:12-16 6:7 9:31 12:24 16:5 19:20 28:31). Trong Cong 6:7 Bác sĩ Lu-ca mô tả đỉnh điểm của chức vụ tại Giê-ru-sa-lem, vì sự bắt bớ sau sự chết của Ê-tiên sẽ đem Phúc Âm đến dân Sa-ma-ri và dân ngoại. Người ta đã ước tính rằng có 8.000 thầy tế lễ Do Thái gắn bó với chức vụ đền thờ ở Giê-ru-sa-lem và “rất nhiều người” trong số họ đã tin nhận Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa!

## **2. Ê-tiên - vị chứng nhân (Cong 6:8-15).**

Người đầy dẫy Thánh Linh này đã không giới hạn chức vụ mình ở việc giúp cho bàn tiệc ông cũng thu phục người hư mất và thậm chí làm phép lạ. Về điểm này, chính các sứ đồ là những người làm phép lạ (Cong 2:43 5:12), nhưng giờ đây Đức Chúa Trời cũng đã ban quyền năng cho Ê-tiên. Đây là phần kế hoạch của Ngài sử dụng Ê-tiên để làm chứng cho các lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên. Lời chứng mạnh mẽ của Ê-tiên là cao điểm sự làm chứng của Hội Thánh cho dân Do Thái. Sau đó sứ điệp sẽ đến với dân Sa-ma-ri và rồi đến với dân ngoại.

Dân Do Thái từ nhiều quốc gia cư trú tại Giê-ru-sa-lem trong những khu phố của riêng họ, và một số nhóm người cùng bộ tộc có nhà hội riêng của họ. Những người tự do (“người tự do tư tưởng”) là con cháu dân Do Thái trước kia ở trong ách nô lệ nhưng đã giành được tự do khỏi La Mã. Vì Phao-lô đến từ Tạt-sơ trong xứ Si-li-si (21:39)) có thể ông đã nghe Ê-tiên nói trong nhà hội và có thể đã tranh cãi với người. Tuy nhiên, không ai có thể sánh lại hoặc chống đối sự khôn ngoan và quyền năng của Ê-tiên (Lu 21:15). Giải pháp duy nhất của họ là tiêu diệt ông.

Cách họ đối xử Ê-tiên giống với cách các lãnh đạo Do Thái đã đối xử Chúa Giê-xu. Trước tiên, họ mướn những nhân chứng giả để chống lại ông. Sau đó, họ khuấy động dân chúng những người tố cáo ông phạm luật Môi-se và đền thờ. Cuối cùng, sau khi nghe lời làm chứng của ông, họ đã xử tử ông (Mat 26:59-62 Gi 2:19-22).

Dân Do Thái rất gắn bó với luật pháp họ và đã không thể hiểu cách nào Đấng Christ đã đến để làm trọn luật pháp và đem lại một thời kỳ mới. Họ kiêu hãnh về đền thờ mình và từ chối tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cho phép nó bị phá huỷ. Ê-tiên đương đầu với sự mù loà thuộc linh tương tự như điều Giê-rê-mi đã đương diện trong chức vụ ông (Gie 7:1-34). Hội Thánh đương diện với sự chống đối về truyền thống Do Thái trong nhiều năm sau ngay từ trong hàng ngũ của chính họ (Cong 15:1-41) và từ các giáo sư giả đến từ bên ngoài (Ga 2:4).

Kẻ thù đã đột kích Ê-tiên và bắt giữ ông trong lúc ông đang thi hành chức vụ (“đến gần ông thành linh” là lời dịch của Wuest về Cong 6:12), và họ đã đem ông đến trước cùng một hội đồng đã xét xử Chúa Giê-xu và các sứ đồ. Thậm chí không cần thiết cho Ê-tiên nói để đưa ra chứng cứ, vì chính sự rục rở trên mặt ông đã cho mọi người biết rằng ông là tôi tớ Đức Chúa Trời. Chắc chắn các nghị viên toà Công Luận đã nhớ lại

gương mặt chói sáng của Môi-se (Xu 34:29-30). Điều đó như thể Đức Chúa Trời đang phán “Người này không nghịch với Môi-se! Người giống Môi-se – Người là tôi tớ trung tín của ta!”

### 3. Ê-tiên - Vị Quan án (Cong 7:1-53).

Đây là diễn văn dài nhất trong sách Công vụ và là một trong những diễn văn quan trọng nhất. Trong đó, Ê-tiên ôn lại lịch sử Y-sơ-ra-ên và những đóng góp được thực hiện do các lãnh đạo được tôn kính của họ: Áp-ra-ham (Cong 7:2-8) Giô-sép (7:9-17), Môi-se (7:18-44), Giô-suê (7:45), Đa-vít và sa-lô-môn (7:46-50). Nhưng diễn văn này vượt hơn một bài đọc thuộc lòng về những sự kiện quen thuộc, nó cũng là một sự bày tỏ những tội lỗi của chính dân tộc họ. Ê-tiên chứng minh từ Kinh Thánh của họ rằng dân tộc Do Thái đã phạm những tội lỗi tệ hại hơn những tội lỗi mà họ đã cáo ông vi phạm. Những tội này là gì?

- *Họ đã hiểu sai những căn nguyên thuộc linh của mình* (Cong 7:1-8). Bài diễn văn của Ê-tiên mở đầu với “Đức Chúa Trời của sự vinh hiển” kết thúc với sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (Cong 6:55), và mọi lúc ông nói, gương mặt ông phát ra chính sự vinh hiển ấy! Tại sao? Vì Y-sơ-ra-ên là dân tộc duy nhất được ban đặc quyền có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời như một phần di sản của họ (Ro 9:4). Than ôi, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ra đi, trước hết khỏi đền tạm (Exe 10:4,18). Vinh hiển Đức Chúa Trời đã đến trong Con Ngài (Gi 1:14) nhưng dân tộc này đã chối bỏ Ngài.

Áp-ra-ham là người sáng lập dân tộc Hê-bơ-rơ, và mối liên hệ của ông với Đức Chúa Trời là mối liên hệ về ân điển và đức tin. Đức Chúa Trời đã nhân từ hiện ra cho ông và gọi ông ra khỏi sự tối tăm của dân ngoại đạo vào trong sự sáng cứu rỗi, và Áp-ra-ham đã đáp ứng bằng đức tin. Áp-ra-ham đã được cứu bởi ân điển, nhờ đức tin, chứ không phải do ông đã chịu phép cắt bì, giữ luật pháp hay thờ phượng trong đền thờ. Mọi điều đó đến sau, (Ro 4:1-25 Ga 3:1-29). Ông tin những lời hứa của Đức Chúa Trời và chính đức tin ông đã cứu ông.

Đức Chúa Trời đã hứa ban đất này cho con cháu Áp-ra-ham, và rồi cho Áp-ra-ham biết rằng con cháu ông chịu khổ tại Ai Cập trước khi họ sẽ bước vào và vui hưởng đất này: và điều này đã xảy ra y như Đức Chúa Trời đã hứa. Ngay từ đầu, Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch khôn ngoan cho dân Ngài và kế hoạch đó sẽ được hoàn thành bao lâu họ tin cậy Lời Ngài và vâng theo ý chỉ Ngài.

Dân Do Thái rất tôn kính Áp-ra-ham và tự hào mình là “con cháu người. Nhưng họ đã nhầm lẫn dòng dõi thuộc thể với kinh nghiệm thuộc linh và cậy nơi di sản dân tộc hơn là đức tin cá nhân họ. Giăng Báp-tít đã cảnh cáo họ về tội này (Mat 3:7-12) và Chúa Giê-xu cũng đã làm vậy (Gi 8:33-59). Dân Do Thái đã mù loà đối với đức tin đơn sơ của Áp-ra-ham và các thánh tổ, và họ đã phủ đầy nó bằng những truyền thống do con người lập ra khiến sự cứu rỗi trở nên một vấn đề về những việc thiện, không phải đức tin. Đức Chúa Trời không có cháu nào cả. Mỗi chúng ta phải được sanh trong gia đình của Đức Chúa Trời nhờ đức tin cá nhân trong Chúa Giê-xu (Gi 1:11-13).

Dân Do Thái tự hào trong sự cắt bì của họ, không hiểu rằng nghi thức này tượng trưng cho một mối liên hệ thuộc linh bên trong với Đức Chúa Trời (Cong 7:51 Phu 10:16 Gie 4:1 6:10 Ga 5:1-6 Phi 3:3 Co 2:11-12). Suốt nhiều năm qua, việc làm trọn các lễ nghi đã choán chỗ sự vui hưởng thực tế. Ngay cả ngày nay điều này vẫn xảy ra trong các Hội Thánh.

- *Họ đã chối bỏ những người giải cứu Đức Chúa Trời sai đến* (Cong 7:9-36) Tôi đã kết hợp những phân đoạn nói về Giô-sép và Môi-se vì hai anh hùng Do Thái này có chung điều này: họ đều bị chối bỏ với tư cách những người giải cứu lần đầu tiên, nhưng được chấp nhận lần thứ hai. Anh em của Giô-sép ghét người em mình và bán người làm nô lệ, nhưng sau đó ông đã trở nên người giải cứu họ. Họ nhận biết Giô-sép “lần thứ hai” (7:13) khi họ trở lại Ai Cập để mua thêm lương thực. Y-sơ-ra-ên đã chối từ Môi-se khi ông trước tiên tìm cách giải cứu họ khỏi ách nô lệ của người Ai Cập, và ông đã phải trốn đi để giữ mạng sống (Xu 2:11-22). Nhưng khi Môi-se đến với họ lần thứ hai, dân tộc đã chấp nhận ông và ông giải phóng họ (Cong 7:35).

Hai sự kiện này minh họa cách Y-sơ-ra-ên đã đối xử với Chúa Giê-xu. Y-sơ-ra-ên đã khước từ Đấng Mê-si-a của họ khi Ngài đến với họ lần thứ nhất (Gi 1:11), nhưng khi Ngài đến lần nữa, họ sẽ nhận biết Ngài và tiếp Ngài (Kh 1:7 Xa 12:10). Mặc cho những điều họ đã làm đối với Con Ngài, Đức Chúa Trời không bỏ dân Ngài (Ro 11:1-6). Y-sơ-ra-ên hôm nay đang chịu đựng một sự mù loà thuộc linh mà một ngày nào đó sẽ bị cất đi (Ro 11:25-32). Cá nhân người Do Thái đang được cứu, nhưng dân tộc nói chung bị mù loà với chân lý về Chúa Giê-xu.

Trước khi thông qua phân đoạn này, chúng ta phải đề cập đến một số điều có vẻ mâu thuẫn giữa bài diễn văn của Ê-tiên và Lời Kinh Thánh Cựu Ước.

Sa 46:26-27 xác định rằng 70 người gộp thành gia đình Gia-cốp, kể cả gia đình Giô-sép đã ở Ai Cập nhưng Ê-tiên tuyên bố rằng có 75 người (Cong 7:14 Xu 1:1-5). Bản văn Hê-bơ-rơ có 70 người ở cả Sáng thế ký và Xuất Ê-díp-tô ký, nhưng bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp có 75 người. Con số 75 trong Bản dịch Hy Lạp từ đâu đến? Theo sự tính toán của họ, các dịch giả đã kể đến những người cháu của Giô-sép (ISu 7:14-15,20-25). Là một người Do Thái thuộc dân Hê-lê-nít, Ê-tiên đương nhiên sẽ sử dụng bản dịch tiếng Hy Lạp. Không có mâu thuẫn thật nào cả tổng số của bạn tùy thuộc vào những thừa số bạn kể đến.

Cong 7:16 cho rằng Gia-cốp đã được chôn tại Si-chem, nhưng Sa 50:13 xác định rằng ông được chôn trong hang đá của đồng Mặc-bê-la tại Hếp-rôn cùng với Áp-ra-ham, Y-sác và Sa-ra (Sa 23:17). Chính Giô-sép là người đã được chôn tại Si-chem (Gios 24:32). Có thể là con cháu Y-sơ-ra-ên đã đem ra khỏi Ai Cập những người còn sót lại trong số các con trai Gia-cốp, chớ không chỉ một mình Giô-sép, và đã chôn họ cùng tại Si-chem. Những “tổ phụ” được đề cập trong Cong 7:15 sẽ là 12 con trai của Gia-cốp.

Nhưng ai đã mua nơi chôn cất tại Si-chem – Áp-ra-ham hay Gia-cốp? Ê-tiên dường như nói rằng Áp-ra-ham đã mua nó, nhưng sự ghi chép của Cựu Ước nói rằng Gia-cốp đã mua (Sa 33:18-20). Áp-ra-ham đã mua hang đá Mặc-bê-la (Sa 23:14-20). Sự giải thích đơn giản nhất là Áp-ra-ham thật sự đã mua hai mảnh đất và Gia-cốp sau đó phải mua lại bất động sản tại Si-chem. Áp-ra-ham đã di chuyển khá nhiều nên cư dân của xứ này sẽ rất dễ dàng quên hoặc phớt lờ những giao dịch ông đã thực hiện.

- *Họ đã bất tuân luật pháp của mình* (Cong 7:37-43) Những kẻ đối địch Ê-tiên đã vu cáo ông nói nghịch Thánh luật của Môi-se, nhưng lịch sử Y-sơ-ra-ên cho thấy rằng dân tộc này đã nhiều lần vi phạm luật pháp ấy. Đức Chúa Trời đã ban luật pháp cho hội chúng Ngài (Hội Thánh) trong đồng vắng tại núi Si-nai, Lời hằng sống của Ngài qua trung gian các thiên sứ (c.53 Ga 3:19). Dân sự nhận luật pháp chẳng được bao lâu thì họ đã bất tuân luật pháp bằng cách yêu cầu A-rôn làm cho họ một tượng thần (Xu 32:1-35), và do đó đã phạm điều đầu tiên trong 10 điều răn (Xu 20:1-6).



Dân Do Thái đã thờ thần tượng tại Ai Cập (Gios 24:14 Exe 20:7-8) và sau sự định cư của họ tại Đất Hứa, họ dần dần chấp nhận các thần của những dân tộc ngoại đạo quanh họ. Đức Chúa Trời nhiều lần kỷ luật dân Ngài và sai những tiên tri đến với họ để cảnh cáo họ, cho đến cuối cùng Ngài đã đem họ qua Ba-by-lôn nơi mà cuối cùng họ được chữa khỏi sự thần tượng.

Cong 7:42 phải được đối chiếu với Ro 1:24-28 vì tất cả những câu này mô tả sự đoán phạt của Đức Chúa Trời khi Ngài “rút tay Ngài ra” và để cho tội nhân có con đường riêng của họ. Khi Ê-tiên trích dẫn Am 5:25-27 ông bày tỏ điều dân Do Thái thật đã hành động suốt những năm đó: Theo hình thức bề ngoài, họ đang thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng trong lòng họ, họ đang thờ phượng các thần ngoại bang! Dạng câu hỏi trong Cong 7:42 đòi hỏi một sự trả lời phủ định: “Không, các ngươi đã không dâng những của lễ ấy cho Chúa!”

Trong thời “tôn giáo đa thần này và việc nhấn mạnh về “sự khoan dung” chúng ta phải hiểu vì sao Đức Chúa Trời ghét các tôn giáo ngoại bang và chỉ dẫn Y-sơ-ra-ên tiêu diệt chúng. Trước hết, những tôn giáo này mang tính khiêu dâm không thể nói ra được trong sự thờ phượng tình dục của họ và việc họ sử dụng những gái điếm trong tôn giáo. Những hành động của họ cũng đầy thú tính, thậm chí đến độ dâng con cái làm của lễ cho các thần của họ. Đó cơ bản là sự thờ phượng ma quỷ, và nó đã mở đường cho mọi lối sống bất kính của dân Do Thái. Nếu dân tộc này đã xây bỏ Đức Chúa Trời chân thật và nhượng bộ sự sùng bái thần tượng, điều đó có thể có nghĩa là sự chấm dứt phần sót lại tin kính và sự ứng nghiệm lời hứa về Đấng Cứu Chuộc.

Luật pháp Đức Chúa Trời được ban cho dân Do Thái để bảo vệ họ khỏi ảnh hưởng ngoại đạo quanh họ, và giúp họ có thể vui hưởng những phúc hạnh trong xứ. Chính luật pháp đã khiến họ trở nên một dân thánh, khác với các dân tộc khác. Khi Y-sơ-ra-ên phá vỡ bức tường phân biệt đó bằng cách bất tuân luật pháp Đức Chúa Trời, họ đã đánh mất sự chúc phúc của Đức Chúa Trời và phải bị kỷ luật.

- *Họ đã xem thường đền thờ mình* (Cong 7:44-50) Những kẻ làm chứng đã vu cáo Ê-tiên tìm cách phá hoại đền thờ, nhưng đó chính xác là điều dân tộc Do Thái đã làm! Môi-se đã xây dựng đền tạm và vinh hiển của Đức Chúa Trời đã nhân từ ngự trong nơi chí thánh (Xu 40:34-38). Sa-lô-môn đã xây cất đền thờ và một lần nữa vinh hiển của Đức Chúa Trời ngự vào (IVua 8:10-11). Nhưng qua nhiều năm, sự thờ phượng tại đền thờ đã thoái hoá thành ra chỉ là lễ nghi tôn giáo, và cuối cùng đã có những tượng thần được đặt trong đền thờ (IIVua 21:1-9 Exe 8:7-12). Giê-rê-mi đã cảnh cáo dân sự chống lại sự mê tín trong đền thờ và cho họ biết rằng họ đã biến nhà Đức Chúa Trời thành ra một hang trộm cướp (Gie 7:1-16).

Nếu dân tộc này chú ý đến những tiên tri của họ, thì họ đã thoát khỏi những sự kinh khủng trong sự bao vây của dân Ba-by-lôn (xem sách Ca thương) cùng sự huỷ phá thành và đền thờ của họ. Cả Sa-lô-môn cũng nhận ra sự thật rằng Đức Chúa Trời đã không sống trong những toà nhà (IVua 8:27), và tiên tri Ê-sai còn cho biết điều đó rõ hơn (Es 66:1-2). Chúng ta thật sự không làm gì cho Đức Chúa Trời, vì mọi sự đến từ Ngài và làm sao Đấng sáng tạo vũ trụ có thể được chứa trong một toà nhà do con người làm ra? (Cong 17:24). Sự bảo vệ đền thờ của dân Do Thái vừa phi lý vừa không cần cứ trên Kinh Thánh.

- *Họ đã ương ngạnh chống nghịch Đức Chúa Trời mình và chân lý của Ngài* (Cong 7:51-53). Đây là cao điểm bài nói chuyện của Ê-tiên, sự ứng dụng cá nhân thấu đến



tấm lòng những người nghe ông. Qua nhiều thế kỷ, Y-sơ-ra-ên đã từ chối đầu phục Đức Chúa Trời và vâng theo những chân lý Ngài bày tỏ cho họ. Kết quả là họ đã bắt bớ và giết các tôi tớ của Đức Chúa Trời, kể cả Đấng Mê-si-a của chính họ!

Dân tộc này đã từ chối tiếp nhận chân lý mới mà Đức Chúa Trời đang bày tỏ từ thời đại này đến thời đại khác. Thay vì nhìn thấy chân lý của Đức Chúa Trời như hạt giống sản sinh quả và nhiều hạt nữa, các chức sắc tôn giáo đã “uớp” chân lý và từ chối nhận bất cứ điều gì mới. Vào thời Chúa Giê-xu đến trên đất chân lý của Đức Chúa Trời đã bị bao phủ bởi quá nhiều truyền thống đến nỗi dân sự không thể nhận biết chân lý của Đức Chúa Trời khi Ngài đã trình bày. Những truyền thống chết của con người đã thế chỗ lẽ thật hằng sống của Đức Chúa Trời (Mat 15:1-20).

#### **4. Ê-tiên - người tử đạo (Cong 7:54-60)**

Bạn tự hỏi chúng ta sống trong một thế giới loại nào khi những người tốt lành và tin kính như Ê-tiên có thể bị giết hại bởi những kẻ cuồng tín tôn giáo! Nhưng chúng ta có những vấn đề tương tự trong thời đại “khai sáng” của chúng ta ngày nay: bắt giữ con tin, những vụ ném bom giết chết hoặc làm tàn phế người vô tội, những vụ ám sát, và tất cả nhân danh chính trị hoặc tôn giáo. Lòng người đã không thay đổi, nó cũng không thể được thay đổi nếu không có ân điển của Đức Chúa Trời.

Những kết quả về sự chết của Ê-tiên là gì? Đối với Ê-tiên, sự chết nghĩa là lễ đăng quang (Kh 2:10). Ông đã nhìn thấy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời đứng bên để tiếp ông lên trời (Lu 22:69). Chúa chúng ta đã ngồi khi Ngài thăng thiên (Thi 110:1 Mac 16:19), nhưng Ngài đứng dậy chào đón người tử đạo Cơ Đốc đầu tiên vào trong sự vinh hiển (Lu 12:8). Đây là lần cuối cùng danh hiệu “Con người” được sử dụng trong Kinh Thánh. Nó chắc chắn là một danh hiệu về Đấng Mê-si-a (Da 7:13-14) và cách Ê-tiên sử dụng danh ấy là một chứng cứ nữa rằng Chúa Giê-xu đích thực là Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên.

Ê-tiên không những đã bị xét xử theo một cách giống với cách của Chúa chúng ta, ông cũng đã chết với những lời cầu nguyện tương tự trên môi (Cong 7:59-60 Lu 23:34,46). Một người cật vấn có lần đã quát tháo trước một người truyền đạo trên đường phố, “Tại sao Đức Chúa Trời đã không làm điều gì đó cho Ê-tiên khi họ ném đá người?”. Người truyền đạo đáp: “Đức Chúa Trời thật đã làm điều gì đó cho Ê-tiên. Ngài ban cho ông ơn để tha thứ những kẻ giết ông và cầu nguyện cho họ!”. Một câu trả lời hoàn hảo!

Đối với Y-sơ-ra-ên, sự chết của Ê-tiên nghĩa là sự kết án. Đây là vụ giết hại thứ ba của họ: họ đã cho phép Giăng Báp-tít bị giết Họ đã yêu cầu để Chúa Giê-xu bị giết và giờ đây họ đang tự mình giết Ê-tiên. Khi họ để Hê-rốt giết Giăng, dân Do Thái đã phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Cha Đấng đã sai Giăng (Mat 21:28-32). Khi họ yêu cầu Phi-lát đóng đinh Chúa Giê-xu, họ đã phạm tội nghịch với Đức Chúa Con. Khi họ ném đá Ê-tiên, họ đang phạm tội với Đức Thánh Linh, Đấng đang hành động trong và qua các sứ đồ (Cong 7:51 Mat 10:1-8). Chúa Giê-xu đã phán rằng tội lỗi này không bao giờ có thể được tha thứ (Mat 12:31-32). Sự đoán phạt sau cùng đã đến vào năm 70 SC khi Titus cùng các đội quân La Mã phá huỷ Giê-ru-sa-lem và đền thờ.

Đối với Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem sự chết của Ê-tiên nghĩa là sự giải thoát. Họ đã làm chứng “cho người Do Thái trước” kể từ lễ Ngũ Tuần, nhưng giờ đây họ sẽ được hướng dẫn đem sứ điệp ra khỏi Giê-ru-sa-lem đến với dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40) và

thậm chí đến với dân ngoại (Cong 11:19-26). Sự chống đối của kẻ thù đã giúp ngăn ngừa Hội Thánh trở thành một “giáo phái” Do Thái và đã khích lệ họ hoàn thành nhiệm vụ trong Cong 1:8 và Mat 28:18-20.

Sau cùng, nói về Sau-lơ (Cong 7:58), sự chết của Ê-tiên cuối cùng đã có nghĩa là sự cứu rỗi. Ông không bao giờ quên sự kiện này (22:17-21), và chắc hẳn sử điệp, những lời cầu nguyện và sự chết vinh hiển của Ê-tiên đã được Thánh Linh sử dụng để chuẩn bị cho Sau-lơ về cuộc gặp gỡ Chúa của chính ông (Cong 9:1-43). Đức Chúa Trời không bao giờ lãng phí huyết của các thánh đồ Ngài. Sau-lơ một ngày nào đó sẽ cùng sự vinh hiển mà Ê-tiên đã thấy và sẽ nhìn xem Con Đức Chúa Trời và nghe Ngài phán!

Khi Cơ Đốc nhân chết, họ “ngủ” (Gi 11:11 ITe 4:13). Thân xác ngủ và linh hồn đi ở với Chúa trên trời (Cong 7:59 Phi 1:23 IICo 5:6-9 He 12:22-23). Khi Chúa Giê-xu tái lâm Ngài sẽ mang theo những linh hồn của người đã chết (ITe 4:14), thân thể họ sẽ được sống lại và được vinh hiển, còn thân thể và linh hồn sẽ được hội hiệp trong vinh hiển để “ở cùng Chúa mãi mãi”. Cho dù Cơ Đốc nhân chúng ta khóc sự chết của một người thân yêu (Cong 8:2), chúng ta không buồn rầu cách vô vọng, vì chúng ta biết mình sẽ gặp lại khi chúng ta qua đời hoặc khi Chúa tái lâm.

Đức Chúa Trời không kêu gọi tất cả chúng ta làm người tử đạo, nhưng Ngài thật kêu gọi chúng ta làm những “cửa lễ sống” (Ro 12:1-2). Ở một vài phương diện, sống cho Đấng Christ có thể khó hơn là chết vì Ngài nhưng nếu chúng ta đang sống cho Ngài, chúng ta sẽ được chuẩn bị để chết vì Ngài nếu Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta thực hiện.

Vào năm 1948, người tử đạo Auca Jim Elliot đã viết trong nhật ký ông: “Con tìm kiếm không phải một đời sống trường thọ, nhưng là một đời sống trọn vẹn, giống như Ngài, hỡi Chúa Giê-xu”. Hai năm sau đó, ông viết: “Tôi không nên nghĩ điều đó là kỳ lạ nếu Đức Chúa Trời thu ngắn tuổi xuân của những người tôi muốn giữ trên đất đến khi họ lớn tuổi hơn. Đức Chúa Trời đang di dân đến cõi vĩnh hằng, và tôi không nên giới hạn Ngài ở những người đàn ông và phụ nữ lớn tuổi”.

Giống như Etien, Jim Elliot và bốn đồng bạn của ông đã được gọi vào ngày 8/1/1956, đến với “dân Cõi Vĩnh Hằng” khi họ bị giết bởi những người họ đang muốn tìm đến. Điều đã xảy ra với những người Auca lúc đó là bằng chứng rằng huyết của những người tử đạo quả thật là hạt giống của Hội Thánh. Nhiều người Auca giờ đây là Cơ Đốc nhân.

*“Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho người mũ triều thiên của sự sống” (Kh 2:10).*

## **7. MỘT HỘI THÁNH HOẠT ĐỘNG (Cong 8:1-59)**

Victo Hugo đã viết: “Có một thứ mạnh hơn mọi quân đội trên thế gian, và đó là một ý niệm mà thời gian của nó đã đến”.

Phúc Âm của Chúa Giê-xu hơn nhiều so với một ý niệm. Phúc Âm là “quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Ro 1:16). Đó là “thuốc nổ” của Đức Chúa Trời để phá sập những rào cản của tội lỗi và giải thoát tù nhân. Thời gian của nó đã đến và Hội Thánh đã hoạt động. “Muối” giờ đây đang rời khỏi “lọ muối” Giê-ru-sa-lem để được rải khắp xứ Giu-đê và Sa-ma-ri, y như Chúa đã ra lệnh (Cong 1:8).

Những sự kiện trong Cong 8:1-59 tập trung quanh bốn người khác nhau.

## 1. Một kẻ bắt bớ sốt sáng - Sau-lơ (Cong 8:1-3)

Sách Công vụ và các thư tín cho dữ kiện đầy đủ về một bản tóm tắt đời sống ban đầu của Sau-lơ. Ông được sinh ra ở thành Tạt-sơ xứ Si-li-si (Cong 22:3), một “người Hê-bơ-rơ thuộc dân Hê-bơ-rơ” (IICo 11:20 Phi 3:5), “con của một người dòng Pha-ri-si” (Cong 23:6), và là một quốc dân Rô-ma (16:37 22:25-28). Ông được Ga-ma-li-ên dạy dỗ trong thành Giê-ru-sa-lem (22:3) và trở thành một người Pha-ri-si tận tụy (26:4-5 Phi 3:5). Về phương diện luật pháp, đời sống ông không chỗ trách được (Phi 3:6). Ông là một trong những người Pha-ri-si trẻ tuổi đầy hứa hẹn trong thành Giê-ru-sa-lem, đang tiến triển tốt trên con đường trở thành một lãnh đạo vĩ đại cho Do Thái giáo (Ga 1:14).

Lòng sốt sáng của Sau-lơ đối với luật pháp đã được phô bày sinh động nhất trong sự bắt bớ Hội Thánh của ông (Ga 1:13-14 Phi 3:6). Ông thật sự nghĩ rằng việc bắt bớ các tín đồ là một cách hầu việc Đức Chúa Trời, vì vậy ông đã làm điều đó với một lương tâm trong sạch (IITi 1:3). Ông vâng theo sự sáng mà ông đã có và, khi Đức Chúa Trời ban cho ông thêm sự sáng, ông đã vâng theo sự sáng ấy và trở thành một Cơ Đốc nhân!

Sau-lơ đã bắt bớ Hội Thánh trong những phương diện nào? Ông “làm tàn hại Hội Thánh”, và động từ ở đây mô tả một con thú hoang cắn xé mỗi của nó. Khi Đấng Christ phán với Sau-lơ trên đường Đa-mách, Ngài ví sánh ông với một con thú! (Cong 9:5). Việc ném đá Ê-tiên mà Sau-lơ ưng thuận chứng tỏ bề dài mà ông sẽ đi đến để đạt được mục đích của mình. Ông đã bắt bớ cả đàn ông và đàn bà “cho đến chết” (22:4), đi vào các nhà riêng lẫn nhà hội (22:19). Ông ra lệnh bỏ tù và đánh đập các tín đồ (22:19 26:9-11). Nếu họ từ bỏ đức tin trong Chúa Giê-xu (“bắt họ phải nói phạm thượng” 26:11), họ được trả tự do nếu họ không công khai từ bỏ, họ có thể bị giết.

Những năm sau, Phao-lô đã mô tả chính mình ông như “điên cuồng chống lại họ” (26:11), “người phạm thượng (ông đã lên án Chúa Giê-xu), người bắt bớ và gây hại (hung bạo)” (ITi 1:13). Ông là một người có quyền hạn lớn mà sự tận tụy đối với Môi-se đã hoàn toàn điều khiển đời sống ông, và hầu như huỷ hoại cuộc đời ông. Ông đã làm điều đó “cách ngu muội trong sự vô tín” (ITi 1:13), và Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự thương xót cho ông và cứu ông. Sau-lơ ở thành Tạt-sơ có lẽ là người cuối cùng trong Giê-ru-sa-lem mà bạn chọn làm sứ đồ vĩ đại cho dân ngoại.

## 2. Người giảng đạo trung tín - Phi-líp (Cong 8:4-8)

Sự bắt bớ làm cho Hội Thánh tương tự điều mà gió làm cho hạt giống: nó làm Hội Thánh tản lạc và chỉ sản sinh một mùa gặt lớn hơn. Từ được dịch là “tản lạc” (diaspeiro, Cong 8:1,4) nghĩa là “vãi hạt giống”. Các tín đồ ở Giê-ru-sa-lem là hạt giống của Đức Chúa Trời và sự bắt bớ được Đức Chúa Trời sử dụng để trồng họ trong đất mới để họ có thể sinh trái (Mat 13:37-38). Một số người đi khắp xứ Giu-đê và xứ Sa-ma-ri (Cong 1:8), và số khác đến những cánh đồng xa hơn (11:19).

Người Sa-ma-ri là một dân “lai giống”, một sự pha trộn dân Do Thái và dân ngoại. Dân tộc này khởi đầu khi người A-si-ri bắt giữ 10 chi phái phương Bắc năm 722 TC, lưu đầy nhiều người trong dân và rồi nhập vào những người khác là những người đã kết hôn với dân Do Thái. Dân Sa-ma-ri có đền thờ cùng chức tế lễ của riêng họ và công khai chống đối sự kết thân với dân Do Thái (Gi 4:9).

Chúng ta không có lý do gì để tin rằng Đức Chúa Trời đã cho phép sự bắt bớ này vì dân Ngài đã lơ đãng và phải bị “buộc” rời khỏi Giê-ru-sa-lem. Sự kiện Phao-lô bắt bớ các tín đồ “cho đến các thành ngoại quốc” (Cong 26:11) cho thấy rằng sự làm chứng của họ đang kết quả thậm chí vượt ngoài Giê-ru-sa-lem. Chúng ta cũng không nên chỉ trích các sứ đồ vì vẫn ở trong thành. Nếu có thể nói được như thế, chúng ta nên tuyên dương họ về sự can đảm và tận tụy đối với nhiệm vụ. Xét cho cùng, phải có ai đó ở lại nơi đó để chăm sóc Hội Thánh.

Vì sự làm chứng và sự chết của Ê-tiên, có thể sự bắt bớ tập trung vào người Do Thái Hê-lê-nít hơn là người Do Thái “bản xứ”. Sẽ dễ dàng hơn cho Sau-lô và những cộng sự của ông để nhận ra các tín đồ Hê-lê-nít, vì nhiều người trong số dân Do Thái “bản xứ vẫn rất Do Thái và gắn bó nhiều với đền thờ. Phi-e-rơ vẫn giữ một “gia đình tuân thủ luật Do Thái” khi ông được sai đi rao giảng Phúc Âm cho người nhà Cọt-nây (Cong 10:9-16).

Phi-líp được chọn làm chấp sự (6:5), nhưng giống như Ê-tiên, ông tăng trưởng trong chức vụ mình và trở nên một người giảng Phúc Âm có hiệu quả (Cong 21:8). Đức Chúa Trời đã hướng dẫn ông rao Phúc Âm trong xứ Sa-ma-ri, một khu vực đã bị cấm đối với các sứ đồ (Mat 10:5-6). Cả Giăng Báp-tít và Chúa Giê-xu đã thi hành chức vụ ở đó (Gi 3:23 4:1), vì vậy Phi-líp bước vào tiếp công lao họ (Gi 4:36-38).

Từ “sự truyền giảng” trong Cong 8:4 nghĩa là “truyền giảng Phúc Âm, truyền giảng Tin Lành”, trong khi từ ở c.5 nghĩa là “loan báo như một sứ giả”. Phi-líp là sứ giả được uỷ nhiệm của Đức Chúa Trời để rao sứ điệp Ngài cho dân xứ Sa-ma-ri. Khước từ sứ giả nghĩa là khước từ sứ điệp và chống nghịch với thẩm quyền đằng sau vị sứ giả, Đức Chúa Trời tối cao. Cách con người đáp ứng với sứ giả của Đức Chúa Trời và sứ điệp của Đức Chúa Trời là việc hệ trọng.

Phi-líp không những đã công bố Đạo Đức Chúa Trời, ông còn bày tỏ quyền năng Đức Chúa Trời bằng cách làm phép lạ (2:43 5:12), nhưng cả Ê-tiên và Phi-líp đều đã làm những dấu lạ và sự lạ bằng quyền năng Đức Chúa Trời (6:8). Tuy nhiên, sự nhấn mạnh ở đây là về Đạo Đức Chúa Trời: dân sự đã chú ý đến Đạo vì họ nhìn thấy những phép lạ, và bởi tin Đạo, họ được cứu. Không ai từng được cứu chỉ vì những phép lạ (Gi 2:23-25 12:37-41).

Cơn bắt bớ lớn (Cong 8:1) cộng với sự truyền giảng Phúc Âm đã đem lại sự vui mừng lớn! Cả trong sách Phúc Âm và sách Công vụ của mình, Lu-ca đã nhấn mạnh niềm vui mừng về sự cứu rỗi! (Lu 2:10 15:7,10 24:52 Cong 8:8 13:52 15:3). Dân Sa-ma-ri những người nghe Phúc Âm và tin theo đã được giải cứu khỏi sự đau đớn thuộc thể, sự điều khiển của ma quỷ và quan trọng nhất là khỏi tội lỗi họ. Chắc hẳn đã có sự vui mừng lớn!

Phúc Âm giờ đây đã đi từ “lãnh địa Do Thái” vào xứ Sa-ma-ri nơi dân chúng nửa Do Thái nửa dân ngoại. Đức Chúa Trời đã xây một chiếc cầu trong ân điển Ngài giữa hai dân tộc bị ly gián và hiệp các tín đồ làm một trong Đấng Christ, và chẳng bao lâu Ngài sẽ kéo dài chiếc cầu đó đến dân ngoại và bao gồm cả họ nữa. Ngay cả hôm nay, chúng ta cần “những người xây cầu” giống như Phi-líp, đàn ông và đàn bà những người sẽ đem Phúc Âm vào lãnh địa mới và dám thách thức những định kiến cũ kỹ. “Hãy đi khắp thế gian giảng Tin lành cho mọi người” vẫn là nhiệm mạng Đức Chúa Trời dành cho chúng ta.



### 3. Kẻ lừa dối khéo léo - Thuật sĩ Si-môn (Cong 8:9-25)

Chính một nguyên tắc cơ bản trong Kinh Thánh cho thấy bất cứ nơi đâu Đức Chúa Trời gieo ra những tín đồ thật của Ngài, Sa-tan cuối cùng sẽ gieo ra những kẻ giả mạo của nó (Mat 13:24-30,36-43). Nguyên tắc này đúng với chức vụ của Giăng Báp-tít (Mat 3:7) và Chúa Giê-xu (Mat 23:15,33 Gi 8:44), và nó cũng đúng đối với chức vụ của Phaolô (Cong 13:6 IICo 11:1-4,13-15). Kẻ thù đến như một sư tử cắn xé, và khi cách ấy thất bại, nó đến như con rắn lừa dối. Công cụ của Sa-tan trong trường hợp này là một thuật sĩ tên Si-môn.

Từ được dịch là “mê hoặc” trong Cong 8:9,11 đơn giản nghĩa là “bị sửng sốt, ngạc nhiên”. Nó được dịch là “lấy làm lạ” trong c.13. Dân chúng đã kinh ngạc về những việc Si-môn làm và vì vậy họ tin những điều ông nói. Họ xem ông như “quyền năng lớn của Đức Chúa Trời”. Yêu thuật của Si-môn đã được Sa-tan tiếp sức (IITe 2:1-18) và được sử dụng để ngợi khen bản thân ông, trong khi những phép lạ của Phi-líp do Đức Chúa Trời ban quyền năng và được sử dụng để làm vinh hiển Đấng Christ. Si-môn bắt đầu mất dần số người theo ông khi những người Sa-ma-ri lắng nghe sứ điệp của Phi-líp, tin nơi Chúa Giê-xu, được tái sinh và chịu báp-tem.

“Chính Si-môn cũng tin” có nghĩa là gì? (Cong 8:13). Chúng ta có thể trả lời câu hỏi này tốt nhất bằng cách đặt một câu hỏi khác: cơ sở “niềm tin” của ông ta là gì? Niềm tin của ông không phải ở nơi Đạo Đức Chúa Trời, nhưng nơi những phép lạ ông thấy Phi-líp làm và không có biểu thị nào cho thấy Si-môn đã ăn năn tội lỗi mình. Chắc chắn ông không hết lòng tin (Cong 8:37). Niềm tin của ông giống như niềm tin của dân Giê-ru-sa-lem những người đã chứng kiến các phép lạ của Chúa chúng ta (Gi 2:23-25), hoặc thậm chí giống niềm tin của ma quỷ (Gia 2:19). Si-môn ở lại với Phi-líp, không phải để nghe Đạo và học nhiều hơn về Chúa Giê-xu, nhưng để chứng kiến những phép lạ và có lẽ học cách chúng được thực hiện ra sao.

Thật quan trọng để chú ý rằng dân Sa-ma-ri đã không nhận được sự ban cho của Đức Thánh Linh khi họ tin. Cần thiết để hai người trong số các sứ đồ, Phi-e-rơ và Giăng, đến từ Giê-ru-sa-lem, đặt tay trên những người qui đạo, và truyền sang họ sự ban cho của Thánh Linh. Tại sao? Vì Đức Chúa Trời muốn hiệp các tín đồ Sa-ma-ri với Hội Thánh người Do Thái chính gốc tại Giê-ru-sa-lem. Ngài không muốn hai Hội Thánh kéo dài mãi sự chia rẽ và mâu thuẫn đã tồn tại nhiều thế kỷ. Chúa Giê-xu đã ban cho Phi-e-rơ “chìa khoá Nước thiên đàng” (Mat 16:13-20), nghĩa là Phi-e-rơ có đặc quyền “mở cánh cửa đức tin” cho người khác. Ông đã mở cửa cho dân Do Thái tại lễ Ngũ Tuần, và giờ đây ông mở cửa cho dân Sa-ma-ri. Sau đó, ông sẽ mở cửa đức tin cho dân ngoại (Cong 10:1-48).

Cũng hãy nhớ rằng 10 chương đầu của sách Công vụ ghi lại một giai đoạn chuyển tiếp, từ dân Do Thái đến dân Sa-ma-ri rồi đến dân ngoại. Phương thức Đức Chúa Trời dành cho ngày nay được bày tỏ trong Cong 10:1-48 tội nhân nghe Phúc Âm, tin, nhận sự ban cho của Phúc Âm, và sau đó được báp-tem. Thật nguy hiểm để đặt nền tảng bất cứ giáo lý hay sự thực hành trên những gì được ghi trong Cong 1:1-10:48 vì bạn có thể xây trên điều tạm bợ và thay đổi. Những ai tuyên bố chúng ta phải chịu báp-tem để nhận được sự ban cho của Thánh Linh (2:38) đều gặp khó khăn để giải thích điều đã xảy đến cho dân Sa-ma-ri, và những ai tuyên bố chúng ta phải được “đặt tay” để nhận sự ban cho của Thánh Linh đều gặp khó khăn với Cong 10:1-48. Một khi bạn



chấp nhận Cong 1:1-10:48 là một giai đoạn chuyển tiếp trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, với Cong 10:1-48 là đỉnh điểm, những vấn đề đều được giải quyết.

Sự xấu xa trong lòng Si-môn đã bị lộ ra đầy đủ bởi chức vụ của hai sứ đồ. Si-môn không chỉ muốn làm phép lạ, mà ông ta còn muốn quyền năng để mang sự ban cho của Thánh Linh đến với người khác và ông hoàn toàn sẵn sàng trả tiền để có quyền năng này! Chính phân đoạn này cho ta từ “simony” (sự buôn thần bán thánh), nghĩa là “việc mua và bán các chức vụ hoặc các đặc quyền trong Hội Thánh”.

Khi bạn nghiên cứu sách Công vụ, bạn sẽ thường thấy Phúc Âm ở trong sự mâu thuẫn với tiền bạc và “sự mua bán lớn”. A-na-ria và Sa-phi-ra đã mất mạng vì họ nói dối về sự dâng hiến của mình (5:1-11). Phao-lô đã cắt một người bói khoa ra khỏi công việc mua bán trong thành Phi-líp và cuối cùng bị cầm tù (16:16-24). Ông cũng tạo khó khăn cho các thợ bạc trong thành Ê-phê-sô và làm gây ra cuộc nổi loạn (19:23-41). Hội Thánh đầu tiên đã có những ưu tiên tức thời: Giảng Đạo quan trọng hơn dành được sự hỗ trợ của những người giàu có và uy thế trên thế giới.

Những lời nói của Phi-e-rơ trước Si-môn bày tỏ mọi ngụ ý rằng thuật sĩ này không phải là một người qui đạo. “Tiền bạc người hãy hư mất với người” là ngôn ngữ khá mạnh mẽ để sử dụng với một tín đồ. Ông đã chẳng có “phần hoặc số trong việc này” (“lời này”) và lòng ông không ngay thẳng trước mặt Đức Chúa Trời. Mặc dù việc ăn năn không phải không áp dụng cho các tín đồ (Kh 2:1-3:22) nhưng mệnh lệnh ăn năn thường được dành cho những người chưa tin. Từ “ý tưởng” trong Cong 8:22 nghĩa là “âm mưu hoặc ý đồ” và được sử dụng theo một ý xấu. Sự kiện Si-môn “ở trong mặt đấng” (Phu 29:18 He 12:15) và “xiềng xích tội lỗi” cho thấy ông chưa bao giờ thật sự được tái sinh.

Đáp ứng của Si-môn đối với những lời cảnh cáo nghiêm khắc này đều không có tính khích lệ. Ông ta quan tâm nhiều về việc tránh né sự đoán phạt hơn là hiểu rõ về Đức Chúa Trời! Không có bằng chứng nào cho thấy ông ta đã ăn năn và tìm kiếm sự tha thứ. Một tội nhân muốn những lời cầu nguyện của người khác nhưng không tự mình cầu nguyện sẽ không bước vào Nước Đức Chúa Trời.

Tình tiết này chỉ cho thấy thế nào một người có thể đến rất gần sự cứu rỗi mà vẫn không được biến cải. Si-môn đã nghe Phúc Âm, nhìn thấy những phép lạ, bày tỏ một sự xưng nhận đức tin trong Đấng Christ, và chịu phép báp-tem nhưng ông chưa bao giờ được tái sinh. Ông là một trong những kẻ giả mạo khéo léo của Sa-tan và nếu Phi-e-rơ không phơi trần sự xấu xa trong lòng ông, Si-môn có lẽ đã được tiếp nhận như một thuộc viên của hội chúng người Sa-ma-ri!

Cho dù sự bắt bớ vẫn tiếp diễn, Phi-e-rơ và Giảng trở về Giê-ru-sa-lem, rao giảng Phúc Âm “trong nhiều làng của người Sa-ma-ri” khi họ đi đường. Họ đã không đánh mất cơ hội chia sẻ Phúc Âm với những người khác lúc này để những cánh cửa được mở ra trong xứ Sa-ma-ri.

#### **4. Người quan tâm tìm kiếm - người Ê-thi-ô-pi (Cong 8:26-40)**

Phi-líp không chỉ là người giảng đạo trung tín ông còn là một người giúp việc riêng biết vâng lời. Giống như Chủ mình, ông sẵn lòng lìa khỏi đám đông và tiếp xúc với một linh hồn hư mất. Thiên sứ cũng có thể cho quan chức người Ê-thi-ô-pi này biết cách nào để được cứu, nhưng Đức Chúa Trời đã không giao nhiệm mạng cho các thiên

sứ: Ngài giao nó cho dân Ngài. Các thiên sứ chưa bao giờ trực tiếp kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời vì vậy, họ không bao giờ có thể làm chứng được cứu nghĩa là gì.

D.L.Moody có lần đã hỏi một người về linh hồn anh ta, và người này đáp: “Đó chẳng phải là việc của ông”.

Moody nói: “Ồ, vâng, đó là việc của tôi!” và người đàn ông này lập tức kêu lên: “Vâng ông chắc phải là D.L.Moody!”. Đó là công việc của mọi Cơ Đốc nhân để chia sẻ Phúc Âm với người khác và để làm việc ấy mà không có sự sợ sệt hay phải biện bạch.

Kinh nghiệm của Phi-líp phải khích lệ chúng ta trong sự làm chứng cá nhân của chúng ta cho Chúa. Trước tiên, Đức Chúa Trời đã hướng dẫn Phi-líp đến đúng người đúng lúc. Bạn và tôi có thể không được những thiên sứ chỉ dẫn mình, nhưng chúng ta có thể biết sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh trong sự làm chứng của mình, nếu chúng ta đang bước đi trong Thánh Linh và cầu xin sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời.

Vào một buổi xế chiều, khi tôi sắp hoàn tất việc thăm viếng mục vụ của mình, tôi cảm thấy được thúc giục thực hiện một cuộc thăm viếng nữa để gặp một phụ nữ đang trung tín nhóm lại trong Hội Thánh nhưng không phải là một Cơ Đốc nhân đã xưng nhận. Thoạt đầu, tôi tự nhủ rằng thật đại đột để thăm viếng bà cuối ngày ấy, vì có lẽ bà đang chuẩn bị bữa ăn cho gia đình. Nhưng dù sao chẳng nữa, tôi đã đi và khám phá rằng bà đã cảm thấy nặng nề về tội lỗi của mình cả ngày hôm ấy! Trong vài phút, bà đã mở lòng mình cho Đấng Christ và được tái sinh. Hãy tin tôi, tôi mừng mình đã vâng theo sự dẫn dắt của Thánh Linh!

Vị quan hầu này không đến từ nơi mà ngày nay chúng ta gọi là nước Ê-thi-ô-pi quê hương ông ở trong xứ Nubia cũ (cựu vương quốc ở Tây Bắc Phi châu) nằm ở phía Nam Ai Cập. Vì ông là một hoạn quan, ông không thể trở thành một người theo đạo Do Thái trọn vẹn hoàn toàn (Phu 23:1) nhưng ông được phép trở nên một “người kính sợ Đức Chúa Trời” hoặc “người người theo đạo ở ngoài cửa”. Ông quan tâm về đời sống thuộc linh của mình đủ để đi hơn 200 dặm đến Giê-ru-sa-lem thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng lòng ông vẫn không được thoả mãn.

Người Ê-thi-ô-pi này đại diện cho nhiều người ngày nay là những người mộ đạo, đọc Kinh Thánh, và tìm kiếm chân lý, nhưng không có đức tin cứu rỗi trong Chúa Giê-xu. Họ thành tâm, nhưng họ lạc lối! Họ cần ai đó chỉ cho họ đường đi.

Khi Phi-líp đến gần xe ngựa, ông nghe người đàn ông này đang đọc tiên tri Ê-sai. (Đọc lớn là thói quen thời ấy đối với người học) Đức Chúa Trời đã chuẩn bị tấm lòng người này để nhận sự làm chứng của Phi-líp! Nếu chúng ta vâng theo sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể chắc rằng Đức Chúa Trời sẽ đi trước chúng ta và mở đường cho sự làm chứng của chúng ta.

Es 53:1-12 là đoạn ông đang đọc, lời tiên tri về Tôi Tớ Chịu Khổ của Đức Chúa Trời. Es 53:12 mô tả Chúa Giê-xu của chúng ta qua sự giáng sinh của Ngài (53:1-2), đời sống và chức vụ (53:3), sự chết thay (53:4-9) và sự phục sinh đắc thắng của Ngài (53:10-12). Es 53:4 phải được liên hệ với IPhi 2:34 53:7 với Mat 26:62-63 53:9 với Mat 27:57-60 53:12 với Lu 23:34,37.

Người Ê-thi-ô-pi tập trung vào Cong 8:7,8, mô tả Chúa chúng ta là của lễ sẵn sàng cho tội nhân, thậm chí đến độ hi sinh mọi nhân quyền của Ngài. Khi Phi-líp giải thích cho ông những câu này, người Ê-thi-ô-pi bắt đầu hiểu Phúc Âm vì Thánh Linh Đức Chúa Trời đang mở tâm trí ông trước chân lý của Đức Chúa Trời. Tội nhân hư mất

khao khát sự cứu rỗi thì chưa đủ, người ấy còn phải hiểu kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Chính tấm lòng hiểu Lời Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ kết quả Ma 13:23

Ý niệm về của lễ thay thế là một ý niệm được tìm thấy từ đầu đến cuối Kinh Thánh. Đức Chúa Trời đã giết các thú vật để Ngài có thể mặc cho Adam và Êva (Sa 3:21). Ngài đã chu cấp một con chiên đực để chết thay I-Sác (Sa 22:13). Tại lễ Vượt Qua, những con chiên vô tội đã chết thay cho dân Y-sơ-ra-ên (Xu 12:1- 51) và cả hệ thống Do Thái giáo đã dựa trên sự đổ huyết (Le 17:1-16 đặc biệt c.11). Chúa Giê-xu là sự ứng nghiệm về những kiểu mẫu Cựu Ước và cả những lời tiên tri (Gi 1:29 Kh 5:1-14).

“Đức tin đến bởi sự nghe, và sự nghe bởi Lời Đức Chúa Trời” (Ro 10:17). Người Ê-thi-ô-pi tin nơi Chúa Giê-xu và được tái sinh! Kinh nghiệm của ông rất thật đến nỗi ông nhất định dùng đoàn người lại và chịu báp-tem lập tức! Ông không phải là “Cơ Đốc nhân bí mật”, ông muốn mọi người biết điều Chúa đã làm cho ông.

Làm sao ông biết rằng người tin nhận buộc phải chịu báp-tem? Có lẽ Phi-líp đã kể đến điều này trong sự làm chứng cho ông, hoặc có lẽ ông đã thấy người ta chịu báp-tem khi ông ở Giê-ru-sa-lem. Chúng ta biết rằng dân ngoại chịu báp-tem khi họ trở thành người theo đạo Do Thái. Suốt sách Công vụ, phép báp-tem là một phần quan trọng trong sự cam kết của tín đồ đối với Đấng Christ và sự làm chứng cho Đấng Christ.

Mặc dù Cong 8:37 không được tìm thấy trong mọi bản thảo Kinh Thánh nhưng chắc chắn không điều gì trong đó trái với Kinh Thánh (Ro 10:9-10). Trong thời Hội Thánh đầu tiên, người qui đạo đã không được báp-tem nếu trước tiên họ không trình bày chứng cứ rõ ràng về đức tin của mình trong Chúa Giê-xu. Và hãy nhớ rằng người Ê-thi-ô-pi không chỉ nói với Phi-líp mà còn với những người trong đoàn đến gần xe ngựa của ông. Ông là một người có quyền thế và bạn có thể chắc rằng các tùy tùng của ông đang hết sức chú ý.

Phi-líp được cất đi thi hành chức vụ ở nơi nào đó (so sánh IVua 18:12), nhưng vị quan coi kho bạc “cứ hờn hờ đi đường” (Cong 8:8). Đức Chúa Trời đã không để Phi-líp thực hiện việc môn đệ hoá cần thiết đối với tân tín đồ này, nhưng chắc chắn Ngài đã lo liệu điều đó khi ông này trở về nhà. Dù là một hoạn quan, người Ê-thi-ô-pi đã được Đức Chúa Trời chấp nhận! (Es 56:3-5).

Phi-líp đã đến A-xốt, cách Gaxa khoảng 20 dặm và rời lên đường đến thành Sê-sa-rê, một hành trình khoảng 60 dặm. Giống như Phi-e-rơ và Giăng, Phi-líp đã “giảng đạo trên đường về nhà” (Cong 8:25) khi ông nói cho người khác biết về Đấng Christ. 20 năm sau, chúng ta thấy Phi-líp sống trong thành Sê-sa-rê và vẫn hầu việc Đức Chúa Trời như một người giảng Phúc Âm (21:8).

Khi bạn lần theo vết sự phát triển của Phúc Âm suốt thời kỳ chuyển tiếp này (Cong 2:1-10:48), bạn thấy cách Đức Chúa Trời đến với cả thế giới. Trong Cong 8:1-40 người Ê-thi-ô-pi đã qui đạo là con cháu của Cham (Sa 10:6 nơi “Cút” có liên quan đến nước Ê-thi-ô-pi. Trong Cong 9:1-43 Sau-lơ ở Tạt-sơ sẽ được cứu, một người Do Thái và do đó là con cháu của Sem (Sa 10:21). Trong Cong 10:1-48 dân ngoại tìm đến Đấng Christ, và họ là con cháu Gia-phết (Sa 10:2-5). Sem, Cham và Gia-phết đã cư trú ở khắp nơi trên thế giới (Sa 10:1), và Đức Chúa Trời muốn cả thế giới – mọi con cháu họ – nghe sứ điệp Phúc Âm (Mac 16:15 Mat 28:18-20).

Vào tháng 10/1857, J.Hudson Taylor bắt đầu thi hành chức vụ ở Ningpo, Trung quốc và ông đã dẫn một ông tên Nyi đến với Đấng Christ. Ông ta quá vui mừng và muốn chia sẻ niềm tin với người khác.

Ngày nọ, ông Nyi hỏi Hudson Taylor: “ông đã có Phúc Âm này ở Anh quốc bao lâu rồi?” Taylor biết rằng Anh quốc đã biết Phúc Âm từ nhiều thế kỷ.

Ông Nyi nói: “Cha tôi đã chết khi đang tìm kiếm chân lý. Tại sao ông không đến sớm hơn?”

Taylor đã không có câu trả lời nào cho câu hỏi sâu sắc ấy.

Bạn đã biết Phúc Âm bao lâu?

Bạn đã chia sẻ Phúc Âm cách cá nhân đến đâu?

## **8. ĐỨC CHÚA TRỜI BẮT GIỮ SAU-LÔ (Cong 9:1-10:48)**

Sự qui đạo của Sau-lô ở Tạt-sơ, người đứng đầu bắt bớ Cơ Đốc nhân, có lẽ là sự kiện trọng đại nhất trong lịch sử Hội Thánh sau sự giáng lâm của Thánh Linh tại lễ Ngũ Tuần. Sự kiện trọng đại kế tiếp sẽ là sự qui đạo của dân ngoại (Cong 10:1-48), và Sau-lô (Phao-lô) sẽ trở thành sứ đồ cho dân ngoại. Đức Chúa Trời đang tiếp tục thực hiện kế hoạch của Ngài để đem Phúc Âm đến với cả thế giới.

Charles Spurgeon đã nói: “Phao-lô là một người vĩ đại, và tôi không có gì nghi ngờ rằng trên đường đến Đa-mách ông đã cỡi một con ngựa rất cao. Nhưng một vài giây đã đủ để biến đổi người này. Đức Chúa Trời đã hạ bệ ông nhanh chóng biết bao!”

Câu chuyện về sự qui đạo của Sau-lô ở Tạt-sơ được trình bày 3 lần trong Công vụ, ở các chương 9:1-31 22:1-39 và 26:1-32. Theo tài liệu chúng ta có, Sau-lô đã kinh nghiệm bốn cuộc gặp mặt và chúng đã hiệp lại làm biến đổi cuộc đời ông.

### **1. Ông gặp Chúa Giê-xu (Cong 9:1-9)**

Khi bạn nhìn xem Sau-lô trên đường (Cong 9:1-2), bạn thấy một người rất sốt sắng một người thật sự nghĩ mình đang phục vụ Đức Chúa Trời bằng cách bắt bớ Hội Thánh. Nếu bạn chặn ông lại và hỏi ông những lý do, ông có thể đã nói điều gì đó như vậy: “Giê-xu ở Na-xa-rét đã chết. Bạn tưởng tôi tin rằng kẻ vô danh nào đó đã bị đóng đinh là Đấng Mê-si-a đã hứa sao? Theo luật pháp của chúng ta, bất cứ ai bị treo trên cây, đều bị rửa sả (Phu 21:23). Đức Chúa Trời há sẽ dùng một tiên tri giả bị rửa sả và khiến người đó trở nên Đấng Mê-si-a sao? Không! Các môn đệ của ông ta đang rao giảng rằng Giê-xu sống và làm phép lạ qua họ. Nhưng quyền năng của họ đến từ Satan, không phải từ Đức Chúa Trời. Đây là một giáo phái nguy hiểm, và tôi định trừ khử nó trước khi nó huỷ hoại Do Thái giáo niềm tin mang tính lịch sử của chúng ta.

Mặc cho kiến thức vĩ đại của ông (Cong 26:24), Sau-lô đã thật sự mù loà về thuộc linh (ICo 3:12-18) và không hiểu những điều Kinh Thánh Cựu Ước thật đã dạy về Đấng Mê-si-a. Giống như nhiều người khác trong số người đồng xứ mình, ông đã vấp phạm vì có thập tự giá (ICo 1:23) do ông cậy nơi sự công bình riêng của mình chứ không nơi sự công bình của Đức Chúa Trời (Phil 3:1-10 Ro 9:30-10:13). Nhiều giáo dân cậy công bình riêng ngày nay không nhìn thấy nhu cầu cần một Cứu Chúa của mình và bực tức về điều đó nếu bạn cho họ biết họ là tội nhân.

Thái độ của Sau-lô là thái độ của một con thú dữ mà chính hơi thở của nó thật nguy hiểm! (Cong 8:3). Giống như nhiều ra-bi khác, ông tin rằng luật pháp phải được

tuân giữ trước khi Đấng Mê-si-a có thể đến, nhưng những “kẻ dị giáo” này đang rao giảng nghịch với luật pháp, đền thờ và những truyền thống của các tổ phụ (6:11-13). Sau-lơ đã tàn hại các Hội Thánh ở xứ Giu-đê (Ga 1:23) và rồi lấy thẩm quyền từ thầy tế lễ cả để đi đến tận Đa-mách dùng bắt các môn đệ của Chúa Giê-xu. Đây không phải là công việc vô nghĩa, vì thẩm quyền của hội đồng Do Thái tối cao ở đằng sau ông (Cong 22:5).

Thành Đa-mách có dân số Do Thái lớn, và người ta đã ước tính rằng có thể có từ 30 đến 40 nhà hội trong thành. Sự kiện đã có những tín đồ ở đó, cho thấy Hội Thánh đã có kết quả biết bao trong việc rao ra sứ điệp. Một số tín đồ có thể đã trốn tránh sự bắt bớ ở Giê-ru-sa-lem, điều này giải thích lý do Sau-lơ muốn có quyền hạn để đem họ về. Các tín đồ vẫn gắn bó với các nhà hội Do Thái, vì sự cắt đứt với Do Thái giáo sẽ không xảy ra một vài năm nữa (Gi 2:2 nơi “hội chúng” là “nhà hội” trong nguyên văn Hy Lạp).

Sau-lơ chợt thấy mình ở dưới đất! (Cong 9:4). Đó không phải là một sự say nắng hay một cơn động kinh đã đặt ông ở đó, nhưng là một cuộc gặp gỡ riêng tư với Chúa Giê-xu. Vào ban trưa (22:6) ông thấy một ánh sáng chói lói từ trời và nghe một tiếng gọi tên ông (22:6-11). Những người đi cùng ông cũng té xuống đất (26:14) và nghe âm thanh này, nhưng họ không thể hiểu những lời phán từ trời. Họ trên chân mình trong trạng thái hoang mang (9:7), nghe Sau-lơ nói với ai đó, nhưng không biết điều gì đang xảy ra.

Ngày ấy Sau-lơ ở Tạt-sơ đã thực hiện một số khám phá kỳ diệu. Trước hết, ông đã ngạc nhiên khám phá rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét thật sự sống! Dĩ nhiên, các tín đồ đã luôn khẳng định điều này (2:32 3:15 5:30-32), nhưng Sau-lơ từ chối chấp nhận lời chứng của họ. Nếu Chúa Giê-xu sống, vậy Sau-lơ phải thay đổi ý nghĩ về Chúa Giê-xu và sứ điệp của Ngài. Ông phải ăn năn, một việc khó để một người Pha-ri-si cậy công bình riêng thực hiện.

Sau-lơ cũng khám phá rằng ông là một tội nhân hư mất ở trong hiểm họa về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. “Ta là Giê-xu mà người đang bắt bớ” (9:5). Sau-lơ nghĩ ông đang hầu việc Đức Chúa Trời, khi thực tế ông đã bắt bớ Đấng Mê-si-a! Khi được so với sự thánh khiết của Chúa Giê-xu, những việc thiện và sự công bình riêng theo pháp luật của Sau-lơ có vẻ giống như mảnh giẻ dơ bẩn (Phi 3:6-8 Es 64:6). Mọi giá trị của ông đã thay đổi. Ông đã là một người mới vì ông tin nhận Chúa Giê-xu.

Chúa đã có một công việc đặc biệt để Phao-lô làm (Cong 26:16-18). Người Hê-bơ-rơ trong dân Hê-bơ-rơ trở nên sứ đồ cho dân ngoại kẻ bắt bớ trở thành một người giảng đạo và người Pha-ri-si theo luật pháp trở thành người công bố tuyệt vời về ân điển Đức Chúa Trời. Từ trước đến nay, Sau-lơ đã giống như một dã thú, chống chọi lại những gậy nhọn. Nhưng giờ đây ông trở thành một chiếc bình quý trọng, “công cụ” của Chúa để rao giảng Phúc Âm trong những miền ở xa. Quả là một sự biến đổi!

Khoảng 30 năm sau, Phao-lô đã viết rằng Đấng Christ đã “giật lấy ông” trên con đường Đa-mách (Phi 3:12). Sau-lơ đã đi ra bắt giữ người khác thì Chúa đã bắt giữ ông. Ông phải mất tôn giáo trước khi ông có thể đạt đến sự công bình của Đấng Christ. Kinh nghiệm qui đạo của ông là duy nhất, vì tội nhân hôm nay chắc chắn không nghe tiếng Đức Chúa Trời hay thấy ánh sáng từ trời làm loá mắt. Tuy nhiên, kinh nghiệm của Phao-lô là một gương mẫu về cách Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu khi Chúa Giê-xu Christ tái lâm và bày tỏ chính Ngài cho họ (ITi 1:12-16 Xa 12:10 Mat 24:29). Sự cứu rỗi của



ông hẳn là một sự khích lệ lớn cho bất cứ tội nhân hư mất nào, vì nếu “người đứng đầu mọi tội nhân” đã có thể được cứu, chắc chắn bất cứ ai cũng có thể được cứu!

Đáng chú ý là những người đi cùng Sau-lơ đã nhìn thấy ánh sáng, nhưng không thấy Chúa, và họ nghe âm thanh nhưng không nghe tiếng phán (chú ý Gi 12:27-29). Chúng ta không biết có ai trong số họ sau đó đã tin nhận Đấng Christ do lời chứng của Phao-lô hay không. Ông đã thấy rõ ràng Chúa Giê-xu vinh hiển (ICo 15:7-10), và điều này khiến ông đủ tư cách làm một sứ đồ (ICo 9:1 Cong 1:21-22).

Những người này đã dẫn Sau-lơ vào trong thành (Cong 9:8-9) vì con bò đực hung dữ (9:1) giờ đây đã trở thành một chiên con ngoan ngoãn! Vị lãnh đạo này đã phải được dẫn dắt vì khái tượng đã làm ông bị mù. Đôi mắt thuộc linh của ông đã được mở ra, nhưng đôi mắt thuộc thể của ông bị đóng lại. Đức Chúa Trời đang hạ thấp Sau-lơ hoàn toàn và chuẩn bị cho ông sự phục vụ của A-na-nia. Ông đã kiêng ăn và cầu nguyện (Cong 9:11) ba ngày, suốt thời gian đó ông hẳn đã khởi đầu “lọc ra” những gì mình đã tin. Ông đã được cứu bởi ân điển, không bởi luật pháp, nhờ đức tin nơi Đấng Christ hằng sống, Đức Chúa Trời bắt đầu chỉ dẫn Phao-lô và cho ông thấy mối liên hệ giữa Phúc Âm với ân điển của Đức Chúa Trời cùng tôn giáo của Môi-se theo truyền thống mà ông đã thực hành cả đời mình.

## 2. Ông đã gặp A-na-nia (Cong 9:10-19)

A-na-nia là một người Do Thái mộ đạo (Cong 22:12), một tín đồ trong Chúa Giê-xu. Ông biết loại danh tiếng mà Sau-lơ có và biết người đang đến Đa-mách để bắt các tín đồ. Hành trình từ Giê-ru-sa-lem đến Đa-mách tối đa là một tuần, nhưng một số Cơ Đốc nhân ở Giê-ru-sa-lem đã đến thành trước nhằm báo cho các thánh đồ.

Điều thú vị cần chú ý trong chương 9:1-43 những danh khác nhau được dùng cho dân Đức Chúa Trời: các môn đệ (Cong 9:1,10,19,25,26,36,38), những người thuộc về đạo (9:2), các thánh đồ (9:13,32,41) mọi người cầu khẩn đến danh Đức Chúa Trời (9:14,21), và anh em (9:17,30). Chúng ta sử dụng từ “Cơ Đốc nhân” thường xuyên nhất, tuy nhiên danh ấy sau đó mới xuất hiện (11:26). “Các môn đệ” là danh được sử dụng hầu hết trong sách Công vụ, nhưng bạn không thấy nó được sử dụng trong các thư tín. Ở đó danh “các thánh đồ” là danh hiệu được sử dụng thường xuyên nhất cho dân Đức Chúa Trời.

A-na-nia đã sẵn sàng để thực hiện ý chỉ của Đức Chúa Trời, nhưng ông chắc chắn không lo lắng khi vâng lời! Sự kiện Sau-lơ đang “cầu nguyện” thay vì “tàn hại” có lẽ đã khích lệ A-na-nia. Charles Spurgeon đã nói: “Lời cầu nguyện là chữ viết của Thánh Linh trên tấm lòng được đổi mới” (Ro 8:9,14-16). Thay vì tin cậy bản thân, Sau-lơ giờ đây đang tin cậy Chúa và chờ đợi Ngài bày tỏ cho ông điều phải làm. Thật ra, Sau-lơ đã thấy một khái tượng về một người tên A-na-nia (Hananiah: “Chúa nhân từ”) sẽ đến giúp đỡ ông, vậy làm sao A-na-nia có thể từ chối vâng lời?

Cong 9:15 là một tóm tắt hay về đời sống và chức vụ của Phao-lô. Tất cả là ân điển, vì ông đã không chọn Đức Chúa Trời chính Đức Chúa Trời là Đấng đã chọn ông (ITi 1:14). Ông là chiếc bình của Đức Chúa Trời (IITi 2:20-21), và Đức Chúa Trời sẽ hành động trong và qua ông để hoàn thành những mục đích của Ngài (Eph 2:10 Phi 2:12-13). Danh Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển khi tội tớ Ngài đem Phúc Âm đến với dân Do Thái và dân ngoại, các vua và thường dân, và khi ông chịu khổ vì có Đấng Christ.

Đây là chi tiết đầu tiên trong sách Công vụ nói về Phúc Âm sẽ đến với dân ngoại (Cong 22:21 26:17).

Một khi đã nhận thức, A-na-nia không mất thời gian để đến nhà Giu-đa và giúp đỡ cho Sau-lơ đang chờ đợi. Việc ông gọi người là “anh” hẳn đã đem sự vui mừng đến cho lòng người Pha-ri-si mù loà. Sau-lơ không chỉ nghe tiếng của A-na-nia, ông còn sờ được tay người (Cong 9:12,17). Bởi quyền năng Đức Chúa Trời, đôi mắt ông được mở ra và ông đã có thể nhìn thấy! Ông cũng được đầy dẫy Thánh Linh và được báp-tem, và rồi ông ăn uống.

Bản dịch King James về Cong 22:16 gọi lên ấn tượng Sau-lơ cần phải chịu báp-tem để được cứu, nhưng điều đó không phải vậy. Sau-lơ đã được tẩy sạch tội lỗi mình bằng cách “cầu khẩn danh Chúa” (2:21 Ro 10:13). Kenneth Wuest dịch trong Cong 22:16) “Hãy chờ dậy, chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi anh sau khi đã cầu khẩn danh Chúa trước đó”. Theo tiếng Hy Lạp, đó không phải là một phân từ hiện tại (“đang cầu khẩn”), nhưng là một quá khứ phân từ (“đã cầu khẩn”). Sự cầu khẩn Chúa của ông đi trước phép báp-tem của ông.

Sau-lơ đã ở lại với các tín đồ ở thành Đa-mách và chắc hẳn đã học từ họ. Hãy hình dung điều gì xảy ra đối với vị sứ đồ vĩ đại Phao-lô! Ông đã khám phá rằng họ là những người đáng mến, không đáng chịu sự bắt bớ ông đã gây cho họ, và rằng họ đã biết chân lý của Lời Đức Chúa Trời và chỉ muốn chia sẻ nó với người khác.

Trước khi chúng ta rời khỏi phân đoạn này, chúng ta phải nhấn mạnh một số bài học thực tiễn mà mọi tín đồ phải học.

Trước tiên, Đức Chúa Trời có thể sử dụng cả thánh đồ ít người biết đến nhất. Nếu điều đó không dành cho sự qui đạo của Sau-lơ chúng ta sẽ chẳng bao giờ nghe về A-na-nia nhưng A-na-nia đã đóng một phần quan trọng trong công việc đang diễn tiến của Hội Thánh. Đằng sau nhiều tô-tô danh tiếng của Đức Chúa Trời là những tín đồ ít được biết đến hơn đã gây ảnh hưởng cho họ. Đức Chúa Trời giữ sổ sách và sẽ đảm bảo rằng mỗi tô-tô sẽ nhận một phần thưởng công bằng. Điều quan trọng không phải là danh tiếng, nhưng là sự trung tín (ICo 4:1-5).

Kinh nghiệm của A-na-nia cũng nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta đừng bao giờ sợ khi phải vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời. A-na-nia thoát đầu đã lý luận với Chúa và đưa ra một số lý do hợp lẽ vì sao ông không nên thăm viếng Sau-lơ. Nhưng Chúa đã điều khiển mọi sự và A-na-nia đã vâng phục bằng đức tin. Khi Đức Chúa Trời ra lệnh, chúng ta phải nhớ rằng Ngài đang hành động “ở cả hai đầu dây” và ý muốn hoàn hảo của Ngài sẽ luôn tốt nhất.

Có một sự khích lệ thứ ba: những công việc của Đức Chúa Trời luôn được quân bình Đức Chúa Trời đã quân bình một phép lạ lớn và công khai với một cuộc gặp mặt thầm lặng trong nhà Giu-đa. Ánh sáng chói lọi và tiếng từ trời là những sự kiện gây ấn tượng mạnh, nhưng sự viếng thăm của A-na-nia là điều gì đó bình thường. Bàn tay Đức Chúa Trời đã đẩy Sau-lơ khỏi “con ngựa cao” của ông, nhưng Đức Chúa Trời đã sử dụng bàn tay của một người để đem cho Sau-lơ điều ông cần nhất. Đức Chúa Trời đã phán từ trời, nhưng Ngài còn phán qua một môn đệ vâng phục – người đã bày tỏ sự điệp cho Sau-lơ. Những sự kiện “bình thường” chỉ là một phần của phép lạ chẳng khác gì những sự kiện lạ thường.

Sau cùng, chúng ta đừng bao giờ đánh giá thấp giá trị của một người được đem đến với Đấng Christ. Phi-e-rơ đang dạy dỗ cho hàng ngàn người ở Giê-ru-sa-lem, và Phi-líp đã thấy một mùa gặt lớn giữa dân Sa-ma-ri, nhưng A-na-nia đã được sai đến với một người duy nhất. Thế nhưng, quả thật đúng là một con người đặc biệt! Sau-lơ ở Tạt-sơ đã trở thành sứ đồ Phao-lô, và đời sống cùng chức vụ của ông đã ảnh hưởng đến con người và các quốc gia kể từ đó. Ngay cả các sử gia thế tục cũng thú nhận rằng Phao-lô là một trong những nhân vật quan trọng trong lịch sử thế giới.

Vào 21/4/1855, Edward Kimball đã dẫn dắt một trong số những cậu bé trong trường Chúa nhật của ông đến với đức tin trong Đấng Christ. Ông đã không nhận ra rằng Dwight L. Moody một ngày nào đó sẽ trở thành người giảng Phúc Âm tiên phong của thế giới. Chức vụ của Norman B. Harrison trong một hội nghị Kinh Thánh không có tiếng tăm đã được Đức Chúa Trời sử dụng để đem Theodore Epp đến đức tin trong Đấng Christ, và Đức Chúa Trời đã sử dụng Theodore Epp để thiết lập chương trình Book to the Bible (quay về với Kinh Thánh) khắp thế giới. Công tác của chúng ta là dẫn dắt người ta đến với Đấng Christ, công tác của Đức Chúa Trời là sử dụng họ cho vinh hiển Ngài và mỗi người đều quan trọng đối với Đức Chúa Trời.

### **3. Ông đã gặp sự chống đối (Cong 9:20-25)**

Sau-lơ lập tức bắt đầu rao ra Đấng Christ mà ông đã bắt bớ, dạn dĩ tuyên bố rằng Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Đây là nơi duy nhất trong Công vụ bạn tìm thấy danh hiệu này, nhưng Phao-lô đã sử dụng nó trong các thư tín của ông ít nhất 15 lần. Đó là một sự nhấn mạnh chủ yếu trong chức vụ của ông. Sự thay đổi đầy kịch tính trong cuộc đời Sau-lơ là một nguồn ngạc nhiên đối với dân Do Thái ở thành Đa-mách. Mọi sự làm chứng cho Đấng Christ của người mới qui đạo đều phải khởi đầu ngay ở nơi người ấy hiện diện, vì vậy Sau-lơ đã khởi đầu chức vụ của ông trước tiên tại Đa-mách (Cong 26:20).

Có lẽ cuộc thăm viếng của Sau-lơ đến xứ A-ra-bi (Ga 1-17) đã xảy ra vào khoảng thời gian này. Nếu bác sĩ Lu-ca kể đến cuộc thăm viếng đó trong câu chuyện của ông, ông có lẽ sẽ đặt nó giữa Cong 9:21,22. Chúng ta không biết ông nán lại trong xứ A-ra-bi bao lâu, nhưng chúng ta biết rằng sau ba năm, Sau-lơ đã trở về Giê-ru-sa-lem (Ga 1:18).

Tại sao ông đến xứ A-ra-bi? Có thể do Chúa đã bảo ông đến một mình để Ngài có thể dạy Sau-lơ Lời Ngài. Có nhiều điều cần phải được gạn lọc trong tâm trí Sau-lơ trước khi ông có thể thi hành chức vụ hiệu quả với tư cách một sứ đồ của Chúa Giê-xu. Nếu Sau-lơ đã đến miền gần núi Si-nai (Ga 4:25), phải có sự can đảm và sức mạnh đáng kể cho một hành trình như thế. Có lẽ chính lúc ấy ông đã kinh nghiệm “những nguy hiểm về trộm cướp” và “những nguy hiểm trong các đồng vắng” (II Co 11:26). Cũng có thể là ông đã thực hiện sự rao giảng Phúc Âm trong khi ở A-ra-bi, vì khi ông trở lại Đa-mách, ông đã là một người được chú ý.

Điều quan trọng về sự tạm trú ở A-ra-bi này là sự kiện Sau-lơ không “hội ý với thịt và huyết” nhưng nhận sứ điệp và sự uỷ thác trực tiếp từ Chúa (Ga 1:10-24). Ông đã không vay mượn bất cứ điều gì từ các sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem, vì ông thậm chí không gặp họ mãi đến ba năm sau sự qui đạo của ông.

Khi Sau-lơ trở lại thành Đa-mách, ông bắt đầu làm chứng lại, và những người Do Thái tìm cách làm cho ông nín lặng. Giờ đây, ông khám phá rằng bị săn bắt có ý nghĩa

ra sao thay vì là kẻ săn bắt! Đây chỉ mới là sự khởi đầu “những việc lớn” ông sẽ chịu khổ vì danh Đấng Christ (Cong 9:16). Chắc là bẽ mặt biết bao đối với Sau-lơ để được dặt vào thành Đa-mách như một người mù và rồi được đưa lên ra ngoài như một tội phạm tầm thường! (II Co 11:32-33).

Suốt cuộc đời mình, vị sứ đồ cao trọng này đã bị ghét bỏ, bị săn bắt, và bị mưu hại bởi người Do Thái và cả người ngoại (“trong những nguy hiểm về chính dân mình, trong những nguy hiểm về dân ngoại” II Co 11:26). Khi bạn đọc sách Công vụ, bạn thấy sự chống đối và sự bắt bớ gia tăng ra sao, cho đến khi vị sứ đồ này cuối cùng là một tù nhân ở Rô-ma (Cong 13:45,50 14:19 17:5,13 18:12 20:3,19 21:10-11,27). Nhưng ông đã kể đó là một đặc quyền để chịu khổ vì có Đấng Christ, và chúng ta cũng phải như vậy. “Vả lại, hết thảy mọi người muốn sống cách nhân đức trong Đức Chúa Giê-xu thì sẽ bị bắt bớ” (ITi 3:12).

#### 4. Ông gặp các tín đồ ở Giê-ru-sa-lem (Cong 9:26-31)

Có hai giai đoạn trong kinh nghiệm của Sau-lơ với Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem:

a. **Sau-lơ bị chối từ** (Cong 9:26). Lúc đầu, các tín đồ ở Hội Thánh Giê-ru-sa-lem sợ ông. Sau-lơ “cứ cố gắng” (tiếng Hy Lạp nguyên văn) gia nhập vào nhóm họ, nhưng họ đã không chấp nhận ông. Trước hết, họ sợ ông và có lẽ nghĩ rằng thái độ thân thiện mới mẻ của ông chỉ là một mưu mẹo để gia nhập vào nhóm họ hầu ông có thể khiến họ bị bắt. Họ thậm chí không tin rằng ông đã là một môn đệ của Chúa Giê-xu, chớ đừng nói đến việc ông là một sứ đồ đã thấy Đấng Christ Phục sinh.

Thái độ của họ dường như kỳ lạ đối với chúng ta, vì chắc chắn các thánh đồ ở Đa-mách đã nhắn tin cho Hội Thánh Giê-ru-sa-lem rằng Sau-lơ đã được thay đổi và giờ đây đang giảng đạo. Có lẽ “sự biến mất” của Sau-lơ gần ba năm đã tạo một không khí nghi ngờ đối với lời chứng của ông. Ông đã ở đâu? Ông đang làm gì? Tại sao ông đã chờ quá lâu để đi tiếp xúc với các trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem? Hơn nữa, ông có quyền gì để xưng mình là một sứ đồ khi mà ông đã không được Chúa Giê-xu chọn lựa? Đã có nhiều câu hỏi không được trả lời làm gây ra một không khí nghi ngờ và sợ sệt.

b. **Sau-lơ được chấp nhận** (Cong 9:28-29). Chính Ba-na-ba là người đã giúp Hội Thánh Giê-ru-sa-lem chấp nhận Sau-lơ. Chúng ta đã gặp Giô-sép “con trai của sự yên ủi” trong Cong 4:36-37 và chúng ta sẽ gặp lại ông khi chúng ta tiếp tục nghiên cứu Công vụ. Ba-na-ba đã “nắm lấy” Sau-lơ, đem ông đến với các lãnh đạo Hội Thánh, và thuyết phục họ rằng Sau-lơ vừa là một tín đồ vừa là một sứ đồ được chọn. Ông đã thật sự nhìn thấy Đấng Christ phục sinh (ICo 9:1). Không cần thiết để bịa đặt vài “lý do kín giấu” vì sao Ba-na-ba đối xử tốt với Sau-lơ. Đây chỉ là bản tính của người này: ông là sự yên ủi cho người khác.

Dường như có một mâu thuẫn giữa Cong 9:27 và Ga 1:18-19. Làm sao Ba-na-ba có thể giới thiệu Sau-lơ với “các sứ đồ” (số nhiều) nếu Phi-e-rơ là sứ đồ duy nhất Sau-lơ đã gặp? Bác sĩ Lu-ca rõ ràng đang sử dụng từ “sứ đồ” theo nghĩa rộng hơn của “người lãnh đạo thuộc linh”. Cả Ga 1:19 cũng gọi Gia-cơ, anh em của Chúa, là sứ đồ và Ba-na-ba được gọi là sứ đồ trong Cong 14:4,14. Trong các thư tín của mình, Phao-lô đôi khi đã sử dụng “sứ đồ” để chỉ rõ một sứ giả hay người đại diện đặc biệt của Hội Thánh (II Co 8:23 Phil 2:25 Ro 16:7, nguyên văn Hy Lạp). Vì vậy, thật sự không có mâu thuẫn nào, đó là những lãnh đạo của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem mà Sau-lơ đã gặp.



Sau-lơ bắt đầu làm chứng cho người Do Thái nói tiếng Hy Lạp, những người Hê-lê-nít đã gây ra cuộc xét xử và cái chết của Ê-tiên (Cong 6:9-15). Sau-lơ là một trong số họ, đã được sinh ra và lớn lên ở thành Tạt-sơ và có thể ông đã cảm thấy có bốn phận để nhặt áo xống Ê-tiên đã bỏ lại (22:20). Người Do Thái Hê-lê-nít gần như không chấp nhận loại chứng cứ này, vì vậy họ lập mưu giết ông.

Tại thời điểm này, chúng ta phải đọc Cong 22:17-21. Đức Chúa Trời đã phán với Sau-lơ trong đền thờ và nhắc nhở ông về nhiệm vụ đem Phúc Âm đến cho dân ngoại của ông (9:15). Hãy chú ý sự khẩn cấp của mệnh lệnh Đức Chúa Trời: “Hãy vội vàng! Lập tức ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, vì họ sẽ chẳng nhận lời người làm chứng về ta đâu” (22:18). Sau-lơ đã chia sẻ sứ điệp này với các lãnh đạo Hội Thánh, và họ giúp ông trong việc trở về thành bản xứ của ông, thành Tạt-sơ. Sự kiện họ đã tin lời chứng của Sau-lơ về khái tượng là bằng chứng ông đã được Hội Thánh chấp nhận hoàn toàn.

Chúng ta sẽ không gặp lại Sau-lơ cho đến Cong 11:25 khi một lần nữa chính Ba-na-ba tìm ông và đưa ông đến Hội Thánh ở An-ti-ốt nơi họ cùng thi hành chức vụ. Sự kiện đó xảy ra khoảng 7 năm sau khi Sau-lơ rời Giê-ru-sa-lem, khoảng 10 năm sau sự qui đạo của ông. Chúng ta có mọi lý do tin rằng ông đã dùng Tạt-sơ như một trụ sở để đem Phúc Âm đến cho dân ngoại thuộc vùng này của đế quốc La Mã. Ông đã thi hành chức vụ “trong các miền thuộc xứ Sy-ri và xứ Si-li-si” (Ga 1:21) và gây dựng các Hội Thánh ở đó (Cong 15:41). Một số học giả Kinh Thánh tin rằng các Hội Thánh của người Ga-la-ti đã được thành lập vào thời gian này.

Có thể là một số vụ xét xử được liệt kê trong ICo 11:24-26 đã xảy ra suốt giai đoạn này. Chỉ có một vụ đánh đòn của người La Mã được chép trong Công vụ (Cong 16:22), để lại hai vụ không được kể đến. Tương tự, năm vụ đánh đòn của người Do Thái không được chép trong Công vụ hoặc các thư tín, Lu-ca chỉ cho chúng ta biết một vụ đấm tào (Cong 27:1-44), nhưng chúng ta không có sự ghi chép nào về hai vụ kia. Bất cứ ai nghĩ rằng vị sứ đồ này đang hưởng một kỳ nghỉ suốt những năm ấy thì chắc chắn sai lầm!

Cong 9:31 là một câu nữa thuộc những tóm tắt của Lu-ca rằng ông đã thường chép vào sách này (2:46-47 Lu 4:4,32 5:12-14). Chú ý rằng những vị trí địa lý tương đương với những vị trí được trình bày trong Cong 1:8. Lu-ca đang cho chúng ta biết rằng sứ điệp đang lan ra như Chúa đã ra lệnh. Chẳng bao lâu, trung tâm sẽ là An-ti-ốt, không phải Giê-ru-sa-lem và lãnh đạo chủ chốt là Phao-lô, không phải Phi-e-rơ, và Phúc Âm sẽ được đem đến nơi tận cùng trái đất.

Đó là một thời kỳ “bình an” cho các Hội Thánh nhưng không phải một thời kỳ của sự tự mãn, vì họ tăng trưởng cả về thuộc linh lẫn số lượng. Họ nắm bắt cơ hội để sửa chữa và củng cố những cánh buồm của mình trước khi cơn bão sắp tới bắt đầu thổi! Cánh cửa đức tin đã được mở cho dân Do Thái (2:1-47) và cho dân Sa-ma-ri (8:1-40), và chẳng bao lâu nó sẽ được mở cho dân ngoại (10:1-48). Sau-lơ đã ra đi và Phi-e-rơ giờ đây trở về. Chẳng bao lâu, Phi-e-rơ sẽ ra đi (ngoại trừ sự đề cập ngắn trong Cong 15:1-41) và Phao-lô sẽ lấp đầy các trang sách Công vụ.

Đức Chúa Trời thay đổi những người phục vụ của Ngài, nhưng công việc của Ngài vẫn tiến hành.

Còn bạn và tôi được ban đặc quyền trở nên một phần của công việc ấy hôm nay!

## **5. Chức vụ phép lạ của Phi-e-rơ (Cong 9:32-10:48)**



Phép lạ lớn nhất Đức Chúa Trời có thể làm cho chúng ta là gì? Một số người sẽ gọi sự chữa lành thân thể là phép lạ lớn nhất của Đức Chúa Trời, trong khi những người khác sẽ cho rằng việc khiến kẻ chết sống lại. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng phép lạ lớn hơn hết là sự cứu rỗi một tội nhân hư mất. Tại sao? Vì sự cứu rỗi trả giá cao nhất, nó sinh ra những kết quả lớn nhất, và nó đem đến sự vinh hiển lớn nhất cho Đức Chúa Trời.

Trong phân đoạn này, chúng ta thấy Phi-e-rơ đang dự phần trong cả 3 phép lạ: ông chữa lành Ê-nê, ông khiến Đô-ca sống lại từ cõi chết, và ông đem sứ điệp cứu rỗi đến cho Cọt-nây cùng người nhà ông ta.

**Một phép lạ lớn – chữa lành thân thể** (Cong 9:32-35) Sứ đồ Phi-e-rơ đã bận rộn trong chức vụ lưu hành (Cong 8:25) khi ông đi thăm viếng các thánh đồ ở Ly-đa, một thành lớn của dân ngoại cách Giê-ru-sa-lem khoảng 25 dặm. Có thể miền này đã được giảng Phúc Âm trước tiên do những người qui đạo tại lễ Ngũ Tuần, hoặc có lẽ do các tín đồ trung tín những người đã bị tản lạc khắp nơi suốt cơn bắt bớ lớn. Chắc hẳn Phi-líp người giảng Phúc Âm cũng đã thi hành chức vụ ở đó (8:40).

Chúng ta biết rất ít về Ê-nê. Ông bao nhiêu tuổi? Ông có tin Chúa Giê-xu không? Ông là người Do Thái hay người ngoại? Tất cả những gì Lu-ca cho chúng ta biết đó là người đàn ông này đã bị bại 8 năm, nghĩa là ông đã bị tàn phế và bất lực. Ông là gánh nặng cho bản thân và là gánh nặng cho người khác, và không có triển vọng ông sẽ bình phục.

Phép lạ đầu tiên của Phi-e-rơ là việc chữa lành một người què (Cong 3:1-26), và giờ đây phép lạ ấy được lặp lại. Khi bạn đọc sách Công vụ, bạn sẽ thấy những điểm tương tự giữa chức vụ của Phi-re-ơ và Phao-lô. Cả hai đều đã chữa lành những người què. Cả hai đã bị bắt giữ và bị cầm tù, rồi được giải cứu cách màu nhiệm. Cả hai được đối xử như những vị thần (10:25-26 14:8-18), và cả hai đã dạn dĩ làm chứng trước nhà cầm quyền. Cả hai đã phải đương đầu với các tiên tri giả (8:9-24 13:6-12). Không ai đọc sách Công vụ có thể kết luận rằng “Tôi thuộc Phao-lô!” hay “Tôi thuộc Phi-e-rơ!” (ICo 1:12). “nhưng chính một Đức Chúa Trời Đấng làm mọi việc trong mọi người” (ICo 12:6).

Đấng Christ phục sinh, bởi quyền của danh Ngài, đã đem lại sự lành lặn hoàn toàn cho Ê-nê (3:6,16 4:10). Sự chữa lành đã xảy ra tức thì, người đàn ông này đã có thể đứng dậy và dọn giường mình. Ông trở thành một phép lạ biết đi! Cong 9:35 không có ý cho rằng toàn bộ dân số Ly-đa và Sha-rôn đều đã được cứu, nhưng chỉ tất cả những ai đã tiếp xúc với Ê-nê. Chỉ nhìn thấy ông bước đi tới lui đã thuyết phục họ tin rằng Chúa Giê-xu sống và họ cần phải tin nhận Ngài (Gi 12:10-11 để có một trường hợp tương tự).

Bạn có thể chắc rằng Phi-e-rơ đã làm nhiều điều ở Ly-đa hơn việc chữa lành Ê-nê, cũng lớn lao và giúp ích như phép lạ ấy. Ông đã truyền giảng Phúc Âm dạy dỗ và khích lệ các tín đồ, và tìm cách gây dựng Hội Thánh trong đức tin. Chúa Giê-xu đã giao nhiệm vụ cho Phi-e-rơ chăm sóc bầy chiên (Gi 21:15-17), và Phi-e-rơ đã trung tín thực hiện sứ mạng đó.

**Một phép lạ lớn hơn – khiến kẻ chết sống lại** (Cong 9:36-43) Thành Gióp-bê, (Gia-phô) Jaffa mới, nằm trên bờ biển cách 10 dặm bên kia Ly-đa. Thành này là quan trọng trong lịch sử Kinh Thánh như nơi mà từ đó tiên tri Giô-na đã lên tàu khi ông tìm cách trốn khỏi Đức Chúa Trời (Gion 1:1-3). Giô-na đã đến thành Gióp-bê để tránh việc đi đến dân ngoại, nhưng Phi-e-rơ ở Gióp-bê đã nhận sự kêu gọi để đến với dân ngoại!

Vì Giô-na đã bất tuân Đức Chúa Trời, Chúa giáng một cơn bão khiến các thủy thủ người ngoại sợ hãi. Vì Phi-e-rơ vâng lời Chúa, Đức Chúa Trời đã sai Gió Thánh Linh đến cho dân ngoại và họ đã kinh nghiệm sự vui mừng cùng bình an lớn. Thật là một tương phản!

Dường như thật bi thảm khi một thánh đồ hữu dụng và được yêu mến như Đô-ca (Ta-bi-tha: linh dương) phải chết khi bà rất được Hội Thánh cần đến. Điều này thường xảy ra trong những Hội Thánh địa phương và đó là một đòn khắc nghiệt để nhận lấy. Trong chức vụ mục sư của riêng tôi, tôi đã trải qua sự mất mát những thánh đồ ưu tú là những người khó mà thay thế trong Hội Thánh. Tuy nhiên, tất cả những gì chúng ta có thể nói là “Chúa đã ban cho, và Chúa đã cất đi, đáng ngợi khen danh Chúa” (Giop 1:21).

Các tín đồ ở Gióp-bê đã nghe rằng Phi-e-rơ có mặt trong miền này, và họ cho người mời ông đến lập tức. Không có sự ghi chép nào trong Công vụ rằng bất kỳ ai trong số các sứ đồ đã khiến kẻ chết sống lại, vì vậy việc họ cho mời Phi-e-rơ là một chứng cứ về đức tin của họ nơi quyền năng của Đấng Christ phục sinh. Khi Chúa chúng ta thi hành chức vụ trên đất, Ngài đã khiến kẻ chết sống lại vậy tại sao Ngài lại không thể khiến kẻ chết sống lại từ ngôi cao quý Ngài trong vinh hiển?

Chúng ta thường nghĩ về các sứ đồ như những lãnh đạo bảo người khác điều phải làm, nhưng thường thì dân sự đã ra lệnh cho họ! (Để có “triết lý chức vụ” của Phi-e-rơ, hãy đọc IPhi 5:1-14). Phi-e-rơ là một lãnh đạo phục vụ dân sự và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của họ. Phi-e-rơ đã có quyền năng chữa bệnh, và ông sử dụng quyền năng để làm vinh hiển Đức Chúa Trời và giúp đỡ dân sự, không phải để đề cao bản thân.

Tắm rửa xác chết là tục lệ đầu tiên của Do Thái, và sau đó là xúc dầu cho xác chết bằng những hương liệu dành cho việc mai táng. Khi Phi-e-rơ đến trong phòng cao nơi Đô-ca nằm, ông thấy một nhóm goá phụ đang khóc những người đã được giúp đỡ bởi chức vụ của bà. Hãy nhớ rằng không có “sự giúp đỡ của chính phủ” trong thời đó đối với các goá phụ hoặc cô nhi, và những người nghèo túng đã phải cậy vào “mạng lưới” của họ để được sự giúp đỡ. Hội Thánh có bốn phận giúp đỡ những người thật sự ở trong sự túng thiếu (ITi 5:3-16 Gia 1:27).

Câu chuyện về việc Phi-e-rơ khiến Đô-ca sống lại phải được so sánh với câu chuyện về việc Chúa chúng ta khiến con gái Giai-ru sống lại (Mac 5:34-43). Trong hai trường hợp, những người than khóc đều được để ở ngoài phòng, và những lời nói ra gần như giống nhau: “Ta-bi-tha-cu-mi: con gái nhỏ ơi, hãy chớ dậy! Ta-bi-tha-cu-mi – Ta-bi-tha-cu-mi, hãy chớ dậy” Chúa Giê-xu đã nắm tay đưa con gái trước khi Ngài phán với nó, vì Ngài không sợ trở nên bị ô uế về mặt nghi thức và Phi-e-rơ đã nắm tay Đô-ca sau khi bà đã trở lại với sự sống. Trong cả hai trường hợp, chính quyền năng Đức Chúa Trời đã khiến con người sống lại từ cõi chết, vì người chết chần chẫn không thể thực hành đức tin.

Giống với sự chữa lành Ê-nê, việc khiến Đô-ca sống lại đã thu hút sự chú ý lớn và đưa đến kết quả nhiều người tin nhận Chúa Giê-xu. Suốt “nhiều ngày” ông ở lại thành Gióp-bê, Phi-e-rơ đã dạy dỗ những tân tín hữu này vững vàng trong chân lý của Đạo, vì đức tin được xây dựng chỉ trên những phép lạ thì không vững chắc.

Phi-e-rơ ở lại thành Gióp-bê là điều tốt, và Đức Chúa Trời đã gặp ông ở đó trong một cách đầy xúc động. Các tín đồ Đức Chúa Trời không cần phải lúc nào cũng “bận rộn”. Họ phải dành thì giờ ở một mình với Đức Chúa Trời, để nhìn lại, suy gẫm và

cầu nguyện, đặc biệt là sau khi kinh nghiệm những phước hạnh lớn. Vâng, có nhiều người bệnh Phi-e-rơ có thể thăm viếng và chữa lành, nhưng Đức Chúa Trời có những kế hoạch khác. Ngài cố ý cầm giữ tôi tớ Ngài trong thành Gióp-bê để chuẩn bị cho ông cho việc sử dụng thứ ba “những chìa khoá”.

Thật ý nghĩa khi Phi-e-rơ ở trong nhà của một người thợ thuộc da, vì những người thợ thuộc da bị các ra bi Do Thái xem là “ô uế” (Le 11:35-40). Đức Chúa Trời dẫn Phi-e-rơ từng bước một, từ chủ nghĩa luật pháp Do Thái đến sự tự do của ân điển kỳ diệu của Ngài.

**Phép lạ lớn nhất: thu phục tội nhân hư mất** (Cong 10:1-48) Chương Cong 10:1-48 là then chốt trong sách Công vụ, vì nó ghi lại sự cứu rỗi của dân ngoại. Chúng ta thấy Phi-e-rơ sử dụng “những chìa khoá của Nước Trời” lần thứ ba và cuối cùng. Ông đã mở cửa đức tin cho dân Do Thái (Cong 2:47) và cũng cho dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40), còn giờ đây ông sẽ được Đức Chúa Trời sử dụng để đem dân ngoại vào Hội Thánh (Eph 2:11-22 Ga 3:27-28).

Sự kiện này xảy ra khoảng 10 năm sau lễ Ngũ Tuần. Tại sao các sứ đồ đã chờ đợi quá lâu trước khi đến với dân ngoại hư mất? Xét cho cùng, trong đại nhiệm mạng của Ngài, Chúa Giê-xu đã bảo họ đi khắp thế gian, và dường như sẽ hợp lý để họ đi đến các láng giềng người ngoại càng sớm càng tốt. Nhưng Đức Chúa Trời có thời gian và kế hoạch của Ngài, và sự chuyển tiếp từ dân Do Thái sang dân Sa-ma-ri, đến dân ngoại là một sự chuyển tiếp dần dần.

Việc ném đá Ê-tiên và cơn bắt bớ Hội Thánh tiếp theo sau đã đánh dấu đỉnh điểm sự làm chứng của các sứ đồ cho dân Do Thái. Sau đó Phức Âm đã đi đến dân Sa-ma-ri. Khi Đức Chúa Trời cứu Sau-lơ ở Tạt-sơ, Ngài đã cử đặc phái viên của Ngài đến với dân ngoại. Giờ đây là lúc để mở cửa đức tin (14:27) cho dân ngoại và đem họ vào gia đình Đức Chúa Trời.

Có bốn hành động đối với sự việc kỳ diệu đầy kịch tính này.

- **Sự chuẩn bị** (Cong 10:1-22) Trước khi có thể cứu dân ngoại, Đức Chúa Trời đã phải chuẩn bị cho Phi-e-rơ để đem đến sứ điệp và chuẩn bị cho Cọt-nây để nghe sứ điệp. Sự cứu rỗi là một công việc thiêng liêng của ân điển, nhưng Đức Thánh Linh hành động qua những trung gian con người. Các thiên sứ có thể rao ra sứ điệp Đức Chúa Trời cho những người hư mất, nhưng các vị ấy không thể giảng Phức Âm cho họ. Đó là đặc quyền – và trách nhiệm của chúng ta.

Thành Sê-sa-rê ở 65 dặm về hướng Tây Bắc của Giê-ru-sa-lem và 35 dặm hướng Bắc của Gióp-bê (Gia-phô). Vào thời đó, thành Sê-sa-rê là thủ phủ ở xứ Giu-đê của người La Mã và kiêu hãnh về nhiều toà nhà công cộng xinh đẹp. Trong thành ấy có Cọt-nây đội trưởng người La Mã, lòng đã chán ngán những chuyện hoang đường của tà giáo và những nghi thức tôn giáo rỗng tuếch, và ông đã quay lại với Do Thái giáo với hy vọng có thể tìm thấy sự cứu rỗi. Cọt-nây đã gần gũi với Do Thái giáo như ông có thể nhưng không trở thành một người gia nhập đạo. Có nhiều “người kính sợ Đức Chúa Trời” như ông trong thế giới cổ đại (Cong 13:16) và họ tỏ ra là một đồng ruộng sẵn sàng cho mùa gặt thuộc linh.

Thật thú vị để thấy một người có thể mộ đạo biết bao vẫn không được cứu. Chắc chắn, Cọt-nây đã thành thật trong sự vâng theo Luật pháp Đức Chúa Trời, sự kiêng ăn và lòng rộng rãi của ông đối với dân Do Thái (so sánh điều này với Lu 7:1-10). Ông

đã không được phép dâng của lễ trong đền thờ, vì vậy ông dâng những lời cầu nguyện cho Đức Chúa Trời như của lễ của mình (Thi 141:1-2). Trong mọi phương diện, ông là một kiểu mẫu của tư cách đáng trọng trong tôn giáo – thế nhưng ông đã không phải là người được cứu.

Sự khác nhau giữa Cọt-nây và nhiều con người tôn giáo ngày nay như vậy: ông biết rằng sự tận tụy ngoan đạo không đủ để cứu ông. Nhiều con người tôn giáo ngày nay hài lòng rằng bản tính và việc thiện của họ sẽ đem họ lên trời, và họ không có khái niệm nào về tội lỗi của chính mình hoặc về ân điển của Đức Chúa Trời. Trong lời cầu nguyện của mình, Cọt-nây đã cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ cho ông con đường cứu rỗi (Cong 11:13-14).

Trong nhiều phương diện, John Wesley đã giống như Cọt-nây. Ông là một người ngoan đạo, một thuộc viên Hội Thánh, một mục sư và là con của một mục sư. Ông đã thuộc về một “Câu lạc bộ tôn giáo” ở Oxford, mục đích của hội là hoàn thiện đời sống Cơ Đốc nhân. Wesley đã phục vụ như một giáo sĩ ngoại quốc, nhưng ngay cả khi ông rao giảng cho người khác, ông đã không có sự biết chắc về sự cứu rỗi của chính cá nhân mình.

Vào ngày 24/5/1738 Wesley miễn cưỡng tham dự một buổi nhóm nhỏ ở Luân-đôn nơi có người đọc lớn chú giải của Martin Luther, về sách Rô-ma. Wesley đã viết trong nhật ký mình: “Khoảng 9 giờ kém 15, trong khi ông ta đang mô tả sự thay đổi mà Đức Chúa Trời hành động trong tấm lòng nhờ đức tin nơi Đấng Christ, tôi cảm thấy lòng tôi được sưởi ấm kỳ lạ, tôi cảm thấy tôi đã tin nhận Đấng Christ, chỉ một mình Đấng Christ để được sự cứu rỗi và một sự biết chắc được bày tỏ cho tôi rằng Ngài đã cất đi tội lỗi tôi, ngay cả những gì thuộc về tôi, và cứu tôi khỏi luật của tội lỗi và sự chết”. Kết quả là tín đồ hội giám lý cao trọng này không chỉ lôi cuốn nhiều người vào Nước Trời mà còn giúp biến đổi xã hội Anh quốc qua hoạt động xã hội Cơ-đốc.

Đức Chúa Trời đã sai một thiên sứ chỉ dẫn Cọt-nây, và theo phong cách quân đội thật sự, Cọt-nây vâng lời lập tức. Nhưng tại sao cho mời Phi-e-rơ, người ở xa 30 dặm trong thành Gióp-bê, khi Phi-líp người giảng Phúc Âm đã ở sẵn trong thành Sê-sa-rê? (Cong 8:40). Vì chính Phi-e-rơ, không phải Phi-líp là người đã được ban cho “các chìa khoá”. Đức Chúa Trời không chỉ hành động đúng lúc, Ngài còn hành động qua đúng đầy tớ, và cả hai đều cần thiết.

Phi-e-rơ cũng phải được chuẩn bị cho sự kiện này vì ông đã sống như một người Do Thái chính thống cả đời mình (10:14). Luật Môi-se là một bức tường giữa dân Do Thái và dân ngoại, và bức tường này đã được phá đổ tại thập tự giá (Eph 2:14-18). Dân ngoại đã bị xem là ngoại kiều và người lạ theo như những giao ước và lời hứa của Do Thái (Eph 2:11-13). Nhưng giờ đây, mọi điều đó sẽ thay đổi, và Đức Chúa Trời tuyên bố rằng, đối với dân Do Thái và dân ngoại, “chẳng có sự phân biệt chi hết” trong sự kết án (Ro 3:22-23) và trong sự cứu rỗi (Ro 10:12-13).

Tại sao Đức Chúa Trời dùng một khái niệm về thức ăn để dạy Phi-e-rơ rằng dân ngoại không phải ô uế? Trước hết, Phi-e-rơ bị đói, và một khái niệm về thức ăn chắc chắn sẽ “nói lên tình trạng của ông” như một người Quaker đã nói. Thứ hai, sự phân biệt giữa “đồ ăn thanh sạch và ô uế” là một vấn đề chính giữa dân Do Thái và dân ngoại thời bấy giờ. Thật ra, những người bạn Cơ Đốc của Phi-e-rơ đã chỉ trích ông vì ăn với dân ngoại! (Cong 11:1-3). Đức Chúa Trời đã sử dụng quy tắc từ bao thế kỷ này (Le 11:1-47) để dạy Phi-e-rơ một bài học thuộc linh quan trọng.

Lý do thứ ba trở lại với điều Chúa Giê-xu đã dạy Phi-e-rơ và các môn đệ khác khi Ngài thi hành chức vụ trên đất (Mac 7:1-23). Vào lúc đó, Phi-e-rơ đã không hiểu đầy đủ những điều Chúa Giê-xu phán, nhưng giờ đây những điều đó cũng sẽ xảy ra. Đức Chúa Trời không đơn giản thay đổi thức ăn của Phi-e-rơ, Ngài đang thay đổi toàn bộ chương trình của Ngài! Không phải người Do Thái đã “thanh sạch” và người ngoại “ô uế” nhưng cả người Do Thái và người ngoại đều “ô uế” trước mặt Đức Chúa Trời! “Vì Đức Chúa Trời đã nhốt mọi người trong sự vô tín, đặng Ngài có thể ban sự thương xót trên họ” (Ro 11:32). Điều này có nghĩa là một người ngoại không phải trở nên một người Do Thái để thành một Cơ Đốc nhân.

Cho dù sự chối từ của Phi-e-rơ ở trong những thuật ngữ lịch sự nhất, sự chối từ ấy vẫn sai lầm. Tấn sĩ W.Graham Scroggie đã viết “Bạn có thể nói ‘không’ và bạn có thể nói ‘Chúa ôi’ nhưng bạn không thể nói ‘không, Chúa ôi!’”. Nếu Ngài thật là Chúa chúng ta, vậy chúng ta chỉ có thể nói “Vâng!” với Ngài và vâng theo những mệnh lệnh Ngài.

Sự định giờ của Đức Chúa Trời luôn hoàn hảo, và ba người từ thành Sê-sa-rê đã đến trước cửa ngay khi Phi-e-rơ đang suy nghĩ ý nghĩa của khái tượng. Thánh Linh ra lệnh cho Phi-e-rơ gặp những người này và đi với họ. Nhóm từ “chớ hồ nghi” (Cong 10:20) nghĩa là “chớ phân biệt chi hết”. Bạn thấy nó lần nữa trong 11:12 và một từ tương đương được sử dụng trong 11:2 (“tranh cãi với người” = “phân biệt đối xử”). Phi-e-rơ đã không còn phải phân biệt đối xử giữa dân Do Thái và dân ngoại nữa.

- *Sự giải thích* (Cong 10:23-33) Sự kiện Phi-e-rơ cho phép người ngoại ở với ông là dấu hiệu khác cho thấy những bức tường đang hạ xuống. Phi-e-rơ đã chọn 6 tín đồ Do Thái đi cùng như những chứng nhân (11:12), gấp ba lần số lượng chính thức cần có. Sẽ mất tối thiểu hai ngày để đi hết 30 dặm giữa Gióp-bê và Sê-sa-rê. Khi Phi-e-rơ đến nơi, ông khám phá rằng Cọt-nây đã nhóm bà con và bạn bè lại để nghe sứ điệp của sự sống. Ông là một chứng nhân ngay cả trước khi ông trở thành một Cơ Đốc nhân!

Có lẽ sẽ dễ dàng cho Phi-e-rơ biết bao để chấp nhận sự tôn trọng và sử dụng hoàn cảnh để đề cao chính mình nhưng Phi-e-rơ là một tội tó, không phải một người danh tiếng (IPhi 5:1-6). Khi ông tuyên bố rằng ông không xem người ngoại là ô uế, điều này chắc đã gây kinh ngạc và làm vui mừng lòng những người nghe ông. Bao thế kỷ qua, trên cơ sở của luật Cựu Ước, dân Do Thái đã tuyên bố dân ngoại là ô uế, và số người Do Thái thậm chí nhắc đến dân ngoại như “những con chó”.

Điều đáng chú ý trong phân đoạn này là câu hỏi của Phi-e-rơ: “Vậy, ta hỏi vì mục đích gì mà các người mời ta đến?” (Cong 10:29). Phi-e-rơ đã không biết rằng ông được mời đến đó để giảng Phúc Âm sao? Phải chăng ông đã quên nhiệm vụ trong Cong 1:8 để đến “cùng trái đất”? Ngày nay, chúng ta nhìn lại những sự kiện phát triển trong Hội Thánh và hiểu điều Đức Chúa Trời đang làm, nhưng có thể đã không dễ dàng như vậy nếu chúng ta đang sống giữa những biến cố này. Thật ra, Hội Thánh Giê-ru-sa-lem chất vấn Phi-e-rơ về những việc làm của ông (11:1-18), và sau đó đã triệu tập một hội nghị để đối phó với vị trí của người ngoại trong Hội Thánh (Cong 15:1-41).

Cọt-nây kể lại kinh nghiệm ông gặp thiên sứ và rời cho Phi-e-rơ biết lý do ông được mời đến: để cho ông, gia đình ông và bạn hữu ông biết họ có thể được cứu cách nào (11:14). Họ không phải là những người ngoại có quan tâm yêu cầu một bài diễn



thuyết về Do Thái giáo. Họ là những tội nhân hư mất nài xin chỉ dẫn phương cách để được cứu.

Trước khi chúng ta tới phân đoạn này, một số chân lý quan trọng phải được nhấn mạnh. Trước tiên, ý niệm cho rằng “tôn giáo này cũng tốt như tôn giáo khác” là hoàn toàn sai lầm. Những ai cho chúng ta biết rằng chúng ta nên thờ phượng “Đức Chúa Trời nhiều danh” và không “thay đổi các tôn giáo của người khác” sẽ mâu thuẫn với Kinh Thánh. “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22), và không thể có sự cứu rỗi xa rời đức tin trong Chúa Giê-xu Christ, Đấng xuất thân là người Do Thái Cọt-nây có lòng mộ đạo và đạo đức, nhưng ông không có sự cứu rỗi. Một số người có thể đã nói: “Hãy để yên Cọt-nây! Tôn giáo của ông là một phần thuộc văn hoá của ông, và thật xấu hổ để thay đổi văn hoá của ông!” Đức Chúa Trời không nhìn theo cách ấy. Bỏ qua việc nghe sứ điệp Phúc Âm và tin nhận Đấng Christ, Cọt-nây không có hy vọng gì.

Thứ hai, Đấng Christ tìm kiếm (Lu 19:10) sẽ tìm thấy tội nhân tìm kiếm (Gi 29:13). Bất cứ nơi đâu có một tấm lòng tìm kiếm, Đức Chúa Trời đều đáp ứng. Đây là lý do vì sao cần thiết để chúng ta là con cái Đức Chúa Trời vâng theo ý Ngài và chia sẻ Đạo Ngài. Bạn không bao giờ biết khi sự làm chứng của bạn về Đấng Christ chính xác là điều mà ai đó đang chờ đợi và cầu nguyện.

Thứ ba, Phi-e-rơ chắc chắn đã được ban đặc quyền để phục vụ cho một hội chúng kiểu mẫu (Cong 10:33). Họ đều có mặt, họ muốn nghe Đạo, và họ đã lắng nghe, tin và vâng lời. Một người giảng đạo còn yêu cầu gì hơn?

- *Sự tuyên bố* (Cong 10:34-43) Không thể có đức tin xa rời Lời Chúa (Ro 10:17), và Phi-e-rơ đã rao giảng Lời ấy. Đức Chúa Trời không hề thiên vị con người theo quốc tịch hay chủng tộc. Khi nói đến tội lỗi và sự cứu rỗi, “chẳng có sự phân biệt chi hết” (Ro 2:11 3:22-23 10:1-13). Mọi người đều có cùng một Đấng Tạo Hoá (Cong 17:26), và mọi người đều cần một Đấng Christ (Cong 4:12). Cong 10:35 không dạy rằng chúng ta được cứu bởi việc làm nếu không thì Phi-e-rơ sẽ mâu thuẫn với chính mình (c.43). “Kính sợ Đức Chúa Trời và làm sự công bình” là một mô tả về đời sống Cơ Đốc nhân. Kính sợ Đức Chúa Trời là tôn kính và tin cậy Ngài (Mi 6:8). Chứng cứ của đức tin này là một sự ăn ở công bình.

Sau đó Phi-e-rơ tóm tắt câu chuyện về đời sống, sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-xu. Cọt-nây và các bạn hữu ông đã biết về đời sống và sự chết của Đấng Christ, vì “việc này đã không được thực hiện nơi kín đáo đâu” (Cong 26:26). Phi-e-rơ nói rõ rằng Y-sơ-ra-ên là công cụ của Đức Chúa Trời để hoàn thành công việc Ngài (Cong 10:36), nhưng Chúa Giê-xu là “Chúa của tất cả” chớ không phải chỉ là Chúa của Y-sơ-ra-ên. Ngay từ lúc sáng lập dân tộc Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời đã phán rõ rằng phước hạnh sẽ từ Y-sơ-ra-ên đến với cả thế giới (Sa 12:1-3).

Đông đảo công chúng đã biết về đời sống, chức vụ và sự chết của Đấng Christ, nhưng chỉ có các sứ đồ và những tín đồ khác là những người chứng kiến về sự phục sinh của Ngài. Như trong những bài giảng trước đó của mình, Phi-e-rơ đã khiển trách các lãnh đạo Do Thái về sự đóng đinh (3:15 4:10 5:30) như Ê-tiên đã khiển trách (7:52). Phao-lô sẽ thực hành cùng sự nhấn mạnh này (ITe 2:14-16).

Sau khi kể xong điều cơ bản có liên quan đến lịch sử về sứ điệp Phúc Âm, sự chết và phục sinh của Đấng Christ, Phi-e-rơ tuyên bố tin tức tốt lành: Bất cứ ai tin Ngài sẽ

nhận được sự tha tội” (Cong 10:43 2:21). Những người nghe ông đã nắm được từ “Bất cứ ai” áp dụng cho chính họ, tin nơi Chúa Giê-xu và được cứu.

- **Sự chứng minh** (Cong 10:44-48) Phi-e-rơ mới khởi sự sứ điệp của ông thì hội chúng của ông đã tin và Thánh Linh đã làm gián đoạn buổi nhóm (11:15). Đức Chúa Cha đã làm gián đoạn Phi-e-rơ trên Núi Hoá Hình (Mat 17:4-5) và Đức Con đã làm gián đoạn ông trong vấn đề về thuế đền thờ (Mat 17:24-27). Giờ đây Thánh Linh Đức Chúa Trời đã ngăn trở ông – và Phi-e-rơ chưa bao giờ có thể hoàn tất bài giảng của mình! Giá mà những mục sư truyền đạo ngày nay có những sự gián đoạn loại này!

Đức Thánh Linh đã giao sự làm chứng cho 6 người Do Thái là những người hiện diện để chứng rằng những người ngoại này thật sự được sinh lại. Xét cho cùng, những người này đã không chứng kiến khái tượng cùng với Phi-e-rơ và hiểu ra rằng dân ngoại giờ đây có quan hệ bình đẳng với dân Do Thái. Điều này không có ý cho rằng mọi tân tín hữu đều bày tỏ chứng cứ về sự cứu rỗi bằng cách nói tiếng lạ, mặc dù mọi tín đồ thật chắc chắn sẽ sử dụng tiếng mình để làm vinh hiển Đức Chúa Trời (Ro 10:9-10). Đây là sự kiện giống với lễ Ngũ Tuần: Cùng một Thánh Linh đã giảng trên các tín hữu Do Thái, giờ đây đã giảng trên những người ngoại (Cong 11:15-17 15:7-9). Chắc hẳn những người này đã lấy làm ngạc nhiên!

Cùng với sự kiện này, thời kỳ chuyển tiếp trong lịch sử đầu tiên của Hội Thánh đến hồi kết thúc. Các tín đồ giữa vòng dân Do Thái, dân Sa-ma-ri và dân ngoại đều đã nhận được Thánh Linh Đức Chúa Trời và được hiệp trong thân của Đấng Christ (Ga 3:27 ICo 12:13).

Những người ngoại này đã được cứu không phải bởi chịu báp-tem. Họ đã chịu báp-tem vì họ bày tỏ chứng cứ được cứu. Sử dụng Cong 2:38 để dạy sự cứu rỗi bởi phép báp-tem, hay Cong 8:14-16 để dạy sự cứu rỗi bởi phép đặt tay, là phớt lờ tính chất chuyển tiếp của chương trình Đức Chúa Trời. Tội nhân luôn được cứu bởi đức tin đó là một nguyên tắc Đức Chúa Trời chưa bao giờ thay đổi. Nhưng Đức Chúa Trời thay đổi những phương pháp hoạt động của Ngài, và điều này được thấy rõ trong Cong 1:1-10:48 kinh nghiệm của Cột-nây và người nhà ông cho thấy rõ ràng phép báp-tem không cần thiết cho sự cứu rỗi. Từ giờ trở đi, trật tự sẽ là: Nghe Đạo, tin nơi Đấng Christ, tiếp nhận Thánh Linh và rồi chịu phép báp-tem và hiệp với các tín hữu khác trong Hội Thánh để hầu việc và thờ phượng Đức Chúa Trời.

Phi-e-rơ đã ở lại trong thành Sê-sa-rê và giúp và làm vững vàng những tân tín hữu này trong chân lý của Đạo. Có lẽ Phi-líp đã giúp đỡ ông. Toàn bộ kinh nghiệm này là một minh họa về nhiệm vụ Mat 28:19-20. Phi-e-rơ đã đi đến nơi Đức Chúa Trời sai ông và tạo ra các môn đệ (“đạy”) từ dân ngoại. Rồi ông đã làm báp-tem cho họ và dạy Đạo cho họ.

Chính nhiệm vụ đó áp dụng cho Hội Thánh ngày nay. Chúng ta có đang thực hiện nhiệm vụ ấy như chúng ta phải làm?

## **9. DÀNH CHỖ CHO DÂN NGOẠI (Cong 11:1-30)**

Một người bạn của tôi thích trích dẫn bài thơ ngắn này mỗi khi chúng tôi thảo luận “những vấn đề Hội Thánh?”

“Sống thiên thượng, với các thánh đồ ta yêu,  
Chắc chắn sẽ là vinh hiển

Sống thế hạ với các thánh đồ ta biết

Ô đó là chuyện khác!”

Cong 11:1-30 mô tả cách Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem liên hệ với “các thánh ở thế hạ”, dân ngoại trong thành Sê-sa-rê và An-ti-ốt những người đã tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Đấng Christ và Chúa của họ. Có mối thông công mới với người ngoại là một kinh nghiệm mới đối với các Cơ Đốc nhân Do Thái này, những người cả đời đã xem dân ngoại như những kẻ tà giáo và người ngoại cuộc. Truyền thống đã nói rằng một người ngoại phải “trở thành một người Do Thái” để được chấp nhận nhưng giờ đây dân Do Thái và dân ngoại được hiệp lại trong Hội Thánh bởi đức tin trong Chúa Giê-xu Christ (Ga 3:26-28).

Cong 11:1-30 mô tả ba đáp ứng của các tín hữu Do Thái đối với các Cơ Đốc nhân người ngoại. Khi bạn nghiên cứu những đáp ứng này, bạn sẽ hiểu rõ hơn cách Cơ Đốc nhân ngày nay phải liên hệ với nhau.

### 1. Họ đã chấp nhận người ngoại (Cong 11:1-18)

Phi-e-rơ vừa mới trở về Giê-ru-sa-lem thì ông được đón tiếp bởi thuộc viên của phái tôn trọng luật pháp mạnh mẽ trong Hội Thánh xứ Giu-đê (“họ đã chịu phép cắt bì”) những người đã quở trách ông vì thông công với dân ngoại và ăn chung với họ. Hãy nhớ rằng những tín đồ Do Thái này chưa hiểu mối liên hệ giữa luật pháp và ân điển, dân Do Thái và dân ngoại, Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh. Hầu hết các Cơ Đốc nhân ngày nay hiểu những chân lý này nhưng xét cho cùng, chúng ta đã có sách Rô-ma, Ga-la-ti, Ê-phê-sô và Hê-bơ-rơ! Đã có nhiều thầy tế lễ qui đạo trong Hội Thánh là những người sốt sắng về luật pháp (Cong 6:7), và thậm chí tín đồ Do Thái bình thường sẽ gặp khó khăn khi thực hiện sự chuyển tiếp (21:20). Đó không chỉ là một vấn đề về tôn giáo, nhưng còn là vấn đề về văn hoá, và những tập quán văn hoá rất khó thay đổi.

Nhóm từ “tranh cãi với người” đến từ cùng từ được dịch “chớ nghi ngại chi” trong Cong 10:20 và 11:12. Nó có nghĩa là “tạo khác biệt”. Những người theo luật pháp này đang tạo khác biệt giữa dân ngoại và dân Do Thái sau khi Phi-e-rơ đã bày tỏ rằng “không có sự phân biệt chi!” Đức Chúa Trời đã tuyên bố dân ngoại là “sạch”, điều đó có nghĩa là được chấp nhận trước mặt Đức Chúa Trời trên cùng cơ sở như dân Do Thái, nhờ đức tin trong Chúa Giê-xu.

Phi-e-rơ đã không có gì để sợ. Xét cho cùng, ông chỉ làm theo những mệnh lệnh từ Chúa, và Thánh Linh đã xác nhận rõ ràng sự cứu rỗi của dân ngoại. Phi-e-rơ ôn lại toàn bộ từng trải từ đầu đến cuối, và khi ông chấm dứt, những người theo luật pháp Do Thái đã bỏ qua những lời buộc tội của họ và ngợi khen Đức Chúa Trời về sự cứu rỗi cho dân ngoại (Cong 11:18). Tuy nhiên điều này đã không kết thúc vấn đề hoàn toàn, vì chính phái luật pháp này sau đó đã tranh cãi với Phao-lô về sự cứu rỗi cho dân ngoại (14:26-15:2). Thậm chí sau Hội nghị Giê-ru-sa-lem, các giáo sư theo luật pháp đã tiếp tục tấn công Phao-lô và xâm phạm các Hội Thánh ông đã sáng lập. Họ muốn thuyết phục các tín đồ vào trong một đời sống vâng phục luật pháp (Ga 1:6 Phi 3:1-3,17-21). Có thể là nhiều người trong số những người sống theo pháp luật này là những tín đồ thật, nhưng họ không hiểu sự tự do của mình trong Chúa Giê-xu (Ga 5:1).

Trong sự bênh vực cá nhân mình ở Cong 11:1-30 Phi-e-rơ đã trình bày 3 phần chứng cứ: khả tượng từ Đức Chúa Trời (11:5-11), sự làm chứng của Thánh Linh (11:12-15,17) và sự làm chứng của Lời Chúa (11:16). Dĩ nhiên, không ai trong số những người này đã nhìn thấy khả tượng, nhưng họ tin sự báo cáo của Phi-e-rơ, vì họ biết rằng ông từng là một người Do Thái chính thống như họ trong đời sống cá nhân (10:14). Dường như ông đã không có khả năng đến với dân ngoại một mình và rồi bịa đặt một câu chuyện để khẳng định nó.

Sự làm chứng của Thánh Linh là chủ yếu, vì đây là lời chứng của riêng Đức Chúa Trời rằng Ngài thật sự đã cứu dân ngoại. Thật thú vị khi Phi-e-rơ đã phải đi suốt đường trở về lễ Ngũ Tuần để tìm thấy một mẫu mực về những gì xảy ra trong nhà Cọt-nây! Điều này cho thấy rằng một “phép báp-tem của Thánh Linh” đầy kịch tính (Cong 11:16) được kèm theo bởi việc nói tiếng lạ, không phải là một sự xảy ra hằng ngày trong Hội Thánh ban đầu. Phi-e-rơ đã không thể dùng kinh nghiệm của người Sa-ma-ri làm mẫu mực của mình, vì người Sa-ma-ri đã nhận lấy sự ban cho của Thánh Linh nhờ phép đặt tay của các sứ đồ (8:14-17). Cọt-nây và người nhà ông đã nhận lấy Thánh Linh lúc họ tin nhận Đấng Christ. Đây là kiểu mẫu cho hôm nay.

Phi-e-rơ đã hỏi. “Ta là ai mà có thể chống cự Đức Chúa Trời được?” và đối với câu hỏi này, những người theo luật pháp đã không có câu trả lời nào. Từ đầu đến cuối, sự qui đạo của người ngoại là công việc nhân từ của Đức Chúa Trời. Ngài đã ban cho họ món quà của sự ăn năn và món quà của sự cứu rỗi khi tin. Trong những năm sau đó, Đức Chúa Trời sẽ sử dụng những bức thư của Phao-lô để giải thích “một thân” cách những người Do Thái tin nhận và những người ngoại tin nhận được hiệp lại trong Đấng Christ (Eph 2:11-3:12). Nhưng vào thời đó, “sự màu nhiệm” này vẫn kín giấu vì vậy chúng ta đừng quá khắt khe với những tín đồ ấy là những người khó chịu về vị trí của người ngoại trong Hội Thánh.

Cơ Đốc nhân phải tiếp đãi nhau và không tranh cãi về những khác biệt văn hoá hay những vấn đề nhỏ nhặt về niềm tin cá nhân (Ro 14:1-15:33). Một số người thuộc những Cơ Đốc nhân Do Thái trong Hội Thánh đầu tiên muốn người ngoại trở nên người Do Thái, và một số tín hữu dân ngoại muốn người Do Thái thôi làm người Do Thái và trở thành dân ngoại! Thái độ này có thể gây ra sự chia rẽ trầm trọng trong Hội Thánh ngay cả ngày nay, vì vậy điều quan trọng là chúng ta noi theo mẫu mực của Cong 11:18 và lời khuyên ở Ro 14:1 và tiếp nhận những ai Đức Chúa Trời cũng đã tiếp nhận.

## **2. Họ đã khích lệ dân ngoại (Cong 11:19-26)**

Khi các thánh đồ bị tản lạc khắp nơi suốt cơn bắt bớ Hội Thánh của Sau-lơ (Cong 8:1), một vài người trong số họ đã đến trong thành An-ti-ốt, thủ phủ của xứ Sy-ri, 300 dặm phía Bắc Giê-ru-sa-lem. (Đừng nhầm lẫn thành này với thành An-ti-ốt trong xứ Bi-si-đi, Cong 13:14). Đã có ít nhất 16 thành An-ti-ốt trong thế giới cổ đại, nhưng thành này là thành lớn nhất.

Với dân số nửa triệu người, thành An-ti-ốt được xếp vào hàng thành phố lớn nhất thứ 3 trong đế quốc La Mã, sau thành Rô-ma và thành Alexandria. Những toà nhà tráng lệ của nó đã giúp nó có tên “thành An-ti-ốt bằng vàng, Nữ Hoàng Đông phương”. Con đường chính dài hơn 4 dặm, được lát đá hoa, và hai bên lề có trụ bằng đá hoa. Đó là thành phố duy nhất trong thế giới cổ đại vào thời bấy giờ có những con đường được thắp sáng về đêm.

Là một cảng nhộn nhịp và là một trung tâm cho sự xa hoa và văn hoá, thành An-ti-ốt đã thu hút mọi hạng người, kể cả những quan chức La Mã giàu có đã về hưu, những người suốt ngày tán gẫu trong nhà tắm, hoặc đánh cá ngựa. Với dân số lớn đa dạng cùng sức mạnh thương mại và chính trị to lớn của nó, thành An-ti-ốt đã cống hiến cho Hội Thánh một cơ hội hấp dẫn để truyền giảng Phúc Âm.

An-ti-ốt là một thành phố gian ác, có lẽ chỉ thứ nhì so với thành Cô-rinh-tô. Mặc dù mọi vị thần Hy Lạp, Rô-ma và Sy-ri đều được tôn kính, điện thờ địa phương đã được dành cho Daphne mà sự thờ phượng người đó bao gồm những thông lệ đồi bại. James A.Kelso viết trong cuốn sách “Một nhà khảo cổ đi theo sứ đồ Phao-lô” rằng: “Thành An-ti-ốt đối với thế giới La Mã là điều mà thành phố Newyork đối với chúng ta. Ở đây nơi mọi vị thần thời cổ đại được thờ lạy, Đấng Christ phải được tôn cao”. Một Hội Thánh có hiệu quả không chỉ đã được xây dựng trong thành An-ti-ốt, mà nó còn trở thành Hội Thánh cử Phao-lô ra đi thu phục giới người ngoại cho Đấng Christ.

Khi các tín đồ bị bắt bớ đến thành An-ti-ốt, họ đã chẳng hề cảm thấy bị đe dọa bởi sự nguy nga của những toà nhà hoặc sự kiêu hãnh của người dân. Đạo của Đức Chúa Trời ở trên môi miệng họ, và bàn tay của Đức Chúa Trời ở trên sự làm chứng của họ, và “rất đông” tội nhân đã ăn năn và tin nhận. Đó là một công việc ly kỳ về ân điển kỳ diệu của Đức Chúa Trời.

Các lãnh đạo Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem có nhiệm vụ “chặn” bầy bị tản lạc, là bầy mà giờ đây có cả những hội chúng người ngoại ở xa tận Sy-ri. Rõ ràng các sứ đồ đang thi hành chức vụ ở xa Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ, vì vậy các trưởng lão đã giao nhiệm vụ cho Ba-na-ba đi đến thành An-ti-ốt để tìm xem điều đang diễn ra giữa vòng dân ngoại. Điều này tỏ ra là một sự chọn lựa khôn ngoan, vì Ba-na-ba đã sống đúng với biệt danh của ông, “con trai của sự yên ủi” (Cong 4:36).

Cong 11:24 cho chúng ta một “nét sơ lược về thuộc linh” của Ba-na-ba, và ông có vẻ là loại Cơ Đốc nhân mà tất cả chúng ta nên thi đua. Ông là người công bình vâng theo Đạo trong đời sống hằng ngày đến nỗi bản tính ông vượt hơn sự chê trách. Ông được đầy dẫy Thánh Linh, điều này giải thích cho hiệu quả của chức vụ ông. Việc ông là người có đức tin thật rõ ràng từ cách ông khích lệ Hội Thánh và sau đó khích lệ Sau-lô. Các Cơ Đốc nhân mới và Hội Thánh mới cần những người như Ba-na-ba để khích lệ họ trong sự tăng trưởng và trong chức vụ của họ.

Ba-na-ba đã khích lệ những tân tín hữu người ngoại ra sao? Trước tiên, ông vui mừng về điều mình đã thấy. Thờ phượng cùng với người ngoại là một kinh nghiệm mới đối với ông, nhưng ông đã tiếp cận nó một cách tích cực và không tìm kiếm những việc để chỉ trích. Đó là việc của Đức Chúa Trời, và Ba-na-ba đã dâng lời tạ ơn về ân điển Đức Chúa Trời.

Ông đã nhấn mạnh sự tận tụy của tấm lòng khi ông dạy dỗ dân sự Lời Đức Chúa Trời. Nhóm từ “trung thành (gắn bó) với Chúa” không có ý cho rằng họ phải “giữ cho mình được cứu”. Cùng một ân điển cứu chúng ta cũng có thể giữ chúng ta (Ico 15:10 He 13:9). Nhóm từ này nhắc chúng ta nhớ về lời khuyên của Giô-suê đối với Y-sơ-ra-ên trong Gios 22:5 “Trung thành với Chúa” bao gồm yêu mến Chúa, bước đi trong đường lối Ngài, vâng theo Lời Ngài, và hầu việc Ngài hết lòng. Điều này nghĩa là chúng ta thuộc về chỉ một mình Ngài và chúng ta trau dồi sự tận tâm của mình đối với Ngài. “Chẳng ai có thể hầu việc hai chủ” (Mat 6:24).



Có hai kết quả kỳ diệu từ công việc của Ba-na-ba ở thành An-ti-ốt. Thứ nhất, sự làm chứng của Hội Thánh đã tạo một tác động lớn đối với thành phố này đến nỗi “nhiều người đã được thêm vào cho Chúa” (Cong 11:24). Khi các thánh đồ được dạy vững vàng trong Đạo, họ sẽ có một sự làm chứng mạnh mẽ cho người hư mất, và sẽ có một sự quân bình trong Hội Thánh giữa sự mở mang trí tuệ và sự rao giảng Phúc Âm, sự thờ phượng và sự làm chứng, sự dạy dỗ và sự xác nhận.

Thứ hai, sự tăng trưởng của Hội Thánh có nghĩa là Ba-na-ba cần sự giúp đỡ vì vậy ông đã đến Tạt-sơ và trưng dụng Phao-lô. Nhưng tại sao đi quá xa chỉ để tìm ra một người giúp đỡ? Tại sao? Không phải đến Giê-ru-sa-lem và yêu cầu chấp sự Ni-cô-la là người ở thành An-ti-ốt (Cong 6:5). Vì Ba-na-ba biết rằng Đức Chúa Trời đã giao nhiệm vụ cho Sau-lơ dạy dỗ cho dân ngoại (9:15 22:21 26:17). Bạn hãy nhớ lại rằng Ba-na-ba đã giúp đỡ Sau-lơ ở Giê-ru-sa-lem (9:26-27), và chắc chắn hai người thường nói về sự kêu gọi đặc biệt của Sau-lơ từ Đức Chúa Trời.

Sau-lơ đã được qui đạo khoảng 10 năm khi Ba-na-ba đem ông đến thành An-ti-ốt. Kinh Thánh Tân Ước không cho chúng ta biết điều Sau-lơ đã làm khi trở về quê hương ở Tạt-sơ sau khi ông rời Giê-ru-sa-lem (9:28-30), nhưng có thể là ông đã bận rộn giảng Phúc Âm cho dân Do Thái lẫn dân ngoại. Có thể chính suốt giai đoạn này, ông đã thành lập các Hội Thánh ở Si-li-si (15:23,41 Ga 1:21) và ông đã kinh nghiệm một vài hoạn nạn được kể trong IICo 11:23-28. Khi ông làm chứng trong các nhà hội, bạn có thể biết chắc ông sẽ không có một thời kỳ dễ chịu!

Điều Ba-na-ba đã làm cho Sau-lơ cần được thực hành trong các Hội Thánh chúng ta ngày nay. Tín đồ trưởng thành cần phải trưng dụng người khác và khích lệ họ trong sự hầu việc Chúa của họ. Đó đã là một trong những cách xử sự của D.L.Moody để mỗi Cơ Đốc nhân mới được giao một nhiệm vụ ngay sau khi qui đạo. Lúc đầu, đó có thể chỉ là việc chuyển tay những thánh ca hoặc dẫn người đến ghế ngồi, nhưng mỗi người qui đạo đã phải bận rộn. Như đã đề cập trước đó, ông nói “Để 10 người làm việc tốt hơn là làm công việc của 10 người”. Nhiều người trong số những “trợ tá” của Moody đã trở thành những người giúp việc Cơ Đốc hiệu quả trong quyền của họ và điều này nhân lên sự làm chứng.

Chính tại An-ti-ốt mà danh Cơ Đốc nhân được áp dụng đầu tiên cho các môn đệ của Chúa Giê-xu. Tiếp vị ngữ tiếng La-tinh “ian” nghĩa là “thuộc về phái”. Trong sự chế nhạo, một số người dân ngoại đạo ở An-ti-ốt đã nối tiếp vị ngữ tiếng La-tinh này với danh xưng tiếng Hê-bơ-rơ “Christ” và cho ra từ “Christian”. Danh này được tìm thấy chỉ ba lần trong toàn Tân Ước (Cong 11:26 26:28 IPhi 4:16)

Đáng tiếc, từ “Christian” đã đánh mất rất nhiều ý nghĩa trái bao thế kỷ và không còn có nghĩa là “người đã từ bỏ tội lỗi, tin nhận Chúa Giê-xu, và nhận lấy sự cứu rỗi bởi ân điển” (11:21-23). Nhiều người chưa bao giờ được tái sinh, xem mình là “Cơ Đốc nhân” chỉ vì họ nói rằng họ không phải là “kẻ ngoại đạo”. Xét cho cùng, họ có thể thuộc về một Hội Thánh, tham dự những lễ thờ phượng gọi là đều đặn, và thậm chí thỉnh thoảng chuyên tâm đối với công việc của Hội Thánh! Nhưng cần nhiều hơn thế để một tội nhân trở thành con cái Đức Chúa Trời. Cần có sự ăn năn khỏi tội lỗi và đức tin nơi Chúa Giê-xu Đấng đã chết thay tội chúng ta trên thập giá và đã sống lại để ban cho chúng ta sự sống đời đời.

Các tín đồ trong Hội Thánh đầu tiên đã chịu khổ vì họ là những Cơ Đốc nhân (IPhi 4:16). Tấn sĩ David Otis Fuller đã hỏi: “nếu bạn bị bắt giữ vì là Cơ Đốc nhân, có đủ

chúng có để kết án bạn không?” Một câu hỏi hay! Và câu trả lời là một vấn đề về sự sống hoặc sự chết!

### **3. Họ đã nhận sự giúp đỡ từ người ngoại (Cong 11:27-30)**

Nền tảng cho Hội Thánh đã được đặt do các sứ đồ và các tiên tri (Eph 2:20) và rồi cuối cùng họ đều ra đi. Xét cho cùng, bạn không tiếp tục giữ việc đặt nền tảng! Các tiên tri thời Tân Ước đã nhận sứ điệp họ từ Chúa bởi Thánh Linh và rao sứ điệp cho dân sự, đôi khi bằng tiếng lạ. Sứ điệp phải được thông dịch, sau đó dân sự sẽ đánh giá sứ điệp để biết chắc nó đến từ Đức Chúa Trời (chú ý ICo 12:10 14:27-33 ITe 5:19-21).

Các tiên tri thời Tân Ước đã nhận sứ điệp từ Chúa cách trực tiếp, nhưng các mục sư và giáo viên ngày nay nhận sứ điệp gián tiếp qua Kinh Thánh. Chúng ta ngày nay đã có Lời Đức Chúa Trời được trọn vẹn và từ đó Thánh Linh dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta ICo 12:10 liên kết những ân tứ về việc nói tiên tri ân tứ phân biệt với ân tứ tiếng lạ và thông giải tiếng lạ. Dĩ nhiên, Thánh Linh là tối cao và có thể ban cho một tín đồ bất kỳ ân tứ nào Ngài muốn (ICo 12:11), nhưng sự biến mất của các sứ đồ với tiên tri, và sự hoàn thành khả thi của Đức Chúa Trời trong Lời Ngài, cho thấy một thay đổi đã xảy ra.

Ngày nay có những người tuyên bố nhận được “những lời mạc khải” đặc biệt hoặc “những lời khôn ngoan” từ Chúa, nhưng những mạc khải như vậy đáng ngờ và thậm chí nguy hiểm. “Đối với luật pháp và đối với lời chứng nếu họ chẳng nói theo lời này, đó là vì không có sự sáng trong họ” (Es 8:20). Giê-rê-mi đã cảnh cáo: “Chớ nghe những lời của các tiên tri nói tiên tri với các ngươi. Chúng khiến các ngươi hư không (làm đầy đầy các ngươi những hy vọng giả dối) họ nói khải tượng bởi lòng mình, chẳng phải bởi miệng Chúa” (23:16).

Đức Thánh Linh đã cho A-ga-bút biết rằng (Cong 21:10-11) có một nạn đói kém lớn sắp xảy ra, và nó đã xảy ra trong triều đại của Sê-sa Claudius (41-54SC) khi mùa màng thất bát nhiều năm. Các tác giả xưa đã đề cập tối thiểu bốn nạn đói: hai ở Rô-ma, một ở Hy Lạp và một ở Giu-đê. Nạn đói xứ Giu-đê đặc biệt khốc liệt, và sử gia Do Thái Josephus chép rằng nhiều người đã chết vì thiếu tiền mua chút thức ăn có thể có được.

A-ga-bút đã rao sứ điệp cho các tín đồ ở An-ti-ốt và họ quyết định giúp đỡ các tín hữu Cơ Đốc xứ Giu-đê. Mục đích của lời tiên tri thật không phải để thoả mãn tính tò mò của chúng ta về tương lai, nhưng nhằm khuấy động lòng chúng ta để làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Các tín đồ đã không thể ngăn chặn nạn đói xảy ra, nhưng họ có thể gửi hàng cứu trợ cho những ai túng thiếu.

Một nguyên tắc thuộc linh quan trọng được minh hoạ trong phân đoạn này: nếu người khác là một phước hạnh thuộc linh đối với chúng ta, chúng ta phải chăm sóc họ bằng những của cải vật chất của mình. “Hãy để kẻ được dạy đạo chia những vật tốt cho người dạy (Ga 6:6). Các tín đồ Do Thái ở Giê-ru-sa-lem đã đem Phúc Âm đến thành An-ti-ốt. Vậy họ cử Ba-na-ba khích lệ những tân tín hữu. Đó là quyền duy nhất mà những người ngoại ở thành An-ti-ốt đền đáp lại và gửi sự giúp đỡ vật chất cho anh chị em Do Thái của họ ở xứ Giu-đê. Vài năm sau đó, Phao-lô sẽ tập trung một khoản dâng hiến tương tự từ các Hội Thánh người ngoại và đem đến cho các thánh đồ ở Giê-ru-sa-lem (Cong 24:17 Ro 15:23-28).

Điều quan trọng cần chú ý là một sự thay đổi đã xảy ra trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Có, không ai trong Hội Thánh có bất kỳ nhu cầu nào (Cong 4:34), cũng không cần thiết để yêu cầu người khác giúp đỡ. Những năm đầu tiên ấy là “những ngày trời trên đất” khi Đức Chúa Trời ban phước dồi dào cho dân Ngài và sử dụng họ làm chứng nhân cho dân tộc vô tín. Họ là “kỳ thơ thái” từ chúa (3:19). Nhưng khi sứ điệp từ dân Do Thái đến với dân Sa-ma-ri và dân ngoại “chương trình chia sẻ” Giê-ru-sa-lem dần dần mờ nhạt và mọi sự đã trở nên bình thường hơn.

Kiểu mẫu về sự ban cho của Cơ Đốc nhân ngày nay không phải là Cong 2:44-45 và 4:31-35 nhưng là Cong 11:29 “mỗi người theo khả năng mình”. Đó là kiểu mẫu mà Phao-lô đã dạy trong ICo 8:1-9:15. Sự thực hành về “chủ nghĩa cộng sản Cơ-đốc” được tìm thấy chỉ ở Giê-ru-sa-lem và là một biện pháp tạm thời trong khi sứ điệp đến “với người Do Thái trước”. Giống như sự chăm sóc dân Do Thái của Đức Chúa Trời trong đồng vắng, đó là một sự phô bày sống động những phước hạnh Đức Chúa Trời sẽ ban cho nếu dân tộc ăn năn và tin nhận.

Sự kiện Hội Thánh chọn Ba-na-ba và Sau-lơ để đem hàng cứu trợ đến Giê-ru-sa-lem là bằng chứng họ có sự tin tưởng những người này. Hai người đã đồng công trong việc dạy Đạo, và giờ đây họ bắt tay vào chức vụ thực tiễn làm giảm bớt sự túng thiếu của các tín hữu Giê-ru-sa-lem. Chắc chắn họ cũng đã giảng Đạo trên đường khi họ thực hiện chuyến hành trình dài từ An-ti-ốt đến Giê-ru-sa-lem. Trong một thời gian ngắn, Đức Thánh Linh sẽ kêu gọi hai người bạn này hiệp lực và đem Phúc Âm đến với dân ngoại ở những xứ khác (Cong 13:1) và họ sẽ cùng đi nhiều dặm đường.

Kết quả ý nghĩa khác từ chức vụ này là Giảng Mác được đưa thêm “đội” của họ (12:25). Có thể là Mác đã được qui đạo nhờ chức vụ của Phi-e-rơ (IPhi 5:13). Nhà của mẹ ông là nơi nhóm lại của các tín hữu Giê-ru-sa-lem (Cong 12:12), và bà với Ba-na-ba có quan hệ với nhau (Co 4:10). Mặc dù Giảng Mác đã thất bại trong “khoá” đầu tiên làm một truyền đạo (Cong 13:13) và khiến gây ra một sự rạn nứt giữa Ba-na-ba với Phao-lô (15:38-40), nhưng sau đó ông đã trở thành một phụ tá hữu hiệu cho Phao-lô (ITi 4:11) và được Đức Chúa Trời sử dụng để viết Phúc Âm Mác.

Từ “các trưởng lão” trong Cong 11:31 đã không được sử dụng trước đó trong Công vụ, ngoại trừ để ám chỉ các chức sắc Do Thái (4:5,23 6:12). Trong Hội Thánh, các trưởng lão là những tín đồ trưởng thành có chức vụ giám sát về thuộc linh (IPhi 5:1 IIGi 1:1). Khi bạn so sánh Cong 20:17,28 với Tit 1:5,7 bạn biết rằng “trưởng lão” và “giám mục” (trông nom) là những danh hiệu tương đương. Các trưởng lão / giám mục là những “mục sư” của các bầy chiên, được các chấp sự giúp đỡ và những phẩm cách đối với cả hai được tìm thấy trong ITi 3:1-16.

Bất cứ nơi đâu Phao-lô gây dựng Hội Thánh, ông đều đảm bảo chắc rằng những trưởng lão có đủ phẩm chất được thụ phong để lãnh đạo các hội chúng (Cong 14:23 Tit 1:5). Trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, các sứ đồ và các trưởng lão đã giám sát về thuộc linh (Cong 15:2,4,6,22). Đoàn đại biểu từ Hội Thánh An-ti-ốt đã không phớt lờ các trưởng lão ở Giê-ru-sa-lem, nhưng đã trao quà tặng cho họ để phân phối cho các thuộc viên nghèo túng. Đây là một nguyên tắc quan trọng và nên được chú ý hôm nay khi quá nhiều tổ chức, muốn được sự hỗ trợ của các Hội Thánh địa phương.

Phải chăng đó là một từng trải thấp thỏi đối với các tín đồ Do Thái khi nhận sự giúp đỡ từ người ngoại? Có lẽ vậy, nhưng đó cũng là một sự biểu hiện tốt đẹp của tình yêu thương và là một bằng chứng kỳ diệu của sự hiệp nhất. Ông Winston Churchill

đã nói: “Chúng ta kiếm sống bằng những gì chúng ta nhận được, nhưng chúng ta sống bằng những gì chúng ta ban cho”. Đó là một kinh nghiệm phong phú đối với những Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem và ở An-ti-ốt, vì có sự chúc phước trong việc ban cho và nhận lãnh khi ân điển Đức Chúa Trời điều khiển.

Thật đáng tiếc khi cá nhân các Cơ Đốc nhân và các Hội Thánh địa phương đã quên những người từng là một phước hạnh thuộc linh cho họ. Hội Thánh tại An-ti-ốt là một mẫu mực tuyệt vời về cách chúng ta là những tín đồ phải tỏ thái độ cách thực tế đối với những người đã giúp đỡ chúng ta trong đời sống Cơ Đốc của chúng ta. Phillips Brooks đã được hỏi rằng ông sẽ làm gì để phục hồi một Hội Thánh chết, và ông đã đáp: “tôi sẽ lấy tiền dâng cho công việc truyền giáo”.

Thật tâm nghĩ đến người khác vẫn là công thức tốt nhất cho một đời sống Cơ Đốc vui mừng và hữu ích, đối với cá nhân và cả Hội Thánh.

## **10. THỨC GIÁC TRƯỚC MỘT PHÉP LẠ (Cong 12:1-25)**

Hãy hình dung mình thức giấc trước một phép lạ và có một thiên sứ để làm đồng hồ báo thức của bạn!

Đó là điều đã xảy ra cho Phi-e-rơ khi ông ở tù lần thứ ba, đang chờ xét xử và chắc chắn là chết. Những năm sau đó, khi viết thư tín đầu tiên, Phi-e-rơ có thể đã nhớ kinh nghiệm màu nhiệm này khi ông trích dẫn Thi 34:15-16 “Vì mắt của Chúa đoái trông người công bình, và tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện của họ nhưng mặt Chúa nghịch cùng kẻ làm ác” (IPhi 3:12). Lời trích dẫn ấy chắc chắn tóm tắt điều Đức Chúa Trời đã làm cho Phi-e-rơ và nó bày tỏ cho chúng ta ba sự bảo đảm kỳ diệu khích lệ chúng ta trong những ngày khó khăn của đời sống.

### **1. Đức Chúa Trời nhìn thấy những thử thách của chúng ta (Cong 12:1-4)**

*“Mắt Chúa đoái trông người công bình” (IPhi 3:12a).*

Đức Chúa Trời đã theo dõi và chú ý những điều Hê-rốt Ac-ríp-ba I đang làm cho dân Ngài. Kẻ ác này là cháu nội của Hê-rốt Đại Đế, người đã ra lệnh giết hại trẻ con thành Bết-lê-hem, và là cháu trai của Hê-rốt An-ti-pa, người đã chém đầu Giăng Báp-tít, là một dòng dõi mưu đồ và sát nhân, các Hê-rốt đã bị dân Do Thái khinh miệt, những người phẫn nộ việc để con cháu Ê-đôm cai trị họ. Dĩ nhiên, Hê-rốt biết điều này vì vậy ông đã bắt bớ Hội Thánh để khiến dân Do Thái tin sự trung thành của ông đối với những truyền thống của các tổ phụ. Giờ đây việc người ngoại công khai là một phần của Hội Thánh, kế hoạch của Hê-rốt thậm chí được tán thành hơn đối với những người Do Thái theo chủ nghĩa dân tộc là những người không có chỗ cho “những kẻ ngoại đạo”.

Hê-rốt đã ra lệnh bắt giữ nhiều tín đồ, trong đó có Gia-cơ, anh của Giăng, người bị ông chém đầu. Do đó, Gia-cơ trở thành người đầu tiên trong số các sứ đồ chịu tử đạo. Khi bạn suy nghĩ sự chết của ông trong ánh sáng của Mat 20:20-28 nó mang ý nghĩa đặc biệt. Gia-cơ và Giăng, cùng với mẹ họ, đã cầu xin những chiếc ngai, nhưng Chúa Giê-xu cho biết rõ ràng không thể có sự vinh hiển xa rời sự chịu khổ. Ngài đã hỏi: “Các ngươi có thể uống chén mà ta sẽ uống, và chịu báp-tem bằng báp-tem mà ta chịu chăng?” (Mat 20:22). Lời đáp dạn dĩ của họ là “Chúng tôi có thể”.

Dĩ nhiên, họ đã không biết điều họ đang nói, nhưng cuối cùng họ đã khám phá cái giá đắt của việc dành được một ngai vinh hiển: Gia-cơ đã bị bắt và bị giết, còn Giăng đã trở thành một người sống lưu đày trên đảo Bát-mô, một tù nhân của Rô-ma (Kh 1:9). Thật vậy, họ đã uống chén và dự phần trong báp-tem của sự chịu khổ mà Chúa họ đã trải qua!

Nếu điều đó làm hài lòng dân Do Thái khi Gia-cơ bị giết, hãy nghĩ họ sẽ vui thích ra sao nếu Phi-e-rơ bị giết! Đức Chúa Trời đã cho phép Hê-rốt bắt Phi-e-rơ và bỏ tù ông dưới sự canh gác dày đặc. Mười sáu tên lính, bốn tên cho mỗi đội tuần phòng, đã canh giữ các sứ đồ, với hai lính xích tù nhân và hai lính canh cửa. Xét cho cùng, lần cuối cùng Phi-e-rơ bị bắt, ông đã ra khỏi ngục cách bí ẩn, và Hê-rốt sẽ không để điều đó xảy ra lần nữa.

Tại sao Gia-cơ được phép chết trong khi Phi-e-rơ được cứu? Xét cho cùng, cả hai là tội tởn tụy của Đức Chúa Trời, cần thiết cho Hội Thánh. Câu trả lời duy nhất là ý chỉ tối cao của Đức Chúa Trời, chính là điều Phi-e-rơ và Hội Thánh đã cầu nguyện sau từng trải thứ hai của họ về sự bắt bớ (Cong 4:24-30). Hê-rốt đã “giang rộng” bàn tay ông để tàn phá Hội Thánh, nhưng Đức Chúa Trời sẽ giang rộng tay Ngài để thực hiện những dấu cùng sự lạ, và làm vinh hiển Con Ngài (4:28-30). Đức Chúa Trời đã cho phép Hê-rốt giết Gia-cơ, nhưng Ngài đã giữ ông để không làm hại Phi-e-rơ. Chính ngôi trên trời đã điều khiển, chớ không phải ngôi trên đất.

Xin chú ý rằng Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đã không thay thế Gia-cơ như họ đã thay thế Giu-đa (1:15-26). Bao lâu Phúc Âm đến với người Do Thái trước”, cần thiết phải bổ sung đầy đủ 12 môn đệ để làm chứng cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên. Việc ném đá Ê-tiên đã kết thúc sự làm chứng đặc biệt đó cho Y-sơ-ra-ên, vì vậy số lượng chứng nhân chính thức đã không còn quan trọng nữa.

Thật hữu ích để biết rằng, cho dù những thử thách khó khăn thế nào đi nữa hay tin tức gây thất vọng ra sao, Đức Chúa Trời vẫn ở trên ngôi và điều khiển mọi sự. Chúng ta không thể lúc nào cũng hiểu các đường lối Ngài, nhưng chúng ta biết quyền tối cao của Ngài là tốt nhất.

## **2. Đức Chúa Trời nghe lời cầu nguyện của chúng ta (Cong 12:5-17)**

*“Và tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện của họ” (IPhi 3:12b).*

Nhóm từ “cứ cầu nguyện” là bước ngoặt trong câu chuyện. Đừng bao giờ đánh giá thấp quyền năng của một Hội Thánh cầu nguyện! Mục sư Thanh giáo Thomas Watson đã nói: “Thiên sứ đã đem Phi-e-rơ ra khỏi ngục, nhưng chính sự cầu nguyện đã đem thiên sứ đến”. Hãy theo dõi những cảnh trong vở kịch thú vị này ở Cong 12:1-25.

**Phi-e-rơ ngủ** (Cong 12:5-6). Nếu bạn bị xiềng trước hai người lính La Mã và đối đầu với khả năng bị hành hình hôm sau, bạn có thể ngủ thật ngon không? Không thể vậy, nhưng Phi-e-rơ đã ngủ ngon. Thật ra, Phi-e-rơ ngủ quá ngon đến nỗi vị thiên sứ đã phải đập vào sườn ông để đánh thức ông!

Sự kiện Phi-e-rơ đã ở tù hai lần trước đó không phải là điều cho ông lòng bình tĩnh. Đối với vấn đề đó, kinh nghiệm trong tù này khác với hai kinh nghiệm kia. Lần này, ông ở một mình, và sự giải thoát đã không xảy ra tức thì. Hai lần kia, ông đã có thể làm chứng nhưng lần này, không có cơ hội làm chứng đặc biệt nào xảy ra. Hai vụ



bắt giữ Phi-e-rơ trước đó đã xảy ra sau những chiến thắng lớn, nhưng lần bắt giữ này theo sau sự chết của Gia-cơ, người bạn và đồng nghiệp thân thiết của ông. Đó hoàn toàn là một hoàn cảnh mới.

Điều gì đã cho Phi-e-rơ lòng tin quyết và sự bình an như thế? Trước tiên, nhiều tín đồ đã cầu nguyện cho ông (Cong 12:12) và cứ cầu nguyện ngày đêm một tuần. Điều này đã giúp đem cho ông sự bình an (Phi 4:6-7). Sự cầu nguyện có một cách nhắc nhở chúng ta về những lời hứa của Lời Chúa, chẳng hạn như: “Tôi sẽ nằm và ngủ bình an vì hỡi Chúa, chỉ một mình Ngài làm cho tôi được ở yên ổn” (Thi 4:8). Hoặc “đừng sợ, vì ta ở với người chớ kinh khiếp, vì ta là Đức Chúa Trời người. Ta sẽ bổ sức cho người. Phải, ta sẽ giúp đỡ người, lấy tay hữu công bình mà nâng đỡ người” (Es 41:10).

Nhưng nguyên nhân chính về sự bình an của Phi-e-rơ là sự hiểu biết rằng Hê-rốt không thể giết ông. Chúa Giê-xu đã bảo trước với Phi-e-rơ rằng ông sẽ sống để làm một người già và kết thúc cuộc đời bị đóng đinh trên thập tự giá của người La Mã (Gi 21:18-19). Phi-e-rơ đơn giản đã nắm giữ lời hứa đó và giao phó cả hoàn cảnh cho Chúa, và Đức Chúa Trời đã ban cho ông sự bình an và sự yên nghỉ. Ông không biết Đức Chúa Trời sẽ giải cứu ông ra sao và khi nào, nhưng ông biết rằng sự giải cứu sẽ đến.

*-Phi-e-rơ vâng lời* (Cong 12:7-11). Một lần nữa chúng ta nhìn xem chức vụ của Thiên sứ (Cong 5:19 8:26 10:3,7) và được nhắc nhở rằng các thiên sứ chăm sóc con cái của Đức Chúa Trời (Thi 34:7). Vị Thiên sứ đã đem ánh sáng và sự tự do vào trong ngục, nhưng các lính canh không hề có ý niệm về điều gì đang xảy ra. Tuy nhiên, nếu Phi-e-rơ được giải cứu, ông đã phải vâng theo những gì thiên sứ ra lệnh. Có thể ông nghĩ đó là một giấc mơ hay một khái tượng, nhưng ông đã dậy và đi theo thiên sứ ra khỏi ngục và đi trên đường cái. Chỉ khi đó ông đã tỉnh lại và nhận ra rằng mình đã là một phần của phép lạ khác.

Thiên sứ đã ra lệnh Phi-e-rơ nịt lưng và mang dép. Đây chắc hẳn là những nhiệm vụ bình thường để làm trong khi một phép lạ đang xảy ra! Nhưng Đức Chúa Trời thường kết hợp những điều màu nhiệm với những điều bình thường để khích lệ chúng ta giữ sự quân bình. Chúa Giê-xu đã nhân lên gấp bội những ổ bánh và những con cá, nhưng sau đó đã ra lệnh cho các môn đệ Ngài nhặt những đồ thừa. Ngài đã khiến con gái Giai-ru sống lại từ cõi chết, rồi bảo cha mẹ nó cho nó cái gì đó để ăn. Thậm chí trong những phép lạ, Đức Chúa Trời luôn thực tế.

Chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể làm những việc lạ thường, nhưng dân Ngài phải làm những việc bình thường. Chúa Giê-xu đã khiến La-xa-rơ sống lại từ cõi chết, nhưng những người đàn ông đã phải lăn hòn đá ra khỏi mộ. Chính vị thiên sứ đã tháo xiềng xích khỏi tay Phi-e-rơ, có thể mang giày vào chân Phi-e-rơ, nhưng người bảo Phi-e-rơ làm việc đó. Đức Chúa Trời không bao giờ lãng phí phép lạ.

Phi-e-rơ đã phải cúi xuống trước khi ông có thể bước đi. Đó là một bài học bổ ích trong sự khiêm nhường và sự vâng lời. Thật ra, kể từ đêm ấy, mỗi khi Phi-e-rơ mang giày vào, việc đó chắc đã nhắc nhở ông về phép lạ trong tù và khích lệ ông tin cậy Chúa.

Sự giải cứu này xảy ra vào mùa lễ Vượt Qua, thời gian trong năm khi dân Do Thái kỷ niệm sự rời khỏi Ai Cập của họ. Từ “được giải cứu” trong Cong 12:11 chính là từ Ê-tiên đã sử dụng khi ông nói về sự rời khỏi Ai Cập của người Do Thái (7:34). Phi-e-rơ đã kinh nghiệm một loại mới về “sự rời khỏi” trong sự đáp lời cầu nguyện của dân sự Đức Chúa Trời.

**Phi-e-rơ gõ cửa** (Cong 12:12-16). Khi Phi-e-rơ đi theo thiên sứ, Đức Chúa Trời đã mở đường, và khi Phi-e-rơ được tự do, thiên sứ biến mất. Công việc của thiên sứ đã được làm xong và giờ đây tùy thuộc vào Phi-e-rơ tin cậy Chúa và sử dụng lương tri của ông trong việc thực hiện bước kế tiếp. Vì chính sự cầu nguyện của dân sự Đức Chúa Trời đã giúp giải phóng cho ông. Phi-e-rơ quyết định rằng chỗ tốt nhất cho ông sẽ là trong buổi nhóm cầu nguyện đó tại nhà Mary. Hơn nữa, ông muốn thuật lại tin tốt lành rằng Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện của họ. Vì vậy Phi-e-rơ thẳng đến nhà của Ma-ri, mẹ Giảng Mác.

Khi bạn nhớ rằng (a) nhiều người đang cầu nguyện, (b) họ đang cầu nguyện tha thiết, (c) họ cầu nguyện ngày đêm hoặc có lẽ trong 1 tuần, và (d) lời cầu nguyện của họ tập trung đặc biệt vào sự giải cứu Phi-e-rơ, khi đó cảnh được mô tả ở đây gần như hài hước. Sự đáp lời cho lời cầu nguyện của họ đang đứng ở trước cửa, nhưng họ không có đức tin đủ để mở cửa và cho ông vào! Đức Chúa Trời đã có thể đem Phi-e-rơ ra khỏi một tù ngục, nhưng Phi-e-rơ không thể tự đưa chính mình vào một buổi nhóm cầu nguyện!

Dĩ nhiên, tiếng gõ cửa có thể là của các lính của Hê-rốt, đến để bắt thêm các tín đồ. Đối với đứ-a tó gái Rô-đơ (“hoa hồng”) thì phải có can đảm để đi đến cửa nhưng hãy hình dung sự ngạc nhiên của cô khi cô nhận ra giọng nói của Phi-e-rơ! Cô ngó ngần đến nỗi quên mở cửa! Phi-e-rơ tội nghiệp đã phải cứ gõ cửa và kêu trong khi “các tín đồ” trong buổi nhóm cầu nguyện quyết định điều phải làm! Và ông càng đứng lâu ở cửa, hoàn cảnh ông càng trở nên nguy hiểm.

Lời thốt ra “Ấy là thiên sứ của người!” (Cong 12:15) bày tỏ niềm tin của họ nơi “các thiên sứ bảo vệ” (Mat 18:10 He 1:14). Dĩ nhiên câu hỏi hợp lý là: “Tại sao một thiên sứ lại làm phiền gõ cửa?” Tất cả những gì người đã phải làm đơn giản là bước ngay vào! Đáng buồn mà nói, thần học tốt cộng với sự vô tín thường dẫn đến sự sợ hãi và bối rối.

Chúng ta phải đối diện với sự thật rằng ngay cả trong những buổi nhóm cầu nguyện nhiệt thành nhất, đôi khi có một tinh thần nghi ngờ và vô tín. Chúng ta giống như người cha kêu với Chúa Giê-xu: “Lạy Chúa, tôi tin xin Chúa giúp đỡ trong sự vô tín của tôi!” (Mac 9:24). Những thánh đồ Giê-ru-sa-lem này tin rằng Đức Chúa Trời có thể đáp lời cầu nguyện của họ, nên họ cứ cầu nguyện ngày đêm. Nhưng, khi sự đáp lời đến ngay cửa của họ, họ đã không chịu tin. Đức Chúa Trời nhân từ tôn trọng ngay cả đức tin yếu đuối nhất, nhưng Ngài làm bội phần hơn nếu như chúng ta tin cậy Ngài.

Hãy chú ý những đại từ số nhiều trong c.16: “Họ... mở cửa và... họ kinh ngạc”. Tôi có cảm tưởng rằng vì cơ sự an toàn, họ đã quyết định cùng nhau mở cửa và cùng nhau đối diện với bất cứ điều gì có thể xảy ra ở phía bên ngoài. Rô-đơ lẽ ra đã làm việc đó một mình, nhưng cô quá ngó ngần với sự vui mừng. Đáng khen là một tó gái hèn mẹn đã nhận ra tiếng của Phi-e-rơ và vui mừng khi ông được tự do. Rô-đơ chắc chắn là một tín đồ đã biết Phi-e-rơ như một người bạn.

**Phi-e-rơ tuyên bố** (Cong 12:17). Rõ ràng mọi người đã bắt đầu nói lập tức và Phi-e-rơ phải làm cho họ yên lặng. Ông nhanh chóng thuật lại phép lạ về sự giải cứu ông và hẳn đã cảm ơn họ về sự giúp đỡ cầu nguyện của họ. Ông dặn họ chuyển lời cho Gia-cơ, anh em cùng mẹ khác cha của Chúa, người làm lãnh đạo hội chúng Giê-ru-sa-lem (Cong 15:3 Mat 13:55 Ga 1:19). Gia-cơ cũng là tác giả thư tín Gia-cơ.

Phi-e-rơ đến đâu sau khi ông rời chỗ nhóm cho đến nay vẫn không ai biết! Chắc chắn đó là một bí mật được giữ kín. Ngoại trừ một sự xuất hiện ngắn trong Cong 15:1-41 Phi-e-rơ bước ra khỏi những trang của sách Công vụ để dành chỗ cho Phao-lô và câu chuyện về chức vụ của người giữa vòng dân ngoại. ICo 9:5 cho chúng ta biết rằng Phi-e-rơ đã ra đi trong chức vụ cùng với vợ ông và ICo 1:12 cho thấy rằng ông đã viếng thăm Cô-rinh-tô. Không có chứng cứ nào trong Kinh Thánh gợi ý rằng Phi-e-rơ đã viết thăm Rô-ma. Thật ra, nếu Phi-e-rơ đã thành lập Hội Thánh ở Rô-ma, thì không chắc rằng Phao-lô đã đến đó, vì chủ trương của ông là làm việc nơi những sứ đồ khác chưa làm. (Ro 15:18-22). Ông cũng chắc chắn đã nói điều gì đó với Phi-e-rơ hoặc về Phi-e-rơ khi ông viết bức thư đầu tiên cho người Rô-ma.

Trước khi chúng ta rời khỏi phân đoạn này, thật ích lợi để xem xét cách Cơ Đốc nhân có thể cầu nguyện tốt nhất cho những người ở trong tù Vì thậm chí hôm nay có nhiều người ở tù chỉ vì họ là Cơ Đốc nhân He 13:3 ra lệnh “Hãy nhớ những kẻ mắc vòng xiềng xích, như mình bị xiềng xích cùng với họ”. Nói cách khác, hãy cầu nguyện cho họ như bạn muốn họ cầu nguyện cho bạn nếu hoàn cảnh của bạn ngược lại.

Chúng ta phải cầu nguyện để Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ ơn để chịu đựng hoạn nạn hầu họ có thể có một sự làm chứng đặc thắng cho Chúa. Chúng ta nên cầu xin Thánh Linh dạy dỗ Lời Chúa cho họ và đem Lời Chúa vào trí nhớ của họ. Thật đúng đắn để cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ những người thuộc về Ngài và ban cho họ sự khôn ngoan khi họ phải từng ngày đối phó với một kẻ thù gay go. Chúng ta phải cầu xin Đức Chúa Trời rằng, nếu đó là ý muốn của Ngài, họ sẽ được giải cứu khỏi xiềng xích cùng hoạn nạn và được đoàn tụ với những người thân yêu của mình.

### **3. Đức Chúa Trời đối phó với những kẻ thù của chúng ta (Cong 12:18-25)**

*“Nhưng mặt Chúa nghịch với kẻ làm ác” (IPhi 3:12c).*

Nếu câu chuyện đã kết thúc cùng với sự ra đi của Phi-e-rơ, chúng ta sẽ cảm thấy ngạc nhiên: “Điều gì đã xảy ra cho những lính canh ngục và cho Hê-rốt?” Chúng ta không biết thiên sứ đã giải cứu Phi-e-rơ vào lúc mấy giờ, nhưng khi toán lính canh 4 người đến nơi ngục, hãy hình dung sự sửng sốt của họ khi họ phát hiện ra những lính canh có mặt ở đó nhưng tù nhân đã đi mất! Nếu toán lính canh sau đánh thức toán lính canh trước, đó chắc là một sự đánh thức thô lỗ đối với họ! Nếu toán lính canh trước đã thức giấc và cảnh giác, họ chắc đã gặp khó khăn khi giải thích tình hình cho toán lính canh sau. Làm sao một tù nhân bị xiềng xích có thể trốn thoát khi có bốn lính canh hiện diện và các cửa đã được khoá?

Nếu một lính canh cho phép một tù nhân trốn thoát, luật La Mã buộc người ấy nhận chính hình phạt mà tù nhân lẽ ra đã nhận, cho dù đó là sự chết (16:27 và 27:42). Luật này đã không áp dụng nghiêm ngặt trong pháp quyền của Hê-rốt, vì vậy vua không buộc phải giết các lính canh nhưng là một Hê-rốt, ông đã làm điều đó cách bừa bãi. Thay vì giết một người để làm vừa lòng dân Do Thái, ông đã giết 4 người và có lẽ đã hy vọng điều đó sẽ làm vừa lòng họ hơn nữa.

“Người công bình được cứu khỏi hoạn nạn và kẻ hung ác sa vào đó thế cho người” (Ch 11:8). Chân lý này được minh họa qua sự chết của Hê-rốt. Mặc dù Đức Chúa Trời không phải lúc nào cũng đem đến sự trừng phạt này nhanh chóng, nhưng chúng ta

có thể chắc rằng Đấng Đoán Xét toàn thế gian sẽ làm điều gì đúng đắn (Sa 18:25 Kh 6:9-11).

Dân thành Ty-ơ và Si-đôn những người đã nhờ nơi dân Do Thái để có lương thực (Exo 3:7), cách nào đó đã làm mất lòng vua Hê-rốt và có nguy cơ mất sự giúp đỡ này. Trong thực trạng chính trị, họ đã hối lộ Ba-la-tút, người có nhiệm vụ hầu trong cung vua, và vì vậy là một viên quan được tin cậy đến lượt ông này thuyết phục vua gặp đoàn người đại diện. Đó là một cơ hội cho vị vua kiêu ngạo phô trương thẩm quyền và vinh quang của mình, và cho những người đại diện làm hài lòng ông bằng sự xu nịnh của họ.

Sử gia người Do Thái Josephus đã nói rằng cảnh này đã diễn ra trong dịp lễ hội tôn kính Sê-sa Claudius, và nói rằng vua đã mặc một chiếc áo đẹp bằng bạc trong dịp danh dự. Chúng ta không biết Hê-rốt đã nói gì trong bài diễn văn của ông, nhưng chúng ta biết lý do ông đã nói điều đó! Ông muốn gây ấn tượng cho dân chúng. Và ông đã làm vậy! Họ đã lợi dụng cái tôi của Hê-rốt và cho ông biết rằng ông là một vị thần, và ông yêu thích từng phút ấy.

Nhưng ông đã không dành sự vinh hiển cho Chúa, vì vậy toàn cảnh này chỉ là sự sùng bái thần tượng. “Ta là Chúa: ấy là danh ta: Ta sẽ chẳng nhường sự vinh hiển ta cho kẻ khác” (Es 42:8 48:11). Thay vì Phi-e-ơ bị Hê-rốt giết, chính Hê-rốt đã bị giết bởi Đức Chúa Trời của Phi-e-ơ! Có lẽ chính thiên sứ này đã giải cứu Phi-e-ơ cũng đã đánh vua. Theo Josephus Hê-rốt đã mắc phải cơn đau đớn nào đó trong ruột và chết sau 5 ngày, việc này xảy ra năm 44 SC.

Sự kiện này hơn cả một phần lịch sử cổ đại, vì nó là điển hình cho thế giới và con người hôm nay. Công dân thành Ty-ơ và Si-đôn quan tâm về một việc duy nhất – nhận đủ lương thực để nuôi bao tử họ. Chắc chắn, lương thực cần thiết đối với đời sống, nhưng khi chúng ta trả bất cứ giá nào để nhận lương thực ấy, chúng ta đang sai lầm. Bằng cách xu nịnh vua và gọi ông ta là thần, nhóm đại diện biết rằng họ có thể nhận được những gì họ muốn.

Tôi chỉ có thể nhìn thấy trong vua Hê-rốt một minh họa về con người tội lỗi” trong tương lai là người một ngày nào đó sẽ thống trị thế giới và bắt bớ dân sự Đức Chúa Trời (IITe 2:17 Kh 13:1-18). “Người tội lỗi” này (hoặc Anti-christ) sẽ làm cho chính mình thành thần và sẽ đòi hỏi sự thờ phượng của cả thế giới. Nhưng Chúa Giê-xu sẽ tái lâm và xét đoán hẳn cùng những ai theo hẳn (Kh 19:11-21).

Thế gian vẫn sống vì sự tán tụng và niềm khoái lạc. Con người đã biến chính mình thành chúa mình (Ro 1:25). Thế gian vẫn sống dựa trên những điều thuộc thể và phớt lờ những điều thuộc linh (IGi 2:15-17). Thế gian sống bằng quyền lực và sự xu nịnh thay vì đức tin và chân lý, và một ngày kia thế gian sẽ bị đoán xét.

Hội Thánh ngày nay, giống như Y-sơ-ra-ên xưa, chịu khổ vì những người như Hê-rốt là kẻ sử dụng quyền hạn để chống lại chân lý. Bắt đầu với Pha-ra-ôn ở Ai Cập, dân sự Đức Chúa Trời thường chịu khổ dưới những kẻ thống trị và những chính phủ chuyên quyền, và Đức Chúa Trời luôn duy trì dân Ngài và bảo đảm rằng họ không chịu khổ và chết cách vô ích. Sự tự do của chúng ta hôm nay đã được mua bằng sự giam cầm của họ.

Hội Thánh đầu tiên đã không có “chủ đích chính trị” nào hoặc những người bạn ở địa vị cao để “giật dây” cho họ. Thay vào đó, họ đã đi đến ngôi cao hơn hết, ngôi ân



điển. Họ là một dân cầu nguyện, vì họ biết rằng Đức Chúa Trời có thể giải quyết những vấn đề của họ. Ngôi vinh hiển của Đức Chúa Trời lớn hơn ngôi Hê-rốt, và thiên binh của Đức Chúa Trời có thể đối phó với những binh lính yếu ớt của Hê-rốt bất kể ngày hay đêm! Các tín đồ đã không cần phải hối lộ bất cứ ai tại toà án. Họ chỉ đem vụ kiện của mình đến toà án tối cao và giao nó cho Chúa!

Và kết quả là gì? “Nhưng Đạo Đức Chúa Trời tấn tới và tràn thêm ra” (Cong 12:24). Đây là một tóm tắt của Lu-ca, hoặc “những báo cáo về sự tiến triển”, khởi đầu với Cong 6:7 (9:31 16:5 19:20 28:31). Lu-ca sẽ hoàn thành mục đích của sách ông và bày tỏ cho chúng ta cách Hội Thánh đã lan tràn ra sao khắp thế giới La Mã từ những khởi đầu nhỏ ở Giê-ru-sa-lem, Thật là một sự khích lệ cho chúng ta ngày nay!

Ở đầu chương 12:1-25 Hê-rốt dường như điều khiển và Hội Thánh đang thua trận. Nhưng ở cuối chương, Hê-rốt chết và Hội Thánh, rất sống động – đang tăng trưởng nhanh chóng!

Bí quyết ư? Một Hội Thánh cầu nguyện!

Nhà Truyền giáo Isobel Kuhn thường cầu nguyện khi gặp khó khăn, “Nếu trở lực này từ Ngài, hỡi Chúa, con chấp nhận nó nhưng nếu nó từ Sa-tan, con từ chối nó và mọi công việc của nó trong danh Gô-gô-tha!” Và Tấn sĩ Alan Redpath thường nói: “Hãy giữ cho cảm chúng ta ngược lên và đầu gối chúng ta hạ xuống - chúng ta ở về phía chiến thắng!”

Đức Chúa Trời hành động khi các Hội Thánh cầu nguyện, và Sa-tan sẽ run sợ “Khi nó nhìn thấy thánh đồ yếu đuối nhất quỳ gối”.

## **11. ĐỨC CHÚA TRỜI MỞ CÁC CỬA (Cong 13:1-14:28)**

Chúng ta thường đồng nhất hoá việc rao giảng Phúc Âm với những làng nông thôn yên tĩnh của xứ Palestine nơi Chúa Giê-xu đã thi hành chức vụ. Vì lý do này, nhiều Cơ Đốc nhân ngạc nhiên khi biết rằng Hội Thánh trong sách Công vụ gần như thuộc đô thị hoàn toàn. Sử gia Wayne A. Meeks viết rằng “Trong vòng 10 năm của sự kiện Chúa Giê-xu bị đóng đinh, văn hoá làng thôn của Palestine đã bị bỏ lại đằng sau, và thành phố của người Rô-ma gốc Hy Lạp đã trở thành môi trường vượt trội về phong trào Cơ-đốc” (The First Urban Christians, trang 11 – Những Cơ Đốc nhân thành thị đầu tiên).

Hội Thánh đã khởi đầu ở Giê-ru-sa-lem, và rồi lan đến các thành phố khác, kể cả Sa-ma-ri, Đa-mách, Sê-sa-rê và An-ti-ốt ở xứ Sy-ri. Có ít nhất 40 thành phố khác nhau được kể tên trong Công vụ. Từ An-ti-ốt, Phao-lô và những người giúp đỡ ông đã đem Phúc Âm đến khắp thế giới được biết lúc bấy giờ. Thật ra, sự ghi chép được trình bày trong Cong 13:1-28:31 hầu như là một sự điếm lại địa lý cổ đại. Khoảng năm 56, sứ đồ Phao-lô đã có thể viết: “Vì vậy từ thành Giê-ru-sa-lem và các miền xung quanh cho đến xứ I-ly-ri, tôi đã rao giảng Phúc Âm của Đấng Christ một cách đầy đủ!” (Ro 15:19). Quả là một ghi chép!

Trong hai chương này, bác sĩ Lu-ca đã mô tả chức vụ của Phao-lô ở 6 thành phố, khởi đầu và kết thúc tại thành An-ti-ốt.

### **1. Thành An-ti-ốt ở xứ Sy-ri - sự quyết định (Cong 13:1-5)**

Nhà truyền giáo thánh thiện ở xứ An-đô và Ba-tư, Hery Martyn có lần đã nói: “Thần linh của Đấng Christ là tinh thần của sự truyền giáo và càng đến gần Ngài,



chúng ta càng phải trở giáo sĩ nhiệt thành hơn”. Phao-lô (Sau-lơ) và Ba-na-ba đã có kinh nghiệm đó khi họ thi hành chức vụ ở An-ti-ốt và được Thánh Linh kêu gọi để đem Phúc Âm đến thế giới La Mã.

Cho đến lúc này, Giê-ru-sa-lem đã là trung tâm của sự phục vụ, và Phi-e-rơ là sứ đồ chủ chốt. Nhưng từ thời điểm này trở đi, An-ti-ốt xứ Sy-ri sẽ trở thành trung tâm mới (11:19) và Phao-lô là nhà lãnh đạo mới Phúc Âm trên đà tiến triển!

Lu-ca liệt kê năm người khác nhau đang thi hành chức vụ trong Hội Thánh: Ba-na-ba, người chúng ta đã gặp (Cong 4:36-37 9:27 11:22-26) Si-mê-ôn, có thể xuất thân từ Phi-châu vì ông có biệt danh “Đen” Lu-si-út, đến từ Sy-ren và có thể là một trong những người thành lập Hội Thánh ở An-ti-ốt (11:20) Ma-na-hem, là bạn thân (hoặc có lẽ là một anh em nuôi) của vua Hê-rốt Antipas, người đã giết Giăng Báp-tít, và Sau-lơ (Phao-lô), người cuối cùng trong danh sách nhưng chẳng bao lâu trở thành người đứng đầu.

Những người này đang hầu việc như “những tiên tri và thầy giáo” trong một Hội Thánh địa phương. Các tiên tri đã giúp đặt nền cho Hội Thánh khi họ rao ra Lời Đức Chúa Trời (Eph 2:20 ICo 14:29-32). Họ là những “người nói trước” hơn là “người đoán trước”, mặc dù có những lúc các tiên tri thật đã rao những việc hầu đến (11:27-30). Các “thầy giáo” đã giúp dạy cho những người qui đạo vững vàng trong giáo lý của niềm tin (IITi 2:2).

Đức Chúa Trời đã kêu gọi Phao-lô dạy dỗ cho dân ngoại (9:15 21:17-21), và giờ đây ông mời Ba-na-ba làm việc với ông. Hội Thánh đã xác nhận sự kêu gọi của họ, giao nhiệm vụ cho họ, và cử họ đi trước. Đó là chức vụ của Thánh Linh, hành động qua Hội Thánh địa phương để trang bị và chọn ra những tín đồ để đi trước và hầu việc. Ban công tác ngày nay chỉ là một “môi giới được sai đi” để giải quyết công việc do Hội Thánh địa phương uỷ quyền.

Ba-na-ba và Phao-lô đã đem Giăng Mác theo họ làm phụ tá cho họ. Ông là bà con của Ba-na-ba (Co 4:10) và nhà mẹ ông ở Giê-ru-sa-lem là một nơi nhóm lại cho các tín đồ (Cong 12:12). Có thể chính Phi-e-rơ đã dẫn dắt Giăng Mác đến với đức tin trong Đấng Christ (IPhi 5:13). Giăng Mác chắc hẳn đã giúp đỡ Ba-na-ba và Phao-lô trong nhiều phương diện, làm họ nhẹ bớt những nhiệm vụ và những chi tiết cản trở chức vụ giảng đạo quan trọng của họ.

## **2. Thành Ba-phô - Sự đối trá (Cong 13:6-12)**

Thật hợp lý để đến Chíp-rơ trước, vì đây là quê hương của Ba-na-ba (Cong 4:36). Lu-ca không cho chúng ta chi tiết nào về sự phục vụ ở Sa-la-min, trung tâm thương mại lớn ở mũi đông của hòn đảo. Chúng ta tin rằng một số người đã thật tin Phúc Âm và một hội chúng địa phương được thành hình. Những người này lúc ấy đã đi 90 dặm đến thành Ba-phô ở mũi tây của hòn đảo, và ở đó họ đã gặp sự chống đối đầu tiên.

Ba-phô là thủ phủ của Chíp-rơ, và quan trấn thủ La Mã ở đó là Sê-giút Phau-lút, “một người hiểu biết”, muốn nghe đạo Đức Chúa Trời. Ông đã bị chống đối bởi một tiên tri giả người Do Thái tên là “Con của Giê-su (Joshua)”. Thật không bình thường khi tìm thấy một tiên tri giả người Do Thái và là thuật sĩ, vì dân Do Thái theo truyền thống đã tránh xa những hành động ma quỷ như vậy. Tên Ê-ly-ma nghĩa là “thuật sĩ” hoặc “người khôn ngoan” (so sánh “những người khôn ngoan” ở Mat 2:1-23).

Sự kiện này là một minh họa của bài học mà Chúa Giê-xu đã dạy trong câu chuyện về cỏ lùng (Mat 13:24-30,36-43). Bất cứ nơi đâu Chúa gieo con cái thật của Ngài (lúa mì), Sa-tan đến theo và gieo một sự giả mạo (cỏ lùng), đứa con của ma quỷ. Phao-lô đã nhận ra rằng Ê-ly-ma là con cái ma quỷ (Gi 8:44), và ông đã giảng sự mù loà trên tiên tri giả như một sự đoán phạt từ Đức Chúa Trời. Phép lạ này cũng là chứng cứ cho Sê-giút Phau-lút rằng Phao-lô và Ba-na-ba là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật và đã giảng sứ điệp cứu rỗi thật (He 2:4). Vị quan La Mã đã tin và được cứu.

Cong 13:9 là nơi đầu tiên bạn tìm thấy tên quen thuộc Phao-lô trong Tân Ước. Là một công dân La Mã gốc Do Thái, tên đầy đủ của vị sứ đồ này có thể là “Sau-lơ Phao-lô”, vì nhiều người Do Thái đã có tên vừa Do Thái vừa La Mã.

### **3. Thành Bết-giê - Sự đào ngũ (Cong 13:13)**

Tại sao Giăng Mác đã bỏ những người bạn của mình và trở về Giê-ru-sa-lem? Có lẽ ông chỉ đơn giản là nhớ nhà, hoặc ông có thể đã trở nên không vui vì Phao-lô đã bắt đầu nắm quyền lãnh đạo từ người bà con Ba-na-ba của Mác (chú ý “Phao-lô với đồng bạn mình” trong Cong 13:13). Mác là một người Do Thái tận tụy, và ông có thể đã cảm thấy không thoải mái với những người ngoại được cứu. Một số người nghiên cứu Kinh Thánh nghĩ rằng sự trở về Giê-ru-sa-lem của Giăng Mác đã khiến khởi đầu sự chống đối của những người Do Thái hoá thuộc về luật pháp là những người sau đó đã chống đối Phao-lô (Xem Cong 15:1-41 và thư tín Ga-la-ti).

Khả năng xảy ra khác là sự sợ hãi nguy hiểm khi nhóm người cùng đi đã đến trong những khu vực mới và khó khăn. Nhưng dù nguyên nhân rời bỏ của ông là gì đi nữa, Giăng Mác đã làm điều gì đó quá nghiêm trọng đến nỗi Phao-lô chọn Ti-mô-thê để thế chỗ Giăng Mác (16:15). Giăng Mác đã chuộc lỗi và cuối cùng được Phao-lô chấp nhận và tán thành (IITi 4:11).

Suốt những năm chức vụ của tôi với tư cách một mục sư và là một thành viên của nhiều ban công tác tôi đã chứng kiến những người làm việc khác đầu tiên làm điều Giăng Mác đã làm và điều đó luôn làm đau lòng. Nhưng tôi cũng đã chứng kiến một số người được phục hồi cho công việc truyền giáo, nhờ những sự cầu nguyện và khích lệ của dân sự Đức Chúa Trời. A.T. Robertson đã nói rằng Mác “đã leo lét trong cơn khủng hoảng” nhưng ánh sáng đã không hoàn toàn tắt. Đây là một sự khích lệ đối với tất cả chúng ta.

### **4. Thành An-ti-ốt ở Bi-si-đi - Sự tranh luận (Cong 13:14-52)**

Phao-lô và Ba-na-ba đã ra đi 100 dặm hướng Bắc và đi lên khoảng 3.600 bộ để đến thành phố quan trọng này trên con đường La Mã. Khi bạn theo dõi những hành trình của Phao-lô trong Công vụ, bạn để ý rằng ông đã chọn những thành phố chiến lược, lập những Hội Thánh trong đó, và từ đó tiếp tục việc giảng Phúc Âm trong những khu vực lân cận. Bạn cũng sẽ để ý rằng, nơi đâu có thể, ông đã khởi đầu công tác trong nhà hội địa phương, vì ông có một gánh nặng lớn đối với dân mình (Ro 9:1-5 10:1), và ông đã tìm thấy trong nhà hội cả người Do Thái lẫn người ngoại sẵn sàng nghe đạo Đức Chúa Trời.

Đây là bài giảng đầu tiên trong số những bài giảng của Phao-lô được chép trong sách Công vụ, và nó có thể được chia thành ba phần, mỗi phần được giới thiệu bởi nhóm từ “Hỡi anh em”.

- **Phần 1 – Sự chuẩn bị** (Cong 13:16-25). Trong phần này, Phao-lô đã ôn lại lịch sử Y-sơ-ra-ên, cao điểm với chức vụ của Giăng Báp-tít và sự đến của Đấng Mê-si-a-a của họ. Ông cho biết rõ rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng đã hành động trong và vì Y-sơ-ra-ên, dọn đường cho sự đến của Đấng Mê-si-a-a đã được hứa. Ông cũng đã nhắc nhở những người nghe rằng dân tộc này lúc nào cũng không trung tín với Chúa và giao ước, nhưng thường chống nghịch. Mọi người Do Thái mộ đạo đều biết rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến từ dòng dõi Đa-vít, và một tiên tri sẽ loan báo sự đến của Ngài trước. Giăng Báp-tít là tiên tri đó.

- **Phần 2 – Sự tuyên bố** (Cong 13:26-37). Khi Phao-lô nói với người Do Thái lẫn người ngoại “những người kính sợ Đức Chúa Trời” trong giáo đoàn, ông đã thay đổi cách tiếp cận của mình từ ngôi thứ ba (“họ”) sang ngôi thứ hai (“anh em”). Ông đã giải thích cho họ lý do những lãnh đạo của họ ở Giê-ru-sa-lem đã chối bỏ và đóng đinh Đấng Mê-si-a của dân tộc. Không phải vì họ đã không đọc hay nghe sứ điệp của các tiên tri, nhưng vì họ đã không hiểu sứ điệp. Hơn nữa, sự đóng đinh Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét thậm chí đã được báo trước qua các tiên tri (Phi-e-rơ đã sử dụng cách tiếp cận tương tự trong sứ điệp thứ nhì của ông (3:12-18).

Chính sự phục sinh của Chúa Giê-xu là sự kiện quyết định: “Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại” (Cong 13:30) (xem các câu 33-34 và 37, và chú ý rằng “đã đẩy lên” trong 13:22-23 nghĩa là “đã đem đến”). Phao-lô đã công bố Phúc Âm cho họ, “lời của sự cứu rỗi này” (13:26) và “tin mừng này” (13:32). Đấng Christ đã chết, Ngài đã bị chôn, và Ngài đã sống lại!

Vì Phao-lô đang nói với một hội chúng nhà hội, ông sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước để hỗ trợ cho lý lẽ của mình. Trong c.33, Thi 2:7 được trích dẫn, và chú ý rằng nó chỉ về sự phục sinh của Đấng Christ, không phải sự giáng sinh của Đấng Christ. “Các huyết mới” (Gi 19:41) giống như một “tử cung” cho ra đời Chúa Giê-xu trong vinh hiển phục sinh.

Sau đó ông đã trích dẫn Es 55:3 chỉ về giao ước Đức Chúa Trời đã lập cùng Đa-vít, “những ơn huệ chắc chắn của Đa-vít”. Đức Chúa Trời đã hứa với Đa-vít rằng từ ông Đấng Mê-si-a đến (IISa 7:12-17). Đây là một “giao ước đời đời” với một ngôi được lập đời đời (IISa 7:13-16). Nếu Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a, và Ngài đã chết và vẫn chết, giao ước này không bao giờ có thể được thực hiện. Vì vậy, Chúa Giê-xu đã phải được khiến sống lại từ cõi chết, nếu không thì giao ước sẽ tỏ ra giả dối.

Sự trích dẫn thứ ba của ông từ Thi 16:10 cùng đoạn Phi-e-rơ đã trích dẫn trong sứ điệp của ông tại lễ Ngũ Tuần (Cong 2:24-28). Dân Do Thái xem Thi 16:1-11 là một đoạn Thi thiên nói về Đấng Mê-si-a, và rõ ràng lời hứa này đã không áp dụng cho Đa-vít, người đã chết, bị chôn, và đã bị mục rữa. Nó phải áp dụng cho Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a.

- **Phần 3 – Sự ứng dụng** (Cong 13:38-41). Phao-lô đã công bố tin tức tốt lành cho họ (13:32), và mọi việc còn lại giờ đây là thực hiện sự ứng dụng cá nhân và “kéo lưới”. Ông cho họ biết rằng nhờ đức tin nơi Chúa Giê-xu, họ có thể được 2 phước hạnh mà luật pháp không bao giờ có thể cung ứng: sự tha thứ tội lỗi và sự xưng công bình trước ngôi Đức Chúa Trời.

Sự xưng công bình là hành động của Đức Chúa Trời bởi đó Ngài công bố tội nhân tin nhận là công bình trong Chúa Giê-xu. Điều đó có liên quan đến địa vị của tín đồ

trước ngôi Đức Chúa Trời. Dân Do Thái đã được dạy rằng Đức Chúa Trời xưng công bình cho người không tin sẽ đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu (Ro 4:1-8).

Luật pháp không thể xưng công bình cho tội nhân, luật pháp chỉ có thể kết án tội nhân (Ga 2:16 Ro 3:19-20). Đức Chúa Trời không chỉ tha thứ tội lỗi chúng ta, Ngài còn ban cho chúng ta chính sự công bình của Đấng Christ và đặt nó vào tài khoản của chúng ta! Đây hẳn là tin mừng được Phao-lô rao ra cho giáo đoàn Do thái và dân ngoại đang tìm kiếm đó, những người không có bình an trong lòng, dù họ sùng đạo.

Phao-lô kết thúc sứ điệp bằng một lời cảnh cáo trích từ Ha-ba-cúc Ha 1:5 (Es 29:14). Vào thời của Ha-ba-cúc “việc khó tin” Đức Chúa Trời đã làm là việc đẩy lên của người Canh-đê để trừng phạt dân Ngài, một việc quá đặc biệt đến nỗi không ai tin. Xét cho cùng, tại sao Đức Chúa Trời sẽ dùng một dân tộc ngoại đạo gian ác để sửa phạt tuyền dân của riêng Ngài, dù họ có thể tội lỗi? Đức Chúa Trời đã sử dụng dân ngoại để sửa phạt dân Do Thái! Nhưng “việc kỳ diệu” trong thời Phao-lô là việc Đức Chúa Trời sử dụng dân Do Thái để cứu dân ngoại!

Kết quả ra sao? Nhiều người Do Thái và người ngoại mới theo đạo đã tin và hiệp với Phao-lô cùng Ba-na-ba. Người ngoại đặc biệt đã rất phấn khởi về sứ điệp của Phao-lô và muốn ông nói cho họ biết nhiều hơn, điều mà ông đã nói vào ngày Sa-bát sau đó. Những người này đã làm một việc tốt loan truyền tin tức, vì có một đám đông lớn đã tụ tập. Họ có thể là những người ngoại chiếm đa số, điều làm cho những người Do Thái ghen tị và tức giận.

Sứ điệp cuối cùng của Phao-lô trong nhà hội đã công bố rằng Đức Chúa Trời đã ban đạo đến cho dân Do Thái trước (Cong 3:26 Ro 1:16), nhưng họ giờ đây đã chối bỏ đạo. Vì vậy, Phao-lô giờ đây sẽ đem Phúc Âm đến cho dân ngoại, và ông trích dẫn Es 49:6 để hỗ trợ cho quyết định của mình (cũng hãy chú ý Lu 2:29-32). Ông sẵn sàng đi đến tận cùng trái đất để thu phục những linh hồn cho Đấng Christ!

Cong 13:48 cho chúng ta mặt thiên thượng của sự rao giảng Phúc Âm, vì Đức Chúa Trời có tuyền dân của Ngài (Eph 1:4). Từ được dịch là “được định sẵn” nghĩa là “được tuyền” và cho biết rằng dân Đức Chúa Trời có tên được ghi trong sách của Đức Chúa Trời (Lu 10:20 Phi 4:3). Nhưng Cong 13:49 là mặt con người của sự rao giảng Phúc Âm. Nếu chúng ta không giảng đạo, vậy không ai có thể tin và được cứu. Cần có cả hai mặt (II Te 2:13-14 Ro 10:13-15).

Những người Do Thái vô tín không muốn ngồi lại và để Phao-lô với Ba-na-ba chủ động. Trước tiên, họ tranh cãi với hai người, và rồi kiện tụng họ và đuổi họ ra khỏi biên giới mình. Những nhà truyền đạo đã không nản lòng: họ phủ bụi nơi chân mình (Lu 9:5 10:11) và đi đến thành kế tiếp, để lại đằng sau một nhóm môn đệ vui mừng.

## **5. Thành Y-cô-ni - Sự chia rẽ (Cong 14:1-7)**

Thành phố này, về Hy Lạp hơn là La Mã, thuộc tỉnh La Mã ở Ga-la-ti. Chức vụ của Phao-lô trong nhà hội được chúc phước cách đặc biệt và nhiều người Do Thái với người ngoại đã tin theo. Một lần nữa, những người Do Thái không tin đã khuấy lên sự căm thù và chống đối, nhưng những nhà truyền đạo đã ở lại và dạn dĩ làm chứng cho Đấng Christ (chú ý “Bởi vậy” trong Cong 14:3).

Đức Chúa Trời cũng khiến những người này có thể làm các dấu và sự lạ như “những uỷ nhiệm thư” của họ rằng họ thật sự là tôi tớ của Đức Chúa Trời chân thật (15:2 He 2:4 Ga 3:5). Đức tin không dựa trên phép lạ (Lu 16:27-31 Gi 2:23-25), nhưng



đức tin có thể được củng cố bằng phép lạ. Điều quan trọng là “lời của ân điển Ngài” thực hiện công việc của ân điển Ngài (14:26).

Kết quả? Thành đã bị chia rẽ và các Cơ Đốc nhân bị đe dọa bằng sự hạ nhục công khai và sự ném đá. Vâng theo lời khuyên của Chúa mình trong Mat 10:23 họ đã lánh khỏi khu vực đó vào trong một quận La Mã khác và tiếp tục giảng đạo Đức Chúa Trời.

## 6. Thành Lít-tơ - Sự lừa dối (Cong 14:8-20)

Thành Lít-tơ thuộc tỉnh La Mã ở Ga-la-ti, khoảng 18 dặm hướng Tây Nam thành Y-cô-ni. Đây là chuyến viếng thăm đầu tiên trong ba chuyến viếng thăm Phao-lô thực hiện ở thành này, và đó là một cuộc thăm viếng đầy sự kiện đáng nhớ! Ở hành trình truyền giáo thứ hai của mình, Phao-lô đã chọn Ti-mô-thê ở Lít-tơ (16:1-5) và ông đã thực hiện một cuộc thăm viếng Hội Thánh này ở hành trình thứ ba của mình (18:23). Chúng ta nên chú ý bốn đáp ứng khác nhau suốt cuộc thăm viếng này.

- *Đáp ứng của người què đối với đạo* (Cong 14:8-10). Cả Phi-e-rơ và Phao-lô đã chữa lành những người què từ lúc sinh ra (Cong 3:1-26). Nếu sự tàn tật của họ do bệnh hoạn hoặc tai nạn gây ra, sự chữa trị có thể đã được xem là một thay đổi bất ngờ trong thể chất họ. Đúng vậy, sự chữa trị rõ ràng màu nhiệm.

Từ được dịch là “nói” trong Cong 14:9 nghĩa là cuộc nói chuyện bình thường, mặc dù nó có thể chỉ về lời nói hình thức. Có thể Phao-lô đơn giản là đang nói chuyện với một số người dân trong nơi họp chợ, cho họ biết về Chúa Giê-xu, và người què đã nghe lóm được điều ông nói. Đạo sinh ra đức tin (Ro 10:17) và đức tin đem đến sự chữa lành.

-Đáp ứng của đoàn dân đông đối với người què (Cong 14:11-13). Phép lạ tự chúng không sinh ra sự nhận thức hoặc đức tin. Chúng phải được Đạo kèm theo (14:3). Đây là một đám đông mê tín đã giải thích những sự kiện xảy ra theo quan điểm thần thoại của họ. Họ đồng nhất hoá Ba-na-ba như thần Giu-bi-tê (Zeus), đầu của các thần và Phao-lô người phát ngôn, họ đã đồng nhất hoá với thần Mẹt-cu-ơ (Hermes), sứ giả của các thần. Giu-bi-tê là vị thần bảo hộ của thành phố, vì vậy đây là một cơ hội lớn cho thầy tế lễ và Giu-bi-tê trở nên rất quan trọng và dẫn dắt dân sự trong việc tôn kính thần của họ.

- *Đáp ứng của các sứ đồ đối với đám đông* (Cong 14:14-19). Thật dễ dàng biết bao để chấp nhận sự thờ phượng này và tìm cách sử dụng sự tôn kính làm cơ sở cho việc dạy dân chúng chân lý, nhưng đó không phải là cách các tông đồ thật của Đức Chúa Trời thi hành chức vụ (IICo 4:1-2 ITe 2:1-5). Phao-lô và Ba-na-ba đã chống đối điều họ đang làm và dạn dĩ cho dân sự biết rằng các thần của Lít-tơ là “những thần hư không”

Sứ điệp của Phao-lô đã không dựa trên Cựu Ước, vì đây là một khán giả người ngoại không tin. Ông bắt đầu bằng sự làm chứng về Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (Cong 17:22). Ông cho biết rõ rằng chỉ có một Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời hằng sống, Đức Chúa Trời tha thứ. Và Ngài đã kiên nhẫn với những dân tộc phạm tội (17:30) và đã không đoán phạt họ về tội lỗi của họ như họ đáng phải chịu.

Đoàn dân đông lắng xuống, nhưng khi một số người Do Thái gây rối đến từ thành An-ti-ốt và Y-cô-ni, đoàn dân đông đã theo sự cầm đầu của họ và ném đá Phao-lô. Một phút trước, Phao-lô là một vị thần được thờ phượng. Phút sau, ông là một tội phạm bị giết! Emerson đã gọi một đám đông hỗn tạp là “một xã hội của những con người tự nguyện cướp đi của chính mình lẽ phải”. Thường thì điều này đúng.



- *Đáp ứng của các môn đệ đối với Phao-lô* (Cong 14:20). Có những tân tín hữu ở thành Lít-tơ, và đây là một hoàn cảnh khủng hoảng đối với họ. Họ là một thiểu số, lãnh đạo của họ đã bị ném đá, và tương lai của họ có vẻ rất u ám. Nhưng họ đã đứng nhờ Phao-lô! Có thể họ đã hiệp lòng và cầu nguyện cho ông, và đây là một lý do Đức Chúa Trời khiến ông sống lại. Phao-lô đã chết phải không? Chúng ta không được biết. Đây là sự ném đá duy nhất ông từng trải qua (II Co 11:25), nhưng qua việc đó đã quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Có thể sự kiện này đặc biệt đã cảm động Ti-mô-thê và dẫn đến sự cộng tác của ông với Phao-lô (ITi 3:10).

## **7. Thành An-ti-ốt trong xứ Sy-ri - Sự tuyên bố (Cong 14:21-28)**

Trong chuyến đi trở lại thành An-ti-ốt, những nhà truyền đạo đã bận rộn với nhiều chức vụ quan trọng.

Trước tiên họ đã giảng Phúc Âm và kiếm được các môn đệ (“đã dạy dỗ nhiều người”). Thật khó hiểu cách nào họ đã trở lại những thành phố mà từ đó họ đã bị trục xuất, nhưng Chúa đã mở các cửa.

Thứ hai, họ đã làm mạnh mẽ (“đã củng cố”) các tín đồ trong những điều về Đấng Christ và khích lệ (“thúc giục”) họ tiếp tục trong đức tin. Sự tiếp tục là một chứng cứ của đức tin thật trong Chúa Giê-xu (Gi 8:31-32 Cong 2:42). Phao-lô đã nói rõ rằng sống đời sống Cơ Đốc không phải là một việc dễ và họ đều sẽ phải chờ đợi những thử thách và hoạn nạn trước khi họ thấy Chúa trong vinh hiển.

Thứ ba, họ đã tổ chức các Hội Thánh (Cong 14:23-25). Hội Thánh địa phương vừa là một cơ thể, vừa là một tổ chức, vì nếu một cơ thể không được tổ chức sắp xếp, nó sẽ chết! Phao-lô và Ba-na-ba đã phong chức những lãnh đạo thuộc linh và giao cho họ trách nhiệm chăn bầy. Nếu bạn so sánh Tit 1:5,7 bạn sẽ thấy rằng “trưởng lão” và “giám mục” (giám sát) chỉ về cùng chức vụ, và cả hai tương đương với “mục sư” (người chăn chiên).

Từ được dịch là “phong chức” nghĩa là “lựa chọn bằng sự giao tay”. Có thể là Phao-lô đã chọn những người này và hội chúng đã bỏ phiếu tán thành hoặc có thể là dân chúng đã chọn họ bằng cách bỏ phiếu và Phao-lô đã phong chức cho họ (Cong 6:1-6).

Sau cùng, họ đã thuật lại cho “Hội Thánh sai phái họ” về công việc Đức Chúa Trời đã làm (Cong 14:26-28). Họ đã đi ít nhất một năm, và chắc là lý thú đối với họ và đối với Hội Thánh khi họ trở về nhà. Bởi ân điển Đức Chúa Trời, họ đã hoàn thành công việc Đức Chúa Trời giao cho họ làm, và họ đã vui mừng thuật lại những phước hạnh cho gia đình Hội Thánh.

Đây có lẽ là “hội nghị truyền giáo” đầu tiên trong lịch sử Hội Thánh, và đó chắc đúng là một hội nghị! Một chức viên Hội Thánh có lần đã nói với tôi: “Tôi không quan tâm bao nhiêu tiền ông cần cho những công tác, tôi sẽ dâng nhưng chỉ hãy đừng để tôi nghe những người truyền giáo nói!” Tôi cảm thấy tiếc cho ông ta rằng nhiệt độ thuộc linh của ông quá thấp đến nỗi ông không thể lắng nghe những báo cáo về điều Đức Chúa Trời đã làm trong những vùng xa xôi khó khăn của đồng ruộng mùa gặt.

Khi bạn nhìn lại hành trình truyền giáo thứ I của Phao-lô, bạn có thể thấy những nguyên tắc mà qua đó ông đã vận dụng, những nguyên tắc vẫn có thể ứng dụng được hôm nay.

Ông đã làm việc chủ yếu trong những thành phố chủ chốt và đã yêu cầu các tín đồ đem sứ điệp đến với nhiều vùng xa hơn. Phúc Âm hoạt động trong những trung tâm dân cư, và chúng ta phải đem Phúc Âm đến đó.

Ông đã sử dụng cách tiếp cận này với những hội chúng nhà hội và cách tiếp cận khác cho người ngoại. Ông liên hệ dân Do Thái và những người Do Thái mới theo đạo với Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng khi rao giảng cho dân ngoại, ông nhấn mạnh Đức Chúa Trời của sự sáng tạo và sự nhân lành của Ngài đối với các dân tộc. Điểm khởi đầu của ông khác nhau, nhưng điểm kết thúc của ông giống nhau: Đức tin trong Chúa Giê-xu.

Ông chuyên gây dựng và tổ chức các Hội Thánh địa phương. Chúa Giê-xu đã nhớ đến Hội Thánh địa phương khi Ngài ban điều mà chúng ta gọi là “Đại nhiệm mạng” (Mat 28:19-20). Sau khi chúng ta tạo nên các môn đệ (“dạy dỗ”), chúng ta phải làm báp-tem cho họ (trách nhiệm chủ yếu của một Hội Thánh địa phương) và sau đó dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Chỉ thu phục người cho Đấng Christ nghĩa là chỉ thực hiện một phần 3 của nhiệm mạng! Cần có hội chúng địa phương của những tín đồ để giúp chúng ta thực hiện mọi điều Chúa Giê-xu đã ra lệnh chúng ta làm.

Ông đã dạy cho các tín đồ vững vàng về lời Đức Chúa Trời. Đây là nguồn sức mạnh và sự vững vàng duy nhất khi sự bắt bớ xảy ra, vì nó thật chắc chắn sẽ xảy ra. Phao-lô không rao giảng một “Tin Lành thành công” được mọi người biết đến, phát hoạ một bức tranh về một đời sống Cơ Đốc dễ chịu.

Điều đáng ngạc nhiên là Phao-lô và các cộng sự của ông đã làm mọi việc này mà không có phương tiện giao thông và liên lạc tân tiến chúng ta có ngày nay. Tấn sĩ Bob Pierce thường nói với chúng tôi trong buổi nói chuyện “Tuổi trẻ cho Đấng Christ” rằng: “Những người khác đã làm quá nhiều với phương tiện chẳng bao nhiêu, trong khi chúng ta làm chẳng bao nhiêu với quá nhiều phương tiện!”. Chỉ của cải lãng phí của các tín đồ người Mỹ thôi, nếu được đầu tư trong việc rao giảng Phúc Âm thế giới, có thể đã dẫn đến sự cứu rỗi hàng triệu người hư mất.

Phao-lô và Ba-na-ba đã công bố rằng “cửa đức tin” đã được mở cho dân ngoại.

Cửa ấy vẫn mở, cho dân Do Thái và dân ngoại như nhau cho toàn thế giới! Hãy bước qua cánh cửa mở đó và giúp đem Phúc Âm đến cho người khác.

Hãy bạo dạn!

## **12. ĐỪNG ĐÓNG CÁC CỬA (Cong 15:1-35)**

Sự phát triển của Phúc Âm thường bị ngăn trở bởi những con người có đầu óc hẹp hòi đứng trước những cánh cửa mở và làm tắc nghẽn con đường dành cho người khác.

Năm 1786, khi William Carey đặt gánh nặng về những nhiệm vụ thế giới trước một buổi nhóm dành cho mục sư truyền đạo ở Northampton, Anh quốc, tấn sĩ Ryland nổi tiếng đã nói với ông ta “Hỡi người trẻ tuổi, hãy ngồi xuống! Khi Đức Chúa Trời muốn thay đổi người ngoại, Ngài sẽ làm điều đó mà không cần có sự giúp đỡ của anh hoặc của tôi!. Nhiều tôi tớ Đức Chúa Trời được đầy dẫy Thánh Linh đã phải bước vào những cánh cửa dịp tiện rộng mở mà không có sự giúp đỡ của các Hội Thánh và các lãnh đạo tôn giáo.

Phao-lô và các cộng sự của ông đã đối diện với chính sự thách thức này tại hội nghị Giê-ru-sa-lem khoảng 20 năm sau lễ Ngũ Tuần. Một cách can đảm họ đã bảo vệ chân lý của Phúc Âm và sự phát triển truyền giáo của Hội Thánh. Có ba giai đoạn trong sự kiện này.

## 1. Cuộc tranh cãi (Cong 15:1-5)

Tất cả đều đã khởi đầu khi một số giáo sư Do Thái đến thành An-ti-ốt và dạy rằng dân ngoại, để được cứu, phải chịu cắt bì và vâng theo luật Môi-se. Những người này có liên hệ với hội chúng Giê-ru-sa-lem nhưng không được hội chúng uỷ quyền (Cong 15:24). Giống như những người Pha-ri-si (15:5), các thầy giáo này là những “anh em giả” muốn cướp của những tín đồ Do Thái và người ngoại sự tự do trong Đấng Christ (Ga 2:1-10 5:1).

Không đáng ngạc nhiên khi có những người trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem là những người ủng hộ mạnh mẽ luật Môi-se nhưng dốt nát về mối liên hệ giữa luật pháp và ân điển. Những người này là dân Do Thái đã được dạy phải tôn trọng và vâng theo luật Môi-se và xét cho cùng, thư Rô-ma, Ga-la-ti và Hê-bơ-rơ đã chưa được viết ra! Có một nhóm đông các thầy tế lễ trong hội chúng Giê-ru-sa-lem (6:7), cũng như dân chúng vẫn còn theo những thực hành Cựu Ước (21:20-26). Đó là một thời kỳ chuyển tiếp, và thời kỳ đó luôn khó khăn.

Những người theo luật pháp này thật sự đang làm gì và tại sao họ quá nguy hiểm? Họ đang cố gắng pha trộn luật pháp với ân điển và đổ rượu mới vào bầu da cũ dễ vỡ (Lu 5:36-39). Họ đang vá lại bức màn rách (Lu 23:45) và làm tắc nghẽn con đường mới và sống dẫn đến Đức Chúa Trời mà Chúa Giê-xu đã mở ra khi Ngài chết trên thập tự giá (He 10:19-25). Họ đang xây lại bức tường giữa dân Do Thái và dân ngoại mà Chúa Giê-xu đã phá sập trên thập tự giá (Eph 2:14-16). Họ đang đặt cái ách nặng nề của dân Do Thái lên vai dân ngoại (Ga 5:1 Cong 15:10) và yêu cầu Hội Thánh đi ra khỏi ánh sáng mặt trời vào trong bóng tối (He 10:1 Co 2:16-17). Họ đang nói: “Một người ngoại trước tiên phải trở thành một người Do Thái trước khi người đó có thể trở thành một Cơ Đốc nhân! Không đủ để họ đơn giản là tin Chúa Giê-xu. Họ cũng phải vâng theo Môi-se!”

Một vài vấn đề quan trọng có liên quan ở đây, không kém quan trọng là công việc của Đấng Christ trên thập tự giá như được công bố trong sứ điệp Phúc Âm (ICo 15:1-8 He 10:1-8). Đức Chúa Trời tuyên bố một sự rút phép thông công nghiêm túc đối với bất cứ ai rao giảng Phúc Âm nào khác hơn Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời được tìm thấy trong Chúa Giê-xu Christ Con Ngài (Ga 1:1-9). Khi bất cứ lãnh đạo tôn giáo nào nói rằng: “Nếu bạn không thuộc về nhóm chúng tôi, bạn không thể được cứu!” hay “nếu bạn không tham dự những nghi lễ của chúng tôi và không giữ những luật lệ của chúng tôi, bạn không thể được cứu!”, người ấy đang thêm vào Phúc Âm và phủ nhận công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu. Phao-lô đã viết thư tín Ga-la-ti để làm rõ ràng sự cứu rỗi hoàn toàn do ân điển của Đức Chúa Trời, nhờ đức tin trong Đấng Christ, không cộng thêm điều gì cả!

Vấn đề khác có liên quan là tính chất chương trình truyền giáo của Hội Thánh. Nếu những người theo luật pháp này (chúng ta gọi họ là “những giáo sư Do Thái”) là đúng, vậy Phao-lô và Ba-na-ba đều sai trong chức vụ họ. Cùng với việc rao giảng Phúc Âm, lẽ ra họ phải dạy dân ngoại cách sống như những người Do Thái tốt lành. Chắc hẳn Phao-lô và Ba-na-ba đã bàn luận và tranh cãi với những giáo sư giả này! (Cong

15:2,7). Các tín đồ An-ti-ốt đang bị “khuấy rối” và “biến loạn” và chính sự lộn xộn và chia rẽ này sẽ chóng lan đến các Hội Thánh người ngoại mà Phao-lô và Ba-na-ba đã thành lập. Đây là một sự khiêu chiến mà Phao-lô và Ba-na-ba không thể phớt lờ.

Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô một mặt khải chỉ dẫn ông đem toàn bộ vấn đề đến các lãnh đạo Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem (Ga 2:2), và hội chúng An-ti-ốt đã đồng ý với điều này (“họ” trong Cong 15:2). Buổi nhóm lại không phải là một “hội đồng Hội Thánh” theo nghĩa tôn giáo, nhưng đúng hơn là một buổi họp của các lãnh đạo để nghe các nhóm khác nhau và quyết định. Mặc dù “Hội Thánh mẹ” ở Giê-ru-sa-lem có ảnh hưởng lớn, mỗi Hội Thánh địa phương đã tự trị.

## 2. Sự bảo vệ (Cong 15:6-18)

Dường như có ít nhất 4 buổi họp khác nhau có liên quan trong hội nghị chiến lược này: 1. Buổi công khai tiếp đón Phao-lô và các cộng sự ông (Cong 15:4). 2. Một buổi họp riêng của Phao-lô và các lãnh đạo chủ chốt, (Ga 2:2). 3. Một buổi nhóm công khai thứ hai mà tại đó những giáo sư Do Thái trình sự kiện cáo của họ, (Cong 15:5-6 Ga 2:3-5) và 4. Buổi thảo luận chung được mô tả trong Cong 15:6. Trong buổi thảo luận chung này bốn lãnh đạo chủ chốt đã trình bày trường hợp về việc tiếp tục mở các cửa ân điển cho dân ngoại hư mất.

- *Phi-e-rơ ôn lại quá khứ* (Cong 15:6-11). Chúng ta có cảm giác rằng Phi-e-rơ đã ngồi kiên nhẫn trong khi sự tranh cãi (“chất vấn”) đang diễn ra, chờ đợi Thánh Linh hướng dẫn ông. “Trả lời trước khi nghe, ấy là sự điên dại và hổ thẹn cho ai làm vậy” (Ch 18:13). Phi-e-rơ đã nhắc nhở Hội Thánh bốn chức vụ quan trọng mà Đức Chúa Trời đã thực hiện cho dân ngoại, những chức vụ mà trong đó ông đã đóng một vai trò quan trọng.

Trước tiên, Đức Chúa Trời đã chọn lựa rằng Phi-e-rơ phải rao giảng Phúc Âm cho dân ngoại (Cong 15:7). Chúa Giê-xu đã ban các chìa khoá của Nước Trời cho Phi-e-rơ (Mat 16:19), và ông đã sử dụng chúng để mở các cửa đức tin cho dân Do Thái (Cong 2:1-47), dân Sa-ma-ri (Cong 8:14-17) và dân ngoại (Cong 10:1-48). Các sứ đồ và anh em xứ Giu-đê đã chỉ trích Phi-e-rơ về việc viếng thăm dân ngoại và ăn chung với họ, nhưng ông đã tự bảo vệ mình một cách thoả đáng (11:1-18). Hãy chú ý rằng Phi-e-rơ đã cho biết rõ Cột-nây và người nhà ông đã được cứu bởi nghe và tin, không phải bởi vâng theo luật Môi-se.

Thứ hai, Đức Chúa Trời đã ban Thánh Linh cho những người ngoại làm chứng rằng họ thật sự được tái sinh (Cong 15:8). Chỉ duy Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy lòng người. Vì vậy, nếu những người này không được cứu Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ ban Thánh Linh cho họ (Ro 8:9). Nhưng họ đã không nhận Thánh Linh bằng cách giữ luật pháp, mà bởi tin Lời Đức Chúa Trời (Cong 10:43-46 Ga 3:2). Sứ điệp của Phi-e-rơ là “Hễ ai tin Ngài thì sẽ được sự tha tội” (Cong 10:43), chớ không phải “Hễ ai tin và vâng theo luật Môi-se”.

Thứ 3, Đức Chúa Trời đã xoá bỏ một sự khác biệt (Cong 15:9,11). Bao thế kỷ Đức Chúa Trời đã đặt một sự khác biệt giữa dân Do Thái và dân ngoại, và đó là nhiệm vụ của các lãnh đạo tôn giáo để bảo vệ và duy trì sự phân biệt đó (Le 10:10 Exe 22:26 44:23). Chúa Giê-xu đã dạy rằng các luật ăn kiêng cũ Do Thái đã không có liên quan gì với sự thánh khiết bên trong (Mac 7:1-23), và Phi-e-rơ đã học bài học đó lần nữa khi ông có khải tượng ấy trên mái nhà trong thành Gióp-bê (Cong 10:11).



Từ công tác của Đấng Christ đối Gô-gô-tha, Đức Chúa Trời đã không phân biệt giữa người Do Thái và người ngoại về tội lỗi (Ro 3:9,22) hoặc sự cứu rỗi (Ro 10:9-13). Tội nhân có thể nhận được tấm lòng tinh sạch chỉ bởi đức tin nơi Đấng Christ sự cứu rỗi không do việc giữ luật pháp (Cong 15:9). Chúng ta tưởng Phi-e-rơ kết luận sự bảo vệ của ông bằng cách nói, “Họ (dân ngoại) sẽ được cứu thậm chí như người Do Thái chúng ta”, nhưng ông chỉ nói ngược lại! “Chúng ta (dân Do Thái) sẽ được cứu, thậm chí như họ”.

Chức vụ thứ tư của Đức Chúa Trời – và đây là nhận định mạnh mẽ nhất của Phi-e-rơ – là cất bỏ ách của luật pháp (Cong 15:10). Luật pháp thật sự là một cái ách đè nặng trên dân tộc Do Thái, nhưng ách đó đã được Chúa Giê-xu cất bỏ (Ga 5:1 Co 2:14-17 Mat 11:28-30). Xét cho cùng, luật pháp đã được ban ra cho dân tộc Do Thái để bảo vệ họ khỏi những điều ác của thế giới người ngoại và chuẩn bị cho họ để đem Đấng Mê-si-a vào trong thế gian (Ga 4:1-7). Luật pháp không thể tẩy sạch lòng tội nhân (Ga 2:21), bày tỏ sự ban cho của Thánh Linh (Ga 3:2) hay ban cho sự sống đời đời (Ga 3:21). Điều mà luật pháp đã không thể làm được, Đức Chúa Trời đã làm qua chính Con Ngài (Ro 8:1-4). Những ai đã tin nhận Đấng Christ đều có sự công bình của luật pháp Đức Chúa Trời trong lòng mình và vâng theo ý muốn Ngài bởi Thánh Linh. Họ được thôi thúc không bởi sự sợ hãi, nhưng bởi tình yêu, vì “tình yêu là sự làm trọn luật pháp” (Ro 13:8-10).

- *Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại những việc hiện tại* (Cong 15:12). Lời chứng của Phi-e-rơ đã tạo một tác động lớn trên hội chúng vì họ đã ngồi yên lặng sau khi ông chấm dứt. Khi ấy Phao-lô và Ba-na-ba đứng lên và cho cả nhóm biết những điều Đức Chúa Trời đã làm giữa vòng dân ngoại qua sự làm chứng của họ. Bác sĩ Lu-ca chỉ dành một câu tóm tắt cho sự tường thuật của họ, vì ông đã trình bày nó chi tiết trong Cong 13:1-14:28. Phao-lô và Ba-na-ba đã được Hội Thánh hết sức tôn trọng (Cong 15:25-26) và lời chứng của họ mang một trọng lượng lớn.

Sự nhấn mạnh của họ là về những phép lạ Đức Chúa Trời đã giúp họ thực hiện giữa vòng dân ngoại. Những phép lạ này là bằng chứng Đức Chúa Trời đang đồng công với họ (Mac 16:20 Cong 15:4) và họ là những sứ giả được chọn của Đức Chúa Trời (Ro 15:18-19 He 2:2-4). “Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho anh em và làm phép lạ giữa anh em vì anh em tuân giữ luật pháp, hay vì anh em tin điều mình đã nghe?” (Ga 3:5). Họ đã rao giảng ân điển, không phải luật pháp, và Đức Chúa Trời đã ban vinh dự cho sứ điệp này.

Nếu bạn nhìn lại sự ghi chép về hành trình truyền giáo thứ nhất (Cong 13:1-14:28), bạn sẽ thấy rằng sự nhấn mạnh là về điều Đức Chúa Trời đã làm để đáp ứng đức tin của con người. (13:8,12,39,41,48 14:1,22,23,27). Cũng hãy chú ý sự nhấn mạnh về ân điển (13:43 14:3,26). Đức Chúa Trời đã mở cho dân ngoại “cửa đức tin” không phải “cửa luật pháp”. Vì vấn đề đó mà Hội Thánh An-ti-ốt, Hội Thánh đã giao nhiệm vụ cho Phao-lô và Ba-na-ba, đã được thành lập bởi những con người “tin và trở lại cùng Chúa” (11:21) và đã kinh nghiệm ân điển Đức Chúa Trời (11:23). Họ đã được cứu cùng một cách tội nhân được cứu hôm nay, “nhờ ân điển, bởi đức tin” (Eph 2:8-9).

Cả Phi-e-rơ và Phao-lô đã nhận từ Đức Chúa Trời những khái niệm đặc biệt hướng dẫn họ đến với dân ngoại (10:1 22:21). Tuy nhiên, chính Phao-lô là người Đức Chúa Trời đã biệt riêng làm sứ đồ cho dân ngoại (Eph 3:1-12 Ro 11:13 Ga 2:6-10). Nếu tội nhân người ngoại phải vâng theo luật Môi-se để được cứu, vậy tại sao Đức Chúa



Trời đã ban cho Phao-lô Phúc Âm của ân điển và sai ông đến với dân ngoại? Đức Chúa Trời lẽ ra có thể chỉ sai Phi-e-rơ!

Phi-e-rơ ôn lại những công việc của Đức Chúa Trời đối với dân ngoại trong quá khứ, còn Phao-lô và Ba-na-ba thuật lại công việc của Đức Chúa Trời giữa vòng dân ngoại đương thời đó. Gia-cơ là người nói cuối cùng và ông đã tập trung về tương lai.

- *Gia-cơ liên hệ tất cả mọi điều với tương lai* (Cong 15:13-18). Gia-cơ là anh em của Chúa Giê-xu (Ga 1:19 Mat 13:55) và là người viết thư tín Gia-cơ. Ông và các anh em của ông đã không phải là những người tin nơi Đấng Christ cho mãi đến sau sự phục sinh của Chúa (Gi 7:5 ICo 15:7 Cong 1:14). Gia-cơ đã có những khuynh hướng mạnh mẽ đối với luật pháp (có ít nhất 10 chi tiết đề cập đến luật pháp trong thư tín của ông), vì vậy ông đã được đa số chấp nhận vào nhóm luật pháp trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem.

Ý chính trong bài nói chuyện của Gia-cơ là sự đồng ý. Trước hết, ông bày tỏ sự đồng ý hoàn toàn của mình với Phi-e-rơ rằng Đức Chúa Trời đang cứu dân ngoại bởi ân điển. Điều này chắc đã làm những người theo Do Thái giật mình khi Gia-cơ gọi những người ngoại được cứu này là “một dân cho danh Ngài” vì bao thế kỷ qua, dân Do Thái đã mang danh hiệu vinh dự ấy (Phu 7:6 14:2 28:10). Hôm nay, Đức Chúa Trời đang nhân từ kêu gọi một dân, Hội Thánh từ dân Do Thái và dân ngoại. Thật ra, từ Hy Lạp dành cho “Hội Thánh” (ekklēsia) nghĩa là “một hội chúng được kêu gọi ra” (kaleo: gọi ek:ra). Nhưng nếu họ được kêu gọi, vậy sự cứu rỗi hoàn toàn là ân điển chứ không phải nhờ giữ luật pháp!

Những Giáo sư Do Thái đã không hiểu cách dân ngoại và dân Do Thái liên hệ nhau trong Hội Thánh ra sao, hoặc Hội Thánh khớp với lời hứa của Đức Chúa Trời thiết lập một vương quốc cho Y-sơ-ra-ên thế nào. Kinh Thánh Cựu Ước đã tuyên bố cả sự cứu rỗi dân ngoại (Es 2:2 11:10) và sự thiết lập một vương quốc vinh hiển cho Y-sơ-ra-ên trong tương lai (Es 11:1-12:6 35:10 60:22), nhưng không giải thích chúng liên hệ với nhau ra sao. Những người chủ luật trong Hội Thánh luôn nắm chặt lấy sự vinh hiển của Y-sơ-ra-ên trong tương lai với vinh hiển của Mê-si-a và luật pháp trong quá khứ. Dường như đối với họ thì sự chấp nhận người ngoại như “những người ngang hàng về thuộc linh” gây nguy hại cho tương lai của Y-sơ-ra-ên.

Chúng ta ngày nay có một hiểu biết sâu sắc hơn về chân lý này vì Phao-lô đã giải thích chân lý đó trong Eph 2:1-3:21 và Ro 9:1-11:36. Dân Do Thái và dân ngoại được cứu đều là những chi thể của cùng một thân và là “một trong Chúa Giê-xu” (Ga 3:28). Chân lý về Hội Thánh, thân thể Đấng Christ, là một “sự màu nhiệm” (một bí mật thiêng liêng) đã bị giấu kín trong những thời đại quá khứ và đã được Thánh Linh bày tỏ cho Hội Thánh. “Chương trình màu nhiệm” của Đức Chúa Trời cho Hội Thánh không xóa bỏ “chương trình tiên tri” lớn của Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên. Phao-lô cho biết rõ trong Ro 9:1-11:36 rằng có một tương lai cho Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời sẽ giữ “những lời hứa về vương quốc” của Ngài với dân Ngài.

Gia-cơ cũng nhận định rằng các tiên tri cũng đã đồng ý với kết luận này, và ông trích dẫn Am 9:11-12 để chứng minh luận điểm của mình. Hãy chú ý rằng ông đã không nhận định điều Phi-e-rơ, Phao-lô và Ba-na-ba đã nói là một ứng nghiệm của lời tiên tri này. Ông nói rằng điều A-mốt đã viết phù hợp với lời chứng của họ. Một sự đọc kỹ Am 9:8-15 bày tỏ rằng tiên tri này đang mô tả những sự kiện trong kỳ sau rốt, khi Đức Chúa Trời sẽ nhóm dân Y-sơ-ra-ên của Ngài về đất họ và chúc phước dồi dào cho

họ. Nếu chúng ta “thuộc linh hoá” những lời hứa này, chúng ta cướp đi của chúng ý nghĩa đơn giản của chúng và lý lẽ của Gia-cơ vỡ vụn.

A-mốt cũng tiên tri rằng ngôi nhà đồ (“trại”) của Đa-vít sẽ được xây lên và Đức Chúa Trời sẽ làm trọn giao ước Ngài với Đa-vít rằng một vua sẽ ngự trên ngai (II Sa 7:25-29). Dĩ nhiên, vị vua tương lai này sẽ là Chúa Giê-xu, con cháu Đa-vít (Lu 1:32 II Sa 7:13,16 Es 9:6-7). Đấng sẽ trị vì Y-sơ-ra-ên suốt cả vương quốc. Thật ra, người Do Thái duy nhất còn sống ngày nay có thể chứng minh gia phả mình và bảo vệ vương quyền của mình, đó là Chúa Giê-xu.

Đức Chúa Trời đã bày tỏ những chân lý này từng bước một cho dân Ngài, nhưng kế hoạch của Ngài đã được định hình từ ban đầu. Thập tự giá hay Hội Thánh không phải là những suy nghĩ đến sau đối với Đức Chúa Trời (Cong 2:23 4:27-28 Eph 1:4). Những giáo sư Do Thái nghĩ rằng Y-sơ-ra-ên phải “dấy lên” trong vương quốc vinh hiển của họ trước khi dân ngoại có thể được cứu, nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng chính bởi sự “sa ngã” của Y-sơ-ra-ên mà dân ngoại sẽ thấy sự cứu rỗi (Ro 11:11-16). Vào thời gian hội nghị ở Giê-ru-sa-lem, nhà và ngôi Đa-vít đã sụp đổ, nhưng chúng sẽ được phục hồi một ngày nào đó và vương quốc được thiết lập.

### 3. Quyết định (Cong 15:19-35)

Các lãnh đạo và toàn Hội Thánh (Cong 15:22), được Thánh Linh hướng dẫn (Cong 15:28), đã thực hiện một quyết định gồm hai nội dung, một quyết định giáo lý về sự cứu rỗi, và một quyết định thực tiễn về cách sống đời sống Cơ-đốc.

Quyết định giáo lý chúng ta đã xem xét. Hội Thánh đã kết luận rằng dân Do Thái và dân ngoại đều là những tội nhân trước mặt Đức Chúa Trời và chỉ có thể được cứu bởi đức tin trong Chúa Giê-xu. Có một nhu cầu, và chỉ có một Phúc Âm để đáp ứng nhu cầu đó (Ga 1:6-12). Đức Chúa Trời hôm nay chỉ có một chương trình: Ngài đang kêu gọi một dân cho danh Ngài. Y-sơ-ra-ên bị để qua một bên nhưng không bị bỏ (Ro 11:1) và khi chương trình của Đức Chúa Trời cho Hội Thánh được hoàn tất, Ngài sẽ bắt đầu thực hiện những lời hứa về vương quốc Ngài đối với dân Do Thái.

Nhưng toàn bộ giáo lý phải dẫn đến bốn phạm. Gia-cơ đã nhấn mạnh điều này trong thư tín của ông (Gia 2:14-16), và Phao-lô cũng làm vậy trong các bức thư của mình, chúng ta phải áp dụng nó cách cá nhân trong đời sống thường nhật. Những vấn đề Hội Thánh được giải quyết không phải bằng cách thông qua những giải pháp, nhưng bằng cách thực hành những sự soi sáng Đức Chúa Trời ban cho ta từ Lời Ngài.

Gia-cơ đã khuyên Hội Thánh viết thư cho các tín đồ người ngoại, và chia xẻ những quyết định của hội nghị. Bức thư này yêu cầu sự vâng phục đối với hai mệnh lệnh và một sự sẵn sàng đồng ý với hai sự nhượng bộ cá nhân. Hai mệnh lệnh đó là các tín đồ tránh sự sùng bái thần tượng và sự vô đạo đức, những tội lỗi đặc biệt đang lưu hành giữa vòng dân ngoại (ICo 8:1-10:33). Hai sự nhượng bộ là họ sẵn sàng kiêng ăn huyết và thịt của những thú vật đã chết ngạt. Hai mệnh lệnh không tạo ra bất cứ vấn đề đặc biệt nào, vì sự sùng bái thần tượng và sự vô đạo đức luôn sai trật trước mặt Đức Chúa Trời, đối với dân Do Thái và dân ngoại. Nhưng về hai sự nhượng bộ liên quan đến thức ăn thì sao?

Hãy nhớ rằng Hội Thánh đầu tiên đã nhiều lần ăn chung với nhau và thực hành lòng mến khách. Đa số các Hội Thánh đã nhóm trong những gia đình, và một số hội chúng tổ chức một “bữa ăn thân ái” kết hợp với Tiệc Thánh của Chúa (ICo 11:17-34).

Bữa ăn ấy có thể không khác gì nhiều so với những bữa ăn tối của riêng chúng ta. Nếu các tín đồ người ngoại ăn thức ăn mà tín đồ Do Thái cho là “ô uế”, điều này sẽ gây sự chia rẽ trong Hội Thánh. Phao-lô đề cập vấn đề rõ ràng trong Ro 14:1-15:33

Việc cấm ăn huyết thật sự đã do Đức Chúa Trời ban ra trước thời luật pháp (Sa 9:4) và được Môi-se nhắc lại (Le 17:11-14 Phu 12:23). Nếu một thú vật bị giết ngạt, một chút máu sẽ đọng lại trong thân và khiến cho thịt không thích hợp cho người Do Thái ăn. Vì vậy, có lời khuyên chống lại sự bóp nghẹt. Thịt “thích hợp” là thịt từ những thú vật sạch bị giết cách thích hợp để huyết hoàn toàn được rút khỏi thân.

Thật đẹp để thấy rằng bức thư này bày tỏ sự đoàn kết thân ái của những người đã có lần tranh cãi với nhau và bảo vệ những quan điểm đối lập. Những người Do Thái theo luật pháp sẵn sàng từ bỏ sự khẳng khẳng cho rằng dân ngoại phải chịu cắt bì để được cứu, và dân ngoại sẵn sàng chấp nhận một sự thay đổi trong thói quen ăn uống của họ. Đó là một thoả hiệp thân ái không ảnh hưởng đến chân lý của Phúc Âm trong bất cứ phương diện nào. Như mọi người đã lập gia đình và cha mẹ đều biết rằng trong một gia đình có những lúc sự thoả hiệp là sai trật, nhưng có những lúc sự thoả hiệp là đúng đắn. Samuel Johnson khôn ngoan đã nói: “Cuộc sống không thể tồn tại trong xã hội nếu không có sự nhượng bộ lẫn nhau. Con người luôn cho mình đúng và cứ khẳng khẳng theo ý mình thì khó mà sống hạnh phúc được.

Quyết định này đã hoàn thành điều gì trên phương diện thực tiễn? Ít nhất là 3 điều. Thứ nhất, nó củng cố sự hiệp nhất của Hội Thánh và giữ Hội Thánh không bị tách thành hai nhóm cực đoan “luật pháp” và “ân điển”. Tổng thống Eisenhower đã gọi loại thoả hiệp đúng đắn là “toàn bộ bề mặt có thể sử dụng được. Những thái cực hữu hay tả, đều ở trong những chỗ bùn lầy nước đọng”. Một lần nữa, đây không phải là sự thoả hiệp về giáo lý vì điều đó luôn sai trật (Giu 1:3). Đúng hơn, đó là sự học hỏi cho và nhận theo cách hài hoà thực tiễn của cuộc sống để con người có thể sống và làm việc với nhau trong tình yêu thương và sự hoà thuận.

Thứ 2, quyết định này đã khiến Hội Thánh có thể trình bày một sự làm chứng hợp nhất cho người Do Thái hư mất (Cong 15:21). Đa phần, Hội Thánh vẫn gắn bó với nhà hội Do Thái, và có thể trong một số thành phố toàn bộ các hội chúng nhà hội đã tin Chúa Giê-xu Christ – người Do Thái, người mới theo đạo Do Thái, cùng những người dân ngoại “kính sợ Đức Chúa Trời”. Nếu các tín đồ người ngoại lạm dụng sự tự do của họ trong Đấng Christ và ăn huyết đọng lại, điều này sẽ làm xúc phạm những người Do Thái được cứu và những bằng hữu chưa được cứu của họ là những người họ đang tìm cách thu phục cho Đấng Christ. Đó đơn giản chỉ là vấn đề không làm chướng ngại vật gây vấp ngã cho người yếu đuối và kẻ hư mất (Ro 14:13-21).

Thứ 3, quyết định này đem đến phước hạnh khi bức thư được chia sẻ với các hội chúng người ngoại khác. Phao-lô và Ba-na-ba cùng với Giu-đe và Si-la đã đem tin tức tốt lành đến An-ti-ốt, và Hội Thánh đã vui mừng và được khích lệ bởi họ không phải mang ách nặng nề của luật pháp (Cong 15:30-31). Ở hành trình tuyền giáo thứ hai, Phao-lô đã chia sẻ bức thư này với các Hội Thánh ông đã thành lập trong hành trình truyền giáo thứ nhất của mình. Kết quả là một sự củng cố đức tin của các Hội Thánh và một sự gia tăng số người trong Hội Thánh (16:5).

Chúng ta ngày nay có thể học khá nhiều từ từng trải khó khăn này của Hội Thánh đầu tiên. Trước hết, những vấn đề và những khác biệt là những cơ hội cho sự tăng trưởng cũng ngang bằng với những cám dỗ về sự bất đồng và chia rẽ. Các Hội Thánh

cần đồng công với nhau và dành thời giờ lắng nghe, yêu thương và học biết. Biết bao sự tranh chiến và chia rẽ gây tổn thương lẽ ra có thể tránh được giá như một số dân sự Đức Chúa Trời dành cho Thánh Linh thời giờ để nói và hành động.

Đa số những sự chia rẽ đều do “các môn đệ” và “các lãnh đạo” gây ra. Một người lãnh đạo uy quyền được một số người đi theo, từ chối nhượng bộ cả vấn đề nhỏ nhất, và chẳng bao lâu có một sự rạn nứt. Đa số các vấn đề Hội Thánh phát sinh không bởi những khác biệt về giáo lý, nhưng bởi những quan điểm khác nhau về những vấn đề thực tiễn. Chúng ta sẽ sơn nhà bếp Hội Thánh màu gì? Chúng ta có thể thay đổi trật tự của lễ thờ phượng không? Tôi đã nghe về một Hội Thánh hầu như đã rạn nứt về việc chiếc đàn organ hoặc piano có nên để bên phải của toà giảng hay không!

Cơ Đốc nhân cần học nghệ thuật thoả hiệp thân ái. Họ cần có những ưu tiên để biết khi nào phải đấu tranh cho điều thật sự quan trọng trong Hội Thánh. Thật tội lỗi khi đi theo thuộc viên đầy ấn tượng nào đó của Hội Thánh là người đang đấu tranh để đạt được ý riêng của mình về vấn đề nhỏ nhất không đáng tranh đấu. Mọi hội chúng cần có một lượng yêu thương cân đối được mô tả trong ICo 13:1-13 để ngăn ngừa sự chia rẽ và bất đồng.

Khi chúng ta giải quyết những khác biệt, chúng ta phải hỏi: “Những quyết định của chúng ta sẽ ảnh hưởng ra sao đến sự làm chứng hiệp nhất của Hội Thánh cho người hư mất?” Chúa Giê-xu đã cầu nguyện để những người thuộc về Ngài có thể được hiệp nhất để thế gian có thể tin Ngài (Gi 17:20-21). Hiệp nhất không phải là sự đồng dạng, vì sự hiệp nhất dựa trên tình yêu chứ không phải luật pháp. Có một nhu cầu to lớn trong Hội Thánh về tính đa dạng trong sự hiệp nhất (Eph 4:1-17), vì đó là cách duy nhất thân có thể trưởng thành và làm công việc của nó trong thế gian.

Đức Chúa Trời đã mở một cánh cửa dịp tiện kỳ diệu để chúng ta đem Phúc Âm về ân điển của Đức Chúa Trời đến cho một thế giới bị kết án. Nhưng có những thế lực trong Hội Thánh, ngay cả ngày nay, muốn đóng cánh cửa ấy. Có những con người đang rao giảng “Phúc Âm khác”, không phải là Phúc Âm của Chúa Giê-xu.

Hãy giúp giữ cánh cửa đó mở – và hãy đạt đến chùng mực bạn có thể! Hãy bạo dạn!

### **13. NHIỀU CỬA MỞ (Cong 15:36-16:40)**

Đối với sứ đồ Phao-lô, Hội Thánh tại An-ti-ốt không phải là một bãi đậu xe: đó là một bệ phóng. Ông chưa bao giờ có thể yên tâm với một “chức vụ tiện nghi” bất cứ nơi đâu từ khi có những cánh cửa mở cho việc rao giảng Phúc Âm.

Phao-lô có lẽ sẽ nhiệt tình đồng ý với những lời của Robertson Mc Quilker trong cuốn sách của ông “The Great Omission” (sự thiếu sót lớn): “Trong một thế giới mà 9 trong số 10 người hư mất, 3 trong số 4 người chưa bao giờ nghe đạo, và 1 trong số 2 người không thể nghe, Hội Thánh ngủ, có thể nào chúng ta nghĩ phải có con đường nào khác? Hay có lẽ chúng ta thật sự không quan tâm nhiều về điều đó”. Phao-lô đã quan tâm – và chúng ta cũng nên như thế.

Có nhiều yếu tố mới trong hành trình thứ hai này cho thấy rằng Đức Chúa Trời vẫn hành động, bất kể những trở ngại có thể xảy ra và những khó khăn riêng phát sinh.

#### **1. Một đồng bạn mới (Cong 15:36-41)**



Phao-lô và Ba-na-ba đã nhất trí về tầm quan trọng của chuyến đi, nhưng họ đã không thể nhất trí về thành phần của “nhóm”. Đây là hai người dẫn thân vừa mới giúp mang lại sự hiệp nhất cho Hội Thánh, nhưng họ đã không thể dàn xếp những bất đồng của chính mình! Những xung đột này gây bối rối và đau đớn, chúng thường được thấy trong lịch sử Hội Thánh, nhưng Đức Chúa Trời có thể tế trị chúng và hoàn thành những mục đích của Ngài.

Việc Ba-na-ba bên vực Giăng Mác chắc chắn không có gì ngạc nhiên. Ông và Mác là bà con (Co 4:10), và mối dây gia đình sẽ vững chắc. Nhưng hơn nữa Ba-na-ba là loại người nôn nóng tìm cách giúp người khác đó là lý do Hội Thánh đầu tiên đặt tên cho ông “con trai của sự yên ủi” (4:36). Ông sẵn sàng cho Giăng Mác một cơ hội để hầu việc Chúa và để chứng minh bản thân. Ba-na-ba “cứ nhất định” (Wuest, bản dịch thoát) để họ đem Mác cùng đi.

Nhưng Phao-lô vẫn khẳng định rằng họ không đem Mác đi! Xét cho cùng, ở hành trình truyền giáo thứ nhất, Giăng Mác lìa bỏ họ để trở về nhà (13:13). Và đây là một biểu hiện của sự yếu đuối. Chức vụ rất quan trọng, và công việc đòi hỏi nhiều nỗ lực, nên không thể chọn người nào tỏ ra không đáng tin cậy.

Khi sự thảo luận tiếp tục, nó đã trở thành một cuộc tranh cãi thật sự (Từ “paroxym”) đến từ từ được dịch là “sự cãi nhau”) và dường như giải pháp duy nhất là những người bạn phân khu vực và chia tay nhau. Ba-na-ba đã đem Mác theo và đi đến Chíp-rơ quê của ông, còn Phao-lô đem Si-la theo và thẳng đến xứ Sy-ri và xứ Si-li-si (chú ý Cong 15:23).

Ai đã đúng? Điều đó thật sự không tạo khác biệt gì nhiều. Có lẽ hai người đều đúng về những điều gì đó và sai về những điều khác. Chúng ta biết rằng Giăng Mác cuối cùng đã thành công trong chức vụ và Phao-lô đã trở nên yêu mến và cảm kích ông (Phil 21:23-24 Co 4:10 IITi 4:11). Những con người tốt lành và tin kính trong Hội Thánh có bất đồng đây là một trong những thực tế đau buồn của cuộc sống chúng ta phải chấp nhận. Phao-lô nhìn người khác và hỏi: “Họ có thể làm được gì cho công việc của Đức Chúa Trời?” trong khi Ba-na-ba nhìn người khác và hỏi: “Công việc của Đức Chúa Trời có thể làm gì cho họ?” Cả hai câu hỏi đều quan trọng đối với công việc của Đức Chúa Trời, và đôi khi khó mà giữ cho mọi sự được quân bình.

Phao-lô đã chọn một đồng bạn mới, Si-la, một người đứng đầu trong Hội Thánh, một tiên tri (Cong 15:22,32) và là một người được chọn đem các sắc luật của hội nghị Giê-ru-sa-lem đến các Hội Thánh (Cong 15:27). “Si-la” có thể là một từ dịch tiếng Hy Lạp của tên Sau-lơ. Ông là đồng tác giả với Phao-lô về hai thư tín Tê-sa-lô-ni-ca, và ông là thư ký cho thư tín thứ nhất của Phi-e-rơ (5:12). Như Phao-lô ông là một công dân Rô-ma.

Đức Chúa Trời thay đổi những người giúp việc của Ngài, nhưng công việc Ngài tiến hành tốt đẹp. Giờ đây đã có hai nhóm truyền giáo thay vì một! Nếu Đức Chúa Trời phải nhờ vào những con người toàn hảo để hoàn thành công việc Ngài, Ngài sẽ không bao giờ nhận được bất cứ điều gì được thực hiện. Những hạn chế và bất toàn của chúng ta là những lý do đích đáng để chúng ta cậy nơi ân điển Đức Chúa Trời, vì khả năng của chúng ta chỉ có từ Ngài (II Co 3:5).

## **2. Một người giúp việc mới (Cong 16:1-5)**



Phao-lô và Si-la tiến đến nơi họ định đi từ hướng đông, nên họ đến thành Đẹt-bo trước và sau đó đến thành Lít-tơ, chỉ là ngược lại so với hành trình thứ nhất (14:6-20). Những người truyền đạo này đã đi từ Hội Thánh này đến Hội Thánh khác, trình bày các sắc lệnh và giúp gây dựng các tín đồ trong đức tin. Kết quả là những quả phát sinh từ sự làm chứng của các tín đồ vì vậy các Hội Thánh đã gia tăng số lượng hằng ngày (2:47). Đó chắc chắn là một cuộc hành trình thành công nhất, nhưng tôi chẳng biết liệu có ai trong các tín đồ hỏi về Ba-na-ba hay không? Và Phao-lô đã cho họ biết điều gì?

Có lẽ điều tốt nhất đã xảy ra tại thành Lít-tơ là việc chọn Ti-mô-thê để thế cho Giảng Mác như phụ tá đặc biệt của Phao-lô. Ti-mô-thê có lẽ đã qui đạo qua chức vụ của Phao-lô khi vị sứ đồ này viếng thăm Lít-tơ đầu tiên, vì Phao-lô đã gọi ông là “con yêu dấu của tôi” (ICo 4:17) và “con của ta trong đức tin” (ITi 1:2). Mẹ và bà nội của Ti-mô-thê đã dọn đường cho quyết định của ông bằng cách làm những người đầu tiên trong gia đình tin nhận Đấng Christ (IITi 1:5). Ti-mô-thê trẻ tuổi chắc chắn đã chứng kiến những hoạn nạn của Phao-lô trong thành Lít-tơ (Cong 14:19-20 IITe 3:10-11) và đã được Chúa kéo đến gần vị sứ đồ này. Ti-mô-thê là bạn đồng hành và người cùng làm việc tâm đắc của Phao-lô (Phi 2:19-23), có lẽ là đứa con Phao-lô chưa bao giờ có nhưng luôn luôn cần đến.

Vì có một sự tường thuật tốt đẹp từ các Hội Thánh (ITi 3:7), Ti-mô-thê được Phao-lô phong chức và thêm vào “nhóm” của ông (ITi 4:12 IITi 1:6). Bước kế tiếp của Phao-lô là để cho Ti-mô-thê chịu cắt bì, một hành động dường như mâu thuẫn với quyết định của hội nghị Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, có một nguyên tắc thuộc linh quan trọng đằng sau quyết định của Phao-lô.

Quyết định tại hội đồng Giê-ru-sa-lem là không cần phải chịu cắt bì để được cứu. Phao-lô đã không để cho Tít chịu cắt bì hầu tránh cho kẻ thù không nghĩ rằng ông đang đề xướng mục đích của họ (Ga 2:1-5). Chiến trận ở Giê-ru-sa-lem là về chân lý của Phúc Âm, không phải về sự thích hợp của một người để hầu việc. Mối quan tâm của Phao-lô về Ti-mô-thê không phải sự cứu rỗi của ông nhưng là sự thích hợp để ông hầu việc.

Ti-mô-thê sẽ làm việc với cả người Do Thái và người ngoại trong các Hội Thánh, và thật cần thiết để ông không làm họ bực mình. Đó là lý do Phao-lô để Ti-mô-thê chịu cắt bì (ICo 9:19-23). Một lần nữa, đó không phải là vấn đề về sự cứu rỗi hay cá tính của Ti-mô-thê, nhưng đúng hơn là vấn đề về việc tránh những nan đề nghiêm trọng chắc chắn sẽ trở thành những chướng ngại vật gây vấp ngã khi những con người này tìm cách hầu việc Chúa (Ro 14:13-15). Chính lãnh đạo thuộc linh khôn ngoan là người biết cách nào và khi nào để áp dụng những nguyên tắc của Lời Đức Chúa Trời, khi nào để đứng vững và khi nào để đầu phục.

Trong những năm sau, Ti-mô-thê đã đóng một phần quan trọng trong sự phát triển và củng cố các Hội Thánh. Ông đã đồng ra đi với Phao-lô và thường làm đặc sứ của người cho “những nơi rắc rối” trong công tác, chẳng hạn như thành Cô-rinh-tô. Ông đã trở thành người chăn Hội Thánh tại Ê-phê-sô (ITi 1:3) và có thể đã gặp lại Phao-lô tại Rô-ma thời gian ngắn trước khi vị sứ đồ này tử đạo (IITi 4:21).

### **3. Một khái tượng mới (Cong 16:6-40)**

Trong phân đoạn này chúng ta thấy ba “sự mở cửa” kỳ diệu

- *Đức Chúa Trời mở đường* (Cong 16:6-12). Sau khi thăm viếng các Hội Thánh mình đã thành lập, Phao-lô tìm cách đi vào địa hạt mới cho Chúa bằng cách đi về hướng đông vào cõi A-si và Bi-thi-ni, nhưng Chúa đã đóng cửa. Chúng ta không biết Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ Ngài về vấn đề này ra sao, nhưng chúng ta có thể dễ dàng hình dung được rằng Phao-lô đã thất vọng và có lẽ hơi nản lòng. Mọi sự đã tiếp diễn quá trôi chảy ở hành trình thứ hai này nên những cánh cửa bị đóng này hẳn đã như một ngạc nhiên lớn. Tuy nhiên, thật yên ủi để biết rằng ngay cả các sứ đồ không phải lúc nào cũng biết rõ ý muốn của Đức Chúa Trời cho chức vụ mình! Đức Chúa Trời đã trù tính để sứ điệp được đem đến đó vào lúc khác (18:19-19:41 IPhi 1:1).

Trong ơn tế trị của Ngài, Đức Chúa Trời đã dẫn Phao-lô đi hướng tây vào Châu Âu, không phải hướng đông vào cõi A-si. Thật thú vị để suy đoán lịch sử thế giới có thể đã bị thay đổi ra sao nếu Phao-lô được sai đến cõi A-si thay vì đến Âu châu. Tại thành Trô-ách, Phao-lô đã được yêu cầu đến xứ Ma-xê-đoan bởi một người ông thấy trong một khái tượng ban đêm. George Mac Donald đã viết: “không điều gì khiến một người mạnh mẽ như một sự kêu gọi giúp đỡ” và Phao-lô đã nhanh chóng đáp ứng khái tượng (so sánh 26:19).

Hãy chú ý đại từ “chúng ta” ở Cong 16:10, vì bác sĩ Lu-ca người viết sách Công vụ, đã gia nhập với Phao-lô và nhóm người cùng đi của ông tại thành Trô-ách. Có ba “phân đoạn ‘chúng ta’” trong Cong 16:10-17 20:5-15 27:1-28:16. Lu-ca đã thay đổi từ “chúng ta” sang “họ” ở 17:1 ý nói rằng ông có thể đã ở lại trong thành Phi-líp để chăm sóc Hội Thánh sau khi Phao-lô đã ra đi. “Phân đoạn chúng ta” kế tiếp bắt đầu ở 20:5 đề cập đến chuyến đi biển của Phao-lô từ thành Ma-xê-đoan. Lu-ca đã dành nhiều chỗ cho chức vụ của Phao-lô ở thành Phi-líp, vì vậy có lẽ ông là cư dân của thành ấy. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Lu-ca có thể là người Phao-lô thấy trong khái tượng.

Từ thành Trô-ách đến thành Nê-a-bô-li, bến cảng của thành Phi-líp, có khoảng cách chừng 150 dặm, và họ đã mất hai ngày để thực hiện hành trình. Sau đó, chuyến đi biển ngược hướng mất 5 ngày, rõ ràng vì những cơn gió ngược (20:6). Thành Phi-líp nằm ở cùng nội địa cách thành Nê-ô-bô-li 10 dặm, và cách Lu-ca mô tả thành này cho thấy ông thật sự là một trong những công dân đáng tự hào nhất của thành.

Thành Phi-líp là một thuộc địa của La Mã, có nghĩa nó là “Rô-ma ở xa Rô-ma”. Hoàng đế đã sắp xếp “các thuộc địa” bằng cách ra lệnh các công dân Rô-ma, đặc biệt là những quân nhân về hưu phải sống trong những nơi được chọn, vì vậy sẽ có những thành phố thân Rô-ma trong những vùng chiến lược này. Dù sống trên đất lạ, các công dân vẫn bị đòi hỏi phải trung thành với Rô-ma, vâng phục luật pháp Rô-ma, và dành vinh dự cho hoàng đế Rô-ma. Bù lại, họ được ban cho những đặc quyền chính trị nào đó, và việc quan trọng không kém là được miễn thuế. Đây là phần thưởng của họ cho sự xa quê hương ở Y-ta-ly và định cư ở nơi khác.

- *Đức Chúa Trời đã mở lòng Ly-đi* (Cong 16:13-15). Phao-lô và các bạn ông đã không lao ngay vào việc giảng Phúc Âm cho thành này, dù họ biết Đức Chúa Trời đã gọi họ đến đó. Chắc chắn họ cần nghỉ ngơi, cầu nguyện và cùng nhau lập kế hoạch. Biết nơi Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm việc thì chưa đủ, chúng ta còn phải biết khi nào và cách Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm việc.

Dân số Do Thái trong thành Phi-líp chắc rất ít vì ở đó không có nhà hội, chỉ có một nơi cầu nguyện gần con sông bên ngoài thành. (Phải có 10 người cho việc lập một nhà

hội). Phao-lô đã thấy một người đàn ông trong khái tượng tại thành Trô-ách, nhưng ở đây ông đang giảng dạy cho một nhóm phụ nữ! Các ra-bi đã nói: “Lời của luật pháp bị đốt cháy còn tốt hơn là được rao cho một đàn bà!”, nhưng đó không còn là triết lý của Phao-lô. Ông đã đầu phục và Chúa đã đi trước để dọn đường.

Ly-đi là một nữ thương gia thành công từ thành Thi-a-ti-rơ, một thành phố có tiếng về thuốc nhuộm màu tím. Có thể bà đã đảm nhận một chức vụ chi nhánh thuộc phường hội của bà trong thành Phi-líp. Đức Chúa Trời đã đưa bà suốt đường đến Hy Lạp để bà có thể nghe Phúc Âm và được thay đổi. Bà là một “người thờ phượng Đức Chúa Trời”, một người ngoại không phải là người theo đạo Do Thái. Bà đang tìm kiếm chân lý.

Phao-lô đã chia sẻ đạo (“nói” trong Cong 16:14 nghĩa là cuộc nói chuyện riêng, không phải rao giảng), Đức Chúa Trời đã mở lòng bà trước lẽ thật, chân lý bà đã tin và được cứu. Bà dạn dĩ đồng nhất hoá mình với Đấng Christ bằng cách chịu báp-tem, và bà đã cố nài để những nhà truyền giáo ở lại nhà bà. Tất cả người nhà của bà đã được biến đổi, vì vậy đây là một dịp tiện tốt để Phao-lô cùng các bạn ông dạy đạo cho họ và thành lập một Hội Thánh địa phương (chúng ta sẽ đề cập về “sự cứu rỗi người nhà” khi chúng ta đến câu Cong 16:31).

Chúng ta đừng kết luận rằng vì Đức Chúa Trời đã mở lòng Ly-đi, nên phần của Ly-đi trong sự qui đạo là hoàn toàn thụ động. Bà đã chăm chú nghe Đạo, và chính Đạo ấy đã đem tội nhân đến với Đấng Christ (Gi 5:24). Chính Đức Chúa Trời Đấng đã định cứu cánh, sự cứu rỗi Ly-đi, cũng đã định phương tiện cho cứu cánh, sự làm chứng của Phao-lô về Chúa Giê-xu. Đây là một minh hoạ đẹp đẽ của ITe 2:13-14.

- *Đức Chúa Trời đã mở các cửa ngục* (Cong 16:16-40). Những người hư mất được cứu chẳng bao lâu thì Sa-tan bắt đầu ngăn trở công việc. Trong trường hợp này, nó sử dụng một cô gái bị quỷ ám là người đã làm cho các chủ mình được giàu có bằng cách bói khoa. Khi Phao-lô và “nhóm” của ông theo thường lệ đến nơi cầu nguyện, vẫn làm chứng cho người hư mất, cô gái này cứ liên tục la hét đằng sau họ, “những người này là đầy tớ của Đức Chúa Trời tối cao, Đấng bày tỏ cho chúng ta con đường cứu rỗi!” Phao-lô không muốn Phúc Âm hoặc danh Đức Chúa Trời được “đề cao” bởi một trong số tội mọi của Sa-tan, vì vậy ông đuổi quỷ ra. Suy cho cùng, Sa-tan có thể nói lẽ thật phút trước, phút sau đã nói dối rồi, và những người không được cứu sẽ không biết sự khác biệt.

Các chủ đã không có sự quan tâm đối với cô gái, họ chỉ quan tâm về lợi nhuận cô đem lại, và giờ đây lợi nhuận ấy đã hết (sự xung đột giữa tiền bạc và chức vụ thường xuất hiện trong Cong 5:1-11 8:18-24 19:23 20:33-34). Sự trông cậy duy nhất của họ là luật pháp Rô-ma, và họ nghĩ họ có một vụ kiện khá tốt vì các nhà truyền giáo là người Do Thái và đang truyền bá một tôn giáo không được Rô-ma chấp thuận. Bị lay động bởi những thành kiến tôn giáo và chủng tộc, các quan toà đã hành động hấp tấp và không điều tra vấn đề đầy đủ. Sự xao lãng nhiệm vụ của họ sau đó đã đem đến cho họ sự bẽ bàng.

Tại sao Phao-lô và Si-la đã không biện hộ cho quyền công dân Rô-ma của mình? (22:25-29 25:11-12). Có lẽ đã không có thời gian hoặc có lẽ Phao-lô đang để dành vũ khí đó cho sự sử dụng tốt hơn sau này. Ông với Si-la đều bị lột trần và bị đánh (ICo 11:23,25) và bị giam vào tù trong thành. Đó có vẻ như việc làm chứng trong thành Phi-líp đã kết thúc, nhưng Đức Chúa Trời đã có những kế hoạch khác.

Thay vì phàn nàn hoặc cầu xin Đức Chúa Trời đoán phạt kẻ thù mình, hai người đã cầu nguyện và ngợi khen Đức Chúa Trời. Khi bạn ở trong sự đau đớn, giờ ban đêm không phải là giờ dễ dàng nhất cho một buổi hoà nhạc thiêng liêng, nhưng Đức Chúa Trời ban “những bài ca giữa ban đêm” (Giop 35:10 Thi 42:8). Charles Hadson Spurgeon đã nói: “Bất kỳ kẻ đại đột nào cũng có thể hát giữa ban ngày. Thật dễ dàng khi chúng ta có thể đọc các nốt nhạc nhờ ánh sáng ban ngày nhưng ca sĩ tài ba là người có thể hát khi không có một tia sáng để đọc... Những bài ca giữa ban đêm chỉ đến từ Đức Chúa Trời chúng không ở trong quyền năng của loài người”.

Sự cầu nguyện và ngợi khen là những vũ khí mạnh mẽ (IISu 20:1-22 Cong 4:23-27). Đức Chúa Trời đã đáp ứng bằng cách làm rung động các nền ngục, mở mọi cửa, và tháo các xiềng của những tù nhân. Lẽ ra họ đã có thể chạy trốn để được tự do, nhưng ngược lại họ đã ở lại ngay nơi mình đang ở. Phao-lô đã lập tức kiềm chế và chắc chắn sự kính sợ Đức Chúa Trời đã ở trên những người ngoại đạo này. Các tù nhân hẳn đã nhận ra rằng có điều gì đó rất đặc biệt về hai người truyền đạo Do Thái đó!

Sự chú ý của Phao-lô tập trung vào người quản lý nhà lao, người mà ông thật sự muốn thu phục cho Đấng Christ. Một luật của Rô-ma cho biết nếu một lính gác làm mất một tù nhân, người đó bị chịu cùng hình phạt mà tù nhân lẽ ra sẽ nhận, vì vậy hẳn phải có một số người trong ngục đã phạm những trọng tội. Người quản lý nhà lao thà tự sát còn hơn là đối diện với sự nhục nhã và sự hành hình. Một người có lòng sắt đá tìm cách báo thù sẽ để cho người quản lý nhà lao tàn bạo tự tử, nhưng Phao-lô không phải là loại người đó (Mat 5:10-12,43-48). Chính người quản lý nhà lao là tù phạm chứ không phải Phao-lô và Phao-lô không những đã cứu mạng sống người này, mà còn chỉ cho ông ta sự sống đời đời trong Đấng Christ.

“Tôi phải làm chi cho được cứu rỗi?” là tiếng kêu khóc của những người hư mất khắp thế giới, và tốt hơn chúng ta nên cho họ câu trả lời đúng đắn. Những người sống theo luật pháp trong Hội Thánh có lẽ sẽ đáp. “Nếu bạn không chịu cắt bì theo phong tục của Môi-se, bạn không thể được cứu” (Cong 15:1). Nhưng Phao-lô đã biết câu trả lời đúng. Đức tin trong Chúa Giê-xu Christ. Trong sách công vụ, sự nhấn mạnh là về đức tin trong Chúa Giê-xu Christ mà thôi (2:38-39 4:12 8:12,37 10:10-43 13:38-39).

Nhóm từ “và cả nhà người” không có nghĩa là đức tin của người quản lý nhà lao sẽ tự động đem sự cứu rỗi đến cho gia đình ông. Mỗi tội nhân phải tin nhận Đấng Christ cách cá nhân để được tái sinh, vì chúng ta không thể được cứu “bởi sự uỷ quyền”. Nhóm từ này có nghĩa là “và người nhà người sẽ được cứu nếu họ cũng tin”. Chúng ta đừng tưởng tượng câu nói này ra sự cứu rỗi những trẻ vị thành niên (bởi hoặc không bởi phép báp-tem) vì rõ ràng là Phao-lô nói đến những người đủ lớn để nghe đạo (Cong 16:32) để tin và để vui mừng (Cong 16:34).

Điều gọi là “sự cứu rỗi người nhà” không có cơ sở gì trong Lời Đức Chúa Trời. Đó là quyết định của người chủ gia đình đem đến sự cứu rỗi cho những thành viên của gia đình. Những người trong gia đình của Cọt-nây đủ lớn để đáp ứng sự kêu gọi của ông (10:24) và tin nhận (10:44 11:15-17 15:7-9). Người nhà của Cơ-rít-bu gồm những người đủ lớn để nghe và tin Lời Đức Chúa Trời (18:8). Không có gợi ý nào ở đây cho thấy những người lớn đã quyết định cho những trẻ vị thành niên hay trẻ con.

Thật cảm động để thấy sự thay đổi trong thái độ của người đề lao khi ông rửa vết thương của hai tù nhân mà giờ đây là anh em của ông trong Đấng Christ. Một trong



những chứng cứ của sự ăn năn thật là một sự khao khát đầy yêu thương muốn đền bù và chuộc lỗi mỗi khi ta làm tổn thương người khác Chúng ta không chỉ nên rửa chân người khác (Gi 13:14-15), nhưng chúng ta còn phải rửa sạch những vết thương mình đã gây cho người khác nữa. Còn những tù nhân khác thì sao? Lu-ca không cho chúng ta chi tiết, nhưng có thể một số người cũng đã được tái sinh qua sự làm chứng của Phao-lô, Si-la và người quản lý nhà lao. Một số trong những tù nhân này có thể đang chờ đợi sự hành quyết, vì vậy hãy hình dung sự vui mừng của họ khi nghe một sứ điệp về sự cứu rỗi! Phao-lô và Si-la đã không nghĩ gì đến những đau đớn của họ khi họ vui mừng về điều Đức Chúa Trời đã làm trong người quản lý nhà lao thành Phi-líp kia! Chắc hẳn người quản lý nhà lao sau đó đã gia nhập với Si-la trong hội chúng.

Các quan chức trong thành biết rằng họ không có vụ kiện nào đáng thuyết phục chống lại Phao-lô và Si-la, nên họ đã nhả người quản lý nhà lao thả hai người ra. Tuy nhiên, Phao-lô không bằng lòng “lên ra ngoài thành” vì kiểu ra đi đó sẽ để lại cho Hội Thánh mới một đám mây ngờ vực. Người ta sẽ hỏi: “những người này là ai?”, “Tại sao họ ra đi nhanh như vậy? Những người theo họ tin điều gì?” Phao-lô và các cộng sự của ông muốn để lại đằng sau một chứng cứ mạnh mẽ về tính chính trực của họ cũng như một lời chứng tốt cho Hội Thánh sơ khai trong thành Phi-líp.

Chính lúc đó Phao-lô đã lợi dụng quyền công dân Rô-ma của mình và dạn dĩ thách thức những quan chức về tính hợp pháp của cách họ đối xử. Đây không phải là sự trả thù cá nhân nhưng là khao khát dành sự bảo vệ và tôn trọng cho Hội Thánh. Mặc dù sự ghi chép không nói rằng các quan tòa đã xin lỗi chính thức và công khai, nhưng nó nhận định rằng họ đã đến với Phao-lô và Si-la cách tôn trọng, hộ tống họ ra khỏi ngục, và lịch sử yêu cầu họ lìa khỏi thành. Phao-lô và Si-la đã ở lại trong thành Phi-líp đủ lâu để thăm viếng các tân tín hữu và khích lệ họ trong Chúa.

Khi bạn ôn lại chương này, bạn có thể thấy rằng công việc của Chúa tiến triển qua những khó khăn và thử thách. Đôi khi những người cộng sự có vấn đề với nhau, và đôi lúc những vấn đề đến từ bên ngoài. Cũng đáng chú ý là, không phải mọi tội nhân đều đến với Đấng Christ theo cùng một cách y như nhau. Ti-mô-thê đã được cứu phần nào nhờ ảnh hưởng của một người mẹ và người bà tin kính. Ly-đi đã được biến đổi nhờ một cuộc nói chuyện yên lặng với Phao-lô tại một buổi nhóm cầu nguyện của người Do Thái, trong khi sự qui đạo của người đề lao đầy kịch tính. Một phút trước ông là một người có khả năng tự sát, và phút sau ông là con cái Đức Chúa Trời!

Những con người khác nhau với những từng trải khác nhau, nhưng tất cả họ đều được thay đổi bởi ân điển Đức Chúa Trời.

Những người khác cũng như họ đang chờ đợi để được cho biết kế hoạch cứu rỗi giản đơn của Đức Chúa Trời.

Bạn sẽ giúp họ nghe chớ?

Trong sự làm chứng của riêng bạn cho Đấng Christ, bạn sẽ bạo dạn chăng?

## **14. ĐÁP ỨNG LỜI ĐỨC CHÚA TRỜI (Cong 17:1-33)**

Chương này mô tả chức vụ của Phao-lô ở 3 thành phố và cách một số dân chúng trong những thành ấy đã đáp ứng với Lời Đức Chúa Trời. Những bức tranh này là những bức ảnh chụp nhanh, không phải những bức tranh tường, vì bác sĩ Lu-ca đã



không cho chúng ta nhiều chi tiết. Tuy nhiên, khi chúng ta nghiên cứu ba đáp ứng khác nhau này, chúng ta hẳn có thể thấy thế giới hiện đại của chúng ta và hiểu rõ hơn điều gì để trông mong khi chúng ta tìm cách làm chứng cho Đấng Christ hôm nay.

## 1. Thành Tê-sa-lô-ni-ca: Chống lại đạo (Cong 17:1-9)

Theo con đường Egnatian nổi tiếng, Phao-lô và Si-la đã đi 100 dặm từ thành Phi-líp đến thành Tê-sa-lô-ni-ca (Ti-mô-thê không được đề cập lại cho đến Cong 17:14 nên ông có thể đã ở lại trong thành Phi-líp). Ở chừng mực chúng ta có thể nói, họ đã không dừng lại để thi hành chức vụ trong thành Am-phi-bô-lít hay thành A-bô-lô-ni. Có lẽ đã không có nhà hội nào trong các thành đó, và Phao-lô chắc chắn mong muốn những tân tín hữu trong thành Phi-líp mang sứ điệp đến những người lân cận của họ. Đó là chủ trương của Phao-lô để thi hành chức vụ trong những thành phố lớn hơn và khiến chúng trở thành những trung tâm để rao Phúc Âm cho cả một khu vực (19:10,26 ITe 1:8).

Phao-lô biết rằng Tê-sa-lô-ni-ca (Sa-lô-ni-ca ngày nay của chúng ta) là một thành chiến lược cho công việc của Chúa. Nó không chỉ là thủ phủ của xứ Ma-xê-đoan, nó còn là một trung tâm mua bán, chỉ bị cạnh tranh với thành Cô-rinh-tô. Nó nằm trên nhiều tuyến đường mậu dịch, và lấy làm hãnh diện về một bến cảng nổi tiếng. Thành phố mang nặng sắc thái Hy Lạp, mặc dù nó được Rô-ma điều khiển. Tê-sa-lô-ni-ca là một “thành phố tự do”, nghĩa là nó có một hội đồng lập pháp của những công dân được chọn, nó có thể phát hành những đồng tiền của riêng mình, và nó không có một đơn vị đồn trú nào của La Mã phía trong những bức tường thành.

Phao-lô đã lao động với nghề may trại của mình (Cong 18:3 ITe 2:9 ITe 3:7-10), nhưng vào ngày Sa-bát đã thi hành chức vụ trong nhà hội Do Thái nơi ông biết mình sẽ tìm thấy cả người Do Thái lẫn dân ngoại mộ đạo, “những người tìm kiếm Đức Chúa Trời” và những người mới theo đạo Do Thái. Sự làm chứng này đã tiếp diễn chỉ được ba kỳ lễ Sa-bát sau đó ông phải thi hành chức vụ bên ngoài nhà hội. Chúng ta không biết chính xác Phao-lô đã ở lại trong thành Tê-sa-lô-ni-ca bao lâu, nhưng thời gian đó đủ để nhận sự giúp đỡ tài chính hai lần từ Hội Thánh tại thành Phi-líp (Phi 4:15-16). Hãy đọc ITe 1:1-10 để biết cách Đức Chúa Trời đã chúc phước cho chức vụ của Phao-lô và cách sứ điệp đã lan ra từ thành Tê-sa-lô-ni-ca đến những nơi khác. Đó không phải là một chức vụ kéo dài, nhưng là một chức vụ hiệu quả.

Bốn từ chính trong Cong 17:2-3 mô tả cách tiếp cận của Phao-lô đối với hội chúng nhà hội Trước hết, ông biện luận nghĩa là ông đối thoại với họ qua những câu hỏi và câu trả lời. Ông giải thích (“mở”) Kinh Thánh của họ và chứng minh (“dẫn chứng”) rằng Chúa Giê-xu thật sự là Đấng Mê-si-a. Từ được dịch là “dẫn chứng” có nghĩa “đồng thời xác nhận, chứng minh bằng cách đưa ra chứng cứ. “Vị sứ đồ đã đặt trước họ bằng chứng này đến bằng chứng khác trong Cựu Ước rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Đức Chúa Trời Đấng Mê-si-a.

Phao-lô thận trọng tuyên bố (“rao giảng”) sự chết và sự phục sinh của Chúa Giê-xu, đó là sứ điệp của Phúc Âm (ICo 15:1). Trong những bài giảng ở Công vụ, bạn sẽ thấy một sự nhấn mạnh về sự phục sinh, vì các tín đồ đã được kêu gọi để làm những chứng nhân về sự phục sinh của Ngài (Cong 1:21-22 2:32 3:15 5:32). Tấn sĩ John R.W.Stott nói rằng: “Cơ Đốc giáo trong chính thực chất của nó là một tôn giáo về sự phục sinh, khái niệm về sự phục sinh nằm ở trung tâm của nó. Nếu bạn bỏ khái niệm ấy đi, Cơ Đốc giáo bị tiêu diệt”.

Như kết quả của chức vụ trong ba tuần, Phao-lô đã thấy số đông người tin, đặc biệt là những người Hy Lạp mới theo đạo và những phụ nữ có uy thế Trong số những người đàn ông có A-ri-tac và Sê-cun, những người sau đó đã ra đi với Phao-lô (20:4). Nhóm từ của Lu-ca “không ít” (Cong 17:4,12) là một cách nói “Đó là một đám đông lớn”.

Nhưng những kết quả này đã không đem lại sự vui mừng cho mọi người. Những người Do Thái không tin đã ghen ghét sự thành công của Phao-lô và không hài lòng thấy người ngoại và những phụ nữ có uy thế rời khỏi nhà hội. Phao-lô hy vọng rằng sự cứu rỗi người ngoại sẽ “khích” dân Do Thái trong sự nghiên cứu Kinh Thánh và khám phá Đấng Mê-si-a đã hứa của họ (Ro 11:13-14), nhưng trong trường hợp này, nó chỉ khích họ trong sự bắt bớ Hội Thánh sơ khai.

Dân Do Thái muốn kéo những nhà truyền giáo đến trước hội đồng thành phố của họ (“dân chúng” (Cong 17:5 Cong 19:30), vì vậy họ tạo ra một cuộc nổi loạn để gây sự chú ý của các quan toà. Không thể tìm thấy các nhà truyền giáo, đám đông kéo Gia-sôn, chủ nhà của Phao-lô và các bạn ông, và bắt người ấy cùng một số tín đồ thay vào đó. Những lời kiện cáo của dân Do Thái giống như những lời kiện cáo đã được sử dụng ở cuộc xét xử Chúa Giê-xu: làm náo động sự hoà bình và đề xướng sự phản nghịch (Lu 23:2). Tội lỗi của họ là tội “nói rằng có một vua khác, một Giê-xu”.

Từ Hy Lạp được dịch là “khác” có nghĩa “khác về một loại khác” đó là một vua không giống như Sê-sa. Khi bạn đọc hai bức thư Tê-sa-lô-ni-ca, bạn thấy sự nhấn mạnh ông trình bày trong Tê-sa-lô-ni-ca về vương quyền của Đấng Christ và lời hứa về sự tái lâm của Ngài. Dĩ nhiên, vương quốc của Chúa không mang tính chất chính trị, cũng không “thuộc thế gian này” (Gi 18:36-37), nhưng chúng ta không thể mong những kẻ ngoại đạo không được cứu hiểu điều này.

Vương quyền của Chúa Giê-xu không giống vương quyền của những người thống trị thế gian này. Ngài chinh phục bằng những đại sứ, không phải những quân đội, và vũ khí Ngài là chân lý và tình yêu. Ngài đem đến cho con người sự hoà bình bằng cách làm xáo trộn sự hoà bình và đảo ngược mọi sự! Ngài chiến thắng nhờ thập tự giá nơi Ngài đã chết cho một thế giới tội nhân hư mất. Ngài thậm chí đã chết thay kẻ thù Ngài! (Ro 5:6-10).

Đám đông đã bị khích động vì họ không thể tìm thấy Phao-lô và Si-la, nên họ đành phải bằng lòng với biện pháp thứ 2 và đạt đến một giao kèo hoà giải chống lại những người đó. Gia-sôn phải nộp tiền và bảo đảm rằng Phao-lô với Si-la rời thành và không trở lại. Có thể Gia-sôn là một người bà con của Phao-lô, điều này làm cho sự thực hiện này thậm chí có ý nghĩa hơn (Ro 16:21). Phao-lô nhìn thấy sự cấm đoán này là một phương kế của Sa-tan để ngăn trở công việc (ITe 2:18) nhưng nó chắc chắn không ngăn trở Hội Thánh Tê-sa-lô-ni-ca “vang khắp thế giới” và chinh phục kẻ hư mất (ITe 1:6-9).

## **2. Thành Bê-rê: Tiếp nhận đạo (Cong 17:10-15)**

Dưới màn đêm, Phao-lô và Si-la đã rời thành và thẳng đến thành Bê-rê, cách xa khoảng 40 dặm. Dường như Ti-mô-thê ở cùng họ, vì ông có thể đang làm việc trong thành Phi-líp. Sau đó, ông sẽ gặp Phao-lô ở thành A-thên (Cong 17:15) và được sai đến thành Tê-sa-lô-ni-ca để khích lệ Hội Thánh trong bất kỳ bắt bớ (ITe 3:1). Vì Ti-mô-thê là người ngoại, và đã không hiện diện khi sự khó khăn khởi phát, ông đã có thể

thi hành chức vụ trong thành cách tự do. Sợi dây hoà bình đã có thể ngăn giữ Phao-lô, nhưng nó sẽ không ứng dụng cho người phụ tá trẻ tuổi của Phao-lô.

Phao-lô đã vào trong nhà hội và ở đó phát hiện một nhóm người thiết tha quan tâm đến việc nghiên cứu Kinh Thánh Cựu Ước. Thật ra, họ đã nhóm lại hằng ngày để nghiên cứu Kinh Thánh nhằm xác định điều Phao-lô nói có đúng hay không. Phao-lô vui mừng về cách dân sự trong thành Ê-sa-lô-ni-ca tiếp nhận Lời Chúa (ITe 2:13), vì vậy “những người Ê-rê cao quý này hẳn đã thật sự khích lệ lòng ông. Tất cả chúng ta nên bắt chước những người Ê-rê này bằng cách trung tín học Lời Đức Chúa Trời hằng ngày, thảo luận, và kiểm tra những sứ điệp mình nghe.

Đức Chúa Trời đã dùng Lời Ngài nên nhiều người đã tin nhận Đấng Christ. Một trong những người qui đạo là Sô-ba-tê, người sau đó đã giúp đỡ Phao-lô (Cong 20:4). Ông có thể chính là người (Sô-xi-ba-tê) sau đó đã gửi lời chào thăm đến các Cơ Đốc nhân trong thành Rô-ma (Ro 16:21).

Một lần nữa, Sa-tan đã đem kẻ thù đến nơi và những người Do Thái không tin từ thành Ê-sa-lô-ni-ca đến thành Ê-rê và khuấy động dân chúng (ITe 2:13-20). Những người này bằng cách nào đã nghe rằng Phao-lô và Si-la đang thi hành chức vụ trong thành Ê-rê? Có lẽ sự làm chứng đang phát triển của các tín đồ Ê-rê đã lan đến Ê-sa-lô-ni-ca, hoặc có thể kẻ gây rối nào đó đã đem sứ điệp đến các bạn hẳn trong thành Ê-sa-lô-ni-ca. Sa-tan cũng có những “nhà truyền giáo” của nó và họ thật bận rộn (ICo 11:13-15).

Các tín đồ thành Ê-rê đã thắng hơn Sa-tan bằng cách đem Phao-lô đến biển và đưa ông lên một con tàu hướng đến thành A-thên. Một lần nữa, Phao-lô phải rời khỏi một nơi rất tốt cho chức vụ và bỏ lại những người thân yêu ông thương mến. Si-la và Ti-mô-thê sau đó đã gặp lại Phao-lô ở A-thên, và lúc đó Ti-mô-thê được cử đến thành Ê-sa-lô-ni-ca để giúp các thánh đồ ở đó (ITe 3:1-6). Si-la cũng được cử đi với nhiệm vụ đặc biệt ở nơi nào đó trong xứ Ma-xê-đoan (thành Phi-líp?) và sau đó cả hai người đã gặp Phao-lô ở thành Cô-rinh-tô (Cong 18:1-5).

### **3. Thành A-thên: nhạo báng đạo (Cong 17:16-34)**

Phao-lô đã đến thành phố lớn A-thên, không như một khách tham quan, nhưng như một người chinh phục linh hồn. Ông Noel O.Lyons quá cố, nhiều năm là hội trưởng của hội Greater Europe Mission, thường nói, “Châu Âu được hằng triệu khách tham quan xem xét và bị hằng triệu Cơ Đốc nhân bỏ qua”. Ngày nay Châu Âu cần Phúc Âm cũng như đã cần trong thời Phao-lô, và chúng ta không dám bỏ lỡ những cơ hội. Như Phao-lô chúng ta phải có những đôi mắt mở to và những tấm lòng tan vỡ.

- Thành phố: A-thên đã ở trong thời kỳ xuống dốc vào lúc này dù vẫn được nhận biết là một trung tâm văn hoá và giáo dục. Vinh quang về chính trị và thương mại của thành đã biến mất dần kể từ đó. Thành có một trường đại học nổi tiếng và nhiều toà nhà lộng lẫy, nhưng nó đã không phải là một thành phố có ảnh hưởng như trước đó. Thành được cống hiến cho “văn hoá đa thần” được nuôi dưỡng bởi sự thờ thần tượng, việc mới lạ (Cong 17:21) và triết học.

Conybeare và Howson đã viết trong tác phẩm kinh điển “Đời sống và những thư tín của Phao-lô” rằng: “Tôn giáo Hy Lạp chỉ là một sự thần hoá những biểu trưng của con người và những sức mạnh của thiên nhiên. Đó là một tôn giáo phục vụ nghệ

thuật và sự giải trí, và hoàn toàn thiếu sức mạnh đạo đức”. Những chuyện thần thoại nói về các thần và các nữ thần mà trong sự tranh đua tham vọng của họ, đã hành động giống con người hơn là các thần và có nhiều vị thần để chọn lựa. Một người dí dỏm đã nói đùa rằng trong thành A-thên tìm thấy một vị thần dễ hơn tìm thấy một người. Phao-lô đã thấy rằng thành này “hoàn toàn được dành cho sự thờ thần tượng”, và nó làm tan vỡ lòng ông.

Chúng ta ngày nay khâm phục điêu khắc và kiến trúc Hy Lạp như những tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ, nhưng trong thời Phao-lô, nhiều thứ đã trực tiếp kết hợp với tôn giáo của họ. Phao-lô biết rằng sự thờ thần tượng thuộc ma quỷ (ICo 10:14-23) và nhiều thần của người Hy Lạp chỉ là những nhân vật duy nhất trong các câu chuyện, không thể thay đổi đời sống con người (ICo 8:1-6). Với tất cả văn hoá và sự khôn ngoan của mình, dân Hy Lạp đã không biết Đức Chúa Trời chân thật (ICo 1:18-25).

Đối với sự mới lạ, đó là sự đeo đuổi chính của cả dân thành thị lẫn khách tham quan (Cong 17:21). Giờ nhàn rỗi của họ được dành để nói hoặc nghe “điều mới nào đó”. Eric Hoffer đã viết rằng “việc sợ trở nên ‘lỗi thời’ làm cho một số người chẳng trở nên gì cả”. Người săn đuổi những cái mới và phớt lờ những cái cũ chẳng bao lâu khám phá rằng mình không có những rễ sâu để nuôi dưỡng đời sống. Người đó cũng khám phá rằng không có điều gì thật sự mới chỉ vì những ký ức của chúng ta nghèo nàn (Tr 1:8-11).

Thành này cũng được dành cho triết học. Khi bạn nghĩ đến Hy Lạp tự nhiên bạn nghĩ đến Socrates và Aristotle cùng vô số những nhà tư tưởng khác có những tác phẩm vẫn được người ta đọc và nghiên cứu ngày nay. Bình luận viên báo chí Franklin P. Adams có lần đã định nghĩa triết học là những sự trả lời khó hiểu đối với những vấn đề không thể giải quyết được” nhưng người Hy Lạp có lẽ sẽ không đồng ý với ông. Họ sẽ đi theo Aristotle người đã gọi triết học là “khoa học xem xét chân lý”.

Phao-lô phải đối đầu với hai triết lý đối lập khi ông làm chứng trong thành A-thên, những triết lý của phái Epicureans” với sự theo đuổi lạc thú và sự yêu thích “cuộc sống tuyệt vời” đặc biệt là thức ăn tuyệt vời. Nhưng triết học phái Epicurean có liên quan nhiều hơn thế. Theo một ý nghĩa, người sáng lập Epicurus là một “người theo thuyết hiện sinh” trong đó ông tìm kiếm chân lý bằng phương tiện kinh nghiệm riêng chứ không qua lý luận. Những người theo phái Epicurean là những người duy vật và vô thần, và mục tiêu của họ trong đời sống là lạc thú. Đối với một số người, “lạc thú” nghĩa là điều hết sức thuộc thế, nhưng đối với những người khác, nó có nghĩa là một đời sống thanh bình tao nhã, thoát khỏi đau khổ và lo âu. Người theo phái Epicurean thật thường tránh những thái cực và tìm cách hưởng cuộc đời bằng việc giữ cho mọi sự được quân bình, nhưng lạc thú vẫn là mục tiêu số một của người ấy.

Những người phái Stoics loại bỏ sự sùng bái thờ phượng của người tà giáo và dạy rằng có một “Đức Chúa Trời của thế giới”. Họ là những người theo thuyết phiếm thần, và sự nhấn mạnh của họ là về kỷ luật cá nhân và tự chủ. Lạc thú không tốt và đau khổ không phải là xấu. Điều quan trọng nhất trong đời sống là đi theo lý trí của mình và tự lo liệu, không bị lay động bởi những cảm xúc bên trong hay những hoàn cảnh bên ngoài. Dĩ nhiên, một triết lý như vậy chỉ thổi bùng những ngọn lửa kiêu ngạo và dạy con người rằng họ không cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời. Thật thú vị là hai lãnh đạo đầu tiên của trường phái Stoic đã tự sát.

Những người phái Epicurean đã nói “Hãy hưởng cuộc sống!” và những người phái Stoics nói: “hãy chịu đựng cuộc sống!” nhưng nó vẫn để Phao-lô giải thích cách họ có thể bước vào sự sống nhờ đức tin nơi Con Đức Chúa Trời đã sống lại.

- Sự làm chứng. “Ở lại một mình tại A-thên” (ITe 3:1) Phao-lô nhìn thấy thành phố đầy thần tượng và tâm trí ông “bị khuấy động” (cùng từ như “sự cãi vã” trong Cong 15:39 - “cơn bộc phát”). Vì vậy, ông đã lợi dụng những cơ hội sẵn có để chia sẻ tin tức tốt lành về Phúc Âm. Theo như thông lệ, ông đã “đối thoại” trong nhà hội với người Do Thái, nhưng ông cũng đã làm chứng trong nơi họp chợ cho người Hy Lạp. Bất cứ ai sẵn sàng nói chuyện đều được Phao-lô tiếp đón vào “các lớp học” hằng ngày của ông.

Không mất thời gian lâu để những nhà triết học nghe về “điều mới” này đang diễn ra trong nơi họp chợ, và họ đã đến và lắng nghe Phao-lô và có lẽ đã tranh luận với ông. Khi lắng nghe, họ đã bày tỏ hai đáp ứng khác nhau. Một nhóm người chế nhạo Phao-lô với những sự dạy dỗ của ông và gọi ông là “kẻ nói nhảm”. Từ này có nghĩa đen là “những con chim nhặt hạt”, và nó chỉ về một người nào đó thu thập những ý niệm khác nhau và dạy như của chính mình những tư tưởng vay mượn từ những người khác. Đó không phải là một mô tả rất tâng bốc về nhà truyền giáo và nhà thần học vĩ đại nhất của Hội Thánh.

Nhóm thứ hai mơ hồ nhưng có quan tâm. Họ nghĩ Phao-lô tin như chính họ đã tin nơi nhiều thần, vì ông đang rao giảng “Chúa Giê-xu và Anatasís” (từ Hy Lạp về “sự phục sinh”). Từ được dịch là “rao giảng” trong Cong 17:18 nghĩa là “rao giảng Phúc Âm”. Những người nói rằng Phao-lô đã thay đổi những chiến thuật giảng Phúc Âm ở A-thên hy vọng lôi cuốn những người trí thức, đã không hiểu vấn đề. Ông đã rao giảng Phúc Âm ở A-thên dạn dĩ cũng như ông đã làm ở thành Bê-rê và sẽ làm vậy trong thành Cô-rinh-tô.

- Sự bảo vệ. Hội đồng ở A-rê-ô-pa chịu trách nhiệm giám sát tôn giáo và giáo dục trong thành, vì vậy điều tra: “học thuyết mới” Phao-lô đang dạy là điều tự nhiên đối với họ. Họ lịch sự mời Phao-lô trình bày học thuyết của ông tại một buổi họp không chính thức của hội đồng trên đồi Mars. Phao-lô không bị xét xử, các thành viên hội đồng chỉ muốn ông giải thích điều ông đã nói cho dân chúng trong nơi họp chợ. Xét cho cùng, cuộc sống ở thành A-thên bao gồm nghe và nói những điều mới, và Phao-lô đã có điều mới gì đó!

Sứ điệp của Phao-lô là một kiệt tác về sự truyền thông. Ông đã bắt đầu ngay tại chỗ dân chúng bằng cách chỉ bàn thờ của họ được dâng cho một Chúa không biết. Khơi dậy được sự chú ý của họ, Phao-lô bắt đầu giải thích Đức Chúa Trời là ai và Ngài thể nào. Ông kết thúc bằng một ứng dụng cá nhân và để mỗi thành viên của hội đồng đối diện với một quyết định hợp đạo đức, và một số người đã quyết định chọn Chúa Giê-xu Christ.

Phao-lô đã mở lời bằng một lời khen: “Ta thấy rằng trong mọi phương diện quý vị rất mộ đạo. Thật ra, mộ đạo đến nỗi họ có cả một bàn thờ cho “Chúa không biết”, để tránh có vị phúc thần nào đó bị bỏ quên. Nếu họ không biết vị thần này, làm sao họ có thể thờ phượng Ngài? Hoặc làm sao người có thể giúp họ? Đó là Đức Chúa Trời này mà Phao-lô công bố.

Trong sứ điệp này, tương tự như bài giảng của ông tại thành Lít-tơ (14:15-17), Phao-lô đã chia sẻ bốn chân lý cơ bản về Đức Chúa Trời.



(1). Sự vĩ đại của Đức Chúa Trời: Ngài là Đấng tạo hoá (Cong 17:24). Mọi người có suy nghĩ đều hỏi: “Tôi từ đâu đến? Tại sao tôi có mặt ở đây? Tôi sẽ đi đâu?” Khoa học cố gắng trả lời câu hỏi thứ nhất, và triết học vật lộn với câu hỏi thứ hai, nhưng chỉ có Cơ Đốc giáo có một sự trả lời thoả đáng cho cả ba câu hỏi. Những người phái Epicureans, là những người vô thần, đã nói rằng tất cả là vật chất và vật chất luôn như vậy. Những người phái Stoics tất cả mọi sự là Đức Chúa Trời, thần linh của vũ trụ. Đức Chúa Trời chẳng tạo ra bất cứ điều gì Ngài chỉ xếp đặt vật chất và đóng dấu trên nó “luật và trật tự” nào đó.

Nhưng Phao-lô đã dạn dĩ khẳng định: “Từ ban đầu, Đức Chúa Trời!” Đức Chúa Trời đã tạo nên thế giới và mọi vật trong đó, và Ngài là Chúa của tất cả những gì Ngài dựng nên. Ngài không phải là một Đức Chúa Trời ở xa, tách rời khỏi tạo vật của Ngài, Ngài cũng không phải là một Đức Chúa Trời bị giam cầm, bị bao bọc giữa sự sáng tạo. Ngài quá vĩ đại nên không thể bị chứa trong những đền thờ do con người tạo ra (IVua 8:27 Es 66:1-2 Cong 7:48-50), nhưng Ngài không phải quá vĩ đại mà không quan tâm đến những nhu cầu của con người (Cong 17:25). Chúng ta không biết các thành viên hội đồng phản ứng ra sao đối với nhận định của Phao-lô về các đền thờ, vì ngay Acropolis có nhiều đền thờ dành cho thần Athena.

(2). Sự nhân lành của Đức Chúa Trời, Ngài là Đấng chu cấp (Cong 17:25). Con người có thể tự hào trong sự hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng hầu việc con người. Nếu Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, vậy Ngài tự lo liệu và không cần điều gì con người có thể cung cấp. Những đền thờ không những không chứa được Đức Chúa Trời, mà những lễ nghi trong các đền thờ đã không thêm gì cho Đức Chúa Trời! Trong hai nhận định ngắn gọn, Phao-lô đã hoàn toàn xoá sạch cả hệ thống tôn giáo của Hy Lạp!

Chính Đức Chúa Trời là Đấng ban cho chúng ta điều chúng ta cần, “...sự sống, hơi thở và mọi sự”. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi sự ban cho tốt lành và trọn vẹn (Gia 1:17). Ngài ban cho chúng ta sự sống và Ngài duy trì sự sống đó bằng sự nhân lành của Ngài (Mat 5:45). Chính sự nhân lành của Đức Chúa Trời phải dẫn con người đến sự ăn năn (Ro 2:4). Nhưng thay vì thờ phượng Đấng Tạo Hoá và làm vinh hiển Ngài, con người lại thờ phượng tạo vật của Ngài và làm vinh hiển chính mình (Ro 1:18-25).

(3). Sự cai trị của Đức Chúa Trời: Ngài là Đấng thống trị (Cong 17:26-29). Các thần của người Hy Lạp là những con người ở xa không hề quan tâm đến những vấn đề và nhu cầu của con người. Nhưng Đức Chúa Trời của sự sáng tạo cũng là Đức Chúa Trời của lịch sử và địa lý! Ngài đã tạo nên loài người “từ một người” (Cong 17:26) để mọi dân tộc được tạo ra từ cùng một chất và cùng một huyết. Những người Hy Lạp cảm thấy rằng họ là một chủng tộc đặc biệt, khác với các dân tộc khác. Nhưng Phao-lô đã khẳng định ngược lại. Ngay cả xứ sở quý báu mà họ tôn kính đã đến như một sự ban cho từ Đức Chúa Trời. Đó không phải là quyền của con người, nhưng là sự tế tri của Đức Chúa Trời, quyết định sự hưng vong của các dân tộc (Da 4:35).

Đức Chúa Trời không phải là một vị thần ở xa “Ngài chẳng ở xa mỗi một người trong chúng ta” (Cong 17:27). Vì vậy con người phải tìm kiếm Đức Chúa Trời và nhận biết Ngài trong chân lý. Ở đây Phao-lô đã trích dẫn thi sĩ Epimendes “vì trong Ngài, chúng ta được sống, động và có”. Rồi ông thêm vào một trích dẫn của hai thi sĩ “vì chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài”. Phao-lô không nói rằng mọi người trên đất đều là con cái thuộc linh của Đức Chúa Trời, vì tội nhân trở nên con cái Đức Chúa Trời

chỉ bởi đức tin trong Chúa Giê-xu (Gi 1:11-13). Đúng hơn, ông đang khẳng định “quyền làm Cha của Đức Chúa Trời” theo ý niệm tự nhiên, vì con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sa 1:26). Trong ý nghĩa này, A-đam là “con của Đức Chúa Trời” (Lu 3:38).

Điều này dẫn đến kết luận hợp lý của Phao-lô: Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta theo hình ảnh Ngài, nên thật đại dột cho chúng ta khi tạo ra các thần theo hình ảnh của chính mình! Tôn giáo Hy Lạp chỉ là sự chế tạo và thờ phượng các thần, nhưng vị đã được lấy mẫu theo con người và hành động giống con người. Phao-lô không chỉ chứng minh sự điên rồ của những đền thờ và những lễ nghi trong đền thờ, mà còn chứng minh sự ngu xuẩn của cả sự thờ thần tượng.

4). Ân điển của Đức Chúa Trời: Ngài là Đấng Christ (Cong 17:30-31). Khi kết thúc sứ điệp, Phao-lô tóm tắt những chứng cứ rõ ràng về ân điển của Đức Chúa Trời. Trái bao thế kỷ, Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn với tội lỗi và sự ngu dốt của loài người (14:16 Ro 3:25). Điều này không có nghĩa là con người đã không phạm tội (Ro 1:19-20), nhưng chỉ có nghĩa là Đức Chúa Trời đã kìm nén cơn thịnh nộ thiêng liêng của Ngài. Vào thời điểm thích hợp, Đức Chúa Trời đã ban một Đấng Christ, và giờ đây Ngài ra lệnh mọi người phải ăn năn về những lối sống đại dột của mình. Đấng Christ này đã bị giết và rồi được khiến sống lại từ cõi chết, và một ngày nào đó, Ngài sẽ tái lâm để xét đoán thế gian. Bằng chứng Ngài sẽ xét đoán là Ngài đã được khiến sống lại từ cõi chết.

Đó là giáo lý về sự sống lại mà hầu hết các thành viên Hội đồng không thể chấp nhận. Đối với một người Hy Lạp, thân thể chỉ là một nhà tù và một người lìa bỏ thân xác mình càng sớm, người ấy sẽ càng sung sướng hơn. Tại sao khiến một thân thể chết sống lại và sống trong đó lần nữa? Sự dạy dỗ loại này hoàn toàn không hợp với triết học Hy Lạp. Họ tin nơi sự bất tử, nhưng không tin nơi sự sống lại.

Có ba đáp ứng khác nhau đối với sứ điệp. Một số người đã cười cợt, chế nhạo và không nhận sứ điệp của Phao-lô cách nghiêm túc. Những người khác đã quan tâm nhưng muốn nghe nhiều hơn. Một nhóm nhỏ đã chấp nhận điều Phao-lô rao giảng, tin nơi Chúa Giê-xu và được cứu. Chúng ta không biết những người khác đã tri hoãn quyết định cuối cùng có tin nhận Đấng Christ hay không Chúng ta hy vọng họ đã tin.

Khi bạn đối chiếu những kết quả dường như sơ sài ở thành A-thên với những mùa gặt lớn ở thành Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê, bạn bị thuyết phục để kết luận rằng chức vụ của Phao-lô ở đó là một thất bại thảm thương. Nếu bạn làm vậy, bạn có thể thấy mình đang đến gần một kết luận hấp tấp và sai lầm. Phao-lô đã không bị ra lệnh phải rời nơi này nên chúng tôi cho rằng ông đã nấn ná trong thành A-thên và tiếp tục dạy dỗ cho cả tín đồ lẫn người không tin. Những người A-thên kiêu ngạo, thạo đời, khôn ngoan sẽ không dễ dàng nhận sứ điệp Phúc Âm khiêm nhường của Phao-lô, đặc biệt là khi ông tóm tắt toàn bộ lịch sử Hy Lạp bằng nhóm từ “các đời ngu muội này”. Đất ở đây không sâu và nó chứa nhiều cỏ dại, nhưng đã có một mùa gặt nhỏ.

Và xét cho cùng, một linh hồn đáng giá cả thế gian!

Chúng ta vẫn cần những chứng nhân là những người sẽ xâm nhập vào “những hội trường của học viện” và trình bày Đấng Christ cho những người khôn ngoan trong thế gian này nhưng ngu dốt về sự khôn ngoan thật của thế giới hầu đến. “Không có nhiều người khôn ngoan theo xác thịt, chẳng nhiều kẻ quyền thế, chẳng nhiều kẻ sang

trọng được gọi” (ICo 1:26), nhưng một số người được gọi, và Đức Chúa Trời có thể sử dụng bạn để gọi họ.

Hãy đem Phúc Âm đến “A-thên” của bạn. Hãy bạo dạn!

## **15. LUÔN QUÁ SỚM CHỚ BỎ CUỘC (Cong 18:1-22)**

Một người đàn ông kia đang xúc tuyết khỏi đường lái xe của ông thì hai cậu bé mang những xuồng đến gần ông.

Một đứa hỏi: “Thưa ông, có xúc tuyết không? Chỉ hai đô-la thôi”

Bối rối, người đàn ông đáp: “Cậu không thấy rằng tôi đang tự làm đó sao?”

Cậu bé mạnh dạn nói: “Chắc chắn rồi, đó là lý do chúng tôi hỏi. Chúng tôi nhận hầu hết công việc của những người làm nửa chừng và cảm thấy muốn bỏ cuộc!”

Tấn sĩ V.Raymond Edman thường nói với các sinh viên tại Đại học Wheaton (Illinois), “luôn quá sớm để bỏ cuộc!” Và Charles Spurgeon đã nhắc nhở hội chúng Luân-đôn của ông, “Bởi sự kiên trì, con ốc sên đã đến được chiếc tàu (Nô-ê)”.

Thành Cô-rinh-tô với 200.000 dân, sẽ không phải là thành dễ dàng nhất để khởi đầu một Hội Thánh ở đó, nhưng đó là nơi Phao-lô đã đi sau khi rời A-thên. Và ông đã đi một mình! Sự ra đi khó khăn, nhưng vị sứ đồ đã không bỏ cuộc.

Tiếng tăm của Cô-rinh-tô về điều ác đã được biết đến khắp đế quốc La Mã (Ro 1:18-32 đã được viết tại thành Cô-rinh-tô!). Nhờ vào vị trí của nó, thành là một trung tâm về thương mại lẫn du lịch. Tiền bạc và sự truy lạc, cùng với những triết lý lạ và những tôn giáo mới, đã đến Cô-rinh-tô và lập cư ở đó. Cô-rinh-tô là thủ phủ của xứ A-chai và là một trong những thành phố quan trọng nhất Phao-lô đã thăm viếng Thành kia là Ê-phê-sô.

Khi Đức Chúa Trời mở các cửa, kẻ thù tìm cách đóng chúng, và có những lúc khi chúng ta đóng cửa trên chính mình vì chúng ta trở nên ngã lòng và bỏ cuộc. Khi Phao-lô thi hành chức vụ ở Cô-rinh-tô, Chúa chỉ ban cho ông những sự khích lệ ông cần để giúp ông tiếp tục, và chính những sự khích lệ này sẵn có cho chúng ta hôm nay.

### **1. Những người giúp việc tận tụy (Cong 18:1-5).**

Phao-lô đã đến thành Cô-rinh-tô sau chức vụ của ông dành cho các triết gia ở Hy Lạp, và ông quyết định ngợi khen Chúa Giê-xu và thập tự giá, nhờ cậy Thánh Linh, và trình bày Phúc Âm cách đơn giản (ICo 2:1-5). Có nhiều triết gia và các thầy giáo lưu hành ở thành Cô-rinh-tô, vợ vét trên số dân ngu dốt và mê tín, còn sự điệp và chức vụ của Phao-lô có thể dễ bị hiểu sai. Một cách Phao-lô đã biệt mình khỏi “những kẻ buôn bán tôn giáo” là bằng việc tự chu cấp với tư cách một thợ may trại. Nhờ sự tiên liệu của Đức Chúa Trời, ông đã gặp một cặp vợ chồng Do Thái, A-qui-la và Bê-rít-sin (Bơ-rít-ca, IITi 4:19), là những người thợ làm da như Phao-lô. Các ra-bi Do Thái đã không nhận tiền từ những học viên nhưng kiếm sống bằng cách làm một nghề. Mọi con trai Do Thái đều được trông mong học một nghề, cho dù họ có thể bước vào nghề chuyên môn nào. Các Ra-bi đã nói: “Ai không dạy con trai mình làm việc là dạy nó ăn cắp!” Vì vậy Sau-lơ ở Tạt-sơ đã học may lều da và tự hỗ trợ mình trong chức vụ (Cong 18:3 ICo 9:6-15 IICo 11:6-10).

A-qui-la và Bê-rít-sin có phải là những tín đồ Cơ Đốc lúc bấy giờ? Chúng ta không biết chắc chắn, nhưng có thể họ là tín đồ Cơ-đốc. Có lẽ họ thậm chí là những thành

viên sáng lập Hội Thánh ở Rô-ma. Chúng ta biết rằng đôi vợ chồng tận tụy này đã hầu việc trung tín nhất và ngay cả liều mạng sống vì Phao-lô (Ro 16:3-4). Họ đã giúp đỡ ông trong thành Ê-phê-sô (Cong 18:18-28) nơi họ thậm chí đã tiếp một Hội Thánh trong nhà mình (ICo 16:19). A-qui-la và Bê-rít-sin là một phần quan trọng của “nhóm” Phao-lô và ông cảm tạ Đức Chúa Trời về họ. Họ là một tấm gương tốt về cách “những người thi hành chức vụ không chuyên” có thể giúp đẩy mạnh công việc của Chúa. Mọi mục sư và truyền đạo hãy cảm tạ Đức Chúa Trời về những người như A-qui-la và Bê-rít-sin, những người có đôi tay, tấm lòng và nhà ở được dâng cho công việc của Chúa. Phao-lô đã sống và làm việc với A-qui-la cùng Bê-rít-sin, nhưng vào những ngày Sa-bát thì dạn dĩ làm chứng trong nhà hội. Xét cho cùng, đó là lý do ông đã đến thành Cô-rinh-tô. Khi Si-la và Ti-mô-thê từ xứ Ma-xê-đoan đến (Cong 17:14-15 18:5), họ đã đem viện trợ về tài chính (IICo 11:9), và điều này giúp Phao-lô có thể dành trọn thời gian cho việc rao giảng Phúc Âm. Hẳn là một sự vui mừng cho Phao-lô để nhìn thấy các bạn ông và nghe nơi họ những tin tức tốt lành về sự kiên định của Cơ Đốc nhân trong các Hội Thánh họ đã cùng gieo trồng (ITe 3:1-13).

Mọi người đồng ý rằng Phao-lô là một Cơ Đốc nhân vĩ đại và là một nhà truyền giảng Phúc Âm vĩ đại, nhưng một mình Phao-lô sẽ hoàn thành được bao nhiêu? Những người bạn như A-qui-la và Bê-rít-sin, Si-la và Ti-mô-thê, cùng những tín đồ rời rộng xứ Ma-xê-đoan, đã khiến Phao-lô có thể hầu việc Chúa cách hiệu quả. Các bạn Cơ Đốc của ông, mới và cũ, đã khích lệ ông vào thời điểm ông cần nhất.

Dĩ nhiên, điều này nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta nên khích lệ bạn bè mình trong công việc của Chúa. Ralph Waldo Emerson đã viết, “Đức Chúa Trời hiển nhiên không định cho chúng ta đều là bạn hữu”. “Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau, như vậy anh em sẽ làm trọn luật pháp của Đấng Christ” (Ga 6:2). Nói theo cách con người, sẽ không có Hội Thánh nào ở Cô-rinh-tô nếu không có sự tận tụy và sự hầu việc của nhiều người khác nhau.

## **2. Sự chống đối (Cong 18:6-8)**

Mỗi khi Đức Chúa Trời đang chúc phước một chức vụ, bạn có thể chờ đợi những sự chống đối gia tăng cũng như những dịp tiện gia tăng. “Vì một cái cửa lớn và có hiệu quả đã mở cho tôi, lại có nhiều kẻ đối địch” (ICo 16:9). Xét cho cùng, kẻ thù nổi giận khi chúng ta xâm nhập lãnh địa của nó và giải phóng những nô lệ của nó. Như ở thành Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê (Cong 17:5-13), những người Do Thái không tin, chối bỏ đạo, đã gây rắc rối cho Phao-lô và các bạn ông (ITe 2:14-16). Sự chống đối như vậy thường là bằng chứng Đức Chúa Trời đang hành động, và điều này phải khích lệ chúng ta. Spurgeon thường nói rằng ma quỷ không bao giờ đá một con ngựa chết!

Sự chống đối của người Do Thái đã buộc Phao-lô rời Tê-sa-lô-ni-ca và Bê-rê, nhưng trong thành Cô-rinh-tô, sự chống đối chỉ khiến ông quyết định ở lại đó và thực hiện công việc. Luôn quá sớm để bỏ cuộc! Giống như Christopher Columbus dũng cảm, Phao-lô đã có thể viết trong nhật ký mình, “Hôm nay, chúng tôi đã nhổ neo!”

Hai hình ảnh thú vị trong Cựu Ước được tìm thấy ở câu 6: Giũ áo là một hành động xét đoán rằng: “Các người đã có một dịp tiện, nhưng giờ đây dịp tiện qua rồi!” Hôm nay chúng ta đã có thể nói rằng chúng ta đang phải tay trước một hoàn cảnh (xem Ne 5:13 và so sánh Cong 13:51 với Ma 10:14). Mặc dù Phao-lô chưa bao giờ ngừng làm chứng cho dân Do Thái, nhưng sự kêu gọi chủ yếu của ông là truyền giảng Phúc Âm cho dân ngoại (13:46-48 28:28).

Có máu trên tay mình nghĩa là bạn mang trách nhiệm về sự chết của người khác vì bạn đã không trung tín cảnh cáo người đó. Hình ảnh này đến từ người canh giữ những bức tường thành có nhiệm vụ cảnh giác (báo cho biết nguy hiểm sắp đến. (Exe 3:17-21 33:1-9). Nhưng có máu trên đầu mình nghĩa là bạn đáng trách về sự xét đoán của chính mình. Bạn đã có cơ hội được cứu, nhưng bạn đã gạt bỏ (Gios 2:19). Tay Phao-lô tinh sạch (Cong 20:26), vì ông đã trung tín rao sứ điệp Phúc Âm. Dân Do Thái đã có máu họ trên đầu họ vì họ đã chối bỏ chân lý của Đức Chúa Trời.

Vào đúng lúc, Đức Chúa Trời đã đem người bạn khác vào đời sống của Phao-lô – người ngoại, Ti-ti-u Giút-tu kính sợ Đức Chúa Trời Một số nhà nghiên cứu nghĩ tên đầy đủ của ông là Gai-út Ti-ti-u Giút-tu và cho rằng ông là “Gai-út người tiếp đãi tôi” được đề cập trong Ro 16:23. Quan hệ giữa Gai-út và Cơ-rít-bu trong Cong 18:7 và ICo 114 chắc chắn có ý nghĩa.

Phao-lô đã ra đi từ nhà hội và bắt đầu sử dụng nhà của Ti-ti-u Giút-tu làm trạm rao giảng, ngay kế bên nhà hội! Đây chắc chắn là một quyết định khôn ngoan của Phao-lô, vì nó cho ông sự tiếp xúc liên tục với dân Do Thái và dân ngoại mới theo đạo. Và như một kết quả, ngay cả chủ nhà hội cũng qui đạo! Công việc của chủ nhà hội là bảo đảm rằng ngôi nhà hội được coi sóc và những lễ thờ phượng được duy trì đều đặn và trật tự. Chúng ta có ở đây một ví dụ khác về cả một gia đình trở lại cùng Chúa (Cong 10:24,44 16:15,34). Điều đó chắc đã khuấy động dân cư Do Thái trong thành Cô-rinh-tô dường nào!

Khi bạn xem xét chức vụ của Phao-lô trong thành Cô-rinh-tô, bạn sẽ thấy rằng ông đang thực hiện nhiệm mạng của Chúa được trình bày trong Mat 28:19-20 Phao-lô đã đến Cô-rinh-tô (“đi”), ông đã thu phục tội nhân cho Đấng Christ (“tạo ra những môn đệ”), ông làm phép báp-tem, và ông dạy dỗ họ (chú ý Cong 18:11). Ông còn kinh nghiệm sự chắc chắn của Lời Chúa “Này, ta ở cùng người luôn!” (18:9-10).

Các cộng sự của Phao-lô đã làm báp-tem cho hầu hết những người mới qui đạo (ICo 1:11-17), giống như các môn đệ Chúa đã làm khi Ngài thi hành chức vụ trên đất (Gi 4:1-2 và chú ý Cong 10:46-48). Điều quan trọng là sự vâng lời Chúa của tín đồ chớ không phải tên của tôi tớ Chúa, người làm báp-tem. Khi tôi trở thành mục sư thâm niên ở Hội Thánh Moody tại Chicago, một thuộc viên lớn tuổi hơn đã kiêu hãnh nói với tôi: “Tôi đã được Tấn sĩ Ironside làm phép báp-tem!”. Ông ta ngạc nhiên là tôi đã không cảm kích. Tôi chắc rằng tấn sĩ Ironside sẽ quở trách ông cách yêu thương về việc nói như vậy, vì tấn sĩ Ironside là một người khiêm nhường muốn danh Đấng Christ được tôn cao, không phải danh của ông.

Bước đi bằng đức tin nghĩa là thấy những dịp tiện ngay cả giữa sự chống đối. Người bi quan chỉ thấy những vấn đề, người lạc quan chỉ thấy tiềm lực, nhưng người thực tế thấy tiềm lực trong những vấn đề. Phao-lô đã không nhắm mắt trước nhiều nguy hiểm và khó khăn trong hoàn cảnh ở Cô-rinh-tô, nhưng ông đã nhìn chúng từ quan điểm thiêng liêng.

Đức tin đơn giản nghĩa là vâng theo ý chỉ của Đức Chúa Trời bất chấp những xúc cảm, hoàn cảnh hay hậu quả. Chẳng bao giờ có một nơi dễ chịu để hầu việc Đức Chúa Trời, và nếu có một nơi dễ chịu, có thể là có gì sai trật. Phao-lô đã nhắc nhở Ti-mô-thê. “Vả lại, hết thảy mọi người muốn sống cách nhân đức trong Đức Chúa Giê-xu, thì sẽ bị bắt bớ” (ITi 3:12).



Francis Bacon đã viết: “Sự thịnh vượng là phước hạnh của Cựu Ước, nghịch cảnh là phước hạnh của Tân Ước”. Phao-lô đã không để cho nghịch cảnh cản trở ông hầu việc Đức Chúa Trời.

### 3. Lời bảo đảm (Cong 18:9-17)

Sự qui đạo của Cơ-rít-bu , một chức sắc Do Thái quan trọng, đã mở ra nhiều cơ hội hơn cho sự rao giảng Phúc Âm và đem đến nhiều sự chống đối hơn của kẻ thù! Cộng đồng Do Thái ở Cô-rinh-tô chắc hẳn đã giận dữ về sự thành công của Phao-lô và làm mọi việc có thể để khiến ông nín lặng và đuổi ông. Bác sĩ Lu-ca không cho chúng ta chi tiết, nhưng tôi có ấn tượng rằng giữa Cong 18:8,9, tình thế đặc biệt trở nên khó khăn và nguy hiểm. Phao-lô có thể đang nghĩ đến việc rời thành thì Chúa đến với ông và ban cho ông sự bảo đảm ông cần.

Sự bảo đảm đó cũng giống như Chúa phán với chúng ta khi chúng ta cần Ngài hơn hết. Lời dịu dàng “đừng sợ chi!” của Ngài có thể làm lặng cơn bão tố trong lòng chúng ta bất kể mọi hoàn cảnh quanh ta. Đây là cách Ngài đã đảm bảo với Áp-ra-ham (Sa 15:1), Y-sác (Sa 26:24) và Gia-cốp (Sa 46:3), cũng như Giô-sa-phát (IISu 20:15-17), Đa-ni-ên (Da 10:12,19), Ma-ri (Lu 1:30), và Phi-e-rơ (Lu 5:10). Khi bạn cảm thấy cô đơn và chiến bại, hãy suy gẫm He 13:5 và Es 41:10 43:1-7 và bằng đức tin hãy tuyên bố sự hiện diện của Chúa Ngài ở cùng bạn!

Khi còn là một thanh niên, mục sư Anh quốc nổi tiếng G.Campbell Morgan thường đọc Kinh Thánh mỗi tuần cho hai phụ nữ lớn tuổi. Một buổi tối nọ, khi đã đọc xong những lời cuối trong Mat 28:1-28) Morgan đã nói với các phụ nữ: “Đó không phải là một lời hứa kỳ diệu sao!” và một người trong họ đáp: “Chàng trai trẻ ơi đó không phải là một lời hứa – đó là một sự chắc chắn!”

Chúa Giê-xu đã hiện ra cho Phao-lô trên đường Đa-mách (Cong 9:1-6 26:12-18) và cũng ở trong đền thờ (22:17-18). Phao-lô sẽ được Ngài khích lệ lần nữa khi ông bị cầm tù ở Giê-ru-sa-lem (23:11) và sau đó ở Rô-ma (IITi 4:16-17). Thiên sứ của Chúa cũng hiện ra cho Phao-lô giữa cơn bão và cho ông một lời bảo đảm về những hành khách và thủy thủ đoàn (Cong 27:23-25). Một trong những danh của Chúa chúng ta là “Em-ma-nu-ên – Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (Mat 1:23), và Ngài đã sống đúng với danh của Ngài.

Phao-lô đã được khích lệ không chỉ bởi sự hiện diện của Chúa, mà còn bởi những lời hứa của Ngài. Chúa Giê-xu đã bảo đảm với Phao-lô rằng không ai sẽ làm hại ông và ông sẽ đem nhiều tội nhân đến với Cứu Chúa. Lời tuyên bố “Ta có nhiều người trong thành này “hàm ý giáo lý về sự lựa chọn thiên thượng, vì “Chúa biết kẻ thuộc về Ngài” (IITi 2:19). Hội Thánh của Đức Chúa Trời được lập nên từ những con người “đã được chọn... trong Ngài (Đấng Christ) trước khi sáng thế” (Eph 1:4 Cong 13:48).

Xin hãy chú ý rằng quyền tể trị thiên thượng trong sự lựa chọn không phải là điều cản trở trách nhiệm của con người trong sự rao giảng Phúc Âm. Hoàn toàn ngược lại mới đúng! Sự chọn lựa thiêng liêng là một trong những sự khích lệ lớn nhất cho sự rao giảng Phúc Âm. Vì Phao-lô biết rằng Đức Chúa Trời đã có những người được biệt riêng cho sự cứu rỗi, nên trách nhiệm của Đức Chúa Trời là cứu tội nhân. Nếu sự cứu rỗi tùy thuộc vào con người tội lỗi, vậy nỗ lực của chúng ta là vô ích, nhưng nếu “sự cứu rỗi thuộc về Chúa” (Gion 2:10), vậy chúng ta có thể trông mong Ngài chúc phước cho Lời Ngài và cứu các linh hồn.

John Stott trong cuốn sách *God's New Society* (Xã Hội Mới của Đức Chúa Trời) viết rằng: “Kinh Thánh không chỗ nào xua tan sự màu nhiệm về sự lựa chọn, và chúng ta nên đề phòng bất cứ ai tìm cách hệ thống hoá nó quá chính xác và kiên quyết. Không chắc rằng chúng ta sẽ khám phá được một giải pháp đơn giản cho một vấn đề đã làm hỏng những bộ não tốt nhất của các Cơ Đốc nhân trải bao thế kỷ” (Intervarsity trang 48).

Điều quan trọng là chúng ta tiếp nhận chân lý của Đức Chúa Trời và hành động theo chân lý. Phao-lô đã không mất thời gian suy đoán về sự tế tri thiên thượng và trách nhiệm của con người theo cách mà một số Cơ Đốc nhân sống trong tháp ngà làm hôm nay. Ông đã bận rộn và tìm cách chinh phục các linh hồn cho Đấng Christ! Bạn và tôi không biết những người được chọn của Đức Chúa Trời là ai, vì vậy chúng ta đem Phúc Âm đến cho mọi người và để Đức Chúa Trời làm phần còn lại. Và chúng ta chắc chắn không bàn luận sự chọn lựa với những người hư mất! D.L.Moody có lần bảo với một số người không qui đạo rằng: “Quý vị không thể làm được gì hơn với giáo lý về sự chọn cũng như quý vị không có liên quan gì với chính quyền của Trung quốc!”

Trước khi rời khỏi chủ đề này, chúng ta nên chú ý rằng trách nhiệm riêng của chúng ta là biết chắc chắn rằng mình ở trong số những kẻ được chọn của Đức Chúa Trời. “Vậy, hỡi anh em hãy chú ý cho chắc chắn về sự Chúa kêu gọi và chọn lựa mình” (II Phi 1:10). Với kẻ lý luận tò mò đã hỏi về số người được chọn, Chúa Giê-xu đã đáp: “Hãy gắng sức vào cửa hẹp!” (Lu 13:23-24). Nói cách khác, “Điều người cần là sự cứu rỗi cho chính người, không phải sự suy đoán về người khác! Hãy biết chắc chính người được cứu hay chưa, rồi chúng ta có thể nói về những chân lý kỳ diệu này”.

Phao-lô đã tiếp tục ở Cô-rinh-tô, biết rằng Đức Chúa Trời ở cùng ông và dân sự sẽ được cứu. Suốt 18 tháng làm chứng, Phao-lô đã nhìn thấy nhiều thắng lợi bất chấp sự chống đối của Sa-tan. Hội Thánh được hình thành không phải từ nhiều người mạnh mẽ và cao quý (ICo 1:26-31), nhưng từ những tội nhân có đời sống đã được biến đổi nhờ ân điển Đức Chúa Trời (ICo 6:9-11).

Bác sĩ Lu-ca chỉ chia sẻ một điển hình về sự bảo vệ thiên thượng suốt chức vụ của Phao-lô trong thành Cô-rinh-tô (Cong 18:12-17), nhưng đó là một sự bảo vệ đầy ý nghĩa. Sự đến của một thống đốc mới đã cho những người Do Thái không tin hy vọng rằng Rô-ma có thể tuyên bố “giáo phái Cơ-đốc” mới này là bất hợp pháp. Họ đã phạm luật bằng cách tấn công Phao-lô và buộc ông đến toà án. Đây không phải là lần đầu tiên những người Do Thái cuồng tín tìm cách chứng minh rằng Phao-lô đang vi phạm luật pháp Rô-ma (16:19-24 17:6-7).

Là một công dân Rô-ma, Phao-lô được chuẩn bị để tự bảo vệ mình nhưng điều này đã trở nên không cần thiết vì Ga-li-ôn đã bảo vệ Phao-lô! Vị thống đốc thấy ngay rằng vấn đề thật không phải là sự ứng dụng luật pháp Rô-ma nhưng là sự lý giải về Do Thái giáo, nên ông từ chối xử kiện!

Nhưng đó không phải là kết thúc của vấn đề. Những người Hy Lạp chứng kiến sự việc đã giữ Sốt-then, là người thay thế Cơ-rít-bu làm chủ nhà hội và đánh ông ngay trước mặt vị thống đốc! Đó chắc chắn là một sự phô bày trắng trợn về chủ nghĩa bài Do Thái, nhưng Ga-li-ôn đã lờ đi. Nếu đây chính là Sốt-then được Phao-lô đề cập trong ICo 1:1 vậy ông cũng đã được biến đổi, và dân Do Thái đã tìm chức sắc khác cho nhà hội của họ! Sẽ thú vị để biết chính xác điều đó đã xảy ra thế nào. Phải chăng Phao-lô và một số tín đồ đã thăm viếng Sốt-then và giảng dạy cho ông? Có lẽ người đi trước

ông là Cơ-rít-bu đã giúp “rửa các thương tích” (Cong 16:33) và sử dụng việc này làm cơ hội chia sẻ tình yêu của Đấng Christ.

Những tiên liệu của Đức Chúa Trời lạ lùng và kỳ diệu biết bao! Dân Do Thái đã tìm cách buộc thống đốc Rô-ma tuyên bố Cơ Đốc giáo là bất hợp pháp, nhưng Ga-li-ôn đã cho biết rõ rằng Rô-ma sẽ không liên can vào những vụ kiện về những tranh cãi thuộc Do Thái giáo. Về phần mình, Phao-lô và các môn đệ ông đã có quyền như dân Do Thái để thực hành tôn giáo mình và chia sẻ với người khác.

Trong sách Công vụ, Lu-ca nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa chính quyền Rô-ma và Hội Thánh Cơ-đốc. Mặc dù đúng là hội đồng Do Thái đã cấm các sứ đồ rao giảng (4:17-21 5:40), nhưng không có bằng chứng nào trong sách công vụ rằng Rô-ma từng làm vậy. Thật ra, tại thành Phi-líp (16:35-40), Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô (19:31), các quan chức Rô-ma đã không những khoan dung mà còn hầu như sẵn sàng cộng tác. Phao-lô biết cách sử dụng quyền công dân Rô-ma của mình một cách khôn ngoan cho nên chính quyền đã hành động giúp ông chớ không nghịch ông, và ông đã cẩn thận không tố cáo chính quyền hoặc tìm cách thoát khỏi quyền hạn của họ (25:10-12).

#### **4. Ý chỉ của Đức Chúa Trời (Cong 18:18-22).**

“Ví Đức Chúa Trời khủng” (Cong 18:21) hơn hẳn một khẩu hiệu tôn giáo đối với Phao-lô đó là một trong những sức mạnh và sự khích lệ đời sống cùng chức vụ ông. Biết và làm theo ý chỉ của Đức Chúa Trời là một trong những phước hạnh của đời sống Cơ Đốc (22:14). Trong một số bức thư, Phao-lô đã đồng hoá mình là “sứ đồ của Chúa Giê-xu theo ý muốn Đức Chúa Trời” (ICo 1:1 IICo 1:1 Eph 1:1 Co 1:1 IITi 1:1). Vào một thời điểm quyết định nhất trong đời sống và chức vụ mình, Phao-lô đã tìm thấy can đảm khi khẳng định: “Xin cho ý muốn của Chúa được nên!” (Cong 21:14).

Sau 18 tháng chức vụ, Phao-lô đã xác định rằng rời khỏi Cô-rinh-tô và trở về Hội Thánh nhà của ông tại An-ti-ốt là ý muốn Đức Chúa Trời dành cho ông. Các bạn ông Bê-rít-sin và A-qui-la (hãy chú ý cách Lu-ca thay đổi thứ tự tên của họ) cùng đi với ông đến thành Ê-phê-sô và ở đó khi ông đi đến thành Sê-sa-rê. Trong Cong 18:24, chúng ta sẽ thu thập câu chuyện về Hội Thánh ở Ê-phê-sô và vai trò quan trọng do A-qui-la và Bê-rít-sin thực hiện.

Xen-cơ-rê là cảng biển của thành Cô-rinh-tô, và ở đó đã có một hội chúng Cơ Đốc (Ro 16:1). Ở đây Phao-lô đã chịu cạo đầu “vì ông đã có một hứa nguyện”. Điều này có thể chỉ về sự hứa nguyện Na-xi-rê được mô tả trong Dan 6:1-27. Vì sự hứa nguyện Na-xi-rê hoàn toàn mang tính tự nguyện, nên Phao-lô đã không từ bỏ ân điển để làm theo luật pháp khi ông thực hiện lời hứa nguyện. Sự hứa nguyện không phải là một vấn đề về sự cứu rỗi nhưng về sự hiến dâng cá nhân cho Chúa. Ông đã để tóc mọc một khoảng thời gian cụ thể và sau đó cắt đi khi lời hứa nguyện được trọn. Ông cũng kiêng dùng trái nho ở bất cứ hình thức nào.

Chúng ta không được cho biết vì sao Phao-lô thực hiện hứa nguyện này. Có lẽ đó là một phần sự dâng mình đặc biệt của ông cho Đức Chúa Trời suốt những ngày khó khăn của chức vụ ban đầu tại thành Cô-rinh-tô. Hoặc có lẽ sự hứa nguyện là một sự bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời về mọi điều Ngài đã làm cho ông và các cộng sự của ông. Theo luật Do Thái, sự hứa nguyện Na-xi-rê phải được làm trọn trong thành Giê-ru-sa-lem với việc dâng của lễ thích hợp. Khi lời thề đã hoàn tất thì mới

ạo đầu chớ không ạo ngay từ đầu, vì vậy người phát lời thề không cần thiết phải ở Giê-ru-sa-lem.

Lu-ca không cho chúng ta biết Phao-lô đã ở trong thành Ê-phê-sô bao lâu, nhưng thời gian rõ ràng rất ngắn. Dân Do Thái ở đó rất dễ tiếp thu Phúc Âm và muốn Phao-lô ở lại, nhưng ông muốn đến Giê-ru-sa-lem để làm trọn hứa nguyện mình, và sau đó đến An-ti-ốt để báo cáo với Hội Thánh. Tuy nhiên, ông đã hứa trở lại và ông đã giữ lời hứa đó (19:1).

Lời tuyên bố “bằng mọi cách tôi phải giữ lễ này nên đến Giê-ru-sa-lem” (Cong 18:21) không nên được giải thích để có nghĩa rằng Phao-lô và các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã cảm thấy bị buộc phải tuân theo những kỳ lễ Do Thái (20:16). Việc ở trong thành Giê-ru-sa-lem suốt những kỳ lễ quan trọng, (trong trường hợp này, lễ Vượt Qua) đã cho Phao-lô cơ hội gặp gỡ và làm chứng cho các lãnh đạo Do Thái chủ chốt từ khắp đế quốc La Mã. Ông cũng có thể dạy dỗ cho các Cơ Đốc nhân Do Thái những người đã trở về quê hương họ.

Phao-lô đã dạy rõ ràng rằng việc tuân theo những kỳ lễ tôn giáo không phải là một phương tiện của sự cứu rỗi, cũng không phải là một yếu tố cần thiết cho sự thánh hoá (Ga 4:1-11). Cơ Đốc nhân được tự do để đi theo lương tâm mình bao lâu họ không xét đoán người khác hoặc gây cho người khác vấp phạm (Ro 14:1-15:7). Cũng vậy hãy nhớ chủ trương riêng của Phao-lô trong mối quan hệ với những vấn đề những thực hành Do Thái này (ICo 9:19-23).

Đến thành Sê-sa-rê rồi, Phao-lô đi lên thành Giê-ru-sa-lem và chào thăm những tín đồ ở đó. Đoạn ông đến thành An-ti-ốt và thuật cho Hội Thánh nhà mọi điều Đức Chúa Trời đã làm trong hành trình truyền giáo thứ hai của ông. Ông đã ra đi từ thành An-ti-ốt có lẽ hai năm hoặc lâu hơn, và các thánh đồ chắc hẳn đã vui mừng khôn xiết khi thấy ông và nghe về công việc của Đức Chúa Trời giữa vòng dân ngoại.

Không có bằng chứng nào, nhưng có thể Phao-lô đã cứ nhắc nhở các tín đồ ở thành An-ti-ốt: “Luôn quá sớm để bỏ cuộc!”

Đó là một lời nhắc nhở hữu ích để chúng ta lưu ý hôm nay.

## **16. SỰ KÍCH ĐỘNG TRONG THÀNH Ê-PHÊ-SÔ (Cong 18:23-19:41)**

Chúng ta không biết Phao-lô đã ở lại thành An-ti-ốt bao lâu trước khi ra đi trong hành trình truyền giáo thứ ba của ông, nhưng có lẽ nó kéo dài một năm. Như trong hành trình thứ hai của mình, Phao-lô đã viếng thăm các Hội Thánh và làm mạnh mẽ các tín đồ. Lu-ca không mô tả chi tiết hành trình này vì mục đích chính của ông là đưa Phao-lô đến thành Ê-phê-sô. Ông muốn chia sẻ với độc giả mình chức vụ tuyệt vời Đức Chúa Trời đã giao cho Phao-lô trong thành chiến lược ấy là thành quá đỗi mình trong sự thờ thần tượng và điều huyền hoặc.

Thành Ê-phê-sô với 300.000 cư dân, là thủ phủ của tỉnh Rô-ma xứ A-si và là trung tâm thương mại quan trọng nhất tỉnh. Nhờ có một bến cảng lớn, thành Ê-phê-sô trở nên giàu có về mậu dịch. Và nhờ đền thờ thần Đi-anh, thành đã thu hút đông đảo khách tham quan muốn xem toà nhà này, là một trong 7 kỳ quan thế giới.

Đền thờ có lẽ đã tồn tại bốn thế kỷ trong thời Phao-lô. Đền thờ đo được 418 feet với chiều rộng 239 feet, và kiêu hãnh với 100 cột sừng sững cao trên 50 feet. Trong



phần đất thánh của đền thờ sùng sững “thánh tượng” của Artemis (Đi-anh) được cho rằng đã từ trên trời rơi xuống (19:35). Nó có thể là thiên thạch. Vì Artemis là một nữ thần sinh sản, nên sự đâm dục trong thờ cúng là một phần quan trọng của sự thờ phượng thần này và hằng trăm “nữ tế lễ” đã sẵn có trong đền thờ.

Ba năm Phao-lô ở trong thành Ê-phê-sô (20:31) – thời gian lâu nhất ông đã ở trong bất cứ thành nào – chắc chắn đầy hứng thú và có kết quả. Chúng ta hãy gặp gỡ một số người có liên quan.

## **1. Một người có sứ điệp chưa trọn vẹn (Cong 18:23-28)**

Khi Phao-lô rời Ê-phê-sô đến Giê-ru-sa-lem, ông đã để lại các bạn mình A-qui-la và Bê-rít-sin để làm chứng trong nhà hội. Hãy hình dung sự ngạc nhiên của họ vào ngày Sa-bát khi nghe một thầy giáo Do Thái ở xa đến tên là A-bô-lô giảng dạy nhiều chân lý mà chính họ đã tin và dạy dỗ!

A-bô-lô chắc chắn là một người đặc biệt trong nhiều phương diện. Ông đến từ A-léc-xan-tri, thành phố quan trọng thứ 2 trong đế quốc La Mã. Là một trung tâm giáo dục và triết học, thành đã được sáng lập do A-léc-xan-đơ đại đế (và được đặt theo tên ông) và nó hãnh diện có một trường đại học với một thư viện chứa gần 700.000 sách. Dân số thành A-léc-xan-tri (khoảng 600.000) hoàn toàn có tính chất quốc tế, bao gồm dân Ai Cập, Rô-ma, Hy Lạp và Do Thái. Ít nhất ¼ dân số là người Do Thái, và cộng đồng Do Thái rất có ảnh hưởng.

A-bô-lô đã biết Kinh Thánh Cựu Ước và có thể dạy họ bằng tài hùng biện và sự mạnh mẽ, Ông nhiệt thành (“sôi sục”) trong tinh thần mình và chuyên tâm trong sự trình bày sứ điệp. Ông dạn dĩ đủ để bước vào nhà hội và rao giảng cho dân Do Thái. Vấn đề duy nhất là người nhiệt tình này đang công bố một Phúc Âm chưa trọn vẹn. Sứ điệp của ông cũng như Giảng Báp-tít và rồi dừng lại! Ông không biết gì về đời Gô-gô-tha, sự phục sinh của Đấng Christ, hay sự giáng lâm của Thánh Linh vào lễ Ngũ Tuần. Ông có lòng sốt sắng, nhưng thiếu tri thức thuộc linh (Ro 10:1-4).

Chức vụ Giảng Báp-tít là một phần quan trọng thuộc kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã sai Giảng sửa soạn cho dân tộc Y-sơ-ra-ên đón tiếp Đấng Mê-si-a của họ (Gi 1:15-34). Phép báp-tem của Giảng là phép báp-tem về sự ăn năn những ai đã chịu báp-tem đều trông đợi Đấng Mê-si-a hầu đến (Cong 19:4). Giảng cũng đã rao một phép báp-tem trong tương lai của Đức Thánh Linh (Mat 3:11 Mac 1:8) xảy ra vào lễ Ngũ Tuần (Cong 1:5). A-bô-lô biết về những lời hứa, nhưng ông không biết về sự ứng nghiệm của chúng.

A-bô-lô đã đem sứ điệp đến đâu trước hết? Vì A-léc-xan-tri là một trung tâm nổi tiếng về sự học hỏi, nên có khả năng một số môn đệ của Giảng Báp-tít (Mat 14:12 Lu 11:1) đã đến đó trong khi Chúa Giê-xu vẫn thi hành chức vụ trên đất, và chia sẻ với dân Do Thái theo mức độ họ biết. Từ “chỉ dẫn” trong Cong 18:25 nghĩa là “dạy bằng sách giáo lý” và ý nói rằng A-bô-lô đã có sự đào tạo chính thức của cá nhân về Kinh Thánh. Tuy nhiên, sự đào tạo đó bị hạn chế ở những sự kiện về chức vụ của Giảng Báp-tít. Sứ điệp của A-bô-lô không phải là không chính xác hoặc thiếu chân thật nó chỉ chưa trọn vẹn.

Khi tôi di chuyển trong công tác hầu việc Chúa tại các hội nghị, tôi tùy thuộc vào nhà tôi trong việc sắp xếp đường đi và hướng lối (Tôi có thể lạc trong một bãi đậu!). Ở một chuyến đi đặc biệt nọ, chúng tôi đã bối rối vì chúng tôi không thể tìm thấy một



con đường muốn đi. Lúc đó chúng tôi nhận ra rằng bản đồ chúng tôi đã lỗi thời! Chúng tôi nhanh chóng mua được một bản đồ mới và mọi sự đã tốt đẹp. A-bô-lô đã có một bản đồ cũ chính xác vào thời của nó, nhưng ông hết sức cần có một bản đồ mới. Bản đồ mới đó đã được cung cấp do A-qui-la và Bê-rít-sin.

A-qui-la và Bê-rít-sin đã không chỉ dẫn ông giữa mọi người vì điều đó chỉ làm bối rối dân Do Thái, họ đưa ông về nhà dùng bữa tối trong lễ Sa-bát và cho ông biết về Chúa Giê-xu cùng sự giảng lâm của Đức Thánh Linh. Họ đã dẫn ông vào sự hiểu biết sâu sắc hơn về Đấng Christ, và ngày Sa-bát kế tiếp, A-bô-lô đã trở lại nhà hội và trình bày cho dân Do Thái phần còn lại của câu chuyện! Thật ra, chức vụ của ông hiệu quả đến nỗi các tín đồ thành Ê-phê-sô đã giới thiệu tốt về ông với các Hội Thánh trong xứ A-chai. Ở đây A-bô-lô không chỉ làm mạnh mẽ các thánh đồ, ông còn tranh luận với những người Do Thái không tin và thuyết phục nhiều người trong số họ tin rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a.

A-bô-lô đã giảng dạy một thời gian cho Hội Thánh ở Cô-rinh-tô (19:1), nơi sự hiểu biết và tài hùng biện của ông đã thu hút sự chú ý (ICo 1:12 3:4-6,22 4:6). Đáng tiếc rằng có một bọn người tụ tập quanh ông và khiến đem sự chia rẽ đến Hội Thánh vì ông rõ ràng là một trong số những người bạn của Phao-lô và là một người giúp việc được tin cậy (ICo 16:12 Tit 3:13).

## **2. Mười hai người với một sự làm chứng không nhất quán (Cong 19:1-10)**

Khi Phao-lô trở lại thành Ê-phê-sô, ông gặp 12 người xưng là những “môn đệ” Cơ Đốc nhưng đời sống họ bày tỏ bằng chứng là có điều gì đó thiếu sót. Phao-lô hỏi họ: “Anh em có lãnh được Đức Thánh Linh khi anh em tin chẳng?” (Cong 19:2). Câu hỏi này quan trọng vì sự làm chứng của Thánh Linh là một chứng cứ không thể thiếu cho thấy một người thật sự được tái sinh (Ro 8:9,16 IGi 5:9-13), và bạn nhận được Thánh Linh khi bạn tin nơi Chúa Giê-xu (Eph 1:13).

Sự trả lời của họ bày tỏ sự mơ hồ và tính không chắc chắn về đức tin của họ, vì họ thậm chí đã không biết rằng Đức Thánh Linh đã được ban ra! Là những môn đệ của Giảng Báp-tít, họ biết rằng có một Đức Thánh Linh, và Đức Thánh Linh ngày nào đó sẽ làm báp-tem cho dân sự Đức Chúa Trời (Mat 3:11 Lu 3:16 Gi 1:32-33). Có thể những người này là những “người qui đạo” đầu tiên của A-bô-lô và do đó đã không hiểu đầy đủ điều Đấng Christ đã làm.

Vì sao Phao-lô lại hỏi về phép báp-tem của họ? Vì trong sách Công vụ, kinh nghiệm báp-tem của một người là một biểu hiện về kinh nghiệm thuộc linh của người ấy. Cong 1:1-10:48 ghi lại một thời kỳ chuyển tiếp trong lịch sử của Hội Thánh, từ chức vụ của các sứ đồ đối với dân Do Thái cho đến chức vụ của họ đối với dân ngoại. Suốt thời kỳ chuyển tiếp này, Phi-e-rơ sử dụng “những chìa khoá Nước Trời” (Mat 16:19) và mở cửa đức tin cho dân Do Thái (Cong 2:1-47) dân Sa-ma-ri (Cong 8:14) và cuối cùng cho dân ngoại (Cong 10:1-48).

Điều quan trọng cần chú ý là kiểu mẫu của Đức Chúa Trời cho ngày nay được trình bày trong Cong 10:43-48 tội nhân nghe đạo, tin nơi Chúa Giê-xu, họ lập tức nhận lãnh Thánh Linh, và sau đó họ chịu phép báp-tem. Dân ngoại trong Cong 10:1-48 đã không nhận Thánh Linh bởi phương tiện phép báp-tem bằng nước hoặc bởi phép đặt tay của các sứ đồ (8:14-17).

Sự kiện 12 người này đã không có Thánh Linh ngự ở trong là bằng chứng họ chưa bao giờ thật sự được tái sinh. Nhưng họ đã chịu báp-tem bởi phép báp-tem của Giăng, chính phép báp-tem các sứ đồ đã nhận lãnh! (Cong 1:21-22). Có gì đã sai trật với họ?

Một số người nói rằng những người này đã được cứu, nhưng họ thiếu sự đầy dẫy của Thánh Linh trong đời sống. Vì vậy Phao-lô đã giải thích cách để “được báp-tem trong Thánh Linh”, và điều này dẫn đến một đời sống mới đặc thắng. Nhưng đó không phải là điều sự ghi chép diễn đạt. Phao-lô nhận thấy rằng những người này không có bằng chứng của Thánh Linh trong đời sống họ, và vì vậy họ không phải là những người đã được biến đổi. Ông hẳn sẽ không bàn luận sự đầy dẫy Thánh Linh với những người không được cứu! Không, 12 người này đã được báp-tem và đang tìm cách trở nên ngoan đạo, nhưng có điều gì đó thiếu sót. Ôi chúng ta có những người giống như họ trong các Hội Thánh chúng ta ngày nay!

Phao-lô đã giải thích với họ rằng phép báp-tem của Giăng là phép báp-tem về sự ăn năn trông đợi sự đến của Đấng Mê-si-a đã được hứa, trong khi phép báp-tem Cơ Đốc là một phép báp-tem nhìn lại công tác đã hoàn tất của Đấng Christ trên thập tự giá và sự phục sinh đặc thắng của Ngài. Phép báp-tem của Giăng ở “phía bên kia” của đời Gô-gô-tha và lễ Ngũ Tuần. Nó đúng đối với thời của nó, nhưng giờ đây thời ấy đã kết thúc.

Hãy nhớ rằng Giăng Báp-tít là một tiên tri thi hành chức vụ dưới một hệ thống tôn giáo cũ (Mat 11:7-14). Giao ước cũ đã được chấm dứt, không phải bởi Giăng tại sông Giô-đanh, nhưng bởi Chúa Giê-xu tại đời Gô-gô-tha (He 10:1-18). Phép báp-tem, của Giăng quan trọng đối với dân Do Thái thời đó (Mat 21:23-32) nhưng nó không còn hiệu lực đối với Hội Thánh ngày nay. Theo một ý nghĩa thật, 12 người này giống như “những tín đồ Cựu Ước” chờ đợi sự đến của Đấng Mê-si-a. Chắc chắn Phao-lô đã giải thích với họ nhiều chân lý cơ bản mà Lu-ca đã không ghi lại. Sau đó ông đã làm báp-tem cho họ, vì phép “báp-tem” đầu tiên của họ không thật sự là phép báp-tem Cơ Đốc.

Tại sao cần thiết để Phao-lô đặt tay trên những người này trước khi họ có thể nhận lãnh Thánh Linh? Điều này không mâu thuẫn với kinh nghiệm của Phi-e-rơ được chép trong Cong 10:44-48 sao? Không mâu thuẫn nếu bạn nhớ rằng đây là nhóm người đặc biệt sẽ giúp hình thành những hạt nhân của một Hội Thánh lớn ở Ê-phê-sô. Bằng cách sử dụng Phao-lô để truyền đạt sự ban cho của Thánh Linh, Đức Chúa Trời đã xác nhận quyền sứ đồ của Phao-lô và hiệp Hội Thánh Ê-phê-sô với những Hội Thánh khác cũng như Hội Thánh “mẹ” ở Giê-ru-sa-lem. Khi Phi-e-rơ và Giăng đặt tay trên những người Sa-ma-ri tin nhận, điều đó đã hiệp họ với Hội Thánh Giê-ru-sa-lem và chữa lành một mối bất hoà giữa dân Do Thái và dân Sa-ma-ri đã tồn tại bao thế kỷ.

Điều Đức Chúa Trời đã làm qua Phao-lô cho 12 người này đã không được xem như tiêu chuẩn cho Hội Thánh ngày nay. Làm sao chúng ta biết? Vì nó không được lập lại. Những người đã được biến đổi dưới chức vụ của Phao-lô đều nhận lãnh sự ban cho của Thánh Linh khi họ tin nhận Đấng Christ. Phao-lô làm rõ điều này trong Eph 1:13-14 và đây là một kiểu mẫu cho chúng ta ngày nay.

Trong Cong 19:6, chúng ta có trường hợp cuối cùng về ân tứ tiếng lạ trong sách Công vụ, các tín đồ đã nói tiếng lạ vào lễ Ngũ Tuần và ngợi khen Đức Chúa Trời, và những người nghe họ đã nhận ra những thứ tiếng này là những ngôn ngữ được biết

đến (Cong 2:4-11) chứ không phải “ngôn ngữ trên trời”. Những tín đồ người ngoại trong nhà Cọt-nây cũng nói tiếng lạ (10:44-46) và kinh nghiệm của họ giống với kinh nghiệm của những người Do Thái trong Cong 2:1-47 (Cong 11:15). Sự kiện này có ý nghĩa lịch sử vì Thánh Linh đang làm báp-tem cho dân Do Thái (Cong 2:1-47) và dân ngoại (Cong 10:1-48) vào trong thân Đấng Christ (ICo 12:13).

Ngày nay, ân tứ tiếng lạ không phải là một bằng chứng về phép báp-tem của Thánh Linh hay sự đầy đầy Thánh Linh. Phao-lô đã hỏi: “Cả thầy đều nói tiếng lạ sao?” (ICo 12:30) và cấu trúc câu tiếng Hy Lạp đòi hỏi “không” như một câu trả lời. Khi Phao-lô viết cho những người bạn Ê-phê-sô về sự đầy đầy Thánh Linh, ông đã không nói gì về tiếng lạ (Eph 5:18). Không chỗ nào trong Kinh Thánh chúng ta được khuyên tìm kiếm một phép báp-tem của Thánh Linh. Hãy đọc thư Phao-lô gửi cho Hội Thánh Ê-phê-sô và chú ý nhiều chi tiết đề cập Thánh Linh của Đức Chúa Trời và công việc Ngài trong tín đồ.

### **3. Bảy người với quyền năng không thoả đáng (Cong 19:11-20)**

Đáng chú ý rằng Phao-lô có thể làm chứng trong nhà hội ba tháng trước khi ông phải ra đi. Chắc hẳn chức vụ trung tín của A-qui-la và Bê-rít-sin đã đóng một phần quan trọng trong sự thành công này. Tuy nhiên, sự cứng lòng bắt đầu (He 3:7), vì vậy Phao-lô đã rời nhà hội và dời chức vụ đến một phòng học, mang theo các môn đệ. Ông có lẽ đã sử dụng phòng này suốt “những giờ nghỉ” mỗi ngày (11 giờ sáng – 4 giờ chiều) khi nhiều người sẽ nghỉ ngơi. Phao-lô đã dạy dỗ cách này khoảng hai năm và “mọi người ở trong cõi A-si, cả người Giu-đa lẫn người Gờ-réc đều nghe đạo của Chúa Giê-xu” (Cong 19:10).

Quá là một chức vụ thắng lợi! Dường như mọi người đều đã biết điều Phao-lô nói và làm! (Cong 19:17 19:20). Thậm chí kẻ thù của Phao-lô đã phải thừa nhận rằng đạo đang lan ra và dân chúng được cứu (19:26). Hai yếu tố khiến điều này có thể xảy ra: sự làm chứng của các tín đồ khi họ đi từ nơi này sang nơi khác và “những phép lạ đặc biệt” Đức Chúa Trời đã giúp Phao-lô có thể thực hiện trong thành Ê-phê-sô (Cong 19:11).

Trong lịch sử Kinh Thánh, bạn sẽ tìm thấy ba thời kỳ đặc biệt của phép lạ (1) thời Môi-se, (2) thời Ê-li và Ê-li-sê, và (3) thời Chúa Giê-xu với các sứ đồ của Ngài. Mỗi thời kỳ chưa đến 100 năm. Tùy vào cách một số những sự kiện này được phân loại, tổng số những phép lạ đối với cả ba thời kỳ chưa đến 100. Dĩ nhiên, không phải mọi phép lạ đều được ghi chép (Gi 20:30-31).

Khi Chúa chúng ta làm phép lạ, Ngài thường nghĩ đến ba mục đích: 1) bày tỏ lòng thương xót của Ngài và đáp ứng những nhu cầu của con người 2) dạy dỗ một chân lý thuộc linh, và 3) trình ra những uỷ nhiệm thư của Ngài với tư cách Đấng Mê-si-a. Các sứ đồ đã noi theo cùng kiểu mẫu này trong những phép lạ của họ. Thật ra, khả năng làm phép lạ là một trong những bằng chứng về quyền sứ đồ (He 2:1-4 ICo 12:12 Mac 16:20 Ro 15:18-19). Những phép lạ của chính họ không cứu được tội nhân hư mất (Gi 2:23-25 Lu 16:27-35). Những phép lạ phải được gắn với sứ điệp của Lời Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã giúp Phao-lô có thể làm “những phép lạ đặc biệt” vì Ê-phê-sô là một trung tâm cho những điều huyền bí (Cong 19:18-19) và Phao-lô đã bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời ngay trong lãnh địa của Sa-tan. Nhưng hãy nhớ rằng nơi đâu

dân sự Đức Chúa Trời phục vụ chân lý, Sa-tan gởi đến một kẻ giả mạo để chống đối công việc. Chúa Giê-xu đã dạy chân lý này trong ví dụ về những hạt giống của Ngài (Mat 13:24-30,36-43). Phi-e-rơ đã kinh nghiệm ví dụ đó ở Sa-ma-ri (Cong 8:9), và Phao-lô đã kinh nghiệm tại Ba-phô (13:4-12). Sa-tan bắt chước bất cứ điều gì dân Đức Chúa Trời đang làm, vì nó biết rằng thế gian không được cứu không thể phân biệt sự khác nhau (II Co 11:13-15).

Đối với các thầy tế lễ Do Thái, tìm cách đui quỷ không phải là điều lạ (Lu 11:19), nhưng sử dụng danh Chúa Giê-xu Christ là bất thường đối với họ. Do những người này không có mối liên hệ cá nhân với Đấng Christ, nên họ đã phải viện đến danh của Phao-lô, nhưng ý đồ họ đã không thành. Quý nói: “Chúa Giê-xu thì ta nhận biết, và Phao-lô thì ta rõ nhưng các người là kẻ nào?” (nguyên văn). Người bị quỷ ám khi đó đã tấn công 7 thầy tế lễ và đui họ ra khỏi nhà.

Nếu câu thần chú này thành công, nó sẽ làm mất uy tín danh Chúa Giê-xu và chức vụ của Hội Thánh ở Ê-phê-sô (Phao-lô đã đối diện với một hoàn cảnh tương tự ở thành Phi-líp. (Cong 16:16). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã sử dụng ý đồ này để đánh bại Sa-tan và đem sự kết tội đến cho các tín đồ vẫn còn liên hệ với ma thuật. Thay vì làm sỉ nhục danh Chúa Giê-xu, sự kiện này đã tôn cao danh Ngài và khiến đạo Đức Chúa Trời lan ra thậm chí nhanh chóng hơn.

Thì của những động từ trong Cong 19:18 cho thấy rằng dân chúng “vẫn đến... vẫn xưng tội... vẫn tỏ ra”. Những tín đồ này rõ ràng đã không cắt đứt hẳn với tội lỗi và vẫn thực hành ma thuật của họ, nhưng Chúa đã đối phó với họ. Tổng trị giá của những sách ma thuật và sách thần chú mà họ đã đốt tương đương với tổng tiền lương của 150 người lao động trong một năm! Những người này đã không tính đến giá phải trả nhưng đã ăn năn và từ bỏ tội lỗi mình.

#### **4. Một đám đông những công dân phản nộ (Cong 19:21-41)**

Trong Cong 19:21, chúng ta có sự đề cập đầu tiên về kế hoạch Phao-lô đến Rô-ma. Sự thực hiện kế hoạch này sẽ được mô tả trong phần thứ ba cuối cùng của sách Công vụ. Phao-lô chẳng bao lâu sẽ viết thư cho các thánh đồ ở Rô-ma và bày tỏ ước muốn này với họ (Ro 1:13-15 15:22-29). Nhưng trước tiên ông phải thăm viếng các Hội Thánh ở xứ ma-xê-đoan và A-chai để hoàn tất “sự quyên góp yêu thương” mà ông đang nhận cho các thánh đồ nghèo ở Giê-ru-sa-lem (ICo 16:3-7 Ro 15:25-33 Cong 24:17). Trong khi ở lại thành Ê-phê-sô (ICo 16:9-9), ông đã cử Ti-mô-thê giúp ông hoàn tất công việc (ICo 4:17 16:10-11).

Chính tại thời điểm này Sa-tan đã tấn công trở lại, không như kẻ lừa dối (II Co 11:3-4) nhưng như kẻ huỷ diệt (I Phi 5:8), và kẻ giết người (Gi 8:44). Sa-tan đã kích động phường thợ bạc để tiến hành một cuộc phản kháng công khai chống lại Phao-lô và Phúc Âm. Phao-lô có thể đã liên hệ đến cuộc nổi loạn này khi ông viết “Tôi đã đánh cùng các loài thú ở thành Ê-phê-sô” (ICo 15:32). Kẻ thù đã nhiều lần bị đánh bại qua suốt 3 năm chức vụ của Phao-lô ở thành Ê-phê-sô. Đó sẽ là chủ bài của Sa-tan để đưa chức vụ ấy đến đỉnh điểm bằng một cuộc tấn công toàn thành phố mà có thể dẫn đến sự kiện Phao-lô bị bắt, hoặc thậm chí sự chết của ông.

Nơi đâu Phúc Âm được rao giảng bằng quyền năng, nó sẽ bị chống đối bởi những kẻ kiếm tiền từ sự mê tín và tội lỗi. Phao-lô đã không khơi dậy sự chống đối của các thợ bạc bằng cách nói động đến đền thờ thần Đi-anh hoặc thực hiện những

cuộc mít-tinh chống lại sự thờ thần tượng. Mọi điều ông đã làm là dạy chân lý hằng ngày và cử những người qui đạo của ông làm chứng cho những kẻ hư mất trong thành. Càng có nhiều người được biến đổi, càng ít khách hàng sẵn có.

“Bởi chưng sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác” (ITi 6:10). Đê-mê-triu và các thợ bạc của ông đề cao sự thờ thần tượng và sự đồi bại để kiếm sống, trong khi Phao-lô công bố Đức Chúa Trời chân thật và chỉ cho dân chúng sự tinh sạch và thánh khiết nhờ ân điển vô điều kiện của Đức Chúa Trời. Các thợ bạc thật sự quan tâm nhiều về việc làm và thu nhập của họ hơn là quan tâm về thần Đê-anh và đền thờ của thần này, nhưng họ đã khôn khéo đủ để không cho người ta biết điều này.

Benjamin Franklin đã nói rằng một đám đông là “một quái vật có đủ các đầu, nhưng không có não”. Buồn biết bao khi dân chúng để cho mình bị dẫn dắt bởi một số lãnh đạo ích kỷ là những người biết nghệ thuật điều khiển. Đê-mê-triu đã lợi dụng hai điều dân Ê-phê-sô yêu mến nhất: danh dự của thành họ, và sự vĩ đại của nữ thần họ và đền thờ bà. Không có sự giúp đỡ của ra-di-ô, truyền hình hoặc báo chí, ông đã cho hoạt động bộ máy tuyên truyền và chẳng bao lâu đã khiến cho cả thành náo động.

Max Lerner đã viết trong cuốn “The Unfinished Country” (Đất nước không hoàn chỉnh), “mỗi đám đông, trong sự ngu dốt và sự mù loà cùng sự hoang mang của nó, là một hội của những kẻ sợ hãi tìm kiếm sự bảo đảm trong hành động tập thể”. Đó là một “đám đông sùng đạo” đã la lên “hãy đóng đinh hắn! Hãy đóng đinh hắn” trước mặt Phi-lát, và cuối cùng đã đạt được ý định của họ. Nếu đám đông dân Ê-phê-sô này đã thành công trong những kế hoạch của họ, Phao-lô có lẽ sẽ bị bắt và bị xử tử trước khi luật pháp có thể bước vào bảo vệ ông.

Đám đông bối rối, khoảng 25.000 người la hét, chen chặt kịch trường, đa số họ không biết điều gì đang xảy ra và tại sao họ có mặt ở đó. Do đám đông không thể tìm thấy Phao-lô, họ đã bắt giữ hai người giúp việc của ông, Gai-út (không phải Gai-út của Cong 20:4 Ro 16:23 ICo 1:14) và A-ri-tạc (Cong 20:4). Phao-lô muốn đi vào rạp hát – thật là một cơ hội để rao giảng Phúc Âm! Nhưng các tín đồ và một số chức sắc trong thành đã khôn khéo khuyên ông lánh đi (Cong 19:30-31).

Trước đó, thành kiến chủng tộc đã xuất hiện, khi một người Do Thái tên A-léc-xan-đơ tìm cách nói với đám đông (c.33-34). Hắn ông muốn giải thích với họ rằng dân Do Thái sống trong thành Ê-phê-sô đã không tán thành sứ điệp hoặc chức vụ của Phao-lô, và vì vậy, không nên trở thành vật hi sinh chỉ để thoả mãn đám đông. Nhưng chính sự hiện diện của ông chỉ kích động đám đông hơn nữa, và họ đã la hét hai giờ đồng hồ nữa, “lớn thay là nữ thần Đê-anh của người Ê-phê-sô!” Đám đông biết rằng dân Do Thái không chấp nhận hình tượng và không tôn trọng thần Đê-anh. Điều duy nhất bảo vệ dân Do Thái là luật pháp Rô-ma cho họ sự tự do tôn giáo.

Chính viên thư ký thành cuối cùng đã kiểm soát được các vấn đề, và ông làm điều đó chủ yếu vì những lý do chính trị. Ê-phê-sô được Rô-ma cho phép tồn tại như một “thành tự do” có hội đồng được chọn riêng của họ, nhưng dân Rô-ma sẽ vui mừng để tìm ra một cơ thuật bỏ những đặc quyền này (Cong 19:40). Cùng những chiến thuật mà các thợ bạc đã sử dụng để kích động đám đông, thư ký đã sử dụng để trấn tĩnh và làm họ yên tâm – sự vĩ đại của thành và của nữ thần họ.

Lu-ca ghi lại nhận định công khai rằng các tín đồ vô tội về bất cứ sự vi phạm nào, công khai (Cong 19:37) hoặc riêng tư (Cong 19:38). Phao-lô đã có cùng loại “tán thành công khai” này trong thành Phi-líp (16:35-40) và trong thành Cô-rinh-tô (18:12-17), và



ông sẽ nhận điều đó lần nữa sau khi bị bắt ở Giê-ru-sa-lem. Suốt sách Công vụ, Lu-ca cho biết rằng sự bắt bớ Hội Thánh Cơ Đốc đã được kích động bởi những người Do Thái không tin chứ không phải bởi dân Rô-ma. Có thể Phao-lô đã sử dụng quyền công dân Rô-ma để bảo vệ mình, các bạn và các hội chúng địa phương.

Đám đông đã được giải tán, và chắc hẳn dân chúng đã về nhà chúc mừng cho chính họ rằng họ đã thành công trong việc bảo vệ thành vĩ đại và nữ thần nổi tiếng của họ. Đáng ngờ rằng có nhiều người trong số họ đã nghi vấn sự chân thật của tôn giáo họ hoặc quyết định điều tra những điều Phao-lô đã rao giảng trong ba năm. Tin một sự giả dối và chạy theo đám đông thật dễ hơn nhiều.

Nhưng Ê-phê-sô đã qua đi, và sự thờ phượng thần Đê-anh của người Ê-phê-sô khắp thế giới cũng vậy. Thành phố và đền thờ đã không còn, và phụng thờ bạc không còn. Ê-phê-sô là một nơi được thăm viếng chủ yếu bởi các nhà khảo cổ và những người trong những cuộc du lịch Đất thánh. Nhưng Phúc Âm về ân điển Đức Chúa Trời và Hội Thánh Chúa Giê-xu Christ vẫn còn đây! Chúng ta có bốn bức thư thần cảm đã được gửi đến các thánh đồ ở thành Ê-phê-sô – Ê-phê-sô, I và II Ti-mô-thê, và Kh 2:1-7. Tên của Phao-lô được tôn trọng, nhưng tên của Đê-mê-triu bị lãng quên (nếu không vì Phao-lô, chúng ta sẽ không gặp Đê-mê-triu ở nơi đầu tiên!)

Hội Thánh thi hành chức vụ bằng sức thuyết phục, không phải sự tuyên truyền. Chúng ta chia sẻ chân lý của Đức Chúa Trời, không phải những sự giả dối về tôn giáo của loài người. Động cơ của chúng ta là tình yêu, không phải sự giận dữ, và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, không phải sự tán dương của con người. Đây là lý do Hội Thánh tiến triển, và chúng ta phải giữ Hội Thánh như vậy.

## **17. LỜI TẠM BIỆT CỦA NGƯỜI THI HÀNH CHỨC VỤ** **(Cong 20:1-38)**

Trong phần thứ ba sau cùng của sách Công vụ, Bác sĩ Lu-ca ghi lại hành trình của Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, sự kiện ông bị bắt ở đó, và chuyến đi biển đến Rô-ma. Phúc Âm Lu-ca đi theo một kiểu mẫu tương đương như Lu-ca mô tả hành trình của Đấng Christ đến Giê-ru-sa-lem để chịu chết (9:53 13:18,31 19:11,28). Như Chúa Giê-xu đã để mặt Ngài “như đá” để làm theo ý muốn của Cha (Lu 9:51 Es 50:7), vì vậy Phao-lô đã quyết định hoàn thành việc chạy đua của ông với sự vui mừng, dù cái giá có thể là gì (20:24).

Chương này mô tả ba “sự kiện tạm biệt” khi Phao-lô kết thúc chức vụ ông ở xứ Ma-xê-đoan, A-chai và A-si.

### **1. Hành trình tạm biệt (Cong 20:1-5)**

“Tôi không muốn thăm viếng quốc gia này lần nữa!” D.L.Moody đã nói những lời ấy vào năm 1867 khi ông thực hiện chuyến đi biển đầu tiên đến Anh quốc. Ông say sòng suốt chuyến đi đến nỗi ông đã quyết định sẽ không bao giờ đi biển nữa, nhưng ông đã thực hiện năm cuộc thăm viếng nữa đến Anh quốc, dù bị say sòng.

Phao-lô sẵn sàng cho cuộc hành trình khác. Ông muốn thực hiện ít nhất một cuộc viếng thăm nữa đến các Hội Thánh mà Chúa đã giúp ông thành lập, vì Phao-lô là người có lòng quan tâm. “Lo lắng về hết thấy các Hội Thánh” là niềm vui lớn nhất của ông cũng như gánh nặng nề nhất của ông (IICo 11:23-28).

Sau cuộc nổi loạn, Phao-lô rời thành Ê-phê-sô và đi đến xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai (19:21). Ông mong gặp Tít tại thành Trô-ách và nhận báo cáo về những vấn đề ở thành Cô-rinh-tô, nhưng Tít đã không đến (IICo 2:12-13). hai người sau cùng đã gặp nhau tại Ma-xê-đoan và Phao-lô vui mừng về tin tốt lành Tít đem đến (IICo 7:5-7). Phao-lô từ đầu đã có chương trình thực hiện hai cuộc viếng thăm thành Cô-rinh-tô (IICo 1:15-16), nhưng thay vào đó ông thực hiện một cuộc viếng thăm kéo dài ba tháng (ICo 16:5-6 Cong 20:3). Suốt cuộc viếng thăm đó, ông đã viết thư tín Rô-ma.

Phao-lô có hai mục tiêu khi thăm viếng các Hội Thánh khác nhau. Mục đích chính của ông là khích lệ và làm mạnh mẽ các thánh đồ để họ có thể giữ trung tín với Chúa và là những nhân chứng hiệu quả. Mục đích thứ hai của ông là hoàn thành việc nhận sự quyên góp cho các tín đồ nghèo khó ở Giê-ru-sa-lem (Ro 15:25-27 ICo 16:1-9 IICo 8:1-9:14). Những người cùng đi với ông (20:4) là những người đại diện của các Hội Thánh, được chọn đi với Phao-lô và giúp xử lý tiền quỹ (IICo 8:18-24).

Một lần nữa, Phao-lô phải thay đổi những kế hoạch của ông lần này bởi có một âm mưu của người Do Thái để giết ông ở biển. Thay vì đi biển từ thành Cô-rinh-tô, ông đã đi trên đất liền qua xứ A-chai và Ma-xê-đoan, đi biển từ thành Phi-líp đến thành Trô-ách, nơi “nhóm” ông đã đồng ý hẹn gặp. Là người không thích ra đi và thay đổi những kế hoạch tối thán phục Phao-lô về sự can đảm, khả năng chịu đựng và tính thích nghi của ông. Mặc dù có những phức tạp và trì hoãn trong sự đi lại ngày nay, chúng ta có một thời kỳ dễ dàng hơn Phao-lô nhiều – nhưng chúng ta kêu ca! Ông đã tiếp tục đi!

## **2. Buổi nhóm tạm biệt (Cong 20:6-12)**

Phao-lô đã không thể đến Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua hằng năm, nên giờ đây mục tiêu của ông là đến đó ít nhất vào lễ Ngũ Tuần (Cong 20:16). Hãy chú ý sự thay đổi đại từ sang “chúng ta”, và Bác sĩ Lu-ca giờ đây đã gia nhập vào nhóm người cùng đi (16:17). Ông có thể đã thi hành chức vụ tại thành Phi-líp nơi ông gặp lại Phao-lô để thực hiện chặng cuối của hành trình. Phao-lô chắc đã vui mừng khi có Lu-ca, Tít và Ti-mô-thê lại ở bên cạnh ông. Những người này đã ở lại thành Trô-ách một tuần hầu họ có thể thông công với các tín đồ ở đó.

Lu-ca cho chúng ta một tường thuật ngắn gọn về một lễ thờ phượng của Hội Thánh địa phương tại thành Trô-ách, và từ đó chúng ta học được điều gì đó về cách họ nhóm lại và thờ phượng Chúa. Hãy xem xét những sự kiện có liên quan.

- Ngày của Chúa: Trước hết, họ nhóm lại vào ngày đầu tiên chớ không phải ngày thứ bảy là ngày Sa-bát (ICo 16:1-2). Ngày thứ nhất đến được gọi là “Ngày của Chúa” vì vào ngày đó Đức Chúa Giê-xu Christ đã sống lại từ cõi chết (Kh 1:10). Chúng ta cũng nên nhớ rằng Hội Thánh ra đời vào ngày đầu tuần khi Thánh Linh giáng lâm vào lễ Ngũ Tuần. Suốt những năm đầu tiên của Hội Thánh, các tín đồ đã duy trì một số truyền thống Do Thái, chẳng hạn như những giờ cầu nguyện (Cong 3:1). Nhưng theo thời gian, họ đã thay đổi từ lịch Mô-i-se và phát triển kiểu mẫu thờ phượng của họ khi Thánh Linh dạy dỗ họ.

- Dân của Chúa: Hội Thánh đã nhóm vào buổi tối vì Chủ nhật không phải là một ngày nghỉ mà người ta được rỗi rảnh khỏi việc làm thường nhật suốt ngày. Một số tín đồ có thể là đầy tớ, không có khả năng đến với hội chúng cho đến khi công việc họ làm xong. Các tín đồ đã nhóm trong một phòng cao vì họ không có những ngôi nhà

thờ để nhóm lại. Phòng này có thể ở trong nhà riêng của một trong số các tín đồ. Hội chúng có thể là một nhóm quốc tế, nhưng những nét đặc biệt về xã hội và quốc gia đã không tạo nên sự khác nhau: họ “đều là một trong Chúa Giê-xu Christ” (Ga 3:28).

-Bữa ăn tối của Chúa: Hội Thánh đầu tiên đã chia sẻ một “bữa ăn” gọi là “bữa ăn thân ái” (agape), sau bữa ăn họ sẽ dự Bữa ăn tối của Chúa (Cong 2:42 ICo 11:17-34). Việc “bẻ bánh” trong Cong 20:7 chỉ về bữa ăn tối của Chúa, trong khi ở 20:11 nó mô tả một bữa ăn bình thường. bằng cách chia sẻ và ăn cùng nhau, Hội Thánh đã hưởng sự thông công và cũng bày tỏ chứng có về sự hiệp một trong Đấng Christ. Các tội tớ sẽ thật sự ăn cùng bàn với chủ mình, điều không được nghe thấy vào thời đó.

Có thể là Hội Thánh đã dự Bữa ăn tối của Chúa mỗi Ngày của Chúa khi họ nhóm thông công và thờ phượng. Thật ra, một số tín đồ có thể kết thúc nhiều bữa ăn bình thường của họ ở nhà bằng cách dùng bánh với rượu và nhớ sự chết của Chúa. Mặc dù Kinh Thánh không cho chúng ta những chỉ dẫn cụ thể trong vấn đề này (“như thường lệ”, ICo 11:26), gương của Hội Thánh đầu tiên sẽ khích lệ chúng ta thường xuyên nhóm tại bàn của Chúa. Tuy nhiên, Tiệc Thánh không được trở thành thông lệ, khiến cho chúng ta không nhận được những phước hạnh có liên quan.

- Sứ điệp của Chúa: Lời Đức Chúa Trời luôn được công bố trong các hội chúng Cơ Đốc và điều này bao gồm việc đọc Kinh Thánh Cựu Ước trước mọi người (ITi 4:13) cũng như bất cứ bức thư sứ đồ nào được nhận (Co 4:16). Thật buồn khi thấy thế nào Lời Chúa bị sao lãng trong các lễ thờ phượng của Hội Thánh ngày nay. Biết rằng đây có thể sẽ là buổi nhóm cuối cùng của mình với các thánh đồ ở thành Trô-ách, Phao-lô đã giảng một bài giảng dài, sau bài giảng ông đã ăn và nói chuyện với mọi người đến sáng. Đáng ngờ rằng có ai đó đã phàn nàn. Chúng ta ngày nay thật ước mong mình có thể ở đó để nghe sứ đồ Phao-lô rao giảng!

Lời Đức Chúa Trời quan trọng đối với dân sự Đức Chúa Trời, và sự rao giảng cùng sự dạy dỗ Lời Chúa phải được nhấn mạnh. Hội Thánh nhóm lại để được sự soi sáng cũng như để ngợi khen, và sự soi sáng đó đến bởi Lời Chúa. “Hãy giảng đạo!”. Theo Tấn sĩ D.Martyn Lloyd-Jones, “những giai đoạn và kỷ nguyên suy thoái trong lịch sử Hội Thánh luôn là những giai đoạn khi sự rao giảng đã xuống dốc” (Preachers and Preaching, Zondervan, trang 24,)

- Quyền năng của Chúa: Chẳng biết đó là sự trể giờ hay sự ngột ngạt của căn phòng (chắc chắn không phải sự khô khan trong bài giảng của Phao-lô!), Ô-tích (“may mắn” đã ngủ mê và rồi rơi ra ngoài cửa sổ và chết cạnh tường. Tuy nhiên, Phao-lô đã khiến anh ta sống lại từ cõi chết và làm cho anh cùng Hội Thánh được yên ủi. Quyền năng của Đức Chúa Trời đã hiện diện để hành động vì dân Ngài.

Ô-tích bao nhiêu tuổi? Từ Hy Lạp “neanias” trong Cong 20:9 nghĩa là người từ 24-40 tuổi. Từ “pais” trong Cong 20:12 nghĩa là là thiếu niên hoặc thanh niên. Tấn sĩ Howard Marshall, một học giả Hy Lạp nổi tiếng, nói anh ta là “một cậu bé 8-14 tuổi”. Vì từ “pais” có thể nghĩa là “một đầy tớ”, Ô-tích có thể là người trẻ tuổi mà cũng là một đầy tớ. Anh ta có thể đã làm việc nặng nhọc ngày đó và mệt mỏi. Chẳng ngạc nhiên gì khi anh đã ngủ mê suốt bài giảng dài!

Chúng ta đừng quá nghiêm khắc đối với Phao-lô. Xét cho cùng, ông đang giảng bài giảng tạm biệt cho hội chúng này, và ông có nhiều điều để cho họ biết vì sự tốt lành của họ. Những người ngồi gần lẽ ra phải coi chừng Ô-tích, nhưng dĩ nhiên họ đã mê mải trong điều Phao-lô đang nói. Phao-lô đã cắt ngang bài giảng của ông để vội

vã xuống lầu đem người thanh niên trở lại với sự sống. Cách tiếp cận của ông nhắc chúng ta về Ê-li (IVua 17:21-22) và Ê-li-sê (IIVua 4:34-35).

Có lẽ mỗi chúng ta nên tự hỏi: “Điều gì thật sự giữ tôi thức” Những Cơ Đốc nhân thiu thiu ngủ suốt một giờ đồng hồ trong nhà thờ bằng cách nào đó tìm cách tỉnh ngủ suốt những chuyến đi câu từ sáng sớm, những sự kiện thể thao hoặc những buổi hoà nhạc dài, hay những chương trình truyền hình đặc biệt về khuya. Cũng vậy, chúng ta cần chuẩn bị chính mình về thể chất cho sự thờ phượng chung để bảo đảm chúng ta ở tình trạng tốt nhất. Spurgeon đã nói: “Hãy nhớ, nếu chúng ta ngủ suốt bài giảng và chết, không có sứ đồ nào để hồi phục chúng ta!”.

### 3. Một sứ điệp tạm biệt (Cong 20:13-38)

Phao-lô quyết định đi bộ từ thành Trô-ách đến thành A-sốt, quãng đường khoảng 20 dặm. Tại sao? Trước hết, điều đó có thể giúp ông ở lâu hơn với các thánh đồ trong thành Trô-ách trong khi ông sai Lu-ca và nhóm người đi trước (Cong 20:13). Thuyền sẽ mất ít nhất một ngày để đi từ thành Trô-ách đến thành A-sốt, và Phao-lô có thể đã đi bộ đến đó trong 10 giờ đồng hồ hoặc ngắn hơn. Cũng vậy, Phao-lô có thể muốn có thời gian một mình để giao thông với Chúa về chuyến đi của ông đến Giê-ru-sa-lem. Vị sứ đồ chắc đã cảm giác rằng những ngày khó khăn ở trước mặt ông. Ông có thể cũng suy gẫm sứ điệp ông sẽ trình bày cho các trưởng lão người Ê-phê-sô. Sau cùng, thể dục chắc chắn đã có ích! Cả những sứ đồ được thần cảm cũng cần chăm sóc thân thể mình. Cá nhân tôi thích đi bộ hơn đi thuyền!

Có 50 ngày giữa lễ Vượt Qua (Cong 20:6) và lễ Ngũ Tuần (Cong 20:16) và chuyến đi của Phao-lô từ thành Phi-líp đến thành Trô-ách đã mất 12 ngày (Cong 20:6). Mất 4 ngày nữa để đến thành Mi-lê, vì vậy Phao-lô quyết định không đi đến thành Ê-phê-sô để ông không mất thêm thời gian quý giá. Thay vào đó, ông đã mời các lãnh đạo Hội Thánh Ê-phê-sô đi khoảng 30 dặm và gặp ông tại thành Mi-lê, nơi con tàu đang chờ dỡ hàng và đi tiếp. Phao-lô không phải là người lãng phí thời gian hoặc đánh mất những cơ hội.

Trong sách Công vụ, Lu-ca tường thuật 8 sứ điệp do Phao-lô trình bày cho những người khác nhau: Một hội chúng nhà hội Do Thái (13:14-43), những người ngoại (14:14-18 17:22-34) các lãnh đạo Hội Thánh (20:17-38), một đám đông người Do Thái (22:1-21). Hội đồng Do Thái (23:1-20). và các quan chức chính quyền khác (24:10-21 26:1-32). Bài nói chuyện của ông với các trưởng lão Ê-phê-sô là duy nhất trong đó nó bày tỏ Phao-lô mục sư hơn là Phao-lô người giảng Phúc Âm hoặc Phao-lô người bảo vệ đức tin. Sứ điệp này giúp chúng có một cái nhìn lướt qua về cách Phao-lô đã thi hành chức vụ ở thành Ê-phê-sô trong ba năm.

Từ “trưởng lão” là “presburos” trong tiếng Hy Lạp (“presbyter”) và nó chỉ về người trưởng thành được chọn để hầu việc trong chức vụ (14:23). Chính những người này được gọi là “những người coi sóc” trong Cong 20:28 là “episkopos” hoặc giám mục. Họ được chọn để “chăn Hội Thánh” (Cong 20:28) nghĩa là “dẫn dắt”. Phao-lô đã gọi Hội Thánh địa phương là “bầy” (Cong 20:28-29), vì vậy những người này cũng là mục sư (Từ “mục sư” nghĩa là “người chăn chiên”). Do đó trong các Hội Thánh thời Tân Ước có ba danh hiệu: Trưởng lão, Giám mục và Mục sư đồng nghĩa nhau. những phẩm chất cho chức vụ này được trình bày trong ITi 3:1-7 và Tit 1:5-9.



Có ba phần cho sứ điệp tạm biệt của Phao-lô. Trước tiên ông ôn lại quá khứ (Cong 20:18-21). Sau đó ông bàn luận hiện tại (20:22-27) và cuối cùng, ông nói về tương lai (20:28-35). Trong phần đầu tiên, ông nhấn mạnh sự trung tín của mình đối với Chúa và với Hội Thánh khi ông thi hành chức vụ trong ba năm ở thành Ê-phê-sô. Phần đoạn thứ 2 bày tỏ những cảm xúc riêng của Phao-lô xét về cả quá khứ lẫn tương lai. Trong phần thứ 3, ông cảnh cáo họ về những hiểm họa mà các Hội Thánh đã đối diện.

- *Điểm lại quá khứ* (Cong 20:18-21). Phao-lô không phải là người làm việc từ từ, thận trọng như một nhà ngoại giao thăm dò đường đi nước bước. “Từ ngày đầu” ông đã dâng mình cách trọn vẹn cho công việc của Chúa ở thành Ê-phê-sô, vì Phao-lô là một đại sứ chứ không phải một nhà ngoại giao.

Động cơ cho chức vụ của Phao-lô được tìm thấy trong nhóm từ “hầu việc Chúa” (Cong 20:19). Ông không quan tâm đến việc kiếm tiền (20:33) hoặc hưởng một đời sống dễ chịu (20:34-35), vì ông là tôi tớ của Đức Chúa Giê-xu (20:24 Ro 1:1). Phao-lô thận trọng cho mọi người biết rằng những động cơ cho chức vụ của ông mang tính thuộc linh chứ không ích kỷ (ITe 2:1-13).

Tính cách chức vụ của ông là mẫu mực (Cong 20:18-19). Ông đã sống một đời sống kiên định mà bất cứ ai cũng có thể xem xét, vì ông chẳng có gì giấu giếm. Ông đã hầu việc trong sự khiêm nhường chứ không như một “người nổi tiếng trong tôn giáo” đòi hỏi người khác phục vụ mình. Nhưng sự khiêm nhường của ông không phải là một dấu hiệu của sự yếu đuối, vì ông đã có can đảm để đối diện những thử thách và nguy hiểm mà không bỏ cuộc. Phao-lô không xấu hổ để thừa nhận với các bạn ông rằng ông cũng đã có những lúc rơi lệ (cũng xem Cong 20:31 và Ro 9:1-2 IICo 2:4 Phi 3:18).

- *Sứ điệp của chức vụ ông* (Cong 20:20-21) cũng được biết rộng rãi, vì ông đã rao ra và dạy nó tại những nơi công cộng (19:9) cũng như trong các buổi thông công của các Hội Thánh tư gia. Ông bảo tội nhân ăn năn tội lỗi họ và tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Sứ điệp này là “Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời” (Cong 20:24) và đó là sứ điệp duy nhất có thể cứu tội nhân (ICo 15:1-8 Ga 1:6-12).

Hơn nữa, Phao-lô nhắc nhở họ rằng, trong chức vụ của ông, ông đã không giữ lại bất kỳ điều gì có lợi cho họ. Ông tuyên bố với họ “mọi ý định của Đức Chúa Trời” (Cong 20:27). Sứ điệp của ông là một sứ điệp quân bình bao gồm những giáo lý và những bổn phận, cũng như những đặc quyền với những trách nhiệm thuộc về đời sống Cơ-đốc. Trong sự rao giảng của mình, ông đã không thoả hiệp hoặc đi đến những thái cực, nhưng giữ mọi sự quân bình Phao-lô cũng giữ cho quan điểm về hội chúng được quân bình, làm chứng cho người Do Thái lẫn người ngoại.

- *Lời chứng về hiện tại* (Cong 20:22-27). Nhóm từ “và giờ đây, hãy xem” thay đổi sự nhấn mạnh từ quá khứ sang hiện tại khi Phao-lô mở lòng và cho các bạn ông biết ông cảm nghĩ ra sao. Ông không giấu họ sự thật rằng ông đã bị trói buộc trong tinh thần (19:21), để đi đến Giê-ru-sa-lem dù ông biết rằng nguy hiểm và sự chết có thể xảy ra đã đợi ông ở đó. Đức Thánh Linh đã làm chứng sứ điệp này cho ông từ thành này đến thành khác. Một người bình thường hơn có lẽ sẽ tìm ra một cách nào đó để thoát ra, nhưng Phao-lô thì không. Ông đã bị thu hút bởi sự kêu gọi và sự dẫn thân cho Chúa Giê-xu Christ nên không thể tìm lối thoát nào đó an toàn và dễ dàng. Trong lời chứng của mình, Phao-lô sử dụng 6 bức tranh sinh động về chức vụ ông để giải thích lý do ông sẽ không bỏ cuộc nhưng sẽ đến Giê-ru-sa-lem để chịu chết vì Chúa Giê-xu nếu



cần. Phao-lô đã có thể nói: “Không gì trong những điều này lay chuyển tôi!” vì ông biết mình là một công sứ của Chúa Giê-xu.

Phao-lô thấy mình như một kế toán viên (Cong 20:24) xem xét tài sản với khoản nợ của mình và quyết định đặt Chúa Giê-xu trên hết mọi sự. Ông đã đối diện với kiểu tính toán này trước tiên trong chức vụ mình và sẵn sàng khiến những điều thuộc linh trở nên ưu tiên số một trong đời sống ông (Phi 3:1-11).

Ông cũng thấy mình như một người chạy đua muốn kết thúc cuộc đua của mình trong chiến thắng hoan hỉ (Phi 3:12-14 IITi 4:8). Ba nhóm từ “sự sống tôi, cuộc đua của tôi, chức vụ tôi” là chìa khoá. Phao-lô nhận ra rằng sự sống của ông là món quà của Đức Chúa Trời dành cho ông, và Đức Chúa Trời có một kế hoạch đặc biệt cho đời sống ông mà sẽ được thực hiện trong chức vụ ông. Phao-lô đã được dâng cho một Đấng vĩ đại (“hầu việc Chúa”) và được thôi thúc bởi một mục đích vĩ đại, gây dựng Hội Thánh.

Bức tranh thứ ba của Phao-lô là bức tranh về người quản gia, vì chức vụ của ông là điều gì đó ông đã “nhận nơi Chúa”. Quản gia làm chủ rất ít hoặc không có gì cả, nhưng người ấy có mọi thứ. Mục đích duy nhất của người ấy là hầu việc chủ mình và làm đẹp lòng người “Vả lại, cái điều người ta đòi hỏi nơi quản gia là phải trung thành” (ICo 4:2). Người quản gia ngày nào đó phải báo cáo về chức vụ mình, và Phao-lô đã sẵn sàng cho ngày ấy.

Bức tranh kế tiếp là bức tranh về sự làm chứng, “Làm chứng về Phúc Âm của ân điển Đức Chúa Trời” (Cong 20:24 và chú ý 20:21). Từ này có nghĩa là “long trọng đưa ra chứng cứ”, và nó nhắc chúng ta về sự nghiêm túc của sứ điệp và của chức vụ. Khi chúng ta chia sẻ Phúc Âm với người khác, đó là một vấn đề về sự sống và sự chết (II Co 2:15-16). Phao-lô là một chứng nhân trung thành cả trong đời sống ông đã sống (Cong 20:18) và sứ điệp ông đã rao giảng.

Bức tranh số năm là sứ giả (20:25). Từ “rao giảng” nghĩa là “công bố một sứ điệp với tư cách sứ giả của vua”. Chứng nhân cho biết điều đã xảy ra với người đó, nhưng sứ giả cho biết điều mà vua bảo người ấy công bố. Người ấy là một người được uỷ nhiệm và được sai đi với một sứ điệp, và người ấy không được thay đổi sứ điệp đó bất cứ cách nào. Và vì người ấy do vua sai đi, dân sự lắng nghe nên cẩn thận cách họ đối xử với sứ giả lẫn sứ điệp.

Bức tranh cuối cùng, và có lẽ kịch tính nhất, là bức tranh về người canh giữ (Cong 20:26). Như trong 18:6 đây là một ám chỉ về “người canh giữ trên những tường thành” trong Exe 3:17-21 33:1-9. Thật là một sự kêu gọi nghiêm túc để trở nên người canh giữ! Người đó phải thức giấc và cảnh giác sẵn sàng báo động nếu thấy nguy hiểm đến gần, Người đó phải trung thành, không sợ hãi, vì sự an toàn của nhiều người tùy thuộc vào người ấy. Phao-lô là một người canh giữ trung thành (Cong 20:31), vì ông đã tuyên bố với tội nhân và các thánh đồ mọi ý định của Đức Chúa Trời. Tiếc thay, chúng ta ngày nay có nhiều người canh giữ bất trung chỉ nghĩ đến bản thân (Es 56:10-13).

Một nhóm người hầu việc đã hỏi giáo sĩ mới của họ rằng ông có tin về một địa ngục thật dành cho tội nhân hư mất hay không, và ông đã cười bảo họ rằng ông không tin. Những người này đáp: “Nếu không có địa ngục nào cả, chúng tôi không cần ông, và nếu có một địa ngục, ông đang dẫn họ lạc lối. Ở cả hai phương diện, chúng tôi thấy tốt hơn là không có ông.

*-Lời cảnh cáo về tương lai* (Cong 20:28-35). Phao-lô kết thúc sứ điệp tạm biệt bằng cách cảnh cáo các lãnh đạo về những nguy hiểm họ phải nhận biết và đối phó nếu họ muốn bảo vệ và dẫn dắt Hội Thánh. Đừng bao giờ đánh giá thấp tầm quan trọng lớn lao của Hội Thánh. Hội Thánh quan trọng đối với Đức Chúa Cha vì danh Ngài ở trên đó. “Hội Thánh của Đức Chúa Trời”. Hội Thánh quan trọng đối với Đức Chúa Con vì Ngài đã đổ huyết vì Hội Thánh. Và Hội Thánh quan trọng đối với Đức Thánh Linh vì Ngài đang kêu gọi và trang bị người để dạy dỗ cho Hội Thánh. Làm một lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời hằng sống là một điều nghiêm túc.

Trước hết có những nguy hiểm quanh ta, “Muông sói” muốn cướp bầy (Cong 20:19). Phao-lô ám chỉ về những thầy giáo giả, những kẻ giả mạo lợi dụng Hội Thánh vì tư lợi (Mat 7:15-23 10:16 Lu 10:3 IPhi 2:1-3). Quan trọng biết bao khi tín đồ biết Lời Đức Chúa Trời và khám phá cùng đánh bại những kẻ làm tiền đội lốt tôn giáo này.

Nhưng cũng có những nguy hiểm giữa vòng chúng ta (Cong 20:30), vì có những người trong Hội Thánh là kẻ ham địa vị và quyền thế. Lịch sử Hội Thánh, xưa và nay, đầy dẫy những câu chuyện về những Đi-ô-trép là kẻ ủng hộ đứng đầu (IIIGi 1:9-10). Đáng sửng sốt để nhận ra rằng có hơn một tiên tri giả khởi đầu hoạt động trong gia đình Hội thánh Cơ-đốc! Hãy đọc IGI 2:18-19 và lưu ý.

Cũng có những nguy hiểm ở trong chúng ta (Cong 20:31-35) và đây dường như là điểm Phao-lô nhấn mạnh nhất. “Vì vậy, anh em hãy giữ lấy mình” (Cong 20:28). Ông kể tên 5 tội lỗi đặc biệt huỷ hoại đời sống và chức vụ của các lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh.

Tội thứ nhất là bất cẩn (Cong 20:31), không tỉnh thức và quên cái giá những người khác đã trả để chúng ta có thể nhận được chân lý của Đức Chúa Trời. “Hãy thức canh và ghi nhớ!” Là những lời chúng ta nên lưu ý. Chúng ta hôm nay thật dễ để quên sự khó nhọc và nước mắt của những người đã nỗ lực trước chúng ta (He 13:7). Lời cảnh cáo và sự rơi lệ của Phao-lô phải là những điều nhắc nhở chúng ta không thôi để nghiêm túc nhận những trách nhiệm thuộc linh của mình.

Tội thứ hai là sự hời hợt (Cong 20:32). Chúng ta không thể gây dựng Hội Thánh nếu Đức Chúa Trời không gây dựng đời sống chúng ta hằng ngày. Ở đây có một sự quân bình giữa sự cầu nguyện (“Tôi gởi gắm anh em cho Đức Chúa Trời”) và Lời Đức Chúa Trời (“đạo của ân điển Ngài”), vì hai điều này phải luôn đồng công nhau (Cong 6:4 Isa 12:23 Gi 15:7). Chỉ Lời Đức Chúa Trời có thể soi sáng và khiến chúng ta phong phú, và lãnh đạo thuộc linh phải dành thời gian hằng ngày trong Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện.

Tham lam là tội thứ ba chúng ta phải tránh (Cong 20:33). Nó có nghĩa là một ước muốn sử dụng và kiểm soát những gì người khác có và muốn nhiều hơn những gì chúng ta đã có. “Người chó tham lam” là điều răn cuối cùng trong 10 điều răn, nhưng nếu chúng ta tham lam chúng ta sẽ phạm cả 9 điều răn kia! Những ai tham lam sẽ ăn cắp, nói dối, giết người để đạt điều gì mình muốn, thậm chí bất kính cha mẹ mình. Tham lam là sự thờ thần tượng, (Eph 5:5 Co 3:5). Trong những phẩm chất dành cho một trưởng lão, có lời được nhận định rõ ràng người ấy không được phạm tội tham lam (ITi 3:3).

Phao-lô cũng đề cập sự biếng nhác (Cong 20:34). Phao-lô đã kiếm sống với tư cách một thợ may trại, dù ông có thể sử dụng quyền sứ đồ của mình để yêu cầu sự hỗ trợ và bởi đó có một đời sống dễ chịu hơn. Người giúp việc Cơ Đốc nhận lương thì không

có gì sai trái, vì “người làm công đáng được tiền lương mình” (Lu 10:7 ITi 5:18). Nhưng họ phải chắc chắn rằng họ đang thật sự kiếm được số lương ấy! (Ch 24:30-34).

Sau cùng, Phao-lô cảnh cáo về sự tự kỷ (Cong 20:35). Chúc vụ thật nghĩa là ban cho, không phải nhận lãnh nó có nghĩa là noi theo gương Chúa Giê-xu Christ. Tấn sĩ Earl V. Pierce thường gọi đây là “phúc lớn nhất”, bởi vì không như những phúc lành khác, nó cho chúng ta biết cách được chúc phước nhiều hơn! Những lời này của Chúa Giê-xu không được tìm thấy ở đâu trong các sách Phúc Âm, nhưng chúng là một phần của sự truyền miệng, và Phao-lô đã ghi nhớ.

Phúc lành này không có ý cho rằng những người nhận “được chúc phước ít hơn” những người cho (Người ăn mày trong Cong 3:1-26 đã chứng tỏ về điều đó!). Nó có thể được diễn giải: “Chia sẻ với người khác tốt hơn là giữ lại những gì bạn có và thu gom thêm”. Nói cách khác phước hạnh này không đến trong sự tích lũy của cái, nhưng trong sự chia sẻ nó. Xét cho cùng, Chúa Giê-xu đã trở nên nghèo khó để chúng ta có thể trở nên giàu có (IICo 8:9). Một trong những bài bình luận hay nhất về nhận định này là Lu 12:16-31.

Phao-lô kết thúc sự kiện đáng nhớ này bằng cách quỳ xuống và cầu nguyện cho các bạn ông, và sau đó họ đều khóc với nhau. Nói lời tạm biệt là một việc khó, đặc biệt khi bạn biết mình sẽ không gặp lại các bạn hữu của mình trong đời này. Nhưng chúng ta có sự đảm bảo phước hạnh rằng ngày kia chúng ta sẽ gặp những bạn hữu Cơ Đốc và người thân của mình trên trời, khi Chúa Giê-xu tái lâm (ITe 4:13-18).

Trong lúc chờ đợi, có một việc để làm. Vậy chúng ta hãy làm việc ấy!

## **18. NHÀ TRUYỀN ĐẠO BỊ HIỂU LẦM (Cong 21:1-22:29)**

Ralph Waldo Emerson đã hỏi: “Vậy thì, thật tệ để bị hiểu lầm phải không? Pythagoras đã bị hiểu lầm, và Socrates, Chúa Giê-xu, Luther, Copernicus, Galileo và Newton. Trở nên vĩ đại là bị hiểu lầm”.

Emerson có thể đã nói thêm rằng sứ đồ Phao-lô đã bị hiểu lầm, bởi bạn hữu cũng như kẻ thù ông. Ba điều trong những hiểu lầm này và những hậu quả của chúng – được ghi lại trong những chương này.

### **1. Các bạn hữu của Phao-lô hiểu lầm những kế hoạch của ông (Cong 21:1-17)**

Phao-lô đã phải dứt mình khỏi các trưởng lão Ê-phê-sô, tuyệt vời thay tình yêu ông dành cho họ. Ông cùng nhóm người đồng hành đi thuyền từ thành Mi-lê đến thành Cốt, rồi đến thành Rô-đơ, và sau đó đến thành Ba-ta-ra, một hành trình mất ba ngày. Nhưng Phao-lô không thoả mái với một chiếc tàu “địa phương ven biển” dừng lại ở mỗi cảng, vì vậy khi ông tìm thấy một chiếc thuyền đi thẳng đến xứ Phê-ni-xi, ông và các bạn ông đã lên thuyền ấy. Đó sẽ là một chuyến đi khoảng 400 dặm.

**Thành Ty-ơ** (Cong 21:3-6). Đây sẽ là sự tiếp xúc đầu tiên của Phao-lô với các tín đồ ở thành Ty-ơ, mặc dù có thể sự kiện ông bắt bớ các tín đồ ở Giê-ru-sa-lem đã giúp khởi đầu Hội Thánh này (11:19). Họ đã phải tìm các tín đồ, vì vậy đó chắc không phải là một hội chúng lớn và rõ ràng không có nhà hội trong thị trấn. Họ ở lại một tuần với các thánh đồ trong khi thuyền của họ dỡ hàng và chất lên hàng mới.

Phao-lô đã dành một phần hữu ích của hành trình truyền giáo thứ ba của ông cho việc nhận quà tặng thân ái cho những người Do Thái ở xứ Giu-đê. Đó là một cách thực tiễn để người ngoại bày tỏ sự hiệp nhất của họ với anh chị em Do Thái của họ, và để đền đáp lại cho họ về việc chia sẻ Phúc Âm với người ngoại (Ro 15:25-27). Trong Hội Thánh đã có một mối đe dọa thường trực về sự chia rẽ, vì những người Do Thái cực đoan (những Giáo sư Do Thái) muốn dân ngoại sống giống như dân Do Thái và noi theo luật Môi-se (Cong 15:1). Bất cứ nơi đâu Phao-lô đã thi hành chức vụ, những người cực đoan này tìm cách ngăn trở công việc ông và đánh cắp những người qui đạo của ông. Phao-lô hy vọng rằng cuộc thăm viếng Giê-ru-sa-lem của ông với quà tặng sẽ giúp củng cố mối thông công giữa người Do Thái và người ngoại.

Giờ đây, Phao-lô bắt đầu nhận các thông tin từ các bạn của ông rằng cuộc thăm viếng của ông đến Giê-ru-sa-lem sẽ khó khăn và nguy hiểm. Dĩ nhiên, ông đã nghi ngờ điều này rồi biết các thầy giáo giả đã hoạt động ra sao (Ro 15:30-31) nhưng những thông tin này rất cá nhân và mạnh mẽ. Ở Ty-ơ, các tín đồ “đã tiếp tục nói với ông” (nghĩa đen tiếng Hy Lạp) rằng ông không nên đặt chân đến Giê-ru-sa-lem.

Sau một tuần ở thành Ty-ơ, Phao-lô và nhóm người đồng hành đã ra đi. Thật cảm động khi thấy cách các tín đồ đã trở nên yêu mến Phao-lô, dầu họ đã biết ông chỉ một tuần. Trạm dừng đầu tiên là Bê-tô-lê-mai, nơi họ đã thăm viếng các tín đồ một ngày, và rồi họ đi thuyền đến thành Sê-sa-rê, nơi đến sau cùng của họ.

**Thành Sê-sa-rê** (Cong 21:7-14). họ ở lại với Phi-líp, một trong những chấp sự đầu tiên (6:1-6) là người cũng hầu việc như một người rao giảng Phúc Âm (8:5). Giờ đây đã 20 năm kể từ khi ông đã đến thành Sê-sa-rê và lập trụ sở ở đó. Vì Phi-líp là người từng là một cộng sự với Ê-tiên và Phao-lô đã dự phần trong sự chết của Ê-tiên, đây chắc là một cuộc gặp gỡ thú vị.

Trong khi Phao-lô nghỉ lại trong thành Sê-sa-rê, tiên tri A-ga-bút đến tỏ cho ông một sứ điệp cảnh cáo thứ hai của Chúa. Khoảng 15 năm trước đó, Phao-lô và A-ga-bút đã đồng công với nhau trong một chương trình cứu đói cho xứ Giu-đê (11:27-30), vì vậy họ không phải là những người xa lạ. A-ga-bút rao sứ điệp mình một cách kịch tính khi ông trói tay chân mình bằng dây lưng của Phao-lô và cho vị sứ đồ biết rằng người sẽ bị trói trong thành Giê-ru-sa-lem.

Giống như các thánh đồ trong thành Ty-ơ, các tín đồ ở Sê-sa-rê cũng nài xin Phao-lô đừng đi đến Giê-ru-sa-lem. Chắc chắn những người được các Hội Thánh chọn lựa đã có thể chuyển giao quà tặng thân ái cho Gia-cơ và các trưởng lão Giê-ru-sa-lem, và sẽ không cần thiết để Phao-lô đích thân đi. Nhưng Phao-lô đã khiến họ yên lặng và họ biết rằng ông đã được chuẩn bị (“sẵn sàng”) không chỉ để bị trói, nhưng cũng để chịu chết nếu cần vì danh của Đức Chúa Giê-xu Christ.

Giờ đây, chúng ta phải tạm dừng lại để xem xét Phao-lô đã đúng hay sai trong việc thực hiện chuyến đi đó đến Giê-ru-sa-lem. Nếu xem xét những hành động của vị sứ đồ chúng ta thấy dường như chúng có vẻ chẳng thích hợp ngay cả mang tính chất xúc phạm, hãy nhớ rằng ông cũng là một con người như bất kỳ người nào khác. Những thư tín của ông đã được hà hơi, nhưng điều này không nhất thiết có nghĩa là mọi việc ông làm đều toàn hảo. Dù ông đúng hay sai, chúng ta chắc chắn có thể học được từ từng trải của ông.

Về phía nghịch, những sứ điệp lập đi lập lại này thật sự nghe như những lời cảnh cáo Phao-lô hãy ra khỏi Giê-ru-sa-lem,. Về vấn đề ấy, hơn 20 năm trước đó, Chúa đã



ra lệnh Phao-lô ra khỏi Giê-ru-sa-lem vì dân Do Thái sẽ không chấp nhận lời chứng của ông (22:18). Phao-lô đã viết thư cho những người Rô-ma về các nguy hiểm trong xứ Giu-đê (15:30-31), và ông đã chia sẻ cùng những cảm xúc này với các trưởng lão Ê-phê-sô (20:22-23). Vì vậy ông đã nhận thức đầy đủ những vấn đề có liên quan.

Về phía thuận, những lời nói tiên tri có thể được tiếp nhận như những lời cảnh cáo (“Hãy sẵn sàng!”) hơn là như những sự cấm đoán (“Người không được đi!”). Lời tuyên bố trong 21:4 không sử dụng, từ phủ định Hy-văn “ou”, là từ có nghĩa sự ngăn cấm tuyệt đối, nhưng “me”, đã sử dụng “ở chỗ một người nghĩ một điều không phải vậy” (Manual Greek Lexicon of The New Testament, của G.Abbott – Smith trang 289). A-ga-bút đã không cấm Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem ông chỉ cho Phao-lô biết những điều để chờ đợi nếu người đi. Như đối với mệnh lệnh của Chúa trong 22:18 nó áp dụng cho lúc đặc biệt đó và không cần thiết phải được giải nghĩa như một sự ngăn cấm điều khiển cuộc đời còn lại của Phao-lô. Mặc dù đúng là Phao-lô đã tránh Giê-ru-sa-lem, cũng đúng là ông đã trở lại đó vào những dịp khác với sự cứu đói (11:27-30), dự hội nghị Giê-ru-sa-lem (15:1), và sau hành trình truyền giáo thứ hai của ông (18:22 “đi lên chào mừng Hội Thánh” chỉ về Giê-ru-sa-lem).

Xét về lời tuyên bố của Phao-lô trong Cong 23:1 và những lời khích lệ của Chúa trong 23:11 khó tin rằng vị sứ đồ này đã cố tình bất tuân ý chỉ của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ. Lời tiên tri của Đức Chúa Trời với A-na-nia (9:15) chắc chắn đã thành sự thật nhiều tháng sau đó khi Phao-lô có cơ hội làm chứng cho Đấng Christ.

Thay vì kiện cáo Phao-lô về sự thoả hiệp, chúng ta phải hoan nghênh ông vì sự can đảm của ông. Vì sao? Vì trong việc đến Giê-ru-sa-lem, ông có nguy cơ bị giết khi tìm cách giải quyết vấn đề cấp bách nhất trong Hội Thánh: sự chia rẽ đang nổi lên giữa những người Do Thái theo luật pháp “rất hữu khuynh” và tin hữu dân ngoại. Kể từ hội nghị Giê-ru-sa-lem (Cong 15:1-41), sự rắc rối đã âm ỉ, và những người Do Thái theo luật pháp đã đi theo Phao-lô và tìm cách dành lấy những người qui đạo của ông. Đó là một tình cảnh nghiêm trọng và Phao-lô biết rằng ông là một phần của câu trả lời cũng như một phần của vấn đề. Nhưng ông đã không thể giải quyết được vấn đề bằng sự điều khiển từ xa qua những người đại diện, ông đã phải đích thân đi đến Giê-ru-sa-lem.

**Thành Giê-ru-sa-lem** (Cong 21:15-17). Một nhóm tín hữu đã rời thành Sê-sa-rê và đi với Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, có thể là để dự lễ. Đó là một hành trình 65 dặm mất ít nhất ba ngày đi bộ – mất hai ngày nếu họ có những con vật. Quả là sự thông công mà họ chắc đã vui hưởng khi họ tường thuật điều Đức Chúa Trời đã làm trong họ và qua họ! Thật là một sự khích lệ lớn cho Phao-lô để có những người bạn ở cạnh ông khi ông đối diện với thách thức ở Giê-ru-sa-lem.

Thành sẽ chật ních những người đến dự lễ, nhưng Phao-lô và những người cùng đi đã vạch kế hoạch sống với Ma-na-sôn, “một môn đệ lâu nay sống ở Giê-ru-sa-lem và từng thăm viếng thành Sê-sa-rê. Có lẽ ông đã quy đạo nhờ sự rao giảng của Phi-e-rơ vào lễ Ngũ Tuần chăng? Hay người đồng hương của ông là Cypriot Ba-na-ba đã chinh phục ông cho Đấng Christ? (4:36). Chúng ta không được cho biết nhưng chúng ta biết rằng Ma-na-sôn là một người được dành cho lòng mến khách, và chức vụ ông đã giúp Phao-lô vào một thời điểm chiến lược trong chức vụ sứ đồ.

Chúng ta có thể đã ước mong rằng Bác sĩ Lu-ca cho chúng ta biết nhiều hơn về cuộc gặp gỡ đầu tiên đó với các lãnh đạo Hội Thánh ở Giê-ru-sa-lem. Gia-cơ và những



lãnh đạo khác đã vui mừng tiếp họ, nhưng họ đã đáp ứng ra sao trước quà tặng từ dân ngoại? Không điều gì được nói về vấn đề đó. Có lẽ một số người hơi nghi ngờ chẳng? Một vài năm sau đó, nhà văn người Rô-ma Martal đã nói “Những món quà giống như những lưỡi câu!” và có lẽ một số trưởng lão Giê-ru-sa-lem đã cảm nhận về quà tặng này cách đó. Chắc chắn cánh luật pháp của Hội Thánh đã nghi vấn bất cứ điều gì Phao-lô nói hoặc làm.

## **2. Hội Thánh Giê-ru-sa-lem hiểu lầm sứ điệp của ông (Cong 21:18-26)**

Rõ ràng buổi nhóm đầu tiên đó chủ yếu được dành cho sự thông công và những vấn đề riêng, vì buổi nhóm thứ hai được dành cho sự báo cáo riêng của Phao-lô về chức vụ của ông đối với dân ngoại. Những lãnh đạo Giê-ru-sa-lem những năm trước đó đã nhất trí rằng Phao-lô nên thi hành chức vụ cho dân ngoại (Ga 2:7-10), và các trưởng lão đã vui mừng về điều họ nghe. Nhóm từ “công bố tường tận” nghĩa là “tường thuật chi tiết, từng điều”. Phao-lô trình bày một sự tường thuật đầy đủ và chính xác, không phải về điều ông đã làm, nhưng về điều Chúa đã làm qua chức vụ của ông (ICo 15:10).

Bạn có ấn tượng rằng những người sống theo pháp luật đã hành động đàng sau hiện trường. Phao-lô vừa báo cáo xong thì những trưởng lão đã nêu lên những tin đồn khi ấy được lưu truyền về Phao-lô giữa vòng các Cơ Đốc nhân Do Thái. Có thể nói rằng, dù một tin đồn không có chân để đứng, nó đi cực kỳ nhanh!

Kẻ thù nói gì về Phao-lô? Hầu như cùng những điều họ đã nói về Chúa Giê-xu và Ê-tiên: ông đang dạy cho dân Do Thái từ bỏ luật pháp và tục lệ ban ra bởi Môi-se và các tổ phụ. Họ không lo lắng về điều Phao-lô đã dạy dỗ các tín đồ người ngoại, vì mối liên hệ của dân ngoại với luật pháp đã được giải quyết tại hội nghị Giê-ru-sa-lem (Cong 15:1-41). Thật ra, các trưởng lão đã cẩn thận nghe lại vấn đề (Cong 21:25) có thể vì có những bạn người ngoại của Phao-lô. Những lãnh đạo đặc biệt quan tâm để sự hiện diện của Phao-lô trong thành không gây sự chia rẽ hoặc sự lộn xộn giữa vòng “mấy vạn người Do Thái... sốt sắng về luật pháp” (21:20).

Nhưng, tại sao quá nhiều người Do Thái đã tin vắn bám vào luật Môi-se? họ há không đọc thư tín Rô-ma và Ga-la-ti sao? Có thể không và dù họ có đọc, những tục lệ cũ thật khó thay đổi. Thật ra, ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ phải gửi một bức thư đặc biệt cho dân Do Thái, thư tín Hê-bơ-rơ, để giải thích mối liên hệ giữa Cựu và Tân Ước. Như Tiến sĩ Donald Grey Barnhouse thường nói: “Sách Hê-bơ-rơ đã được viết cho người Hê-bơ-rơ để bảo họ thôi làm người Hê-bơ-rơ!”. Mãi đến khi thành và đền thờ bị phá huỷ năm 70 SC thì sự thờ phượng theo truyền thống của dân Do Thái mới chấm dứt.

Phao-lô đã cảnh cáo dân ngoại đừng tham gia vào Do Thái giáo cũ (Ga 4:1-11), nhưng không có chỗ nào ông bảo dân Do Thái rằng họ thực hành những tục lệ của mình là sai trật, miễn là họ không cậy nơi nghi lễ hoặc biến những tục lệ của họ thành một thử nghiệm về sự thông công (Ro 14:1-15:7). Có sự tự do để giữ những ngày đặc biệt và những chế độ ăn kiêng, và các tín đồ không được xét đoán hay lên án nhau. Cùng ân điển đã ban cho dân ngoại sự tự do để kiêng cử cũng ban cho dân Do Thái sự tự do để tuân giữ. Mọi điều Đức Chúa Trời yêu cầu là họ phải tiếp nhận nhau và không tạo ra những vấn đề hay những chia rẽ.

Dường như không thể tin được rằng kẻ thù của Phao-lô sẽ tố cáo ông về những điều này, vì mọi chúng có đều nghịch lại họ. Phao-lô đã để Ti-mô-thê chịu cắt bì trước khi đem ông theo ở hành trình truyền giáo thứ hai ấy (16:1-3). Phao-lô đã có một thề nguyện Do Thái trong thành Cô-rinh-tô (18:18), và thói quen của ông là không xúc phạm người Do Thái bất cứ phương diện nào bằng cách cố tình xúc phạm những tục lệ hay luật Mô-i-se của họ (ICo 9:19-23). Tuy nhiên, những tin đồn thường không dựa trên sự thật nhưng phát triển dựa trên nửa sự thật, những định kiến, và những điều hoàn toàn giả dối.

Các lãnh đạo có ý nói rằng Phao-lô bày tỏ công khai sự tôn trọng của ông đối với luật pháp Do Thái. Mọi điều họ yêu cầu ta là ông đồng nhất hoá với bốn người mắc một lời thề nguyện Na-xi-rê (Dan 6:1- 27), trả tiền cho của lễ của họ, và ở cùng họ trong đền thờ chuẩn bị cho kỳ tinh sạch của họ. Ông đã đồng ý thực hiện việc ấy. Nếu đó là một vấn đề liên quan đến sự cứu rỗi cá nhân người nào, bạn có thể chắc rằng Phao-lô sẽ chẳng bao giờ hợp tác vì điều đó sẽ làm hại sứ điệp của ông về sự cứu rỗi bởi ân điển, nhờ đức tin. Nhưng đây là một vấn đề về nhận thức riêng của các tín đồ Do Thái những người được ban cho sự tự do để chấp nhận hoặc từ chối những tục lệ.

Hôm sau Phao-lô đã thuật lại cho thầy tế lễ và dự phần trong lễ tinh sạch, nhưng chính ông không thề nguyện gì. Ông và những người này phải chờ 7 ngày và sau đó dâng của lễ được truyền dạy. Toàn bộ kế hoạch có vẻ an toàn và khôn ngoan, nhưng nó đã không có tác động gì. Thay vì đem đến sự bình an, nó gây ra sự náo động, và Phao-lô cuối cùng là một tù nhân.

### **3. Dân Do Thái hiểu lầm chức vụ của Phao-lô (Cong 21:27-40 22:1-29).**

(Cong 21:27-40). Trong đền thờ, ngăn cách sân của dân ngoại với những sân khác, sừng sững một bức tường và không người ngoại nào được phép đi xa hơn nơi này (chú ý Eph 2:14). Trên bức tường là câu viết long trọng: “không người ngoại quốc nào có thể bước vào hàng rào bao quanh nơi thánh và khu vực được rào. Bất cứ ai bị bắt gặp làm như vậy sẽ tự mình chuốc lấy cái chết chắc chắn? Người Rô-ma đã ban cho các lãnh đạo Do Thái quyền hạn để xử lý bất cứ ai phạm luật này, và điều này bao gồm quyền thi hành án. Luật này đóng một vai trò quan trọng trong việc đã xảy ra cho Phao-lô một tuần sau khi ông và bốn người Na-xi-rê bắt đầu lễ tinh sạch của họ.

Một số người Do Thái từ xứ A-si đã thấy Phao-lô trong đền thờ thì vội kết luận rằng ông đã làm ô uế nơi thánh của họ bằng cách đem những người ngoại vượt qua hàng rào. Có thể những người Do Thái này đã đến từ thành Ê-phê-sô, vì họ nhận ra bạn của Phao-lô Trô-phim, người đến từ thành Ê-phê-sô. Với những cảm xúc vận hành hết tốc lực, và những bộ não ở số không của họ, những người này đã lý luận: 1. Nơi đâu Phao-lô đến, các bạn người ngoại của ông đã đến 2. Phao-lô được thấy trong đền thờ, vì vậy những người bạn ngoại quốc của ông cũng đã ở trong đền thờ! Đó là lô-gic về thành kiến.

Họ kéo Phao-lô và có lẽ sẽ giết ông nếu những lính canh Rô-ma không can thiệp đúng lúc. (Có ít nhất 1.000 lính Rô-ma đã đóng quân trong pháo đài Antonia ở góc đông bắc của khu vực đền thờ). Đám đông ở đền thờ trong sự náo động, hoàn toàn không biết gì về việc đang xảy ra. Cảnh tượng này nhắc bạn về cuộc nổi loạn ở thành Ê-phê-sô. Hãy so sánh câu 30 với 19:29 và c.34 với 19:32. Cần có quản cơ (Cơ-lốt Ly-sia, 23:26), hai thầy đội và có lẽ 200 quân lính để khống chế đám đông và cứu nguy

Phao-lô. Quán cơ thật sự nghĩ rằng Phao-lô là một người Ai Cập gây loạn, đã bị người Rô-ma truy nã vì kích động một cuộc nổi dậy (Cong 21:38). Điều này giải thích lý do ông ra lệnh trói Phao-lô bằng hai xích (21:33).

Khi Cơ-lốt dò hỏi dân chúng họ không thể giải thích điều gì gây ra cuộc nổi loạn vì họ thật sự không biết. Những kẻ gây rối từ đầu chắc đã chạy thoát trong lúc có cuộc kích động lớn, biết rằng họ thật sự không thể chứng minh cho những lời buộc tội. Vì Cơ-lốt không thể nhận được sự giúp đỡ nào từ dân chúng ở đền thờ, ông quyết định thẩm vấn Phao-lô vì vậy quân lính của ông đã đem Phao-lô từ Tòa án của dân ngoại lên tầng trên vào đồn lính. Khi Phao-lô được đem đi, đám đông giận dữ la hét “hãy khử hẳn đi!”. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến sự kiện Chúa chúng ta bị bắt và xét xử (Lu 23:18,21 Gi 19:15).

Tại thời điểm này, Phao-lô quyết định đã đến lúc để nói lên, và vị quản cơ kinh ngạc khi tù nhân nguy hiểm của ông có thể nói tiếng Hy Lạp. Khi Phao-lô xin phép được nói với dân Do Thái, Cơ-lốt đồng hy vọng rằng mình sẽ có đủ thông tin cho một báo cáo chính thức. Ông chưa bao giờ có đủ thông tin (23:23-30). Phao-lô đã nói với dân Do Thái bằng tiếng A-ram bốn xứ của họ, và điều này giúp họ lắng đọng. Ông chưa bao giờ có thể hoàn tất bài nói chuyện của mình, nhưng ông đã giải thích được ba phương diện quan trọng của đời sống và chức vụ ông.

- *Hạnh kiểm ban đầu của ông* (Cong 21:3-5). Phao-lô từng là một ra-bi chủ đạo trong thời ông (Ga 1:13-14), vì vậy ông chắc chắn được một số người trong đám đông biết đến. Hãy chú ý cách Phao-lô xếp đồng những uỷ nhiệm thư của mình: ông là một người Do Thái, bốn dân thành Tạt-sơ được nuôi dưỡng trong thành Giê-ru-sa-lem, được Ga-ma-li-ên dạy dỗ, một người sống theo luật pháp, một kẻ sốt sắng bắt bớ Hội Thánh, và là một nghị viên của Tòa Công Luận. Làm sao đồng bào ông lại không thể tôn trọng lắng nghe một người có lý lịch như thế cho được!

Thay vì tố cáo về việc tham gia vào cuộc nổi loạn, ông đã khen ngợi họ về việc “sốt sắng vì Đức Chúa Trời” (Ông đã sử dụng một cách tiếp cận tương tự với dân A-thên Cong 17:22). Ông thừa nhận mình cũng đã phạm tội bắt giữ, trói và thậm chí giết người. Niềm tin Cơ Đốc đã được biết như “đạo” (9:2 19:9,23 24:14,22), có thể là một sự ám chỉ về lời tuyên bố của Chúa chúng ta, “Ta là đường đi” (Gi 14:6).

- *Sự qui đạo kỳ diệu của ông* (Cong 21:6-16). Lu-ca đã ghi lại kinh nghiệm qui đạo của Phao-lô trong chương 9 và Phao-lô sẽ nhắc lại câu chuyện này cho Phê-lít và A-c-ríp-ba (26:1-32). Thật khó hình dung một đám đông như vậy ngày nay có thể yên lặng lắng nghe một lời chứng như thế. Tuy nhiên, người dân thời đó đã chờ đợi những điều huyền diệu xảy ra và hẳn đã bị mê hoặc bởi câu chuyện của Phao-lô (23:9). Cũng vậy Phao-lô đang làm công việc chính thức của tòa Công Luận khi những sự kiện này xảy ra, ít nhất đã cho thấy thoáng thẩm quyền nào đó.

Trong lời chứng của mình, Phao-lô khẳng định rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống. Phao-lô đã thấy sự vinh hiển của Ngài và nghe tiếng Ngài. Dân chúng lắng nghe trong sân đền thờ đã biết địa vị Do Thái chính thức của Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét đó là một người mạo danh đã bị đóng đinh trên thập tự và thân thể Ngài đã bị đánh cắp khỏi phần mộ bởi những môn đệ Ngài là những người sau đó khởi đầu tin đồn rằng Chúa Giê-xu đã được khiến sống lại từ cõi chết. Dĩ nhiên, chính Phao-lô đã tin câu chuyện này khi ông đang bắt bớ Hội Thánh.

Những người đi với Phao-lô đã thấy ánh sáng chói lói, nhưng không mù loà như ông, và họ đã nghe một âm thanh, nhưng không thể hiểu lời gì đang được phán ra (9:7). Hãy hình dung sự kinh ngạc của Phao-lô khi khám phá rằng Chúa Giê-xu vẫn sống! Lập tức, ông đã phải thay đổi toàn bộ cách suy nghĩ của mình (ăn năn) và để Chúa phục sinh nắm quyền điều khiển.

Hãy để ý sự khôn ngoan của Phao-lô khi ông đồng nhất hoá mình với A-na-nia, một người Do Thái mộ đạo giữ luật pháp và là người đã gọi ông là “anh”. Cũng hãy để ý rằng A-na-nia đã quy kinh nghiệm tuyệt vời của Phao-lô cho “Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng ta”. Khi trích dẫn lời A-na-nia, Phao-lô đã đưa ra lý do để những người lắng nghe ông chấp nhận kinh nghiệm cứu rỗi của ông và sự kêu gọi để hầu việc của ông. Phao-lô đã thấy “Đấng Công Bình” đó là một danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a (3:14 7:52). Phao-lô giờ đây đã được Đức Chúa Trời uỷ nhiệm để đem sứ điệp Ngài cho “mọi người”. Điều này sẽ gồm cả dân ngoại, nhưng Phao-lô đã không nói vậy cho đến mãi sau đó.

Câu Cong 21:16 trong Bản dịch King James dường như gợi ý rằng phép báp-tem được đòi hỏi để rửa sạch tội lỗi chúng ta, nhưng đây không phải trường hợp đó. Trong Bản dịch Tân Ước mở rộng, học giả Hy Lạp Kenneth Wuest diễn tả, “Hãy chờ dậy, chịu phép báp-tem và làm sạch tội lỗi mình đi, sau khi đã cầu khẩn danh Chúa trước”. Chúng ta được cứu bởi cầu khẩn Chúa bằng đức tin (2:21 9:14), và chúng ta bày tỏ chứng có về đức tin bằng cách chịu báp-tem. Theo 9:17 Phao-lô đã đầy dẫy Thánh Linh trước khi ông chịu báp-tem, và điều này cho thấy rằng ông đã được tái sinh. Chính sự “cầu khẩn” không phải việc báp-tem, đem lại sự làm sạch.

Chắc chắn nhiều người trong số những thính giả của Phao-lô đã biết về “giáo phái Cơ-đốc” đã nổi lên, những phép báp-tem đã xảy ra, việc ném đá Ê-tiên, và những phép lạ mà “những người của đạo” này đã thực hiện. Phao-lô không nói với những người dốt nát, vì những điều này đã không “được thực hiện trong nơi kín đáo” (26:26).

- *Sự kêu gọi đặc biệt của ông* (Cong 21:17-21). Sau khi qui đạo Phao-lô đã thi hành chức vụ trong thành Đa-mách và sau đó đến xứ A-ra-bi, có lẽ để giảng Phúc Âm và để suy gẫm Lời Đức Chúa Trời (9:19-25 Ga 1:16-17) Khi Phao-lô trở về Giê-ru-sa-lem các lãnh đạo Hội Thánh đã không tiếp nhận cho đến khi Ba-na-ba can thiệp và đưa ông vào (9:26-29). Hãy chú ý cách Phao-lô nhấn mạnh lại môi trường Do Thái trong kinh nghiệm của ông, vì dân Do Thái đã có ấn tượng với một người cầu nguyện trong đền thờ và có sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Chúa bảo Phao-lô nhanh chóng rời Giê-ru-sa-lem, vì dân chúng sẽ không chấp nhận lời làm chứng của ông. Bằng cách vâng theo mệnh lệnh này, Phao-lô đã cứu mạng mình, vì dân Do Thái Hê-lê-nít đã lập mưu giết ông (9:29-30). Nhưng lúc đầu, Phao-lô đã tranh luận với Chúa! Ông muốn tỏ cho dân Do Thái rằng ông là một con người mới và cho họ biết Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a, và Ngài vẫn sống! Nếu Phao-lô chinh phục được một số người cho Chúa, có lẽ điều đó sẽ giúp đền bù mọi thiệt hại ông đã làm, đặc biệt trong việc giết Ê-tiên.

Mệnh lệnh của Chúa là: “Hãy đi, vì ta sẽ sai người đến cùng dân ngoại ở xa!” (Cong 21:21) Phao-lô định giải thích lý do ông có liên quan với dân ngoại, nhưng dân Do Thái trong sân đền thờ không cho ông nói tiếp, không người Do Thái mộ đạo nào có liên hệ với dân ngoại! Nếu Phao-lô không thốt ra một từ đó, ông có thể được tha sau đó và có lẽ ông biết điều này. Tuy nhiên, ông phải trung tín trong sự làm chứng của



mình, dù ông trả giá nào. Phao-lô thà làm một tù nhân hơn là từ bỏ gánh nặng của ông về những linh hồn hư mất và về những sứ mệnh! Chúng ta đã có thể sử dụng nhiều hơn những Cơ Đốc nhân như vậy ngày nay.

Khi Cơ-lốt thấy rằng cuộc nổi loạn bắt đầu trở lại, ông đem Phao-lô vào đồn để “xem xét bằng cách tra tấn”. Vị sứ đồ đã đề cập rằng ông sinh ra ở Tạt-sơ, nhưng ông đã không cho họ biết rằng quyền công dân của ông là người Rô-ma. Một công dân Rô-ma bị đánh là bất hợp pháp. Chúng ta không biết người ta chứng minh quyền công dân của họ trong thời ấy ra sao Có lẽ vào thế kỷ thứ nhất họ mang vật tương đương với chứng minh thư ngày nay.

Cơ-lốt chắc đã sửng sốt khi kẻ gây rối người Do Thái bé nhỏ nào đã nói tiếng A-ram và tiếng Hy Lạp thật sự là một công dân Rô-ma. Cơ-lốt đã khoe khoang “Ta đã mua được quyền lợi này với giá cao lắm”, cho thấy rằng ông đã có được dân quyền của mình bằng cách hối lộ các quan chức Rô-ma, vì nó thật sự không thể mua được. Nhưng Phao-lô hơn hẳn quản cơ Rô-ma, vì ông đã sinh ra trong quyền lợi và dân quyền Rô-ma nhờ cha ông. Làm sao cha của Phao-lô có được quyền lợi này, chúng ta không biết. Chúng ta biết rằng Phao-lô đã biết cách lợi dụng dân quyền Rô-ma của ông vì sự nghiệp của Đấng Christ.

Quân lính đã phạm hai lỗi lầm, và họ đã nhanh chóng huỷ bỏ: họ đã trói Phao-lô và định đánh đòn ông. Chắc hẳn Cơ-lốt và các thuộc hạ ông giờ đây đặc biệt tử tế với Phao-lô khi họ biết ông là công dân Rô-ma. Đức Chúa Trời đã sử dụng thế lực lớn của Đế Chế để bảo vệ tôi tớ Ngài và cuối cùng đưa ông đến Rô-ma.

Toàn bộ thời gian Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem là thời gian đầy dẫy những hiểu lầm nghiêm trọng, nhưng ông đã tiếp tục tiến tới. Có lẽ vào thời điểm này một số bạn ông đã nói: “Chúng tôi đã bảo với anh ấy như vậy rồi! Chúng tôi đã cảnh cáo anh ấy!”. Đối với Phao-lô và các cộng sự của ông, đó có thể xem như cuối con đường, nhưng Đức Chúa Trời đã có những kế hoạch khác cho họ. Phao-lô sẽ làm chứng nhiều lần nữa cho những người ông không bao giờ có thể gặp nếu ông không phải là một tù nhân Rô-ma. Nhà truyền giáo của Đức Chúa Trời đã đến Rô-ma –và dân Rô-ma đã thanh toán hoá đơn!

Đó là điều xảy ra khi dân sự Đức Chúa Trời sẵn sàng bạo dạn!

Cong 22:1-29 Xem giải nghĩa Cong 21:27-40

Cong 22:30 Xem giải nghĩa Cong 23:1-10

## **19. PHAO LÔ TÙ NHÂN (Cong 22:30-23:35)**

Tôi có lần được yêu cầu làm nhân chứng về tính cách trong một vụ kiện về quyền coi sóc trẻ con có liên quan đến một người đàn ông đã trải qua thời gian ở tù. Đây là một kinh nghiệm mới đối với tôi, và tôi hoàn toàn chưa được chuẩn bị cho câu hỏi đầu tiên luật sư hỏi tôi: “Thưa mục sư, ông có nghĩ rằng một người đàn ông từng là tù nhân có thích hợp để nuôi một đứa trẻ không?”

Tôi mạnh dạn đáp: “Điều đó tùy thuộc vào người ấy. Một số đàn ông vĩ đại nhất trong lịch sử từng là những tù nhân – Giăng Báp-tít, Giăng Buyan, và cả sứ đồ Phao-lô”.

Quan toà cọc lốc nói: “Hãy đơn giản trả lời có hay không!” và đó là kết thúc bài giảng của tôi.



“Tên tù Phao-lô” (Cong 22:18) là danh mà quân lính Rô-ma sử dụng cho vị sứ đồ, một danh mà chính ông đã thường sử dụng (Eph 3:1 4:1 IITi 1:8 Phi 1:9). Phao-lô ở dưới “sự canh giữ của quân đội” nghĩa là ông bị trói với một lính Rô-ma là người chịu trách nhiệm về ông. Các tù nhân ở dưới “sự canh giữ công khai” bị bỏ vào công khám một nơi khủng khiếp đối với bất cứ con người nào phải chịu (Cong 16:19-24). Các bạn Phao-lô có thể thăm viếng ông và giúp đáp ứng những nhu cầu riêng của ông. Đáng buồn là chúng ta không đọc thấy câu “Hội Thánh cứ cầu nguyện cho người luôn” (12:5). Không có ghi chép nào cho biết Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đã tiến hành những bước giúp đỡ ông trong lúc ở Giê-ru-sa-lem hay suốt hai năm ở thành Sê-sa-rê.

Đây là một chương lý thú, và trong đó chúng ta đọc về ba sự đối đầu Phao-lô đã trải qua.

## **1. Phao-lô và Hội đồng Do Thái (Cong 23:1-10).**

Khám phá ra Phao-lô là một công dân Rô-ma, quản cơ Rô-ma giờ đây có hai vấn đề nghiêm trọng để giải quyết. Thứ nhất, ông cần cho tù nhân biết những lời buộc tội chính thức nào nghịch lại người, vì đó là quyền lợi của Phao-lô với tư cách một công dân Rô-ma. Thứ hai, ông cũng cần có một số lời buộc tội chính thức cho những biên bản của mình và báo với cấp trên của ông. Ông chắc rằng Phao-lô đã làm điều gì đó tai tiếng, nếu không thì tại sao quá nhiều người muốn giết ông? Nhưng không ai có vẻ biết những tội của Phao-lô là gì. Thật là một cảnh ngộ khốn khó cho một quan chức Rô-ma vương vào!

Điều hợp lý là để cho chính dân của Phao-lô xét xử ông, vì vậy vị quản cơ chuẩn bị một cuộc họp đặc biệt của hội đồng Do Thái (Toà Công Luận). Nhóm người này gồm 70 (hoặc 71) thầy giáo Do Thái hàng đầu với thầy tế lễ cả chủ trì. Trách nhiệm của họ là giải thích và áp dụng Thánh Luật Do Thái vào công việc quốc gia, và xét xử những ai vi phạm luật pháp đó. Người Rô-ma đã cho phép hội đồng áp đặt sự hành hình nếu sự vi phạm xứng đáng nhận nó.

Quản cơ và lính canh của ông (Cong 22:10) đã đem Phao-lô vào trong phòng hội đồng và tránh sang một bên để theo dõi vụ kiện. Biết những người Do Thái trong đền thờ đã đối xử ra sao với Phao-lô, Cơ-lốt đã ở lại đó canh giữ để tù nhân của ông không bị đem đi và bị giết. Không quân nhân Rô-ma nào có thể đủ khả năng để làm mất một tù nhân, vì điều đó có thể là mất mạng mình. Việc đánh mất một tù nhân, mà những lời buộc tội nghịch với người ấy không rõ ràng, đặc biệt sẽ là sự lúng túng cho bất cứ quan chức Rô-ma nào.

Khi Phao-lô đối diện với hội đồng và xem xét cẩn thận, ông quyết định mở đầu bằng một cách tiếp cận cá nhân. “Thưa quý ông và anh em” lập tức nhận biết ông là người Do Thái và chắc chắn đã giúp dành sự chú ý của đồng bào ông.

Từ Hy Lạp được dịch là “sống” nghĩa là “sống như một công dân”. Nó cho ta từ tiếng Anh “politics” (chính trị). Phao-lô khẳng định rằng ông là một người Do Thái trung thành đã sống như một công dân Do Thái tốt và không phạm luật pháp. Lương tâm ông không lên án ông dù dân Do Thái lên án ông.

“Lương tâm” là một trong những từ ưa chuộng của Phao-lô, ông đã sử dụng nó hai lần trong Công vụ (23:1 24:16) và 21 lần trong các bức thư của ông. Từ này nghĩa là “biết với, cùng biết”. Lương tâm là “vị quan toà” hoặc “nhân chứng” bên trong chấp thuận khi chúng ta làm đúng và phản đối khi chúng ta làm sai (Ro 2:15). Lương tâm

không đặt ra tiêu chuẩn, nó chỉ ứng dụng tiêu chuẩn. Lương tâm của một kẻ cắp sẽ quấy rầy hẳn cho biết sự thật về đồng bạn lừa đảo của hẳn giống như lương tâm của một Cơ Đốc nhân sẽ lên án người nếu người nói dối về các bạn mình. Lương tâm không tạo nên những tiêu chuẩn. Nó chỉ áp dụng những tiêu chuẩn của con người, dù họ tốt hay xấu, đúng hay sai.

Lương tâm có thể được ví sánh với một cửa sổ để ánh sáng lọt vào. Và cửa sổ càng sạch sẽ, ánh sáng chiếu vào càng nhiều. Khi cửa sổ bị dơ bẩn, ánh sáng trở nên mờ hơn, và cuối cùng ánh sáng trở thành sự tối tăm. Một lương tâm tốt, hay lương tâm thanh sạch (ITi 3:9), là lương tâm tiếp nhận sự sáng của Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta bị lên án đích đáng nếu chúng ta làm sai và khích lệ nếu chúng ta làm đúng. Một lương tâm ô uế (ICo 8:7) là lương tâm đã bị phạm tội nghịch quá nhiều đến nỗi nó không thể tin cậy được nữa. Nếu một người tiếp tục phạm tội nghịch với lương tâm mình, người ấy cuối cùng có một lương tâm xấu (He 10:22) hoặc một lương tâm chai lì (ITi 4:2). Khi ấy người đó sẽ cảm thấy bị lên án nếu người đó làm điều gì đúng hơn là điều gì sai!

Phao-lô đã bắt bớ Hội Thánh và thậm chí khiến cho những người vô tội chịu chết, vì vậy làm sao ông đã có thể tuyên bố có một lương tâm tốt? Ông đã sống đúng với sự sáng ông có, và đó là tất cả những gì một lương tâm tốt đòi hỏi. Sau khi ông trở thành Cơ Đốc nhân và ánh sáng rực rỡ của vinh hiển Đức Chúa Trời đã chiếu vào lòng ông (ICo 4:6), Phao-lô khi ấy đã thấy mọi sự việc khác đi và nhận ra rằng ông là “đầu những tội nhân” (ITi 1:15).

Thầy tế lễ cả A-na-nia (đừng nhầm với An-ne trong 4:6) đã quá căm giận vì lời Phao-lô nói rằng ông “đã sống bằng trọn lương tâm tốt” đến nỗi ra lệnh cho những nghị viên hội đồng Do Thái ở gần nhất vả miệng Phao-lô (Chúa Giê-xu đã bị đối xử cách tương tự – Gi 18:22). Dĩ nhiên, điều này bất hợp pháp và vô nhân đạo Vì, xét cho cùng, Phao-lô thậm chí đã không tỏ ra phạm tội gì. Chắc chắn thầy tế lễ cả được chờ đợi để bày tỏ sự trung thực và công bằng, nếu không phải là sự thương xót và quan tâm (Le 19:15 He 5:2).

Phao-lô đã đáp lại bằng điều mà đối với tôi dường như để được biện hộ cho sự giận dữ, dù nhiều người bất đồng về điều này. Khi được yêu cầu giải thích điều ông đã nói, Phao-lô đã không xin lỗi. Đúng hơn, ông bày tỏ sự tôn trọng đối với chức vụ nhưng không phải đối với con người này. A-na-nia thật sự là một trong những người đòi bại nhất từng được mệnh danh là thầy tế lễ cả. Ông đã ăn cắp những phần mười từ các thầy tế lễ khác và làm mọi điều có thể để tăng cường quyền hạn mình. Ông được biết như một kẻ tàn bạo quan tâm nhiều về đặc ân của Rô-ma hơn là phúc lợi của Y-sơ-ra-ên.

Khi gọi thầy tế lễ cả là một “bức tường tô trắng, Phao-lô đơn giản nói rằng người này là một kẻ giả hình (Mat 23:27 Exe 13:10-12). Phao-lô đã nói tiên tri, vì Đức Chúa Trời thật sự đã trừng phạt kẻ ác này. Khi dân Do Thái nổi dậy chống lại Rô-ma năm 66, A-na-nia đã phải chạy trốn để toàn mạng vì những cảm tình của ông đối với Rô-ma. Những du khách Do Thái tìm thấy ông ẩn núp trong cống nước ở cung điện Hê-rốt, và họ giết ông. Đó là một cái chết nhục nhã dành cho một kẻ đáng khinh.

Lời đáp của Phao-lô trong Cong 22:5 đã được giải thích khác nhau. Một số người nói rằng Phao-lô đã không biết thầy tế lễ cả là ai. Hoặc có lẽ Phao-lô đang nói trong sự mỉa mai thánh: “Một người như thế thật có thể là thầy tế lễ cả sao?” Vì đây là một

cuộc họp không chính thức của hội đồng, nên có lẽ thầy tế lễ cả đã không mặc đồ truyền thống và ngồi nơi thông thường của mình. Về vấn đề đó, Phao-lô đã vắng mặt khỏi hiện trường Do Thái giáo nhiều năm và có thể đã không biết nhiều người trong hội đồng.

Lời trích dẫn Xu 22:28 cho thấy rằng Phao-lô có thể đã không biết chính thầy tế lễ cả là người ra lệnh đánh ông. Một lần nữa, hãy chú ý rằng Phao-lô đã bày tỏ sự tôn trọng đối với chức vụ, nhưng không phải đối với người giữ chức vụ. Có một sự khác nhau.

Thất bại trong cách tiếp cận riêng của mình, sau đó Phao-lô sử dụng một cách tiếp cận về giáo lý. Ông tuyên bố rằng vấn đề chính yếu của ông là niềm tin nơi giáo lý về sự Phục sinh, một giáo lý mà người Pha-ri-si và người Sa-đu-sê bất đồng dữ dội. Phao-lô biết rằng bằng cách bảo vệ giáo lý quan trọng này, ông sẽ chia rẽ hội đồng và sớm có những thành viên tranh cãi giữa vòng họ, đó chính xác là điều đã xảy ra. Sự phản ứng quá kịch liệt đến nỗi Cơ-lốt và thuộc hạ ông đã phải lao xuống chỗ phòng họp hội đồng và cứu tù nhân của họ lần thứ hai!

Có phải Phao-lô đang “hoạt động chính trị” khi ông sử dụng cách tiếp cận này? Tôi không nghĩ vậy. Sau cuộc xung đột đáng tiếc của ông với thầy tế lễ cả, Phao-lô nhận ra rằng ông không bao giờ có thể nhận được một cuộc xét xử công bằng trước Toà Công luận. Nếu cuộc xét xử tiếp tục, ông có thể bị kết án, bị đem ra ngoài và bị ném đá như một kẻ lộng ngôn. Nếu được cho cơ hội để chứng thực, dân Do Thái Châu Á có thể đã thêm dầu vào lửa với sự làm chứng giả dối của họ – không, việc khôn ngoan nhất để làm là chấm dứt phiên xử càng sớm càng tốt và tin cậy Đức Chúa Trời sử dụng quân đoàn Rô-ma để bảo vệ ông khỏi dân Do Thái.

Có một sự xem xét thứ hai: Phao-lô đã tuyệt đối đúng khi ông nói rằng vấn đề chính yếu là sự sống lại, không phải sự sống lại tổng quát mà là sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ (24:21 26:6-8 28:20). Nếu được cho cơ hội, Phao-lô có lẽ sẽ công bố Phúc Âm của “Chúa Giê-xu Christ và sự phục sinh” giống như ông đã công bố trước các hội chúng Do Thái ở nhiều vùng của Đế quốc. Lời chứng trong Công vụ tập trung vào sự phục sinh (1:22 2:32 3:15).

Chúa Giê-xu đã chịu xét xử trước Toà Công luận, và các sứ đồ của Ngài cũng vậy, và giờ đây Phao-lô đã làm chứng với họ. Thật hội đồng đã có những dịp tiện lớn nhưng họ không chịu tin!

## **2. Phao-lô và Chúa Giê-xu (Cong 23:11)**

Vài năm sau sự qui đạo của Phao-lô, khi mạng sống Phao-lô gặp nguy hiểm trong thành Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu đã hiện ra cho ông trong đền thờ và bảo ông điều phải làm (22:17-21). Khi Phao-lô nản lòng trong thành Cô-rinh-tô và định đi nơi khác, Chúa Giê-xu đã hiện ra cho ông và khích lệ ông ở lại (18:9-10). Giờ đây, khi Phao-lô chắc chắn ở “tình trạng sa sút” trong chức vụ, Chúa Giê-xu hiện ra lần nữa để khích lệ và chỉ bảo ông. Phao-lô sau đó sẽ được sự khích lệ suốt cơn bão (27:22-25) và suốt cuộc xét xử ông tại Rô-ma (IITi 4:16-17). Và này, ta thường ở cùng các người luôn” là một bảo đảm tuyệt vời cho mọi hoàn cảnh (Mat 28:20).

Sứ điệp của Chúa cho Phao-lô là sứ điệp về sự can đảm. “Hãy vững lòng” đơn giản nghĩa là “Hãy can đảm!”. Chúa Giê-xu thường phán những lời này suốt chức vụ Ngài trên đất. Ngài phán những lời ấy với người bại (Mat 9:2) và với người đàn bà bị bệnh

mất huyết (Mat 9:22). Ngài đã phán lớn những lời ấy với các môn đệ trong cơn bão (Mat 14:27) và lập lại chúng trong Phòng Cao (Gi 16:33). Là dân Đức Chúa Trời, chúng ta luôn có thể can đảm trong những lúc khó khăn vì Chúa ở cùng chúng ta và hiểu rõ chúng ta.

Đó cũng là một sứ điệp về sự khen ngợi. Chúa đã không quở trách Phao-lô vì đến Giê-ru-sa-lem. Đúng hơn, Ngài khen ngợi ông về sự làm chứng ông đã bày tỏ, cho dù sự làm chứng ấy đã không được chấp nhận. Khi bạn đọc câu chuyện về những ngày Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem, bạn có cảm giác mọi điều Phao-lô làm đều thất bại thảm hại. Cố gắng của ông để thuyết phục dân Do Thái theo luật pháp chỉ giúp gây ra một cuộc nổi loạn trong đền thờ, và sự làm chứng của ông trước toà Công Luận khiến hội đồng ở trong tình trạng lộn xộn. Nhưng Chúa đã đẹp lòng với lời chứng của Phao-lô, và đó là điều thật sự có giá trị.

Cuối cùng, đó là một sứ điệp về sự tin quyết: Phao-lô sẽ đi đến Rô-ma! Đây là mong ước của Phao-lô bao tháng qua (19:21 Ro 15:22-29), nhưng những sự kiện ở Giê-ru-sa-lem khiến ước mong đó dường như sẽ không được thực hiện. Thật là sự khích lệ mà lời hứa này đã ban cho Phao-lô trong những tuần kế tiếp, những tuần lễ khi các chức sắc nói dối về ông. Khi những kẻ cuồng tín tìm cách giết ông, và khi các quan chức chính quyền bác bỏ ông. Trong mọi điều này, Chúa ở cùng ông và thực hiện kế hoạch toàn hảo của Ngài để đưa vị đầy tớ trung tín của Ngài đến Rô-ma.

### **3. Phao-lô và những người Do Thái âm mưu (Cong 23:12-35).**

Mạng sống Phao-lô đã ở trong nguy hiểm ngay từ đầu chức vụ ông, khi ông làm chứng cho Đấng Christ trong thành Đa-mách (9:22-25). Trong cuộc thăm viếng Giê-ru-sa-lem đầu tiên của ông sau khi qui đạo, những người Do Thái Hê-lê-nít đã tìm cách giết ông (9:29). Dân Do Thái đã đuổi ông ra khỏi thành An-ti-ốt ở xứ Bi-si-đi (13:50-51) và doạ ném đá ông ở thành I-cô-ni (14:5). Phao-lô đã bị ném đá ở thành Lít-trơ (14:19-20) và thành Cô-rinh-tô, dân Do Thái tìm cách bắt ông (18:12-17). Ở Ê-phê-sô, dân Do Thái đã âm mưu giết ông (20:19), và họ thậm chí lập kế hoạch giết ông ở biển (20:3). Những lời của Phao-lô trong ITe 2:14-16 mang ý nghĩa đặc biệt khi bạn xem xét mọi điều Phao-lô đã chịu khổ bởi bàn tay của chính đồng bào mình.

Có lẽ chính những người Do Thái Châu Á là những kẻ lập mưu giết Phao-lô (Cong 21:27-29). Hẳn các thầy tế lễ cả và những trưởng lão đã đồng ý hợp tác với họ và tìm cách tác động đến Cơ-lốt. Hội đồng muốn có thêm thông tin từ Phao-lô là điều tự nhiên, và có lẽ đó sẽ là điều dễ dàng để phục kích nhóm người cùng đi của Phao-lô và giết vị sứ đồ. Nếu điều này khiến quan cơ gặp khó khăn với cấp trên, thầy tế lễ cả có thể bảo vệ ông. Người Rô-ma và người Do Thái đã hợp tác cách này trước đó (Mat 28:11-15).

Nhưng 40 người kiêng ăn và các chức sắc giáo hội đầy mưu kế đã quên rằng Phao-lô là một môn đệ của Chúa Giê-xu Christ, và Chúa tôn quý đang theo dõi từ trời. Lúc Phao-lô qui đạo, Chúa đã cho ông biết rằng ông sẽ chịu khổ, nhưng Ngài cũng hứa rằng Ngài sẽ giải cứu ông khỏi kẻ thù (Cong 9:15-16 26:16-17). Phao-lô đã nắm giữ lời hứa ấy cả đời ông, và Đức Chúa Trời đã thành tín.

Chúng ta không biết gì về người chị và người cháu trai của Phao-lô, ngoài điều được chép ở đây. Phi 3:8 gợi ý rằng Phao-lô đã mất gia đình khi ông trở thành Cơ Đốc nhân, nhưng chúng ta không biết liệu có ai trong vòng bà con ông đã qui đạo sau đó

hay không. (Từ “bà con” trong Ro 16:7,11 nghĩa là “người bạn Do Thái”, như trong Ro 9:3). Vì gia đình Phao-lô từ lâu đã có quan hệ với người Pha-ri-si (Cong 23:6), nên chị của Phao-lô hẳn đã tiếp xúc với “người có thực quyền” và có thể thu thập tin tức được truyền đi. Những bà vợ chuyện gẫu với nhau, và một bí mật là điều gì đó bạn kể cho một người vào một thời điểm!

Dường như không phải người chị hay đứa cháu trai là những tín đồ, vì chắc chắn điều đó sẽ gạt họ ra khỏi nhóm giáo hội chính thức ở Giê-ru-sa-lem. Nhưng họ là những người Do Thái tin kính và biết rằng âm mưu này xấu xa (Xu 23:2). Chính trong sự định liệu của Đức Chúa Trời mà họ đã có thể nghe tin tức và đem nó đến riêng với Cơ-lốt. Thánh Augustine đã nói: “Hãy phó thác quá khứ cho sự thương xót của Đức Chúa Trời, hiện tại cho tình yêu của Ngài và tương lai cho sự định liệu của Ngài”.

Chúng ta chắc phải khâm phục tính chính trực và sự can đảm của Cơ-lốt Ly-sia, vị quản cơ. Làm sao ông biết cậu bé nói đúng sự thật? Phao-lô đã gây cho Cơ-lốt quá nhiều khó khăn đến nỗi đó có thể là một sự nhẹ nhõm để tổng khứ ông! Dân Do Thái không biết rằng Cơ-lốt đã biết âm mưu của họ, vì vậy ông có thể sử dụng “hiểu biết bên trong” của mình để tư lợi. Không quân nhân Rô-ma nào dám để mất một tù nhân, nhưng luôn có những cách để giải quyết những sự việc.

Suốt sách Công vụ, Bác sĩ Lu-ca nói tốt về các quan chức quân đội Rô-ma, bắt đầu với Cọt-nây trong chương 10 và kết thúc với Giu-lơ (Cong 27:1,3,43). Không có ghi chép nào trong Công vụ về sự bắt bớ công khai của Rô-ma chống lại Hội Thánh, sự chống đối được xúi giục bởi những người Do Thái không tin. Mặc dù Đế quốc có những kẻ cơ hội chính trị đồi bại, nhưng phần lớn các chỉ huy quân đội là những người có phẩm chất và tôn trọng luật pháp Rô-ma.

Kế hoạch của Cơ-lốt đơn giản và khôn khéo. Ông biết rằng ông phải đưa Phao-lô ra khỏi Giê-ru-sa-lem, nếu không sẽ có một vụ mưu sát nữa đến sau và một trong các vụ có thể thành công. Ông cũng biết rằng ông nên khẳng định những lời buộc tội nghịch với Phao-lô, nếu không thì ông có thể bị tố cáo về việc giữ một công dân Rô-ma bất hợp pháp. Ông đã có thể giải quyết cả hai vấn đề bằng cách gửi Phao-lô đến thành Sê-sa-rê và đặt ông dưới quyền của Phê-lít, quan tổng đốc Rô-ma.

Nếu Phao-lô từng là một công dân thường, tìm cách đi từ Giê-ru-sa-lem đến Sê-sa-rê (khoảng 65 dặm), ông có lẽ sẽ là mục tiêu cho những kẻ âm mưu. Nhưng Đức Chúa Trời đã xếp đặt 470 lính Rô-ma để bảo vệ ông, gần nửa số người trong đơn vị đồn trú của đền thờ! Một lần nữa trong sự nghiệp của mình, Phao-lô đã bị đưa lên ra ngoài một thành phố dưới màn đêm (9:25 17:10).

Bức thư chính thức của vị quản cơ thú vị nhất. Dĩ nhiên, Cơ-lốt đã đặt mình và thuộc hạ ông trong ánh sáng tốt nhất, đáng được mong đợi. Mặc dù đúng là họ đã ngăn ngừa Phao-lô khỏi bị giết, nhưng đó không phải vì họ biết ông là một người Rô-ma. Cơ-lốt nghĩ Phao-lô là người Ai Cập và hầu như đã đánh ông!

Câu Cong 23:29 là một câu nữa Lu-ca ghi lại “những lời nói chính thức” từ những quan chức Rô-ma, chứng tỏ rằng các Cơ Đốc nhân đã không bị xem là những tội phạm. Các quan chức ở Phi-líp hầu như đã xin lỗi Phao-lô (16:35-40) và Ga-li-ôn ở thành Cô-rinh-tô đã từ chối xét xử ông (18:14-15). Ở Ê-phê-sô, người thư ký thành đã nói với 25.000 người rằng các Cơ Đốc nhân vô tội về bất cứ sự vi phạm nào (19:40), và giờ đây, quản cơ Rô-ma từ pháo đài đền thờ đang viết cùng một cách như vậy. Sau đó, Phê-tu (25:24-25) và Hê-rốt Ạc-ríp-ba (26:31-32) cũng sẽ khẳng định rằng Phao-



lô phải được trả tự do. Ngay cả các chức sắc Do Thái ở Rô-ma cũng phải thú nhận rằng họ không có tin tức chính thức nào chống lại Phao-lô (28:21).

Ra đi lúc 9 giờ tối hôm ấy, Phao-lô và đội hộ tống ông đã đi từ Giê-ru-sa-lem đến thành An-ti-ba-tri, khoảng 37 dặm. Đây chắc là một cuộc hành quân suốt vì với nhiều người trong một thời gian ngắn có thể đi được một đoạn đường như vậy. Kỵ binh khi ấy tiếp tục đi với Phao-lô trong khi 200 binh lính trở về đồn, vì phần nguy hiểm của chuyến đi giờ đây đã qua. Họ đi 27 dặm nữa đến thành Sê-sa-rê nơi Phao-lô chính thức được giao cho Phê-lít. Phao-lô đã an toàn khỏi những người Do Thái âm mưu, nhưng ông có an toàn khỏi Phê-lít chăng?

Antonius Phê-lít là quan tổng đốc (người đại diện) xứ Giu-đê. Ông đã cưới Đơ-ru-si, một người nữ Do Thái là con gái của Hê-rốt Ạc-ríp-ba I (12:1) và là người đã bỏ chồng để trở thành vợ thứ ba của Phê-lít. Bà là em của Hê-rốt Ạc-ríp-ba II (25:13). Sử gia người Rô-ma Tacitus đã nói rằng Phê-lít “đã thực hành quyền của một vị vua trong tinh thần của một tôi mọi”. Phê-lít đã được gọi là “một tên vô lại thô bỉ” và đã sống đúng với danh hiệu này.

Phao-lô không chỉ đã được bảo vệ bởi một đội hộ tống thích hợp cho một vị vua, nhưng ông đã được đặt, không phải trong công khảm, mà trong cung điện được xây bởi vua Hê-rốt Đại đế, nơi vị tổng đốc đóng tổng hành dinh của mình. Chúng ta không biết liệu có ai trong số các tín đồ ở thành Sê-sa-rê biết về sự hiện diện của Phao-lô và tìm cách đem đến cho ông sự giúp đỡ và khích lệ cá nhân. Họ chắc chắn sẽ nhớ cuộc thăm viếng của A-ga-bút và nhận ra rằng lời tiên tri thảm khốc của ông đã ứng nghiệm (21:10-14).

Khi bạn ôn lại những sự kiện được chép trong chương này, bạn không khỏi có ấn tượng với lời cam kết của sứ đồ Phao-lô đối với sự kêu gọi của ông. “Không gì trong những điều này lay động tôi” (20:24). Nếu có một người dám theo Đấng Christ, hành động những gì có thể, thì ông là người đó. Phao-lô không tìm kiếm con đường dễ dàng nhưng tìm kiếm con đường kính trọng Chúa trước nhất và chinh phục những kẻ hư mất. Ông thậm chí sẵn sàng trở nên một tù nhân nếu điều đó sẽ đẩy mạnh công việc của Phúc Âm.

Bạn cũng có ấn tượng với sự định liệu kỳ lạ của Đức Chúa Trời trong sự chăm sóc tôi tớ Ngài. “Thiên sứ của Chúa đóng lại chung quanh những kẻ kính sợ Ngài, và giải cứu họ” (Thi 34:7). Charles Spurgeon đã viết: “Chúng ta hãy tin cậy nơi Đức Chúa Trời, và hãy vô cùng can đảm vì Phúc Âm, thì chính Chúa sẽ che chở chúng ta khỏi mọi tổn hại”.

Dân sự Đức Chúa Trời có đủ khả năng để bạo dạn, trong ý muốn của Đức Chúa Trời vì họ biết Cứu Chúa mình đáng tin cậy và thực hiện ý muốn toàn hảo của Ngài. Phao-lô ở một mình – nhưng không cô đơn! Chúa của ông đã ở cùng ông và ông không có gì để sợ hãi. Giống như Phao-lô, chúng ta hãy bạo dạn!

## **20. CHỨNG NHÂN PHAO-LÔ (Cong 24:1-27)**

Sử gia Will Durant đã viết trong cuốn sách “Sê-sa và Đấng Christ” (Caesar and Christ): “Luật pháp là sự bày tỏ đặc tính và sự bền vững rõ nhất về tinh thần của người Rô-ma. Người đương đầu trong luật pháp Rô-ma là công dân”. Nói cách khác, đó là trách nhiệm của toà án để bảo vệ công dân khỏi Nhà nước, nhưng cũng thường có những kiểu đòi bại khác nhau đã làm nhiễm độc hệ thống và khiến công lý trở nên

khó khăn đối với người bình thường. Phao-lô chẳng bao lâu sẽ khám phá một tổng đốc Rô-ma có thể đòi bại ra sao.

Arnold Toynbee đã viết: “Bí quyết của chính quyền Rô-ma là nguyên tắc cai trị gián tiếp”. Điều này có nghĩa là gánh nặng thật về sự quản lý được đặt khá nhiều trên vai nhà cầm quyền địa phương. Triều đình Rô-ma chỉ tham gia nếu có nguy hiểm hoặc nếu các đơn vị cầm quyền địa phương xung đột nhau.

Trong chương này, chúng ta thấy hệ thống luật pháp Rô-ma hoạt động và ba người thực hiện sự góp phần của mình.

## **1. Tẹt-tu-lu: những lời cáo giả dối (Cong 24:1-9)**

Trong ghi chép của Kinh Thánh, khi người ta đi đến Giê-ru-sa-lem, họ luôn đi lên nhưng khi đi từ Giê-ru-sa-lem, họ luôn đi xuống. Điều này giải thích lý do tại sao nhóm quan chức Do Thái đi xuống khi họ đến Sê-sa-rê. Với A-na-nia thầy tế lễ cả là một số trưởng lão Do Thái cũng như một luật gia để trình đơn kiện và bảo vệ những lời buộc tội của họ. Luật pháp Rô-ma phức tạp cũng như luật pháp hiện đại của chúng ta, và cần phải có một chuyên gia để hiểu luật và biết cách áp dụng thành công cho vụ kiện của khách hàng mình.

Tẹt-tu-lu đã bắt đầu bằng lời xu nịnh theo thông lệ, một phần bình thường của thủ tục toà án. Xét cho cùng, trước khi bạn có thể thắng kiện, bạn phải thuyết phục được quan toà của mình. Tacitus, nhà hùng biện kiêm chính trị gia người Rô-ma, đã gọi những kẻ xu nịnh là “những kẻ thù tệ hại nhất, và Sa-lô-môn đã viết rằng “miệng dua nịnh gây điều bại hoại” (Ch 26:28).

Luật gia đã ca tụng Phê-lit về nhiều cải cách của quan tổng đốc đã đem lại sự yên ổn cho xứ. (câu hỏi: Tại sao phải có gần 500 binh lính để bảo vệ một người ra đi từ Giê-ru-sa-lem đến Sê-sa-rê?) Đúng là Phê-lit đã dập tắt một số cuộc nổi dậy, nhưng chắc chắn đã không đem lại hoà bình cho xứ. Thật ra, suốt thời gian Phê-lit trấn áp những kẻ cướp trong địa hạt của ông, ông cũng đã thuê bọn cướp giết thầy tế lễ cả Giô-na-than! Quá nhiều cho những cải cách của ông. Nhưng những lời tố cáo của kẻ bắt bớ nghịch cùng Phao-lô không trung thực cũng như lời xu nịnh ông. Ông đưa ra ba lời buộc tội: một lời buộc tội về cá nhân (“Hắn là một kẻ ôn dịch”), một lời buộc tội về chính trị (gây loạn và cầm đầu một tôn giáo bất hợp pháp), và một lời buộc tội về giáo lý (làm ô uế đền thờ).

Về việc Phao-lô, là “đồ ôn dịch”, thì hoàn toàn tùy thuộc quan điểm của mỗi người. Dân Do Thái muốn duy trì những truyền thống xưa của họ, và Phao-lô đã đề xướng điều gì đó mới mẻ. Người Rô-ma sợ bất cứ điều gì làm xáo trộn “hoà bình” tốt đẹp của họ trong Đế quốc và hồ sơ Phao-lô về việc gây rối đã dài và trước sau như một. Như Vance Havner thường nói: “Bất cứ nơi đâu Phao-lô đi, đều có một cuộc nổi loạn hoặc một cuộc phục hưng!”

Lời buộc tội cá nhân này dựa trên những xung đột của dân Do Thái với Phao-lô trong những vùng khác nhau của thế giới Rô-ma. Tôi đã chỉ ra rằng chính đồng bào của ông, không phải nhà cầm quyền Rô-ma, là những người đã gây khó khăn cho Phao-lô từ thành này sang thành khác. Dân Do Thái từ A-sia (Cong 21:17) chắc chắn sẽ có những câu chuyện để kể về thành Lít-tơ, Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô! Lời tố cáo thứ nhất này nhắc ta nhớ về những lời buộc tội đã đưa ra nghịch với Chúa Giê-xu tại cuộc xét xử Ngài (Lu 23:1-2,5).

Lời buộc tội về chính trị nghiêm trọng hơn, vì không quan chức Rô-ma nào muốn phạm tội cho phép những hoạt động bất hợp pháp làm xáo trộn “Pax Romana” (nền hoà bình Rô-ma). Rô-ma đã ban cho dân Do Thái sự tự do để thực hành tôn giáo mình, nhưng các quan chức Rô-ma để mắt trên họ để họ không sử dụng những đặc quyền của họ làm suy yếu Đế quốc. Khi Tẹt-tu-lu gọi Phao-lô là “kẻ xúi giục những cuộc nổi dậy giữa vòng mọi dân Do Thái suốt Đế quốc La Mã” (WUEST) ông lập tức được sự chú ý của quan tổng đốc. Dĩ nhiên, lời tuyên bố của ông là một sự thổi phồng, nhưng có bao nhiêu vụ kiện đã được thắng do ai đó phóng đại sự thật?

Tẹt-tu-lu biết rằng có cơ sở nào đó cho lời buộc tội này, vì Phao-lô đã rao giảng cho dân Do Thái rằng Chúa Giê-xu Christ là Vua và Chúa họ. Đối với người Rô-ma và người Do Thái không tin, sứ điệp này nghe như sự phản nghịch với Sê-sa (Cong 16:20-21 17:5-9). Hơn nữa, lập một tôn giáo mới ở Rô-ma mà không có sự phê chuẩn của chính quyền là bất hợp pháp. Nếu Phao-lô thật sự là một “đầu sỏ của phe người Na-xa-rét”, vậy kẻ thù ông có thể dễ dàng lập một vụ kiện nghịch ông.

Vào thời ấy, Cơ Đốc giáo vẫn được đồng nhất hoá với dân Do Thái và họ được người Rô-ma cho phép thực hành tôn giáo họ. Đã có những người ngoại tìm kiếm và những người kính sợ Đức Chúa Trời trong các nhà hội, vì vậy sự hiện diện của những người ngoại trong các Hội Thánh đã không gây ra những vấn đề về luật pháp. Sau đó, khi số tín đồ người ngoại gia tăng và nhiều hội chúng tách khỏi các nhà hội Do Thái, lúc ấy Rô-ma đã thấy sự khác biệt giữa dân Do Thái với các Cơ Đốc nhân và sự rắc rối bắt đầu. Rô-ma không muốn một tôn giáo đối địch phát triển mạnh trong Đế quốc và tạo ra những vấn đề.

Lời tố cáo thứ ba của Tẹt-tu-lu đã phải được xử lý cẩn thận vì nó ám chỉ một quan chức Rô-ma đã cứu mạng một người. Hầu hết, các quan chức Rô-ma như Phê-lít không muốn bất cứ chuyện gì liên quan đến những vụ kiện về luật pháp Do Thái (Gi 18:28-31 Cong 16:35-40 18:12-17). Càng ít người Do Thái đến toà án Rô-ma, sẽ càng tốt hơn cho Đế quốc. Tẹt-tu-lu đã phải trình bày lời buộc tội thứ ba này theo một cách khiến người Do Thái có vẻ tốt lành mà không làm cho người Rô-ma có vẻ quá tệ, và ông đã làm tốt công việc.

Trước hết, ông làm dịu đi sự buộc tội. Lời tố cáo được trình bày bởi những người Do Thái Châu Á đó là Phao-lô đã làm ô uế đền thờ (21:28), nhưng Tẹt-tu-lu đã nói: “Hắn thậm chí đã tìm cách phỉ báng đền thờ” (Cong 24:6). Vì sao thay đổi? Vì ít nhất 2 lý do Trước tiên những kẻ tố cáo Phao-lô nhận ra rằng sự buộc tội đầu tiên không bao giờ có thể được chứng minh nếu những sự thật được điều tra. Nhưng hơn thế nữa, những người Do Thái Châu Á là những người đã mở đầu câu chuyện dường như đã biến mất khỏi hiện trường! Nếu không có nhân chứng nào, không thể có bằng chứng hay sự kết tội nào.

Khi bạn so sánh câu chuyện của Lu-ca về sự kiện Phao-lô bị bắt (21:27-40) với câu chuyện của vị quản cơ (23:25-50) và câu chuyện của luật gia (24:6-8), bạn có thể hiểu rõ vì sao các quan toà và các hội thẩm đoàn có thể trở nên bối rối. Tẹt-tu-lu đã gây ấn tượng rằng Phao-lô thật sự phạm tội phỉ báng đền thờ, rằng dân Do Thái có quyền bắt giữ ông, và rằng quản cơ đã vi phạm bằng cách can thiệp. Chính Cơ-lốt, không phải dân Do Thái, là người phạm tội đối xử một công dân Rô-ma bằng bạo lực! Nhưng Phê-lít đã có bức thư chính thức trước mặt và dường như tin quản cơ của ông hơn một luật sư Do Thái Hê-lê-nít đã được trả công.

Tet-tu-lu biết rằng dân Do Thái được quyền của Rô-ma để bắt giữ và bắt bớ những ai vi phạm luật pháp Do Thái. Đúng, người Rô-ma nghĩ rằng sự tận tâm của dân Do Thái đối với những truyền thống của họ là quá đáng và mê tín. Nhưng Rô-ma khôn khéo để cho họ theo ý họ. Người Do Thái thậm chí đã được phép xử tử hình những kẻ phạm tội trong một vài trường hợp, chẳng hạn như “sự vi phạm” của Phao-lô về việc cho phép dân ngoại vượt qua hàng rào bảo vệ trong đền thờ (21:28-29). Tet-tu-lu lý luận rằng nếu Cơ-lốt không can thiệp, dân Do Thái có lẽ sẽ đã tự xét xử Phao-lô, và điều này sẽ tiết kiệm cho Phê-lít và Rô-ma rất nhiều rắc rối và phí tổn.

Khi kết thúc lý lẽ, Tet-tu-lu nói bóng gió rằng Cơ-lốt Ly-sia lẽ ra phải đích thân có mặt ở đó chứ không chỉ cử những chức sắc Do Thái trình vụ việc. Vì sao ông vắng mặt? Ông không thể bảo vệ vụ việc của mình sao? Phải chăng ông đang tìm cách “đùn trách nhiệm” cho người khác? Theo như chúng ta biết, suốt hai năm Phao-lô bị cầm giữ trong thành Sê-sa-rê, Cơ-lốt chưa bao giờ tỏ ra cho biết lập trường của ông về câu chuyện này. Chúng ta không biết lý do.

Nhưng Phao-lô có mặt ở đó và Phê-lít có thể nhận sự thật từ ông! Luật gia khôn khéo đã nói: “Nếu quan xét hỏi Phao-lô, quan sẽ thấy rằng những điều tôi nói là đúng”. Các thành viên khác của đoàn đại biểu Do Thái đã hiệp nhất trong việc đồng tình với Luật gia của họ, điều này không có gì ngạc nhiên đối với bất cứ ai.

## **2. Phao-lô: những câu trả lời trung thực (Cong 24:10-21)**

Nhưng quan tổng đốc đã không xét hỏi Phao-lô. Ông chỉ gật đầu làm dấu hiệu cho biết đã đến lượt Phao-lô nói. Phao-lô đã không xu nịnh Phê-lít (xem ITe 21:1-6), ông chỉ công nhận rằng quan tổng đốc là một người kinh nghiệm và vì vậy là một người hiểu biết. Phê-lít đã biết về “phe người Na-xa-rét” (Cong 24:22) mà điều dân Do Thái đang làm cho phe đó. Sau lời mở đầu ngắn gọn nhưng trung thực này, Phao-lô tiếp tục trả lời những buộc tội của Tet-tu-lu (Cong 24:10-16), dân Do Thái Châu Á (24:17-19) và Hội đồng Do Thái (24:20-21).

Nói về lời buộc tội liên quan đến đền thờ, Phao-lô đã ở trong đền thờ để thờ phượng chứ không phải để cầm đầu một cuộc náo loạn. Thật ra, những ghi chép về đền thờ cho thấy rằng Phao-lô đã đăng ký để trả chi phí cho bốn người Do Thái giữ lời thề nguyện Na-xi-rê, Phao-lô đã không rao giảng trong đền thờ hoặc các nhà hội, ông cũng không rao giảng bất cứ nơi nào trong thành (những năm trước đó, Phao-lô đã thoả thuận với Phi-e-rơ và các trưởng lão Giê-ru-sa-lem rằng ông sẽ không giảng Phúc Âm cho dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem (Ga 2:7-10). Không ai có thể chứng minh rằng ông phạm tội cầm đầu bất kỳ kiểu nổi loạn nào chống lại người Do Thái hoặc người Rô-ma.

Hơn nữa, vì ông đã ở Giê-ru-sa-lem chỉ một tuần (12 ngày ở (Cong 24:11, trừ đi 5 ngày ở (24:1), hầu như đã không có thời gian để tổ chức và cầm đầu một cuộc tấn công vào đền thờ! Mặc dù những nhà nghiên cứu về cuộc đời Phao-lô không đồng ý mọi chi tiết, thứ tự của các sự kiện có thể như vậy:

Ngày 1 – Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem (21:17)

Ngày 2 – Gặp Gia-cơ và các trưởng lão (21:18)

Ngày 3 – Ở trong đền thờ với những người Na-xi-rê (21:26)

Ngày 4 – Trong đền thờ

Ngày 5 – Trong đền thờ

Ngày 6 – Bị bắt trong đền thờ (21:27)

Ngày 7 – Gặp Hội đồng Do Thái (23:1-10)

Ngày 8 – Bị đe dọa được đưa đến thành Sê-sa-rê (23:12,23)

Ngày 9 – Đến thành Sê-sa-rê (23:33)

Ngày 10 – Chờ đợi (Phê-lít triệu tập những chức sắc Do Thái)

Ngày 11 – Chờ các chức sắc Do Thái đến

Ngày 12 - Chờ đợi – họ đến – vụ xử kiện được lên chương trình

Ngày 13 – Vụ xử kiện được tiến hành

Bốn người thực hiện lời thề nguyện Na-xi-rê rõ ràng đã có liên quan trong những nhiệm vụ ở đền thờ khi Gia-cơ đề nghị rằng Phao-lô trả chi phí của họ (21:24). Nếu họ bắt đầu ngày trước khi Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem, thì ngày Phao-lô bị bắt sẽ là ngày thứ bảy của bốn phận họ (21:27). Bản New American Standard Bible (21:27) “và khi bảy ngày gần trọn”. Điều này hàm ý rằng những sự kiện xảy ra vào ngày thứ bảy của thời biểu của họ, là ngày thứ sáu Phao-lô ở trong thành.

Có thể sẽ mất hai ngày để sứ giả chính thức của Rô-ma đi từ Sê-sa-rê đến Giê-ru-sa-lem, và hai ngày nữa để A-na-nia và các cộng sự ông đến Sê-sa-rê. Họ dường như không được chậm trễ, vì vụ kiện quá quan trọng.

Đã đánh bại những lời buộc tội về đền thờ, tiếp đến Phao-lô đối phó với những lời buộc tội về sự nổi loạn và dị giáo. Cho dù thầy tế lễ cả là người Sa-đu-sê, chắc chắn có những người Pha-ri-si trong đoàn đại diện quan chức Do Thái, vì vậy Phao-lô một lần nữa đã viện dẫn những căn nguyên về tôn giáo của họ trong Kinh Thánh. Vấn đề Phao-lô là một Cơ Đốc nhân không có nghĩa là ông đã thờ phượng Đức Chúa trời khác với Đức Chúa Trời của tổ phụ ông. Nó chỉ có nghĩa là ông đã thờ phượng Đức Chúa Trời của tổ phụ ông trong một cách mới mẻ và sinh động, vì cách duy nhất có thể chấp nhận để thờ phượng Đức Chúa Cha là qua Chúa Giê-xu Christ (Gi 5:23). Đức tin của ông vẫn được lập trên lời Kinh Thánh Cựu Ước, và những lời Kinh Thánh làm chứng cho Chúa Giê-xu.

Người Sa-đu-sê chấp nhận năm sách của Môi-se (luật pháp), nhưng không chấp nhận những sách còn lại của Cựu Ước. Họ bác bỏ giáo lý về sự sống lại vì họ nói nó không thể được tìm thấy ở đâu trong những điều Môi-se đã viết. (Chúa Giê-xu đã bẻ bác lý luận ấy, nhưng họ cứ phớt lờ. (Mat 22:23-33)). Bằng cách tuyên bố niềm tin cá nhân mình nơi sự sống lại, Phao-lô đã khẳng định những nhận thức chính thống của ông và đồng nhất hoá mình với người Pha-ri-si. Một lần nữa, người Pha-ri-si đã rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, vì nếu niềm tin của Phao-lô là niềm tin của một kẻ dị giáo, vậy họ cũng là những kẻ dị giáo!

Phao-lô và các Cơ Đốc nhân đầu tiên đã không thấy chính họ như “những người Do Thái xưa” nhưng như “những người Do Thái được ứng nghiệm”. Cựu Ước là một cuốn sách mới đối với họ vì họ đã tìm thấy Đấng Mê-si-a của mình. Họ biết rằng họ không còn cần những lễ nghi của luật pháp Do Thái để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, nhưng họ nhìn thấy trong những nghi thức và những quy định này một sự mạc khải



về Đấng Christ, vừa là một người Pha-ri-si vừa là một Cơ Đốc nhân, Phao-lô đã luôn “chịu những nỗi đau” để có một lương tâm tốt và để tìm cách là đẹp lòng Chúa.

Sau khi đáp lại những lời buộc tội của Tẹt-tu-lu, Phao-lô tiếp tục trả lời sự tố cáo giả dối của những người Do Thái Châu Á rằng ông đã làm ô uế đền thờ (Cong 24:17-19). Ông đã không đến Giê-ru-sa-lem để làm ô uế đền thờ nhưng để đem đến sự giúp đỡ cần thiết cho dân Do Thái và dâng những của lễ của ông cho Chúa. (Đây là sự đề cập duy nhất trong Công vụ về của lễ đặc biệt). Khi những người Châu Á thấy ông trong đền thờ, ông ở cùng bốn người là những người đang hoàn thành lời hứa nguyện Na-xi-rê của họ. Làm sao Phao-lô có thể thờ phượng Đức Chúa Trời và làm ô uế nhà Đức Chúa Trời cùng một lúc? Một thầy tế lễ Do Thái có trách nhiệm về những hoạt động đền thờ của Phao-lô, vì vậy nếu đền thánh bị ô uế, thầy tế lễ chịu trách nhiệm. Phao-lô chỉ đang tuân theo luật pháp.

Giờ đây Phao-lô đã đi đến điểm chính của lời ông biện hộ Luật pháp Rô-ma đòi hỏi rằng những nguyên cáo phải đối diện với các bị cáo tại buổi xét xử, nếu không thì những lời buộc tội sẽ bị bỏ qua. A-na-nia khôn khéo đã không đem theo với ông bất cứ người Do Thái Hê-lê-nít nào, vì ông chắc rằng sự làm chứng của họ sẽ thất bại dưới sự xét hỏi công khai. Những người này giỏi về việc cổ vũ những cuộc nổi loạn đầy kích động họ không giỏi về việc tạo ra những sự kiện.

Phao-lô kết thúc lời biện hộ của mình bằng cách đáp lại các nghị viên của hội đồng Do Thái (Cong 24:20-21). Thay vì nghe ông nói với thái độ vô tư, thầy tế lễ cả và Toà Công Luận đã ngược đãi ông và không chịu nghe ông. A-na-nia rất có thể đã biết ơn là Phao-lô không nói gì về cái vả mặt của ông, vì một công dân Rô-ma bị đối xử cách ấy là bất hợp pháp.

Chúng ta có nhận ra một chút mỉa mai thánh trong lời tuyên bố sau cùng của Phao-lô? Chúng ta có thể diễn giải nó, “Nếu tôi đã làm gì xấu, có thể vầy: Tôi đã nhắc nhở Hội đồng Do Thái về giáo lý Do Thái vĩ đại của chúng tôi về sự sống lại”. Hãy nhớ, sách Công vụ là một ghi chép về sự làm chứng của Hội Thánh đầu tiên cho sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (1:22). Người Sa-đu-sê từ lâu đã bỏ đi giáo lý này, và người Pha-ri-si không dành cho nó sự quan trọng thực tiễn như nó xứng đáng. Dĩ nhiên, Phao-lô đã liên giáo lý này với sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ, và Toà Công luận không cần điều đó.

Họ đã tố cáo Phao-lô chống đối Do Thái và chống đối Rô-ma, nhưng họ không thể chứng minh những lời buộc tội của mình. Nếu các chức sắc Do Thái theo đuổi bất cứ điều nào trong những lời buộc tội này hơn nữa, vụ kiện của họ sẽ thất bại. Nhưng đã có đủ chứng cứ gián tiếp để gieo những nghi ngờ trong tâm trí của các quan chức Rô-ma, và có lẽ đã có đủ định kiến chủng tộc trong họ để tưới hạt giống ấy và kích thích nó lớn lên. Xét cho cùng, Hoàng đế Cơ-lốt đã không trục xuất dân Do Thái khỏi Rô-ma sao? Ro 18:2). Có lẽ Phao-lô đã bị theo dõi.

### **3. Phê-lít: những thái độ đại dột (Cong 24:22-27)**

Nếu có một người từng thất bại về cá nhân lẫn công khai, người đó là Phê-lít, quan tổng trấn xứ Giu-đê. Ông chắc chắn không thể viện cớ không hiểu biết những sự kiện, vì ông đã “biết rõ đạo đó” (Cong 24:22). Vợ ông, Đơ-ru-si, là người Do Thái và có lẽ đã thông báo cho ông về những hoạt động giữa vòng dân bà, và với tư cách một quan

chức Rô-ma, ông sẽ cẩn thận (nếu kín đáo) điều tra những sự việc này. Ông đã thấy sự sáng, nhưng ông thích sống trong sự tối tăm hơn.

Phê-lít đảm bảo rằng Phao-lô được chăm sóc một cách dễ chịu trong khi đồng thời được canh giữ an toàn. "Tự do" trong Cong 24:23 có nghĩa là ông không bị để trong công khám hay bị giữ trong sự giam cầm chật chội. Ông có sự tự do hạn chế trong cung điện, bị xích vào một tên lính (các lính gác được thay đổi từng 6 giờ đồng hồ, một hội chúng bị giam cầm toàn hảo!). Các bạn của Phao-lô được phép giúp đỡ ông (tiếng Hy Lạp: "Hãy phục vụ người như những đầy tớ riêng"), vì vậy người ta có thể đến và đáp ứng những nhu cầu của ông. Chức vụ của Phao-lô suốt hai năm ấy ở Sê-sa-rê là gì, chúng ta không biết, nhưng chúng ta có thể chắc rằng ông đã dành sự làm chứng trung tín cho Chúa.

Sự ghi chép về một sự làm chứng như vậy được Lu-ca trình bày, và nó khiến tội của Phê-lít thậm chí trở nên lớn hơn. Tâm trí Phê-lít không chỉ được cung cấp tin tức, nhưng tấm lòng ông cũng được lay động bởi sự sợ hãi, vậy mà ông không làm theo chân lý. Thật không đủ để một người biết những sự kiện về Đấng Christ, hay có một đáp ứng cảm xúc đối với một sứ điệp. Người ấy phải sẵn sàng ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ. "Nhưng các ngươi không muốn đến cùng ta để được sự sống" (Gi 5:40).

Chắc hẳn chính sự hiểu kỳ của người vợ, Đơ-ru-si đã thúc đẩy Phê-lít chịu nghe Phao-lô nói thêm. Bà muốn nghe Phao-lô vì xét cho cùng, gia đình bà đã có liên quan với "đạo" vì nhiều lý do. Người ông của bà đã tìm cách giết Chúa Giê-xu ở Bết-lê-hem (Mat 2:1-23), người bác của bà đã tìm cách giết Giăng Báp-tít và chế nhạo Chúa Giê-xu (Lu 23:6-12), và Cong 12:1-2 cho biết việc cha của bà giết sứ đồ Gia-cơ.

Bác sĩ Lu-ca chỉ trình bày cho chúng ta ba điểm về bài giảng của Phao-lô cho cặp vợ chồng khét tiếng xấu này: sự công bình, sự tiết độ, và sự phán xét hầu đến. Nhưng quả là một nét phát hoạ quan trọng! Phao-lô đã trình bày cho họ ba lý do đánh thép vì sao họ phải ăn năn và tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Trước hết, họ phải làm gì đó khắc phục tội lỗi của hôm qua ("sự công bình"). Năm 1973, Tiến sĩ Karl Menninger một trong những Bác sĩ tâm thần hàng đầu thế giới, đã xuất bản một cuốn sách gây sửng sốt, "Cái gì Xảy ra với Tội lỗi?" (Whatever Become of Sin?). Ông chỉ ra rằng chính từ tội lỗi đã dần dần biến khỏi từ vựng của chúng ta cả "từ lẫn khái niệm". Chúng ta nói về những sai lầm, sự yếu đuối, những khuynh hướng vốn có, những lỗi lầm, và cả những thiếu sót, nhưng chúng ta không đối mặt với vấn đề tội lỗi.

Phyllis Mc Ginley, nhà văn kiêm thi sĩ người Mỹ đã ghi chú: "Con người không còn tội lỗi nữa Họ chỉ không trưởng thành hoặc chịu thiệt thòi hoặc hoảng sợ, hay đặc biệt hơn, bệnh hoạn". Nhưng một Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi sự công bình. Đó là tin xấu. Nhưng tin tốt lành là chính Đức Chúa Trời thánh khiết này chu cấp sự công bình của Ngài cho những ai tin cậy Chúa Giê-xu Christ (Ro 3:21-26). Chúng ta không bao giờ được cứu bởi công bình riêng về những việc thiện của chúng ta. Chúng ta có thể được cứu chỉ nhờ sự công bình của Đấng Christ được cung ứng bởi công tác cứu rỗi của Ngài đã được hoàn tất trên thập tự giá.

Điểm thứ hai trong bài giảng của Phao-lô nói về sự tiết độ: chúng ta phải làm gì đó khắc phục những cám dỗ của hôm nay. Con người có thể điều khiển hầu hết mọi sự trừ bản thân. Đây là Phê-lít và Đơ-ru-si, những minh hoạ chủ yếu về sự thiếu tiết độ. bà đã li dị chồng để làm vợ thứ ba của Phê-lít, và dù là người Do Thái, bà đã sống

như thế Đức Chúa Trời chưa bao giờ ban 10 điều răn tại núi Si-nai. Phê-lít là một vị quan vô lương tâm, không ngần ngại nói dối, hoặc thậm chí giết người để trừ khử kẻ thù và đề cao bản thân. Sự tiết độ là điều gì đó mà không ai trong hai người biết nhiều.

Điểm thứ ba của Phao-lô là lý lẽ đanh thép: “Sự phán xét hầu đến”. Chúng ta phải làm gì đó về sự phán xét ngày sau. Có lẽ Phao-lô cho Phê-lít và Đơ-ru-si biết những điều ông đã nói với các triết gia Hy Lạp: Đức Chúa Trời đã “chỉ định một ngày, trong ngày đó Ngài sẽ đoán xét thế gian bằng sự công bình” bởi Chúa Giê-xu Christ (Cong 17:31). Chúa Giê-xu hoặc là Đấng Christ của bạn hoặc là Đấng phán xét bạn. Làm sao chúng ta biết Chúa Giê-xu Christ là Đấng phán xét? “Ngài đã bảo đảm điều này cho mọi người bằng cách khiến Ngài sống lại từ cõi chết” (17:31). Một lần nữa, sự sống lại!

“Phê-lít run sợ” (Cong 24:25) theo nghĩa đen là “Phê-lít trở nên kinh hãi”. Các chức sắc Rô-ma đã tự hào về khả năng chịu đựng và kiềm chế cảm xúc của mình ở mọi hoàn cảnh, nhưng một sự kết tội từ Đức Chúa Trời đã làm lòng Phê-lít sững sờ, và ông đã không thể che giấu điều đó. Phao-lô đã chuẩn đoán căn bệnh và đưa ra cách điều trị. Phê-lít có nhiệm vụ phải tiếp nhận cách điều trị ấy.

Phê-lít đã làm gì? Ông đã trì hoãn! Ông nói với vị sứ đồ: “Khi ta rảnh ta sẽ gọi ngươi”. Edward Young đã viết: “sự trì hoãn là kẻ cắp của thời gian”. Có lẽ ông đang nghĩ về câu châm ngôn tiếng Anh “One of these days is none of these days” (Một ngày nào đó nghĩa là không ngày nào cả). Sự trì hoãn cũng là kẻ cắp của linh hồn. “Thì thuận tiện” nhất cho một tội nhân hư mất được cứu là ngay bây giờ. “Kìa hiện nay là thì được nhậm kìa hiện nay là ngày cứu rỗi” (II Co 6:2).

Có một người lý luận với người đang làm chứng “Tôi nghĩ có một thời gian đặc biệt cho mỗi người được cứu. Tôi không thể được cứu cho đến khi thời gian ấy tới”.

Tôi hỏi “Những dấu hiệu nào cho thấy thời gian đặc biệt của anh đã đến?”

Anh ta lè nhè: “À, đúng ra tôi không biết”.

Tôi hỏi: “Vậy thì làm thế nào anh biết khi nào anh cho là mình sẽ được cứu?”. Nhưng sự ngu dại về địa vị của mình chưa bao giờ làm bận tâm anh. Tôi hy vọng anh được cứu trước khi anh chết.

Hãy xem xét những thái độ đại dột của Phê-lít. Ông có một thái độ đại dột đối với Lời Đức Chúa Trời, nghĩ rằng mình có thể “nhận hoặc bỏ nó”. Nhưng Đức Chúa Trời “biểu hết thảy mọi người trong mọi nơi đều phải ăn năn ngay bây giờ” (Cong 17:30). Khi Đức Chúa Trời phán, cả nam lẫn nữ đều phải lắng nghe và vâng lời.

Phê-lít có một thái độ đại dột đối với tội lỗi mình. Ông biết mình là một tội nhân nhưng ông chối từ đoạn tuyệt với tội lỗi và vâng phục Chúa. Ông có một thái độ đại dột đối với ân điển của Đức Chúa Trời. Chúa đã kiên nhẫn với Phê-lít, nhưng vị tổng đốc không chịu đầu phục. Phê-lít không biết chắc về sự sống của ngày sau, nhưng ông đã đại dột trì hoãn. “Chớ khoe khoang về ngày mai, vì con chẳng biết một ngày có thể đem lại điều gì” (Ch 27:1).

Thay vì lắng nghe Phao-lô, Phê-lít đã tìm cách sử dụng Phao-lô như một con tốt chính trị, để lấy tiền từ Hội Thánh hoặc để dành được sự đồng tình của người Do Thái. Sự kiện Phê-lít có những buổi thảo luận thêm với Phao-lô không phải là biểu hiện cho thấy lòng ông quan tâm đến những điều thuộc linh. Các bạn Phao-lô đã đến rồi đi, và có lẽ một số người trong họ đã có quyền sử dụng quà tặng hào phóng của

các Hội Thánh người ngoại. Chắc chắn Phao-lô đã làm chứng thêm cho quan tổng đốc nhưng không có kết quả gì. Khi Phê-lít bị thay thế, ông bỏ mặc Phao-lô làm một tù nhân, nhưng chính Phê-lít thật sự là tù nhân.

Tâm trí quan tổng đốc đã được khai sáng (Cong 24:22), những cảm xúc được khuấy động (24:25), nhưng ý chí ông không đầu phục. Ông tìm cách dành lấy thế gian, nhưng như chúng ta biết, ông đã đánh mất linh hồn mình, ông đã trì hoãn bản thân để vào địa ngục.

Tấn sĩ Clarence Macartney kể câu chuyện nói về một buổi họp trong địa ngục. Sa-tan đã triệu tập bốn con quỷ lãnh đạo và ra lệnh chúng phải suy nghĩ ra một lời nói dối mới có thể bẫy được nhiều linh hồn hơn.

Một con quỷ nói: “Tôi có cách. Tôi sẽ đến thế gian và nói cho con người biết không có Đức Chúa Trời nào cả”.

Sa-tan nói: “Sẽ không bao giờ có hiệu quả. Con Người có thể nhìn quanh mình và thấy rằng có một Đức Chúa Trời”.

Một con quỷ đề nghị “tôi sẽ đi và nói cho họ biết không có thiên đàng nào cả!” nhưng Sa-tan phản đối ý kiến đó. “Mọi người đều biết có một sự sống sau cái chết và họ muốn đến thiên đàng”.

Con quỷ thứ ba nói “chúng ta hãy cho họ biết không có địa ngục nào cả!”

Quỷ Sa-tan nói “không, lương tâm bảo họ biết tội lỗi họ sẽ bị phán xét”. Chúng ta cần một lời nói dối hay hơn thế”.

Bình thản, con quỷ thứ tư nói: “Tôi nghĩ tôi đã có cách giải quyết vấn đề của Ngài”, nó nói “Tôi sẽ đến thế gian và nói cho mọi người rằng chẳng cần vội vã gì”.

Thời điểm tốt nhất để tin nhận Chúa Giê-xu là – bây giờ! Và thời điểm tốt nhất để cho người khác biết tin tốt lành về Phúc Âm là – bây giờ!

## **21. PHAO-LÔ NGƯỜI BIỆN HỘ (Cong 25:1-26:75)**

Quan tổng đốc mới, Bốt-tiu Phê-tu, là người tốt hơn người tiền nhiệm và đã tiếp quản những nhiệm vụ của ông ta với ý định làm điều gì đúng đắn. Tuy nhiên, ông sớm phát hiện rằng quan điểm chính trị Do Thái không dễ xử lý, đặc biệt là vụ kiện hai năm của sứ đồ Phao-lô, một tù nhân không có lời buộc tội chính thức nào nghịch với mình. Phao-lô là một người Do Thái mà đồng bào ông muốn giết ông, và ông là một người Rô-ma mà chính quyền ông không biết gì về ông.

Thật là một tình thế khó xử! Nếu Phê-tu tha Phao-lô, dân Do Thái sẽ gây rối, và đó là điều mà quan tổng đốc mới không dám liều lĩnh. Tuy nhiên, nếu giữ Phao-lô làm tù nhân, Phê-tu sẽ phải giải thích lý do vì sao một công dân Rô-ma đang bị cầm giữ mà không có những lời buộc tội rõ ràng chính thức. Phê-tu biết rằng thật khéo léo để ông hành động nhanh chóng và lợi dụng sự kiện ông là người mới đến. Trì hoãn chỉ sẽ làm vấn đề tệ hại hơn, và nó đã đủ tệ rồi.

Hai chương này giới thiệu Phê-tu trong ba hoàn cảnh khác nhau, mỗi hoàn cảnh đều có liên hệ đến sứ đồ Phao-lô.

### **1. Sự hoà giải: Phê-tu và các chức sắc Do Thái (Cong 25:1-12)**

Biết rằng hoà thuận với các chức sắc Do Thái quan trọng ra sao đối với mình, Phê-tu đã không mất thời gian trong việc viếng thăm thành thánh và tỏ lòng kính trọng. Và các chức sắc đã không mất thời gian trong việc đưa vụ kiện Phao-lô ra toà. Thầy tế lễ cả mới là Ích-ma-ên ông đã thay thế Giô-na-than là người bị Phê-lít giết chết. Ích-ma-ên muốn làm sống lại âm mưu hai năm trước đó và loại bỏ Phao-lô một lần nữa (Cong 23:12-15).

Dường như quan tổng đốc mới không biết bất cứ điều gì về âm mưu từ trước hay thậm chí nghi ngờ rằng các chức sắc tôn giáo Do Thái đang tìm kiếm huyết. Vì một toà án của người Rô-ma có thể họp ở Giê-ru-sa-lem cũng như ở Sê-sa-rê, nên việc chuyển giao Phao-lô sẽ là một thủ tục bình thường. Phê-tu có thể sẽ không đòi hỏi một đoàn tùy tùng đông đảo đi với ông, vì vậy một cuộc phục kích sẽ dễ dàng. Sau cùng, vì đó là một vấn đề có liên quan đến một tù nhân Do Thái và luật pháp Do Thái, nên nơi họp lý để họp lại sẽ là Giê-ru-sa-lem.

“Hãy giết Phao-lô!” là tiếng kêu la của người Do Thái không tin kể từ khi Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem (21:27-31 22:22 23:10-15 25:3). Tuy nhiên, Phê-tu đã không biết gì về điều này. Phao-lô đã được cảnh cáo về hiểm họa này, nhưng ông cũng được đảm bảo rằng Chúa sẽ bảo vệ ông, sử dụng sự làm chứng của ông và rồi đưa ông đến Rô-ma an toàn (23:11 26:17). Tình thế trở nên nghiêm trọng hơn, vì giờ đây chính hội đồng, chứ không phải một nhóm người ngoại cuộc, đang âm mưu giết chết Phao-lô. Bạn sẽ nghĩ rằng sự nguy hiểm của họ đã lắng xuống sau hai năm, nhưng không phải. Sa-tan kẻ giết người đang chăm chỉ hoạt động (Gi 8:44).

Phê-tu đã khôn ngoan không hợp tác với âm mưu của họ, nhưng ông đã mời các chức sắc cùng đi với ông đến Sê-sa-rê và đối mặt với Phao-lô lần nữa. Điều này sẽ cho Phê-tu cơ hội nhìn lại vụ kiện và nắm được nhiều sự kiện hơn. Những người Do Thái đồng ý, nhưng việc xử kiện đã không đem lại điều gì mới. Đoàn đại diện Do Thái (lúc này không có luật sư của họ) chỉ lặp lại cũng những lời buộc tội vô căn cứ và không được chứng minh, hy vọng rằng quan tổng đốc sẽ đồng tình với họ và xử tử Phao-lô (Cong 25:15-16).

Phao-lô đã làm gì? Một lần nữa ông khẳng định rằng ông vô tội về bất cứ sự phạm tội nào chống nghịch luật pháp Do Thái, đền thờ hoặc chính quyền Rô-ma. Phê-tu thấy rằng chẳng có tiến triển gì được thực hiện, nên ông hỏi Phao-lô xem người có muốn được xét xử tại Giê-ru-sa-lem hay không. Ông làm điều này để làm đẹp lòng dân Do Thái và có thể đã không nhận ra rằng ông đang gây nguy hiểm cho sinh mạng của tù nhân nổi tiếng của mình. Nhưng một quan toà Rô-ma không thể chuyển một vụ kiện đến một toà án khác mà không có sự đồng ý của bị cáo, và Phao-lô đã từ chối đi! Thay vào đó, ông tuyên bố quyền của mọi công dân Rô-ma được kêu nài đến Sê-sa-rê.

Điều gì đã hướng dẫn Phao-lô thực hiện quyết định khôn ngoan này? Trước hết, ông biết rằng nơi ông đến là Rô-ma, không phải Giê-ru-sa-lem, và cách nhanh nhất để đến đó là kêu nài lên Sê-sa. Phao-lô cũng biết rằng dân Do Thái không từ bỏ âm mưu giết ông, nên ông đã khôn ngoan ở dưới sự bảo vệ của Rô-ma. Bằng cách kêu nài Sê-sa, Phao-lô đã buộc người Rô-ma bảo vệ và đưa ông đến Rô-ma. Cuối cùng, Phao-lô nhận ra rằng dù sao ông cũng không bao giờ có thể có một cuộc xét xử công bằng ở Giê-ru-sa-lem, vậy tại sao đi lên đó.



Điều đó chắc đã làm các chức sắc Do Thái tức giận khi Phao-lô, bằng một lời tuyên bố, đã rút vụ kiện khỏi tay họ. Ông cho biết rõ rằng ông sẵn sàng chết nếu họ có thể chứng minh được rằng ông đã phạm tội đáng chết, nhưng trước hết họ phải tìm ra tội ông. Phê-tu đã gặp hội đồng nghị viên của ông và họ đồng ý gửi Phao-lô đến Nero để xét xử. Chắc hẳn quan tổng đốc mới hơi bẽ bàng khi ông đã giải quyết một trong những vụ kiện đầu tiên của mình quá tệ đến nỗi tù nhân bị buộc kêu nài đến Sê-sa và ông phải đến Sê-sa!

## **2. Cuộc hội ý: Phê-tu và Ạc-ríp-ba (Cong 25:13-22)**

Nhưng những vấn đề của quan tổng đốc mới chưa hết. Ông đã tìm cách không xúc phạm dân Do Thái, nhưng ông đã không xác định được những lời buộc tội hợp pháp nghịch với tù nhân của ông. Làm sao ông có thể gửi một tù nhân có tiếng như vậy đến hoàng đế mà không cho liệt kê những tội lỗi của người ấy nghịch với chính người?

Khoảng thời gian đó, Phê-tu có một cuộc thăm viếng chính thức của Hê-rốt Ạc-ríp-ba II và em gái của Hê-rốt, Bê-rê-nít. Vị vua trẻ tuổi này, người cai trị cuối cùng trong số các Hê-rốt, là cháu trai của Hê-rốt đã giết sứ đồ Gia-cơ (Cong 12:1-25). Sự kiện em gái của ông sống với ông đã gây nhiều nghi ngờ cho dân Do Thái, vì luật pháp của họ rõ ràng lên án tội loạn luân (Le 18:1-18 20:11-21). Rô-ma đã ban cho Hê-rốt Ạc-ríp-ba II pháp quyền đối với đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, nên hợp lý để Phê-tu chia sẻ vụ kiện với ông.

Phê-tu đủ lanh lợi để hiểu rằng vụ kiện của dân Do Thái nghịch cùng Phao-lô không liên quan gì với dân luật. Nó chỉ là một vấn đề về “những vấn đề tôn giáo” (Cong 18:14-15 23:29) mà người Rô-ma không sẵn sàng để giải quyết, đặc biệt là giáo lý về sự sống lại. Câu Cong 25:19 chứng minh rằng Phao-lô không nhằm vào việc bảo vệ nhiều hơn sự sống lại chung chung. Ông tuyên bố và bảo vệ sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Như chúng ta đã ghi nhận trong các bài học của mình, đây là sự nhấn mạnh chính của sự làm chứng của Hội Thánh trong sách Công vụ.

Phê-tu đã gây ấn tượng rằng ông muốn dời vụ xét xử đến Giê-ru-sa-lem vì “những vấn đề của dân Do Thái” chỉ có thể được giải quyết bởi dân Do Thái trong lãnh địa Do Thái (Cong 25:20). Dĩ nhiên, đó là một sự bịa đặt hoàn toàn, vì lý do thật của ông là làm hài lòng các chức sắc Do Thái, mà đa số họ được vua Hê-rốt biết. Phê-tu cần điều gì đó rõ ràng để gửi đến Hoàng đế Nero, và có lẽ Ạc-ríp-ba có thể cung cấp nó. (“Augustus” trong Cong 25:21 và 25:25 là một danh hiệu chứ không phải là một cái tên đích thực).

Vua là một chuyên gia về những vấn đề của Do Thái (26:2-3) và chắc chắn sẽ rất quan tâm đến việc biết thêm về người này là người đã gây một cuộc nổi loạn trong đền thờ. Có lẽ Hê-rốt có thể giúp Phê-tu trong việc tìm ra những lời buộc tội thật sự chống lại Phao-lô và cũng có lẽ Phê-tu có thể trợ giúp Hê-rốt trong việc hiểu thêm về vấn đề người Do Thái tại thành thánh

## **3. Cuộc đối chất: Phê-tu, Ạc-ríp-ba và Phao-lô (Cong 25:23-27 26:1-32)**

(Cong 25:23-27). Dường như không thể tin rằng mọi sự phô trương long trọng và nghi lễ này là vì một người Do Thái bé nhỏ đã rao giảng Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ! Nhưng Chúa đã hứa với Phao-lô rằng ông sẽ làm chứng trước mặt “các dân ngoại và các vua” (9:15) và lời hứa đó đang được ứng nghiệm lần nữa. Một khi Phao-

lô đã chấm dứt sự làm chứng của ông, mọi thính giả của ông sẽ biết làm sao để được cứu và sẽ không có lý do biện hộ nào.

Họ họp trong một “thính phòng” trong cung điện, và những quân nhân cùng những quan chức chủ chốt của chính quyền Rô-ma đã có mặt ở đó. Vụ kiện của Phao-lô có thể đã được các quan chức khác nhau thảo luận nhiều lần suốt hai năm qua, vì vậy rất ít người trong số những người có mặt đó không biết về sự việc.

Phê-tu chắc chắn đang phóng đại khi ông nói rằng “thay thay dân chúng Do Thái” đã nhấn mạnh những lời buộc tội Phao-lô, nhưng lời tuyên bố kiểu ấy sẽ khiến cho những người Do Thái có mặt cảm thấy dễ chịu hơn. Câu Cong 25:25 cho chúng ta “những nhận định chính thức” lần thứ hai của Lu-ca tuyên bố sự vô tội của Phao-lô (23:29) và sẽ có thêm những lời khác trước khi sách của ông được hoàn thành.

Trong những lời hoa mỹ trước mặt A-c-ríp-ba, Phê-tu biểu lộ rằng ông muốn vua xét hỏi Phao-lô (25:26) nhưng không có ghi chép nào cho biết vua đã thực hiện. Thật ra, trước khi buổi xử kiện chấm dứt, Phao-lô đã trở thành quan toà, còn phê-tu, vua A-c-ríp-ba và Bê-rê-nít đã trở thành những bị cáo! Phao-lô thật sự đang bênh vực chính mình (26:24) nhưng đồng thời, ông đang trình bày chân lý của Phúc Âm và làm chứng cho sự khác biệt mà Chúa Giê-xu có thể làm trong cuộc đời một người. Đây là một trong những bài nói chuyện dài nhất của Phao-lô được tìm thấy trong Công vụ.

Vua A-c-ríp-ba đảm nhiệm và bảo Phao-lô rằng ông được tự do nói. Trong lời mở đầu ngắn gọn, Phao-lô đã thành thật cảm ơn A-c-ríp-ba đã nghe vụ kiện của ông, vì ông biết vua là một chuyên gia về những vấn đề tôn giáo. Phao-lô đã không đề cập điều ấy lúc đó, nhưng ông cũng biết rằng vua tin những tiên tri Cựu Ước (Cong 25:27). Phao-lô cũng ngụ ý rằng bài nói chuyện của ông có thể là một bài nói chuyện dài và ông sẽ cảm kích sự kiên nhẫn của vua trong việc nghe ông nói hết.

Năm lời tuyên bố chính tóm tắt sự bênh vực của Phao-lô.

a. *“Tôi là người Pha-ri-si”* (Cong 26:4-11). Cuộc sống trước đây của Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem được dân Do Thái biết đến, vì vậy không cần phải đi vào chi tiết lớn. Ông là một người Pha-ri-si mộ đạo (Phi 3:5), con của một người Pha-ri-si (Cong 23:6), và những người cùng địa vị với ông có thể đã nhận ra ông đã thực hiện những việc lớn như một ra-bi (Ga 1:13-14). Chính vì những nhận thức của ông về sự sống lại và “hy vọng của Y-sơ-ra-ên” mà giờ đây ông là tù nhân (23:6 24:15). Một lần nữa, Phao-lô nêu lên tính chất chính thống và lòng trung thành đối với truyền thống Hê-bơ-rơ.

Đáng chú ý là Phao-lô đã đề cập “12 chi phái chúng tôi” (Cong 26:7). Mặc dù đúng là 10 chi phái phương Bắc (Y-sơ-ra-ên) đã bị A-sy-ri chinh phục năm 722 TC và đã bị đồng hoá ở phạm vi nào đó, nhưng không phải 10 chi phái này đã “bị hư mất” hay bị huỷ diệt. Chúa Giê-xu đã phán về cả 12 chi phái (Mat 19:28) và Gia-cơ cùng sứ đồ Giăng cũng nói vậy (Gia 1:1 Kh 7:4-8 21:12). Đức Chúa Trời biết tuyển dân của Ngài ở đâu, và Ngài sẽ làm trọn những lời hứa Ngài đã lập cùng họ.

Đại từ “các ông” trong Cong 26:8 ở số nhiều, vì vậy Phao-lô chắc đã nhìn khắp thính giả khi ông nói. Dĩ nhiên, người Hy Lạp và người Rô-ma sẽ không tin giáo lý về sự sống lại (17:31-32), những người Sa-đu-sê có mặt cũng vậy (23:8). Đối với Phao-lô, đây là một giáo lý chủ yếu, vì nếu không có sự sống lại, vậy Chúa Giê-xu Christ đã không được khiến sống lại và Phao-lô đã không có Phúc Âm nào để rao giảng (để có lý lẽ của Phao-lô về sự sống lại và Phúc Âm, hãy xem ICo 15:1-58).

Phao-lô không chỉ là người Pha-ri-si, ông còn là một người sốt sáng bắt bớ Hội Thánh. Ông đã hành hạ các tín đồ và tìm cách buộc họ chối bỏ Chúa Giê-xu Christ, và một số người ông đã giúp đưa họ đến cái chết. Nhóm từ “lên tiếng” (Cong 26:10) nghĩa đen là đăng ký “bỏ phiếu”. Điều này cho thấy Phao-lô từng là một nghị viên chính thức của toà Công Luận, nhưng nếu chắc chắn điều đó đúng, dường như ông sẽ đề cập điều ấy ở một trong số những bài nói chuyện của ông. Nhóm từ này có thể không có nghĩa gì hơn là ông “đã bỏ phiếu nghịch với họ” như một đại diện đặc biệt của thầy tế lễ cả (9:2-14).

Trong những ngày đầu của Hội Thánh, các tín đồ Do Thái đã tiếp tục nhóm lại trong các nhà hội, và đó là nơi Phao-lô tìm thấy họ và hành hạ họ (Mat 10:17 23:34). Điều mà trong những năm đầu tiên Phao-lô xem là “sự sốt sáng tôn giáo” (Ga 1:13-14), trong những năm sau ông đã coi như “sự điên rồ” (Cong 26:11). Giống như một dã thú, ông đã “tàn hại Hội Thánh” (8:3), “ngăn đê và chém giết” (9:1).

b. *“Tôi thấy một ánh sáng”* (Cong 26:12-13). Không hài lòng giới hạn công việc mình ở Giê-ru-sa-lem, Phao-lô đã xin được quyền để thăm viếng các nhà hội ở các thành xa. Sự sốt sáng của ông đã đuổi nhiều tín đồ đi và họ đã đem sứ điệp đến với dân Do Thái ở những cộng đồng khác (8:4).

Phao-lô đã xem mình là một người được khai sáng vì xét cho cùng, ông là người Do Thái (Ro 9:4-5), một học giả (12:13), và là người Pha-ri-si. Sự thật, Phao-lô đã sống trong sự tăm tối rành rành về thuộc linh. Ông biết luật pháp trong những ngày trước khi qui đạo, nhưng ông đã không nhận ra rằng mục đích của luật pháp là đem ông đến với Đấng Christ (Ga 3:24). Ông từng là một người Pha-ri-si cậy công bình riêng cần phải khám phá rằng những việc thiện và tính cách đáng trọng của mình không bao giờ có thể cứu ông và đem ông đến thiên đàng (Phi 3:1-11).

Ánh sáng Phao-lô đã nhìn thấy là siêu nhiên, vì đó là vinh hiển của Đức Chúa Trời được bày tỏ từ trời (hãy so sánh 7:2 và 7:55-56). Nó thật sự đã làm Phao-lô mù loà trong ba ngày (9:8-9), nhưng đôi mắt thuộc linh của ông đã được mở ra để nhìn xem Đấng Christ hằng sống (II Co 4:3-6). Nhưng nhìn thấy một ánh sáng thì chưa đủ ông cũng phải nghe Lời Đức Chúa Trời.

c. *“Tôi nghe tiếng phán”* (Cong 26:14-18). Những người đồng đi với Phao-lô đã thấy ánh sáng, nhưng không thấy Chúa, và họ đã nghe một âm thanh, nhưng họ không thể hiểu những lời phán. Họ đều té xuống đất, nhưng chỉ có Phao-lô ở đó (9:7). Chúa Giê-xu Christ phán với Phao-lô bằng tiếng A-ram quen thuộc của dân Do Thái, gọi ông bằng tên, và cho ông biết thật vô ích để ông tiếp tục chiến đấu với Chúa. Trong lúc ấy, Phao-lô đã thực hiện hai khám phá đáng ngạc nhiên: Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống, và Ngài hiệp nhất với dân Ngài đến nỗi hoạn nạn của họ là hoạn nạn của Ngài! Phao-lô đang bắt bớ không chỉ Hội Thánh, mà còn Đấng Mê-si-a của ông!

Đáng khích lệ biết bao khi biết rằng Đức Chúa Trời bằng ân điển Ngài phán với những người là kẻ thù Ngài. Đức Chúa Trời đã đối phó với Phao-lô, nhưng Phao-lô đã kháng cự với Ngài, đá lại “những gậy nhọn”. “Những gậy nhọn” này là gì? Chắc chắn là lời chứng và sự chết của Ê-tiên, cộng với sự làm chứng trung tín của các thánh đồ những người đã chịu khổ bởi Phao-lô. Có lẽ Phao-lô cũng đã vật lộn với sự rỗng tuếch và yếu đuối của luật pháp. Dù giờ đây ông có thể nói mình “không chỗ trách được” trong hạnh kiểm và lương tâm (Phi 3:6 Cong 23:1), nhưng trong chính lòng ông,

ông chắc chắn biết mình trở nên thiếu kém ra sao về việc đáp ứng những tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời (Ro 7:7-16).

Từ “chức việc” trong c.16 nghĩa là “một người chèo bên dưới” và chỉ về một đầy tớ thấp hèn trên một con thuyền lao dịch. Phao-lô đã quen làm một lãnh đạo được tôn trọng, nhưng sau khi qui đạo ông đã trở thành một người làm việc cấp dưới, và Chúa Giê-xu Christ trở thành chủ nhân của ông. Chúa đã hứa sẽ ở với Phao-lô và bảo vệ ông. Ngài cũng hứa sẽ bày tỏ Ngài cho ông. Phao-lô thấy Chúa trên đường Đa-mách, và ba năm sau ông gặp Ngài lần nữa trong lúc ở đền thờ (22:17-21). Sau đó, Chúa đã hiện ra cho ông ở thành Cô-rinh-tô (18:9) và ở thành Giê-ru-sa-lem (23:11) và Ngài sẽ hiện ra cho ông lần nữa.

Chắc chắn đó là một ngạc nhiên cho Phao-lô sau sự qui đạo của ông khi nghe rằng Chúa sẽ sai ông đến dân ngoại. Ông đã có một tình yêu lớn đối với dân mình và sẽ sung sướng sống chết để thu phục họ cho Đấng Christ (Ro 9:1-3), nhưng đó không phải là kế hoạch của Đức Chúa Trời.

Câu 18 mô tả tình trạng thuộc linh của kẻ hư mất lẫn sự chu cấp nhân từ của Đấng Christ cho những ai sẽ tin. Bạn sẽ tìm thấy những câu tương tự trong Es 35:5 42:6 và 61:1. Tội nhân hư mất giống như một tù nhân mù loà trong tù ngục tăm tối, và chỉ có Đấng Christ mới có thể mở mắt người ấy và ban cho người ánh sáng cùng sự tự do (IICo 4:3-6). Nhưng ngay cả sau khi người ấy được trả tự do, hồ sơ toà án và tội lỗi của người ấy thì sao? Chúa tha thứ tội lỗi ông và xoá sạch hồ sơ ông! Rồi Ngài đưa ông vào gia đình Ngài như chính con Ngài và chia cho ông gia tài!

Tội nhân phải làm gì? Người ấy phải tin nhận Chúa Giê-xu Christ (“đức tin ở trong ta” – Cong 26:18). Phao-lô phải đánh mất tôn giáo mình để được sự cứu rỗi! Trong chốc lát ông đã khám phá rằng tất cả sự công bình của ông chỉ là chiếc áo nhớp trước mặt Đức Chúa Trời, và ông cần sự công bình của Đấng Christ (Es 64:6).

d. *“Tôi đã không bất tuân”* (Cong 26:19-21). Khi Phao-lô hỏi: “Lạy Chúa, Ngài bảo tôi làm gì?” (9:6), ông muốn nói điều đó thật lòng, và khi Chúa bảo ông, ông vâng lệnh tức thì. Ông bắt đầu ngay tại Đa-mách và điều đó gần như phải trả giá bằng mạng sống của ông (9:20-25). Tương tự như vậy, khi ông làm chứng cho dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, họ đã tìm cách giết ông (9:29-30). Mặc cho những sự nản lòng và nguy hiểm liên tục, Phao-lô cứ vâng theo sự kêu gọi và khái tượng mà Chúa Giê-xu Christ đã bày tỏ cho ông. Không điều gì lay chuyển ông! (20:24). Trong Cong 26:21, Phao-lô giải thích rõ cho A-c-ríp-ba và Phê-tu điều gì thật sự đã xảy ra trong đền thờ và tại sao nó xảy ra. Đó là vì những việc này” mà Phao-lô đã bị tấn công và chút nữa bị giết chết. Lời tuyên bố của ông rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét vẫn sống và là Đấng Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên, chức vụ của ông cho dân ngoại, và sự mời gọi của ông về những phước hạnh của giao ước Đức Chúa Trời đối với dân Do Thái lẫn dân ngoại dựa trên cùng những điều kiện về sự ăn năn và đức tin (20:21). Sự hãnh diện của những người Y-sơ-ra-ên theo chủ nghĩa dân tộc không liên quan gì đến một người Do Thái là người đối xử dân ngoại như dân Do Thái!

e. *“Tôi tiếp tục cho đến ngày nay”* (Cong 26:22-32). Có một khởi đầu tuyệt vời, với những khái tượng và những tiếng phán là một chuyện, nhưng cứ tiếp tục tiến, đặc biệt khi đường đi gồ ghề lại là một chuyện khác. Sự kiện Phao-lô đã tiếp tục là chứng cứ về sự qui đạo của ông và là bằng chứng về sự thành tín của Đức Chúa Trời. Ông đã



được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời và được ban năng lực để hầu việc bởi ân điển Đức Chúa Trời (ICo 15:10).

Một từ tóm tắt tốt nhất đời sống và chức vụ của Phao-lô là “làm chứng” (Cong 26:16). Đơn giản là ông đã chia sẻ với người khác điều ông đã học và kinh nghiệm trong tư cách một người theo Chúa Giê-xu Christ. Sứ điệp của ông không phải là điều ông tạo ra, vì nó dựa cách vững chắc trên Kinh Cựu Ước. Chúng ta phải tự nhắc chính mình rằng Phao-lô và các sứ đồ khác chưa có Kinh Thánh Tân Ước nhưng đã sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước để dẫn dắt tội nhân đến Đấng Christ và nuôi dưỡng những tân tín hữu.

Câu Cong 26:23 là một tóm tắt về Phúc Âm (ICo 15:3-4) và mỗi phần có thể được xác nhận từ kinh Thánh Cựu Ước. Ví dụ, hãy xem Es 52:13-53:12 và Thi 16:8-11. Phao-lô thậm chí đã có thể bênh vực cho sự kêu gọi của ông đến với dân ngoại từ Es 49:6 (Cong 13:47). Chúa Giê-xu không phải là người đầu tiên được khiến sống lại từ cõi chết, nhưng Ngài là người đầu tiên được khiến sống lại từ cõi chết và không bao giờ chết nữa. Ngài là “trái đầu mùa của những kẻ ngủ” (ICo 15:20).

Trong sứ điệp ở đền thờ, khi Phao-lô nói đến từ dân ngoại, đám đông vùng dậy (Cong 22:21-22). Đó là từ Phao-lô đã nói khi Phê-tu phản ứng và lớn tiếng tố cáo Phao-lô bị lãng trí. Kỳ lạ làm sao khi Phê-tu không nghĩ rằng Phao-lô thật lãng trí khi ông bắt bớ Hội Thánh! (26:11). Không ai gọi D.L.Moody là điên khi ông năng nổ bán giày và kiếm tiền, nhưng khi ông bắt đầu thu phục linh hồn, người ta đã cho ông biệt danh “Moody điên khùng”. Đây không phải là lần đầu tiên Phao-lô bị gọi là “điên khùng” (IICo 5:13), và ông chỉ đang đi theo những bước chân của Chủ mình (Mac 3:20-21 Gi 10:20).

Phao-lô đang nói với vua A-c-ríp-ba, nhưng sự ngắt lời đầy xúc động của quan tổng đốc buộc ông phải đáp lại. Ông nhắc cho Phê-tu rằng những sự kiện về chức vụ của Chúa Giê-xu Christ, bao gồm sự chết và sự sống lại của Ngài, đã được người ta biết công khai và “đã không được thực hiện ở một nơi bí mật”. Toà Công luận Do Thái có liên quan và quan tổng đốc Rô-ma, Phi-lát cũng vậy. Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét từng là một nhân vật nổi tiếng giữa công chúng ít nhất là ba năm, và đông đảo quần chúng đã theo Ngài. Vậy làm sao quan tổng đốc có thể nói rằng không biết gì?

Phê-tu đã không cắt lời vì ông thật sự nghĩ Phao-lô bị lãng trí. Nếu trường hợp là vậy, ông sẽ đối xử Phao-lô nhẹ nhàng và ra lệnh một số lính canh của ông hộ tống người đến một nơi tạm trú và an toàn. Hơn nữa, có quan chức nào lại gọi đi một người lãng trí điên dại để chịu xét xử trước hoàng đế? Không, quan tổng đốc chỉ đang đưa ra bằng chứng về sự kết tội trong lòng ông. Những lời nói của Phao-lô đã bắt được biểu hiện của họ, và Phê-tu tìm cách thoát ra.

Nhưng Phao-lô không quên vua A-c-ríp-ba, một người Do Thái là chuyên gia về nhiều vấn đề. Khi Phao-lô hỏi A-c-ríp-ba có tin các tiên tri không, ông đã buộc vua giữ một lập trường., Chắc chắn vua sẽ không chối bỏ điều mà mọi người Do Thái đã tin! Nhưng A-c-ríp-ba biết rằng nếu ông khẳng định niềm tin mình nơi các tiên tri, vậy ông phải đối diện với câu hỏi: “Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét có phải là người mà các tiên tri đã viết về Ngài không?”

Phê-tu né tránh quyết định bằng cách cáo Phao-lô bị lãng trí. Vua A-c-ríp-ba lẩn tránh câu hỏi của Phao-lô (và tình thế nan giải được trình bày) bằng cách áp dụng một thái độ cấp trên và xem thường sự làm chứng của Phao-lô. Sự trả lời của ông



trong c.28 có thể được nói: “Phải chăng người nghĩ rằng trong một thời gian ngắn như thế với ít lời như thế, người có thể thuyết phục ta trở thành một Cơ Đốc nhân sao?”. Có lẽ ông đã nói với một nụ cười tự mãn trên gương mặt và cái cười khẩy trong giọng nói. Nhưng ông đã phán lệnh chết của chính mình (Gi 3:18-21,36).

Phao-lô đã lịch sự trong lời đáp của ông. “Cầu xin Đức Chúa Trời, chẳng kíp thì chầy, không những một mình vua, nhưng hết thầy mọi người nghe tôi hôm nay đều trở nên như tôi, chỉ trừ bỏ xiềng này thôi” (Cong 26:29). Phê-tu và Ạc-ríp-ba biết rằng tù nhân của họ có một sự quan tâm đầy thương xót đối với họ, và họ không thể dễ dàng thoát khỏi sự thách thức của ông. Việc tốt nhất để làm là chấm dứt việc nghe, vì vậy đứng dậy, và điều này cho mọi người biết rằng cuộc yết kiến đã kết thúc.

Cả Ạc-ríp-ba lẫn Phê-tu đã tuyên bố rằng Phao-lô vô tội về bất cứ tội lỗi đáng chết nào. Lu-ca tiếp tục thu thập những lời tuyên bố chính thức này để độc giả của ông sẽ hiểu rằng Phao-lô là người vô tội (16:35-40 18:12-17 23:29 25:25). Thật ra, Phao-lô có thể đã được trả tự do, nếu ông không kêu nài lên Sê-sa. Phải chăng ông đại dột trong việc thực hiện sự kêu nài của mình? Không, ông không đại dột vì chính sự kêu nài Sê-sa cuối cùng đã chấm dứt những lời tố cáo liên tục của các chức sắc Do Thái. Họ biết mình không thể thành công trong việc chống lại Rô-ma.

Điều mà Ạc-ríp-ba và Phê-tu đã không hiểu đó là Phao-lô đã làm quan án và họ là những tù nhân trong cuộc xét xử. họ đã được chỉ cho ánh sáng và con đường đến sự tự do, nhưng họ cố tình nhắm mắt lại và quay về với tội lỗi mình. Có lẽ họ đã cảm thấy nhẹ nhõm rằng Phao-lô sẽ đến Rô-ma và không làm phiền họ nữa. Cuộc xét xử đã xong, nhưng sự tuyên án của họ vẫn phải đến, và nó sẽ đến.

Một điều thật kỳ diệu đó là dịp tiện để tin nhận Chúa Giê-xu và được cứu! Một điều thật khủng khiếp đó là việc lãng phí dịp tiện đó và có lẽ không bao giờ có dịp tiện khác.

Cong 26:1-32; Xem phần giải nghĩa chung với Cong 25:23-27

## **22. PHAO-LÔ ĐẾN RÔ-MA (Cong 27:1-28:31)**

“Tôi cũng phải thăm thành Rô-ma nữa!”. Đó là những lời của Phao-lô trong chức vụ ông ở thành Ê-phê-sô (19:21), và ông đã không nhận biết mọi điều sẽ xảy đến cho mình trước khi ông sẽ đến kinh thành: sự bắt giữ bất hợp pháp, những cuộc xét xử của người Rô-ma và người Do Thái, sự giam giữ và thậm chí sự đắm tàu. Từ lâu ông muốn giảng Phúc Âm ở Rô-ma (Ro 1:14-16) và sau đó tiếp tục ở Tây-ban-nha (Ro 15:28), nhưng ông đã không đặt kế hoạch để ra đi như một tù nhân. Qua mọi việc đó, Phao-lô đã tin cậy lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ làm chứng ở Rô-ma (23:11) và Chúa đã hiểu rõ ông.

Tại sao Lu-ca dành một phân đoạn dài như thế trong sách ông cho việc mô tả về một chuyến đi biển và sự đắm tàu? Chắc chắn ông đã có thể tóm tắt câu chuyện cho chúng ta! Nhưng Lu-ca là một nhà văn lành nghề, được Thánh Linh Đức Chúa Trời thần cảm, và ông biết mình đang làm gì. Trước hết, sự tường thuật lý thú này quân bình những bài nói chuyện mà chúng ta đã đọc và đem đến kịch tính hơn trong sự tường thuật. Cũng vậy, Lu-ca là một sử gia xác thực trình bày những sự kiện quan trọng về người anh hùng của ông và chuyến đi biển đến Rô-ma của người.

Nhưng có lẽ mục đích chính được Lu-ca ghi nhớ là việc giới thiệu Phao-lô với tư cách là nhà lãnh đạo can đảm ông đã có thể nắm quyền điều khiển một tình thế khó khăn trong một thời điểm khủng hoảng lớn. Những thế hệ tương lai sẽ yêu mến và cảm kích Phao-lô hơn nữa về những việc ông đã làm trên đường đến Rô-ma.

Từ thời xa xưa, các nhà văn đã phác họa đời người như một hành trình hay một chuyến đi biển. tác phẩm “Pilgrim’s Progress” (Thiên lộ lịch trình) của John Bunyan được dựa trên chủ đề này, và tác phẩm “Homer’s Odyssey” cũng vậy. Đôi khi chúng ta dùng phép ẩn dụ “chuyến đi biển” trong giao tiếp hằng ngày: “thuận buồn xuôi gió!” hay “coi chừng chìm xuống!” hoặc “chìm hoặc bơi!”. Khi một Cơ Đốc nhân chết, chúng ta có thể đã nói, “bà ấy đã đến bờ bên kia”. Bác sĩ Lu-ca chắc chắn không viết một lời bóng gió, nhưng ông đã sử dụng sự kiện này để cho thấy cách đức tin một người có thể tạo ra một khác biệt lớn cho người ấy và những người khác ra sao?” trong những cơn bão tố của cuộc đời”. Thật là một sự khích lệ cho đức tin của chúng ta!

Trong hành trình đến Rô-ma của Phao-lô, chúng ta thấy vị sứ đồ cao trọng này qua 4 vai trò quan trọng.

### **1. Phao-lô người cố vấn (Cong 27:1-20).**

Lu-ca đã không kể chính ông từ Cong 21:18 nhưng giờ đây ông đã hiệp với Phao-lô và A-ri-tạc (19:29 20:2,4) trong chuyến đi đến Rô-ma có thể Lu-ca cho phép theo Phao-lô như vị bác sĩ riêng... và A-ri-tạc được đi với tư cách người hầu riêng của Phao-lô. Chắc Phao-lô đã cảm tạ Đức Chúa Trời biết bao về những người bạn trung tín của ông, những người đã hy sinh sự tự do của mình, và thậm chí đã liều mạng để ông có thể được sự giúp đỡ ông cần. Không có bằng chứng nào cho thấy cả hai người này đã bị bắt, nhưng Phao-lô đã nhắc đến A-ri-tạc như một “bạn tù” (Co 4:10). Điều này có thể chỉ về một sự giam cầm tự nguyện của người ấy để giúp đỡ Phao-lô.

Phao-lô không phải là tù nhân duy nhất bị Giu-lor và thuộc hạ đưa đến Rô-ma, vì đã có “những tù nhân khác” cùng với họ. Từ Hy Lạp nghĩa là “những người khác thuộc loại khác” và có thể gợi ý rằng không như Phao-lô, những người này sẽ đến Rô-ma để chết chứ không hầu tòa. Quả là sự may mắn khi họ gặp Phao-lô người có thể nói cho họ biết cách đến Thiên đàng khi họ chết!

Thầy đội tìm thấy một chiếc tàu ven biển rời Sê-sa-rê, nên họ lên tàu và đi suốt 80 dặm từ Sê-sa-rê đến Si-đôn trong một ngày. Ở Si-đôn, Phao-lô được phép viếng thăm bạn hữu và sắp xếp những thứ cần thiết cho chuyến đi dài. Lu-ca ghi lại sự tử tế của một quan chức Rô-ma đối với Phao-lô (Cong 24:23), cũng như sự khích lệ của những tín đồ vô danh ở Si-đôn. Tên họ ở trong sách của Đức Chúa Trời và ngày nào đó họ sẽ được phần thưởng (Phi 4:3).

Từ Si-đôn đến Myra, hành trình trở nên khó khăn vì có gió tây. Tại Myra, Giu-lor một quan chức Rô-ma, thấy một chiếc tàu sẽ đi I-ta-li, vì vậy ông bỏ chiếc tàu chạy chậm hơn và đưa Phao-lô cùng những người khác lên chiếc tàu lớn chở lúa thóc này đến từ Ai Cập chứa 276 hành khách (Cong 27:37-38). Rô-ma nhờ nơi Ai Cập để được sự cung cấp lúa gạo, và chính quyền Rô-ma đã quan tâm đặc biệt những người đi những chiếc tàu này.

Những cơn gió mạnh lại ngăn trở cuộc hành trình của họ nên cần “nhiều ngày” để đi 130 dặm từ My-ra đến Cơ-nít. Bấy giờ hoa tiêu lái đi hướng nam-tây nam đến đảo

Cơ-rét, đi qua Sa-môn và cuối cùng cố gắng vào Mỹ cảng. Đó là một hành trình đi biển khó khăn nhất, một điềm báo những điều không lành sắp đến.

Thầy đội giờ đây phải quyết định hoặc trú đông tại Mỹ cảng hoặc giương buồm và cố gắng đến cảng Phê-nít (Phê-ni-si-a, Cong 27:12) ở bờ biển phía nam đảo Cơ-rét, cách khoảng 40 dặm. Cách thăm dò của ông để thực hiện quyết định này là một minh hoạ Kinh điển về cách không xác định ý chỉ của Đức Chúa Trời.

Phao-lô khuyên họ ở lại Mỹ cảng. Họ đã chạm trán những cơn gió ngược, và giờ đây nó là khởi đầu mùa bão. “Kỳ kiêng ăn” chỉ về Ngày chuộc tội, rơi vào tháng 9/10 và mọi thủy thủ đều biết rằng sự đi biển rất khó khăn từ giữa tháng 9 đến giữa tháng 11, và không thể thực hiện được từ giữa tháng 11 đến tháng 2.

Câu Cong 27:10 nghe rất giống một lời tiên tri mà chúng ta có khuynh hướng tin Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô một linh cảm về sự nguy hiểm. Phao-lô đã từng trải qua ba nạn đắm tàu (II Co 11:25), vì vậy ông chắc chắn đang nói từ kinh nghiệm. (Từ Hy Lạp được dịch là “cảm thấy” trong Cong 27:10 có nghĩa “cảm thấy từ kinh nghiệm trong quá khứ). Tuy nhiên, những người hữu trách đã đánh giá thấp lời cảnh cáo của Phao-lô, một thái độ mà họ đã sống để hối hận.

Những yếu tố nào đã điều khiển quyết định của Giu-lơ? Trước hết, Mỹ cảng không phải là nơi tiện lợi để cập bến vì nó quá trống trải để đón nhận những cơn bão mùa đông. Phê-lít có một bến cảng kín gió hơn. Giu-lơ cũng lắng nghe “lời khuyên chuyên môn” của hoa tiêu và thuyền trưởng (“người lái tàu và chủ tàu”) chiếc tàu. Họ khuyên rằng tàu tiến thẳng đến Phê-lít càng nhanh càng tốt. Chắc chắn họ có thể đi 40 dặm an toàn, và đã mất quá nhiều thời gian (Cong 27:9). Khi Giu-lơ tính tổng số phiếu, ba phiếu chống một đề nghị tàu giương buồm. Xét cho cùng, đa số không thể sai, đặc biệt khi nó bao gồm những chuyên gia!

Nhưng cuộc tranh luận dứt điểm đã đến bằng sự thay đổi đáng khích lệ về thời tiết, vì gió nam bắt đầu thổi nhẹ, và đó chính là điều họ cần. Khi tàu rời bến, có lẽ Giu-lơ, hoa tiêu và thuyền trưởng đã mỉm cười vẻ khoan dung đối với Phao-lô và hai người bạn của ông như thể nói rằng “hãy xem, các anh sai rồi!”

Tuy nhiên, không lâu trước khi Phao-lô được chứng minh là đúng, vì “gió nhẹ” đã trở nên gió bão tố. Từ được dịch là dữ tợn cho chúng ta từ tiếng Anh Typhoon (bão). Các thủy thủ đã gọi cơn gió đặc biệt này là gió “Ơ-ra-qui-lôn”, một từ ghép tiếng Hy Lạp và La-tinh có nghĩa là “gió đông bắc”. Thủy thủ đoàn đã phải để tàu trôi giạt vì họ không thể lái tàu, và cơn gió làm tàu bạt đi 23 dặm về hướng nam, đến hòn đảo Cơ-lô đa. Ở đây các thủy thủ đã kéo vào chiếc thuyền nhỏ đã được lôi phía sau các tàu lớn, để không bị mất thuyền hoặc thuyền bị xô ngược vào tàu và gây thiệt hại.

Khi cơn bão trở nên dữ dội hơn, thủy thủ đoàn đã làm hết khả năng để giữ con tàu nổi. Họ ràng dây thừng (hoặc dây xích) quanh thân tàu để tàu không bị vỡ ra và họ đã hạ một số buồm. Ngày thứ hai, họ bắt đầu quăng lúa thóc xuống biển, và ngày thứ ba họ vớt đồ đạc xuống biển (chú ý cách Lu-ca sử dụng “chúng ta” trong Cong 27:19). Vì cơn bão, họ không thể nhìn thấy mặt trời hay ngôi sao, nên không thể xác định vị trí mình. Tình cảnh dường như vô vọng, và tất cả đã xảy ra vì một người không lắng nghe sứ giả của Đức Chúa Trời.

Đôi khi chúng ta tự đưa mình vào những cơn bão vì những lý do tương tự: sự thiếu kiên nhẫn (Cong 27:9) chấp nhận lời khuyên chuyên môn nghịch với ý muốn Đức Chúa

Trời, theo đa số, và tin tưởng những điều kiện “lý tưởng” (Cong 27:13). “Ai tin sẽ chẳng gặp rút” (Es 28:6). Cần phải lắng nghe Lời Đức Chúa Trời.

## 2. Phao-lô người khích lệ (Cong 27:21-44)

Joseph Parker đã nói: “Phao-lô đã khởi đầu như một tù nhân, ông kết thúc như thuyền trưởng”. Phao-lô đã “điều khiển” tình thế khi rõ ràng không ai khác biết phải làm gì. Một cơn khủng hoảng không tạo nên một con người một cơn khủng hoảng bày tỏ một người được dựng nên từ cái gì, và nó đem đến sự lãnh đạo thật nổi bật Phao-lô nhẹ nhàng quở trách thầy đội, hoa tiêu và thuyền trưởng về việc phớt lờ lời cảnh cáo của ông. Chẳng bao lâu họ sẽ khám phá rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ tất cả họ chỉ vì Phao-lô.

Hãy xem xét bốn chức vụ của Phao-lô về sự khích lệ hành khách và thủy thủ đoàn.

- **Ông chia sẻ Lời Đức Chúa Trời với họ** (Cong 27:22-26). Một sứ giả của Chúa đã viếng thăm Phao-lô và cho ông biết rằng tàu và hàng hoá sẽ bị mất, nhưng tất cả hành khách sẽ được sống và tấp lên một hòn đảo. Một lần nữa, Chúa đã ban cho ông một lời khích lệ đặc biệt đúng lúc (18:9-10 23:11). Ngày nay dường như chúng ta không có những khái tượng, nhưng chúng ta có những lời hứa trong Lời Ngài để khích lệ chúng ta (Ro 15:4 Es 41:10 43:1-5). Chính vì có Phao-lô mà Đức Chúa Trời đã làm điều này, chính đức tin của Phao-lô mà Đức Chúa Trời đã tôn trọng. Ông quả là một lời chứng đối với mọi người trên con tàu bị sóng gió vùi dập này!

- **Ông cảnh cáo họ** (Cong 27:27-32). Suốt hai tuần họ ở trên biển, con tàu đã bị trôi dạt 500 dặm lạc hướng và giờ đây lênh đênh ở biển Adrian (hiện nay nó được gọi là biển Ionian và đừng nhầm lẫn với biển A-đờ-ra-tích). Khi thủy thủ đoàn tiến hành thăm dò, họ phát hiện mực nước đã trở nên cạn hơn (từ 120 bộ đến 90 bộ), cho thấy đất liền ở gần. Từ tiếng gầm của sóng biển, có vẻ như con tàu hướng về những tảng đá.

Để giữ cho mũi tàu hướng về phía bờ, một số người của thủy thủ đoàn đã thả bốn neo từ phía đuôi tàu. Nhưng những người khác trong thủy thủ đoàn đã tìm cách thoát khỏi tàu vào chiếc tam bản đã được mang theo trên tàu (Cong 27:16). Đây không chỉ là một hành động ích kỷ và là cuộc nổi loạn của họ, mà còn là một hành động vô tín. Phao-lô đã cho mọi người biết lời hứa của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ giữ an toàn tất cả những ai đi biển với ông trong hành trình này (Cong 27:24). Đối với những người này, bỏ con tàu là cầm mạng sống họ trong chính tay họ và đe dọa mạng sống của người khác. Liệu quân lính có hành động khôn ngoan hay không trong việc thả trôi chiếc tam bản thật khó xác định, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, bạn tiến hành biện pháp khẩn cấp.

- **Ông nêu một gương tốt trước mặt họ** (Cong 27:33-38). Thật là một khác biệt khi một người có đức tin nơi Đức Chúa Trời! Thay vì ao ước hão huyền về một thay đổi (27:29) hoặc tìm phương trốn thoát một cách ích kỷ (27:30), Phao-lô sẵn sàng cho những đòi hỏi lúc rạng đông. Không khó để hiểu vì sao mọi người đã nhịn ăn hai tuần lễ ấy, nhưng giờ đây là lúc để ăn. Chăm sóc sức khoẻ là một phần quan trọng của đời sống Cơ-đốc, và ngay cả một sứ đồ cũng không được ngược đãi thân thể mình.

Phao-lô cầm bánh và công khai cầu nguyện cùng dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời (Đây là một gương tốt cho chúng ta noi theo khi chúng ta ăn ở những nơi công cộng). Tấm gương của ông đã khích lệ người khác tham gia với ông, và chẳng bao lâu mọi

người cảm thấy dễ chịu hơn. Có những lúc khi một tín đồ tận tụy có thể thay đổi toàn bộ không khí của một tình thế, đơn giản bằng cách tin cậy Đức Chúa Trời và khiến đức tin đó rõ ràng cho người ta thấy được.

-**Ông đã cứu họ** (Cong 27:39-44). Đến sáng, viên hoa tiêu xem xét vị trí của họ và cố gắng hết sức để đưa tàu vào bờ. Nhưng tất cả đều vô hiệu con tàu bị mắc cạn và sóng biển bắt đầu đánh tan nát đuôi tàu. Việc duy nhất mà các hành khách có thể làm là nhảy xuống nước và lội vào đất liền.

Dĩ nhiên, quân lính quan tâm về các tù nhân của họ, vì nếu một tù nhân trốn thoát, người lính bị xem là phải chịu trách nhiệm và có thể bị giết. Một lần nữa, chính Phao-lô là người mà sự hiện diện của ông đã cứu mạng họ. Như Chúa đã hứa, tất cả họ được bình an vào bờ, và không một ai mất mạng. Tôi có cảm giác rằng Phao-lô đã chia sẻ Phúc Âm với các bạn tàu của ông và một số người đã tin nơi Chúa như một kết quả của kinh nghiệm này. Lu-ca không trình bày chi tiết cho chúng ta, nhưng bạn nghĩ Phao-lô sẽ làm khác đi sao?

Trước khi rời khỏi phân đoạn lý thú này của Công vụ, chúng ta nên chú ý một số bài học thực tiễn mà nó dạy chúng ta. Trước hết, những cơn bão tố thường đến khi chúng ta bất tuân ý muốn Đức Chúa Trời – (Giô-na là một gương điển hình về lẽ thật này). Tuy nhiên, không phải Phao-lô là người thiếu sót, nhưng là thầy đội có trách nhiệm về con tàu. Đôi lúc chúng ta chịu khổ vì sự vô tín của kẻ khác.

Thứ hai, những cơn bão tố thể hiện một lối bày tỏ tính cách. Một số thủy thủ đã ích kỷ tìm cách trốn thoát, những người khác chỉ có thể hy vọng điều tốt đẹp nhất, nhưng Phao-lô tin cậy Đức Chúa Trời và vâng theo ý muốn Ngài.

Thứ ba, cả những cơn bão dữ dội nhất cũng không thể che khuất được gương mặt Đức Chúa Trời hay ngăn trở những mục đích của Đức Chúa Trời Phao-lô đã nhận được lời bảo đảm họ cần, và Đức Chúa Trời đã tế trị để tô tía Ngài đến Rô-ma an toàn.

Cuối cùng, những cơn bão có thể cho chúng ta những dịp tiện phục vụ người khác và làm chứng cho Chúa Giê-xu. Phao-lô đã là người có giá trị nhất trên con tàu đó! Ông biết cách cầu nguyện, ông có đức tin nơi Đức Chúa Trời, và ông ở trong sự tương giao với Đấng toàn năng.

### **3. Phao-lô người giúp đỡ (Cong 28:1-10)**

Đức Chúa Trời đã đưa họ đến cù lao Man-tơ (có nghĩa là “nơi ẩn náu”), nơi mà thổ dân đã tiếp đón tất cả 276 người và cố gắng hết khả năng để làm cho họ được tiện nghi. Đối với người Hy Lạp, bất cứ ai không nói tiếng Hy Lạp đều là một “người dã man”. Những người này đã tỏ ra tử tế và đầy thông cảm. Cơn bão đã dịu đi, nhưng thời tiết lạnh, nên thổ dân nhóm một đống lửa.

Sau tất cả mọi điều đã làm cho các hành khách, Phao-lô lẽ ra đã có thể đề nghị một chiếc ngai và nhất định rằng mọi người phải hầu việc ông! Trái lại, ông đã dự phần mình vào công việc và giúp thu lượm nhiên liệu nhóm lửa. Không có nhiệm vụ nào quá nhỏ bé đối với vị đầy tớ của Đức Chúa Trời là người có “tâm tình của Đấng Christ” (Phi 2:1-13).

Một ngày đổ mưa nọ, hai phụ nữ cùng đi với một người đàn ông đã đến Northfield, hy vọng ghi tên con gái ông vào trường của D.L.Moody dành cho thiếu nữ. Ba người



cần được giúp đỡ trong việc đem hành lý của họ từ ga xe lửa đến khách sạn vì vậy người khách “gọi” một người đàn ông có vẻ khá bình thường với một con ngựa và xe ngựa, cho rằng ông là người đánh xe ngựa ở địa phương. “Người đánh xe ngựa” nói ông đang đợi các sinh viên, nhưng người khách ra lệnh cho ông đưa họ đến khách sạn. Người khách ngạc nhiên khi người đánh xe không lấy tiền và ông ta càng sửng sốt hơn khi khám phá rằng “người đánh xe ngựa” chính là D.L.Moody! Moody là một lãnh đạo bởi vì ông biết cách làm một đầy tớ.

Tình tiết về con rắn nhắc chúng ta nhớ đến kinh nghiệm của Phao-lô ở thành Lít-tơ (14:6-18). Trước tiên, dân chúng nghĩ rằng công lý, một trong những nữ thần của họ, đã đuổi kịp tù nhân nổi tiếng này là người bị xem là chết đuối ở biển nhưng bằng cách nào đó đã thoát được. (Giá mà họ biết!). Khi Phao-lô không bị sừng lên và chết, họ xác định rằng ông phải là một vị thần! Đó là những lý luận của những người xét đoán bởi bề ngoài.

Con rắn có phải là vũ khí của Sa-tan để tiêu diệt Phao-lô? Con bão đã không nhấn chìm ông, nhưng một cái bẫy kín đáo có thể bẫy được ông. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta phải luôn cảnh giác, vì con rắn hoặc sự tử sẽ tấn công chúng ta (II Co 11:3 I Phi 5:8). Chúng ta cũng phải nhớ rằng mình đang được quan sát, và chúng ta phải sử dụng mọi dịp tiện để ngợi khen Đấng Christ.

Phao-lô và những người cùng đi ở lại cù lao Man-tơ ba tháng, và nhờ Phao-lô, họ được đối đãi cách nhân từ và được gửi những món quà rời rộng lúc họ ra đi. Vì họ đã mất mọi thứ trong nạn đắm tàu, các hành khách biết ơn khi có những nhu cầu được đáp ứng. Lu-ca không nói gì về sự rao giảng Phúc Âm trên đảo, nhưng chúng ta phải tin rằng Phao-lô đã chia sẻ Phúc Âm với bất cứ ai lắng nghe. Sự kiện ông được giải cứu kỳ diệu khỏi biển cả và khỏi con rắn, cùng quyền năng chữa bệnh của ông, chắc chắn sẽ khuấy động sự quan tâm của dân chúng, và Phao-lô sẽ muốn dành sự vinh hiển cho Chúa (Mat 5:16).

#### **4. Phao-lô người rao giảng (Cong 28:11-31)**

Có phải tất cả 276 người đã lên con tàu ở A-léc-xan-tri, hay chỉ Giu-lơ cùng lính canh của ông và các tù nhân, chúng ta không biết. Chúng ta cũng không biết vì sao Lu-ca thận trọng như vậy để nhận diện con tàu. Trong thần thoại Hy Lạp, “Castor và Pollux” là tên của hai con trai song sinh của Thần Dớt và được tôn kính như những thần bảo hộ của những người trên biển. Nhiều chiếc tàu Rô-ma đã mang hình ảnh của họ như một sự nài xin sự an toàn. Mất 80 dặm đến thành Sy-ra-cu-sơ, 70 dặm nữa đến thành Rê-gi-um, và khoảng 180 dặm đến thành Bu-xô-lơ, cảng của thành phố Naples (Nam Ý-ta-li). Thời gian này “gió nam” chính xác là điều họ cần để khiến hành trình nhanh chóng và an toàn.

Ở Bu-xô-lơ Phao-lô và các bạn ông, đi theo Giu-lơ và các tù nhân khác cùng với lính canh, được các tín đồ nài nỉ ở lại và nghỉ ngơi một tuần, và Giu-lơ đã đồng ý. Thầy đội biết rằng Phao-lô đã cứu mạng họ, và có lẽ ông thậm chí trở nên quan tâm về điều mà những Cơ Đốc nhân này đã đề nghị.

Có lời báo tin đến Rô-ma Phao-lô sẽ đến, thế nào chúng ta không biết, Có lẽ A-ri-tạc đã không đi với Phao-lô và Lu-ca trên chiếc tàu chở lúa thóc, nhưng thay vào đó đi đường bộ đến Rô-ma nơi ông gặp các bạn của Phao-lô (ít nhất 26 người được kể

tên trong Ro 16:1-27). Nếu không có lẽ một đoàn đại diện từ Sê-sa-rê đã đi thẳng đến Rô-ma ngay khi Phao-lô kêu nài lên Sê-sa.

Giu-ơ và những người cùng đi đã theo con đường Appian nổi tiếng và đi 125 dặm từ Bu-xô-lơ đến Rô-ma. Nhóm Cơ Đốc nhân thứ nhất đã gặp Phao-lô tại Phô-rum Áp-bi-u, cách Rô-ma khoảng 43 dặm, và nhóm thứ hai đã gặp ông tại Ba Quán gần thành 10 dặm. (Một số thánh đồ sẽ đi xa hơn những người khác!). Phao-lô được khích lệ vô cùng khi ông gặp họ cũng như ông có thể. Giờ đây ông có thể thông công với các thánh đồ và họ có thể là một phước hạnh đối với nhau.

Mối quan tâm lớn nhất của Phao-lô là sự làm chứng của ông cho dân Do Thái ở Rô-ma. Họ đã không nhận tin tức đặc biệt nào về Phao-lô, nhưng họ đã biết rằng “giáo phái Cơ-đốc” đang bị nói nghịch ở nhiều nơi (Cong 28:21-22). Khi bạn đọc thư Phao-lô gửi cho người Rô-ma, bạn có cảm tưởng rằng dân Do Thái ở Rô-ma không hiểu một số điều dạy dỗ của ông (Ro 3:8 14:1). Vị sứ đồ đã cho biết rõ rằng sự kêu nài lên Sê-sa của ông không nên bị giải thích như một cáo trạng nghịch lại quốc gia của ông. Thật ra, ông là một tù nhân danh quốc gia mình và “sự hy vọng của Y-sơ-ra-ên”.

Vào ngày đã hẹn, Phao-lô dành thời gian “từ buổi sáng đến chiều” giải thích Kinh Thánh và bày tỏ Đấng Christ qua luật pháp và các tiên tri. Ông đã “đối thoại” cách này với dân Do Thái trong nhà hội này đến nhà hội khác, và giờ đây ông đang chia sẻ Lời Chúa với các lãnh đạo của nhiều nhà hội ở Rô-ma.

Kết quả? Một số người tin và một số không tin. Khi các lãnh đạo Do Thái rời khỏi nhà Phao-lô, họ vẫn tranh cãi nhau! Nhưng Phao-lô đã trung tín làm chứng cho dân Do Thái ở Rô-ma, và giờ đây ông sẽ quay sang dân ngoại.

Phao-lô đã trích dẫn lời của Ê-sai cho những người này (Es 6:9-10), những lời mô tả tình trạng thuộc linh bi thảm của họ. Chúa Giê-xu đã sử dụng đoạn Kinh Thánh này nối tiếp với những ví dụ của Ngài về vương quốc (Mat 13:13-15 Mac 4:12 Lu 8:10). Sứ đồ Giăng trong sách Phúc Âm của ông đã áp dụng những lời ấy cho Y-sơ-ra-ên (Gi 12:39-40), và Phao-lô đã trích dẫn những lời ấy trong thư tín Rô-ma của ông (Ro 11:7-8). Lắng nghe là một chuyện và nghe là chuyện hoàn toàn khác. Và có một sự khác nhau giữa hiểu và lĩnh hội. Nếu có ai lẽ ra đã có sự hiểu biết thuộc linh, đó là các lãnh đạo Do Thái, nhưng lòng họ chậm hiểu và cứng cõi. Rất thường những ai hưởng các đặc quyền thuộc linh nhất đều không sẵn sàng khi họ phải thực hiện những quyết định thuộc linh.

Nhưng sự vô tín của họ đã kết thúc chức vụ về Phúc Âm của Phao-lô! Ông đã tuyên bố rằng Phúc Âm mà một số người Do Thái đã chối bỏ sẽ được rao cho dân ngoại, “và họ sẽ nghe Phúc Âm!” Đây là một trong những chủ đề chính của Công vụ, cách Phúc Âm đã đi từ dân Do Thái đến dân ngoại và từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma. nếu không có sách Công vụ chúng ta sẽ lật Kinh Thánh Tân Ước từ Phúc Âm Giăng đến thư Rô-ma và hỏi “Phúc Âm từ dân Do Thái ở Giê-ru-sa-lem đã từng đến với dân ngoại ở Rô-ma ra sao?”

Phao-lô đã để “nhà mở cửa” và tiếp bất cứ ai muốn thảo luận những điều về Vương quốc của Đức Chúa Trời. Ông đã bị xích với một lính canh là người được giải thoát mỗi 6 giờ đồng hồ, nhưng là người bị buộc phải lắng nghe khi Phao-lô rao giảng, dạy dỗ và cầu nguyện. Đương nhiên một số người đã được cứu! (Phi 1:12-14 4:22).

Suốt hai năm ở Rô-ma, Phao-lô đã viết thư tín Phi-líp, Ê-phê-sô, Cô-lô-se và Phi-lê-môn. Ông mong được tha ra (Phi 1:22 Phi 1:23-27 2:24) và đa số các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng ông đã được tha. Suốt thời gian này, ông có Ti-mô-thê ở cùng (Phi 1:1 2:19 Co 1:1) cũng như Giăng mác, Lu-ca, A-ri-tạc, Ê-pháp-ra, Giúc-tu và Đê-ma (Co 4:10-14 Phi 1:24). Ông cũng đã gặp người đầy tớ bỏ trốn của Phi-lê-môn là Ô-nê-sim và dẫn dắt người ấy đến đức tin trong Đấng Christ (Phi 1:10-21). Ép-ba-phô-đích đã đem đến cho ông một món quà từ Hội Thánh Phi-líp và suýt chết khi đang giúp đỡ Phao-lô (Phi 2:25-30 4:18). Ti-chi-cơ là “người đưa thư” của Phao-lô đã chuyển thư Ê-phê-sô (6:21), Cô-lô-se, và Phi-lê-môn (Co 4:7-9).

Bác sĩ Lu-ca đã kết thúc sách trước khi vụ kiện của Phao-lô được xử, nên ông không thể trình bày cho chúng ta những kết quả của cuộc xét xử. Chúng ta có mọi lý do để tin rằng Phao-lô thật đã được tha và ông đã tiếp tục chức vụ trở lại, có thể đi đến Tây-ban-nha (Ro 15:24,28). Suốt giai đoạn này (năm 63-66/67 SC), ông đã viết thư cho Ti-mô-thê và Tít. Ông đã để Tít ở lại Cơ-rét (Tit 1:5), Trô-phim đang ốm ở thành Mi-lê (IITi 4:20) và Ti-mô-thê ở Ê-phê-sô (ITi 1:3). Ông có kế hoạch thăm viếng một số người giúp đỡ ông ở thành Ni-cô-bô-li (Tit 3:12-13) sau khi ông đã thăm viếng một số Hội Thánh do ông thành lập. Bất cứ nơi đâu ông đi, ông tìm cách đem dân Do Thái và dân ngoại đến với đức tin trong Đấng Christ.

Ông đã bị bắt lần nữa, có thể khoảng năm 67, và lần này hoàn cảnh của ông đã thay đổi cách nghiêm trọng. Ông không sống trong nhà, nhưng bị xiềng trong ngục và bị đối xử như một tội phạm (IITi 1:16 2:9). Mùa đông sắp đến, ông yêu cầu Ti-mô-thê đem cho ông áo choàng (IITi 4:13). Nhưng điều buồn nhất về sự giam cầm lần thứ hai này là việc ông bị các tín đồ ở Rô-ma bỏ rơi (IITi 4:16-17). Vị sứ đồ cao trọng đối với dân ngoại đã bị bỏ bởi chính dân mà ông đã đến giúp đỡ.

Cả Đê-ma cũng bỏ rơi ông, và chỉ có Lu-ca ở cùng ông (IITi 4:10,11). Gia đình của Ô-nê-si-phô-rơ đã giúp cho những nhu cầu của ông (IITi 1:16-18), nhưng ông mong mỏi Ti-mô-thê và Mác đến ở với ông (IITi 1:4 4:9,21). Phao-lô biết rằng sự cuối cùng sắp đến (IITi 4:6-8). Truyền thống cho chúng ta biết rằng ông đã bị xử chém tại Rô-ma vào năm 67/68 SC.

Lu-ca đã không viết sách chỉ để ghi lại lịch sử cổ đại. Ông viết để khích lệ Hội Thánh ở mỗi thời đại trung tín với chúa và đem Phúc Âm đến đầu cùng trái đất. Charles Spurgeon đã nói: “Điều đã được bắt đầu bằng quá nhiều chủ nghĩa anh hùng phải được tiếp tục bằng sự sốt sắng nóng cháy, vì chúng ta tin chắc rằng chính Chúa toàn năng vẫn thực hiện những dự định trên trời của Ngài”.

“Này ta ở cùng các ngươi luôn”

Vậy, hãy bạo dạn!